



ENDO SHUSAKU

Nguyễn Văn Thục dịch

BÊN
DÒNG
SÔNG
HẰNG

Bên Dòng Sông Hằng

Shūsaku Endō

—★—

Nguyễn Văn Thục *dịch*

Nhà xuất bản Hội nhà văn

Nhã Nam *phát hành*

—★—

ebook@vctvegroup

*Chúa ơi!
Con muốn lội qua
Dòng sông sâu thẳm,
Đến nơi sum vầy.*

(Linh ca da đen)

CHƯƠNG MỘT

Trường hợp ông Isobe

Khoai nướng nóng hồi đây... Khoai nướng nóng hồi đây...

Mỗi khi ông Isobe nhớ lại lúc người bác sĩ báo cho biết vợ ông mắc phải bệnh ung thư vô phương cứu chữa, tiếng rao hàng phía ngoài khung cửa sổ phòng xét nghiệm hôm đó lại văng vẳng trong tai như đang chế giễu nỗi kinh hoàng của ông.

Giọng rao bu ồn tẻ của một người đàn ông vô tâm.

Khoai nướng nóng hồi đây... Khoai nướng nóng hồi đây...

- Cái ung nó nằm... ở đây này. Nó đang nhảy qua chỗ này nữa. - Ngón tay người bác sĩ từ từ bò trên tấm hình chụp X-quang như theo nhịp của tiếng rao ngoài kia; vẫn giọng đều đều, ông giải thích:

- Tôi nghĩ khó có thể dùng phẫu thuật được nữa. Chúng tôi sẽ thử dùng thuốc kháng ung thư và tia xạ...

- Thế nhà tôi còn sống được bao lâu nữa, thưa bác sĩ...? ' Ông Isobe nghẹn ngào hỏi.

Người bác sĩ không nhìn vào ông:

- Khoảng ba tháng, nhiều nhất là bốn.

- Nhà tôi có phải đau đớn nhiều không?

- Chúng tôi có thể dùng moócphin để làm giảm đau một phần nào đó.

Hai người yên lặng một lúc. Ông Isobe lại hỏi:

- Nhà tôi có nên dùng vắc-xin Maruyama, cả thuốc bắc nữa...?

- Được chứ! Ông cứ dùng bất cứ loại thuốc dân gian nào mà ông cho là có thể giúp cho bà nhà.

Cái kiểu người bác sĩ Tây y nhanh chóng tán thành đề nghị dùng thuốc bắc như thế, cho thấy bệnh tình của vợ ông thực sự vô phương cứu chữa.

Hai người lại rơi vào yên lặng. Ông Isobe không chịu đựng được nữa, đứng dậy. Người bác sĩ xoay người về phía tấm phim X-quang; chiếc ghế xoay kêu ken két khó chịu như báo cho ông biết về cái chết cận kề của vợ mình.

“Mình... đang mơ...” Ông Isobe nghĩ.

Trên đường đi ra thang máy, ông vẫn có cảm giác như không thực. Ông chẳng bao giờ nghĩ là vợ mình sẽ chết. Ông có cảm tưởng như đang xem một cuốn phim, thì đột nhiên người ta lại chiếu một phim khác lên màn ảnh.

Ông bu ồm b ả nhìn b ầu trời chi ều đông xám lạnh, vẫn còn tiếng rao bán khoai nướng ngoài kia: “Khoai nướng nóng hổi đây...” Ông b ả kho ản ki ểm câu nói dối với vợ. Ông nghĩ với tr ực gi ảc b ẻn nh ảy v ốn có của người b ẻnh, ch ảắc vợ ông s ẻ bi ểt ông ẳng to ản t ảnh g ỉ. Ông ng ẫ s ả xu ểng gh ẻ c ảnh thang máy. Có hai người y tá đi qua tr ước m ắ ẳ ông chuy ẻn trò vui v ẻ. Tuy họ làm vi ểc ở b ẻnh vi ển nh ững b ẻnh t ảt c ểng nh ững b ảt h ảnh xảy ra trong b ẻnh vi ển không làm m ắ ẳ đi v ẻ m ảnh kh ẻo, t ảoi tr ẻ của họ.

Ông h ắ ẳ m ồ ỉ thật s ảu, n ảm ch ả ẳ n ứm c ử ả phòng b ẻnh. Vợ ông ẳng ng ử, m ồ ỉ tay ẳ ẳ tr ẻn ng ửc.

Ông ng ẫ l ẻn chi ểc gh ẻ ẳc nh ắ ẳ trong phòng, và l ải m ồ ỉ l ản n ử ả, nghi ển ng ảm câu nói dối ông ẳ s ảp s ản trong ẳ ầu. Người vợ m ỏ m ắ ẳ bu ồm b ả, nhìn ch ểng m ỉnh, bà m ỉm c ườ ỉ y ểu ó ẳ:

- M ỉnh ẳ nói chuy ẻn với b ảc sĩ ch ử ả?

- R ẫ...

- B ảc sĩ... ẳ nói g ỉ với m ỉnh?

- B ảc sĩ nói là m ỉnh s ẻ ph ả ẳ n ảm vi ển m ồ ỉ th ờ ỉ gian nh ững s ẻ không quá ba ho ảc b ỏn th ảng, r ẫ m ỉnh s ẻ kh ẻo l ải. Vì v ảy m ỉnh ch ử ả kh ỏ m ồ ỉ ch ử ẳ.

Tự bi ểt m ỉnh nói dối không xu ểi, ông c ả m ắ ẳ nh ữ m ồ ỉ h ỏ ẳ ẳng r ỉn tr ẻn tr ản.

- V ảy ả...

Người vợ nhìn thẳng vào cái trán đẫm mồ hôi của ông. Ông thấy phải coi chừng trực giác bén nhạy của người bệnh.

- Như vậy là mình phải khổ trong ba bốn tháng trời!

- Mình đừng có nói vậy! Có gì đâu mà khổ!

Vợ ông lại mỉm cười. Từ trước đến bây giờ bà mới nghe ông nói câu tình cảm như vậy. Nụ cười đặc thù của vợ ông. Hồi mới lấy nhau, khi ông trở về nhà sau những mệt mỏi vì các mối quan hệ trong công việc, mở cửa ra, bà luôn đứng đón ông với nụ cười bao dung, âu yếm. Cảm thấy mình lâu nay quả có thiếu quan tâm đến vợ, ông nói dối thêm một lần nữa:

- Khi được ra viện, mình cứ tạm thời tĩnh dưỡng một thời gian. Rồi tôi sẽ đưa mình đi suối nước nóng dưỡng sức.

- Không việc gì mà phải phí tiền như vậy vì em đâu.

“Không việc gì...” Câu nói nghe đượm vẻ cô đơn lẫn bi ai, giống với tiếng rao của người bán khoai ngoài kia một cách lạ lùng. Chẳng lẽ vợ ông đã mon men biết sự thật? Đột nhiên, bà như lâm bầm một mình:

- Lúc này em đã nhìn cái cây. - Vợ ông hướng mắt ra ngoài cửa sổ nhìn cây ngân hạnh lá cành sum suê như đang ôm ấp một thứ gì đó. - Cây đó sống được bao lâu rồi mình nhỉ?

- Dám cả hai trăm năm. Có lẽ nó là cây cổ thụ sống lâu nhất ở khu này.

- Cây cổ thụ đó đã nói đó mình. Rằng sinh mệnh không bao giờ biến mất.

Hồi vợ ông chưa bệnh, bà vẫn có thói quen nói chuyện với hoa cỏ như những cô gái xuân thì mỗi khi tưới các chậu hoa trước hành lang. “Hoa xinh đẹp kia ời, nở cho tôi vài đóa!” “Cảm ơn hoa nhé!” Kiểu chuyện trò với hoa như thế, bà học theo người mẹ vốn yêu hoa của mình, và sau khi lấy chồng, bà vẫn giữ thói quen đó. Nhưng cái kiêu bà nói chuyện với cây cỏ thụ lẩn này cho thấy, có vẻ bà cảm thấy bóng đen định mệnh đang phủ chụp lên đời mình. Để che giấu nỗi lo lắng trong lòng, ông cười chế giễu vợ:

- Bữa nay lại nói chuyện với cả cây cỏ thụ nữa! Tốt lắm! Ủ, khi đã biết rõ bệnh trạng của mình như thế, từ nay mình có thể yên tâm mỗi ngày nói chuyện với cây cỏ thụ.

- Ủ! - Vợ ông trả lời buông thông, và có lẽ vì chợt nhận thấy thái độ thiếu sốt sắng của mình, bà đưa tay xoa lên đôi má đã có phần hốc hác.

Có tiếng chuông điện reo. Đã hết giờ thăm viếng bệnh nhân. Ông Isobe cầm lấy túi đựng đồ dơ chưa giặt, đứng dậy.

- Thôi tôi phải về rồi! - Ông cố tình ngáp dài rồi đưa tay cầm lấy tay vợ.

Chưa bao giờ, cho tới khi vợ vào nằm bệnh viện, ông lại làm một cử chỉ đầy ngượng ngùng như thế. Cũng giống như nhiều người đàn ông Nhật khác, ông cho chuyện biểu lộ tình cảm ra mặt là một điều rất xấu hổ. Cườm tay của bà đã gầy thấy rõ, cho thấy cái chết đang lan tỏa âm thầm trong thân thể bà. Đáp lại bằng nụ cười quen thuộc, bà bảo:

- Mình ăn uống đầy đủ vào nhé. Áo quần dơ mình cứ đưa sang nhà mẹ em.

- Ừ!

Ra đến hành lang, ông ghen ngào.

Trong góc phòng, chiếc ti vi vặn âm lượng nhỏ đang phát một chương trình trò chơi truyền hình tạp nhạp nào đó. Bốn cặp vợ chồng trẻ đang ném những con súc sắc khổng lồ. Nếu cặp nào được mười điểm, họ sẽ được thưởng một chuyến du hí hai đêm ba ngày ở Hawaii.

Ông ngồi bên cạnh giường vợ đang ngủ, thờ thẩn nhìn vào màn hình ti vi. Cặp vợ chồng gieo được mười điểm hơn hờ nắm tay nhau. Muôn ngàn mảnh giấy màu chúc mừng bay lả tả trên đầu hai người.

Ông nghe như có ai đó đang cười giễu cợt ở một nơi nào đó trong phòng. Ai đó như đang cố ý phô ra cái hạnh phúc của cặp vợ chồng may mắn nhằm làm tăng nỗi khốn khổ của ông.

Đã bao năm nay, ông đã phải rồi đầu với công việc, với người đời nhiều sự, đã nhiều lần cảm thấy lạc lối, nhưng giờ đây, trong khoảnh khắc này, tình huống ông đang gặp phải hoàn toàn khác với những buồn bực đã xảy đến với ông trong sinh hoạt thường ngày, thuộc một chiều không gian khác. Người vợ đang nằm ngủ trước mặt ông đây, ba bốn tháng nữa, sẽ chết. Một người đàn ông như ông Isobe, từ trước đến nay, chưa hề nghĩ đến đi đâu này. Lòng ông nặng trĩu. Ông chẳng tin vào một tôn giáo nào, nhưng giả sử có Chúa, Phật nào đó, ông sẽ không ngần ngại kêu lên: “Tại sao Ngài lại giáng bất hạnh xuống cho vợ con như vậy? Vợ con chỉ là một người đàn bà bình thường nhưng nết na, đức hạnh. Ngài ơi, xin Ngài cứu chữa vợ con với!”

Bà y tá trưởng Tanaka ông đã quen mặt đang ghi gì đó trên tấm phiếu theo dõi bệnh nhân trong phòng trực bỗng ngẩng đầu lên, nhìn ông với ánh mắt cảm thông.

Lúc ông trở về căn nhà ở Ogikubo, người mẹ vợ sống ở gần nhà đang cho thức ăn vào trong tủ lạnh. Ông nói cho bà nghe bệnh trạng của vợ nhưng chỉ kể lại, một cách lập lờ, những lời bác sĩ đã nói với ông. Ông không dám nghĩ tới khuôn mặt đau đớn kinh hoàng của bà khi biết được sự thật về bệnh trạng con gái mình.

- Hôm nay ba về sớm, mẹ phải về đây con!

- Con cảm ơn mẹ.

- Vợ con nằm nhà thương, nhà này bỗng trở nên trống trải thật.

- Bởi vì nhà con tính tình vui vẻ đó mẹ. - Rồi ông lại lặp lại lời cầu xin với Thần Phật lúc trước: “Vợ con chỉ là người đàn bà bình thường nhưng nết na, đức hạnh. Xin Ngài cứu chữa vợ con với!”

Khi mẹ vợ đi rồi, ông mới cảm thấy mình đang đụng phải sự trống trải bà nhận xét lúc nãy, một điều trước nay ông chưa hề nghĩ đến. Trống trải vì vợ vắng nhà. Chỉ mới cách đây một tháng, vợ ông ở nhà là chuyện đương nhiên, và vì thấy sự hiện diện của vợ mình trong nhà không có gì đặc biệt nên những lúc không có việc, ông cũng thấy chẳng cần chuyện trò gì với bà. Hai người không có con nên từng nhận một bé gái làm con nuôi, nhưng rồi sau đó, nó chẳng ưa gì hai ông bà, cho nên sự thể chẳng đi tới đâu cả. Đó chính là vì cái tính của ông ít nói ít năng với vợ, với con gái nuôi, không thể hiện tình cảm của mình, đã gây ra như thế. Trong bữa ăn chỉ có bà là người hay chuyện, còn ông, ông chỉ ừ hử cho qua. Đã có những

lúc bà thở dài trách ông: “Chẳng lẽ mình không nói với con đôi câu được hay sao?”

Ông chỉ thực sự mon men nói chuyện với vợ từ sau ngày bà phải nằm nhà thương.

Đúng như lời người bác sĩ cảnh báo, trong vòng chưa đầy một tháng, vợ ông bắt đầu lên cơn sốt và than đau khắp cơ thể. Tuy nhiên, bà cũng cố cười cho vui lòng chồng. Nhưng sau lần đi điều trị bằng tia xạ, tóc bà bắt đầu rụng, và chỉ cần động nhẹ bà lại rên lên như có cơn đau dữ dội xẹt qua. Ngoài ra, thuốc chống ung thư làm bà nôn mọi thứ vừa ăn.

Không thể chịu đựng hơn được nữa, ông van nài bác sĩ:

- Bác sĩ có thể dùng moócphin cho nhà tôi được không?
- Được chứ, nhưng lạm dụng quá, bà nhà sẽ ra đi sớm hơn.

Người bác sĩ nói trái với điều đã nói trước đây. Đúng theo chủ trương duy trì sự sống của Nhật, trong các bệnh viện, các bác sĩ và y tá thực hiện phương châm bằng mọi cách phải kéo dài sự sống người bệnh dù chỉ một ngày. Mặc dầu tự trong thâm tâm vẫn biết rằng phương pháp trị liệu này sẽ chẳng đi tới đâu, nhưng ông Isobe vẫn ước ao cho vợ mình sống thêm được giờ nào, phút nào thì càng tốt. Vậy mà khi thấy vợ ông, bà Keiko, cần rằng chịu đựng, không dám để cho đau đớn lộ ra ngoài, không rõ có phải là vì thấy có lỗi với chồng, ông những muốn nói với bà: “Mình không cần chịu đựng nữa đâu... Không cần nữa đâu...”

Thế rồi có một ngày, trên đường đi làm về ông ghé thăm bà, và khi mở cánh cửa phòng bệnh quen thuộc, ông rất ngạc nhiên thấy vợ mình quay bộ mặt tươi tỉnh, vui vẻ về phía ông:

- Hôm nay em cảm thấy dễ chịu quá sức. Vì người ta chích cho em một loại thuốc gì rất đặc biệt. Thật như thuốc tiên! Mình có biết thuốc gì không?

- Chắc là họ chích cho mình loại thuốc kháng sinh mới.

“Thế là họ đã bắt đầu dùng moócphin.” Ông nghĩ bụng.

- Thuốc công hiệu như thế thì chẳng bao lâu nữa em sẽ được ra viện, kéo nằm phòng riêng như thế này thì tốn tiền lắm.

- Mình đừng có lo! Tôi có thể xoay được phí nằm phòng riêng một hai tháng mà.

Thực ra, ông đã tiêu hết số tiền bà dành dụm để khi ông về hưu sẽ đi du lịch qua Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, nhằm bù lại tuần trăng mật hai người chưa được hưởng. Bà đã trải bản đồ, khuyên son tên các đường phố của Lisbon, Coimbra bà chưa từng thấy, như những dấu ấn hạnh phúc. Bà cũng đã nhờ chồng, từng làm việc cho chi nhánh của hãng ông ở Mỹ trong hai năm, dạy cho bà những câu đàm thoại Anh ngữ thông thường.

Sự thật không dám nói
Đột nhiên:
Hiền thê sống bao ngày?

Ông đã làm một bài tập cú như thế và ghi vào cuốn sổ tay trong khi ngồi chờ tàu điện trong thời gian bà nằm viện. Chẳng đánh cá ngựa, chẳng

chơi mạt chược, thú vui ít ỏi của ông là nhâm nhi đôi chung rượu, chơi cờ tướng, làm một vài bài thơ bài cú bình thường, nhưng chẳng bao giờ đưa thơ ông làm cho bà xem. Ông là loại đàn ông quan niệm bộc lộ tình cảm chân thực bằng lời hay bằng chữ viết cho người khác là một điếu xấu hổ, nhưng lại mong rằng vợ mình, là người thân thiết nhất, phải biết bụng mình, dù chẳng cần phải mở miệng.

Trên đôi tay nhỏ nhắn của nàng
Xanh xao tĩnh mạch
Chạy...
Loanh quanh.

Vào một ngày thứ Bảy, ghé thăm bà sớm hơn thường lệ, ông thấy một phụ nữ đội nón y tá, trán cao, mắt to, đang ở trong phòng vợ mình.

- Cô đây là nhân viên tình nguyện. - Vợ ông, có vẻ bớt đau nhờ tác dụng của moócphin, hơn hờ giới thiệu người phụ nữ với ông. - Cô là nhân viên tình nguyện đầu tiên em gặp từ ngày vào nằm nhà thương.

Cô ta nhìn chăm ông Isobe, nói:

- Vâng đúng vậy, y tá trưởng Tanaka đã phân cho tôi giúp bà nhà. Tên tôi là Naruse Mitsuko.

- Cô chắc là nội trợ phải không ạ?

- Không, tôi đã lập gia đình nhưng đã ly dị từ hồi tôi còn trẻ. Ngày thường tôi đi làm cho có làm, riêng mỗi chiều thứ Bảy tôi tham gia các nhóm thiện nguyện ở bệnh viện.

Ông Isobe lắng lắng gật đầu nhưng trong thâm tâm thấy bồn chồn. Ông sợ người y tá không chuyên này sẽ tiết lộ bệnh trạng thực cho vợ mình biết.

- Cô đây có nhiều kinh nghiệm trong việc giúp đỡ các bệnh nhân. Cô mới giúp em ăn bữa tối.

- Chúng tôi rất mong cô giúp đỡ. - Ông vừa cúi đầu, vừa nói, nhấn mạnh đến hai chữ *giúp đỡ*.

- Có ông nhà đây, tôi xin vô phép.

Naruse Mitsuko cúi đầu lễ phép chào hai người, rồi bưng khay thức ăn còn dư một nửa rời khỏi phòng bệnh nhân. Qua lối ăn nói lễ phép và cung cách đóng cửa nhẹ nhàng của cô, ông Isobe nghĩ cô là người có thể tin cậy được.

- Cô ấy thật tốt phải không! - Vợ ông nói, với cái giọng như thể bà là người có công khám phá ra cô. - Cô ấy tốt nghiệp cùng trường đại học với mình đó.

- Người như thế mà... tại sao lại đi làm cái công việc tình nguyện này nhỉ?

- Thì tính người ta thích như vậy. Cô ấy hiểu biết lắm, - bà lộ ra cái tính tò mò đàn bà, - không hiểu tại sao cô ấy lại đi ly dị như thế.

- Tôi làm sao mà biết được. Mình đừng xía vô chuyện người khác như vậy! - Ông nói, làm vẻ giận nhưng tự thâm tâm ông sợ tình thân giữa hai người sẽ làm cho cô tình nguyện viên đó tiết lộ bệnh trạng của vợ.

- Có chuyện này lạ lắm. - Vợ ông mắt nhìn xa xăm, nói với chồng. - Sau khi truyền thuốc, em ngủ thiếp đi và nằm mơ thấy phòng khách nhà chúng mình, em thấy mình từ phía sau lưng. Mình đang nấu nước sôi trong bếp, rồi sau đó, mình lên giường ngủ mà không tắt bếp ga. Em cố hết sức hết là nếu mình cứ để ấm nước trên bếp như thế, ấm sẽ cạn, sẽ cháy nhà... Nhưng mình cứ lơ đi. Em kêu nhiều lần. Nhưng mình vẫn tắt đèn.

Ông Isobe nhìn thẳng vào cái miệng đang nói của vợ. Chuyện trong giấc mơ của bà thực sự đã xảy ra ở nhà. Đêm qua, khi tắt điện đi ngủ, ông cảm thấy trong lòng bất an liên tiếp mở mắt ra. Đúng lúc đó, ông nhớ ra mình chưa tắt bếp ga, ông giật bắn người nhào vào nhà bếp thì thấy ấm nước đã đỏ rực như cục than hồng. Ông hỏi:

- Thật như vậy sao?

- Vâng, mà có chuyện gì vậy mình?

Khi nghe ông thuật lại đầu đuôi câu chuyện, bà lắng nghe, mặt lộ vẻ căng thẳng. Rồi như người vừa ra khỏi cơn mộng, bà thốt lên:

- Xem ra em cũng còn được việc phải không mình? Người ta nói đôi khi chuyện trong mơ sẽ xảy ra thật. Có chuyện đó thật nhỉ.

Ông Isobe cảm thấy lo lắng, vì chuyện vợ ông quả quyết rằng mình nói chuyện với cây, chuyện giấc mơ lạ lùng như vậy, là những dấu hiệu cho thấy bà sắp chết đến nơi. Khi còn nhỏ, ông có nghe bà ông nói những người sắp chết hay thấy những điếu mà người còn mạnh khỏe không thấy.

Mặc dù được chích moóc phin, nhưng sự suy nhược của bà lộ rõ đến mức mỗi ngày vào thăm, ông đều thấy rõ bà hư hao đi nhiều. Dầu sao đi nữa, nhờ loại thuốc giảm đau đó, vào những ngày này, tinh thần bà vẫn còn thư thái.

- Hôm nay cô Naruse cho em biết là các nhà nghiên cứu công nhận giấc mơ có những ý nghĩa khác nhau. Tên của ngành ấy là gì ấy nhỉ... À, mộng trị liệu pháp. Cô ấy nói rằng, nhờ giấc mơ, em có thể hiểu được những gì nằm trong vô thức. Nhưng cô ấy chỉ cho em biết có thể.

Khi nghe vợ nói như vậy, ông Isobe cảm thấy e ngại cái cô Naruse có đôi mắt to đó. Chừng như cô ta đã thấy rõ tâm can của vợ mình.

Cái vẻ khỏe khoắn nhờ moóc phin nơi vợ ông cũng giống như ráng đỏ chiều hôm mùa hạ, chỉ ánh lên trong chốc lát rồi lại tắt ngay. Từ đó về sau, cả ngày bà phải mang mặt nạ dưỡng khí, nằm thêm thiếp với hơi thở nặng nề. Có một tối thứ Bảy, khi khẽ mở cửa phòng, ông thấy vợ mình, kim truyến vẫn còn ghim vào cánh tay, nằm nhắm nghiền mắt, có vẻ đau đớn; cô tình nguyện đang xoa bóp chân cho bà. Bà đưa đôi mắt bi thương nhìn chằm chằm nhưng không còn mỉm cười được như trước nữa, bà thì thào:

- Em như đang rơi... xuống đáy vực. - Rồi bà lại rơi vào hôn mê.

Nhưng cô tình nguyện vẫn đứng đung nhìn bệnh nhân. Cảm thấy ánh mắt lạnh lùng đó như muốn nói “Hết hy vọng rồi”, ông đau đớn vô cùng.

- Sức khỏe nhà tôi ngày hôm nay ra sao vậy cô

- Vâng, bà nhà ngày hôm nay có nói được chút ít.

- Cái chuyện đó nhà tôi có lẽ vẫn chưa biết chứ? - Ông Isobe hạ thấp giọng, thì thào với cô tình nguyện viên. - Tôi vẫn giữ kín chuyện đó. Mong cô hiểu cho.

- Tôi biết ạ, nhưng... - Naruse Mitsuko nói thàn với ông, - nhưng tôi nghĩ là bà nhà cũng đã biết rồi. Những bệnh nhân vào giai đoạn cuối biết về cái chết của mình rõ hơn là người chung quanh tưởng.

- Nhà tôi chưa bao giờ nói chuyện đó. - Ông Isobe vừa kiểm tra xem vợ mình đã ngủ say chưa, vừa phản đối.

Cô tình nguyện vẫn giữ giọng thản nhiên, nói với ông:

- Chẳng qua là... bà nhà không muốn ông phải lo lắng mà thôi.

- Cô đừng nói cái đi ầu khủng khiếp đó.

- Xin lỗi ông, nhưng tôi làm công việc tình nguyện này đã lâu và đã từng chứng kiến nhiều trường hợp tương tự.

- Hôm nay nhà tôi đã nói gì với cô?

- Bà ấy cứ lo ông sẽ gặp phải khó khăn khi không còn bà ấy.

- Thế hả?

- Bà nhà còn nói nhiều đi ầu kỳ lạ lắm. Bà nói là bà thấy hồn là khỏi xác và cứ từ trên trần nhà nhìn xuống xác mình vẫn còn nằm trên giường.

- Cô có nghĩ là do phản ứng phụ của thuốc?

- Cũng có thể, nhưng những bệnh nhân vào thời kỳ cuối cũng có người có trải nghiệm tương tự. Các bác sĩ và y tá, chẳng ai tin những chuyện như vậy.

Ông Isobe thậm chí còn nghĩ rằng đi đầu này là đi ầm báo vợ ông sắp mất. Hôm nay cũng thế, trời xám, và có tiếng rao bán khoai nướng kéo dài ngoài khung cửa sổ bệnh viện. Người bán khoai chắc không biết tiếng rao từng hồi buồn tẻ của mình ảnh hưởng đến tâm trí người nghe như thế nào. Cảnh Lisbon với những chậu hoa sắp hàng trước khung cửa sổ, cảnh bờ biển Nazareth với những người đàn bà áo đen đang vá lưới trên bãi biển cát trắng phau phau. Nếu vợ ông có thị kiến, ông ước ao bà thấy những cảnh trí ấy hơn là thấy cái xác không hồn của bà nằm trên giường.

Hiện tượng thấy hồn là khỏi xác cho thấy cái chết cũng đã gần.

Người bác sĩ kêu ông lại phòng trực, báo cho ông biết:

- Tôi nghĩ bà nhà chỉ còn sống được bốn hoặc năm ngày nữa mà thôi. Ông cũng nên bắt đầu cho kêu bà con thân thích về là vừa.

- Bốn, năm ngày thôi à, thưa bác sĩ?

Đôi mắt của người bác sĩ khép lại sau tròng kiếng. Túi áo blu trắng lem luốc nhét đầy bút bi, nhiệt kế và các thứ linh tinh khác. Vào những lúc như thế này, ông không muốn nhìn thấy những đau khổ của thân nhân người bệnh.

- Nhanh như vậy được sao? - Môi ông Isobe mấp máy những lời vô nghĩa như thế, mặc dù ông không hề quên bác sĩ đã báo cho biết là vợ ông chỉ có cơ may sống ba hoặc bốn tháng mà thôi. - Nhà tôi có tỉnh táo cho đến phút cuối được không?

- Khó mà nói cho chính xác được, nhưng hai hoặc ba ngày trước khi mất có lẽ bà nhà sẽ rơi vào hôn mê.

- Như vậy nhà tôi sẽ không phải chết trong đau đớn.

- Chúng tôi sẽ cố hết sức cho bà không phải chịu đau đớn.

Cuối cùng cái ngày nặng nề đó cũng đến. Tâm trạng của ông lúc này còn hơn là nổi cô liêu, nó giống tâm trạng trống rỗng của một người đứng trên mặt trăng một mình. Trong tâm trạng trống rỗng đó, ông nhẹ nhàng nắm nắm cửa. Y tá trưởng Tanaka đang ráp lều dưỡng khí với sự trợ giúp của một y tá trẻ.

- À, ông nhà đã đến. - Người y tá trưởng giàu kinh nghiệm kêu lên, giọng úy lạo.

- Minh ơi! - Vợ ông kêu lên, bàn tay máy động ra hiệu cho ông đến bên giường và chỉ cho ông chiếc bàn cạnh đó. - Sau này... mình nhớ xem cuốn sổ tay này.

Ừ, tôi sẽ xem.

Hai người y tá biết ý đi ra, bà nói tiếp:

- Những năm dài chúng mình chung sống với nhau, em cảm ơn mình...

- Mình nói chuyện gì kỳ cục vậy, làm như có chuyện gì ghê gớm lắm! - Ông Isobe vừa quay mặt đi vừa nói.

- Em xin lỗi nhưng em biết cả rồi. Có lẽ ngày mai em sẽ chẳng nói năng gì với mình được nữa.

Chẳng có gì mà phải xấu hổ, ngưng ngưng nữa. Có lẽ ngày mai người bạn đường mà ông cùng sống trong ba mươi lăm năm trường sẽ vĩnh viễn lìa bỏ thế giới này. Ông ngồi trên chiếc ghế cạnh giường và đắm đắm nhìn mặt vợ mình. Thân ông mệt mỏi hư hao, nhưng khuôn mặt của bà còn mệt mỏi hư hao hơn ông nhiều. Bà mơ hồ đôi mắt ưu phiền nhìn ông, rồi như chỉ nhìn ông thôi cũng làm bà đau đớn, bà khép mắt lại.

Y tá trưởng Tanaka đi vào phòng, đeo mặt nạ dưỡng khí mới lên miệng vợ ông và nói:

- Nếu nó làm bà khó chịu, bà có thể gỡ ra. Nhưng cái này sẽ làm bà dễ chịu hơn.

Vợ ông nằm im không trả lời. Mắt bà nhắm chặt, hơi thở hỗn hển.

Từ đêm đó bà rơi vào hôn mê. Thỉnh thoảng bà lại nói lảm nhảm. Ông Isobe chỉ biết nắm tay vợ. Các bác sĩ và các cô y tá cứ thay nhau đo huyết áp, rồi chích, rồi bắt mạch cho bà. Ông đi báo cho cha mẹ vợ và đưa em trai vợ ở Tokyo biết.

Khi ông vừa gác ống điện thoại công cộng và tính trở lại phòng bệnh, người nữ y tá, từ phía đầu kia hành lang, hối hả chạy lại báo cho ông:

- Bà nhà muốn nói chuyện với ông. Ông làm ơn nhanh chân lên!

Khi ông vào đến phòng, y tá trưởng mở lều dưỡng khí ra và hối ông:

- Bà nhà muốn nói với ông điều gì đó. Ông áp tai vào miệng bà ấy đi.

- Tôi đây! Tôi đây! Mình có nhận ra tôi không?

Ông đưa tai ghé sát miệng vợ. Hơi thở nặng nhọc, bà cố gắng nói đứt quãng:

- Em... biết chắc... em sẽ được tái sinh ở một nơi nào đó trong thế giới này. Mình nhớ đi kiếm em... tìm được em... Mình hứa đi! Mình hứa đi mình!

Lời cuối cùng “Mình hứa đi! Mình hứa đi mình!” dường như chất chứa ước vọng khẩn thiết của bà, nên nghe mạnh mẽ hơn các lời khác.

Vài ngày qua đi như giấc mộng. Ông khó mà tin được vợ mình đã chết. Vợ ông chẳng qua đang đi chơi xa với bạn bè và nay mai sẽ trở về- nhiều lần ông tự nhủ lòng như thế. Ngay cả ba hôm sau, khi ngồi trong phòng chờ, nhìn những chiếc xe tang màu đen đang đậu san sát trước nhà hỏa táng, và thân nhân người quá cố nối đuôi nhau như đang đứng trên băng chuyền để rồi bị nuốt chửng vào trong đó, ông vẫn cứ nghĩ là vợ ông chỉ đi chơi xa, rồi sẽ về. Nhìn qua khung cửa sổ phòng chờ, ông có thể thấy khói bốc ra từ ống khói lò thiêu và ông nhớ đến bầu trời u ám thường thấy ở bệnh viện. “Em chỉ đi xa,” ông Isobe nhìn làn khói bốc lên ngoài kia thì thầm, “rồi em sẽ trở về và chúng ta sẽ sống với nhau như những năm tháng cũ.” Vậy mà ông lại đang cảm ơn những người đến viếng.

Một nhân viên đi vào thông báo lễ hỏa táng bắt đầu. Thế rồi, trước mắt ông, một người đàn ông trung niên, trong lễ phục nghiêm chỉnh, bật công tắc lò thiêu, âm thanh như tiếng tàu điện siêu tốc đang chạy trên cầu sắt vang lên. Cái gì đang xảy ra? Họ đang làm cái gì vậy? Đến bây giờ ông

vẫn như ngây như dại chẳng biết gì cả. “Ông làm ơn cầm đôi đũa này, gấp cốt bỏ vào cái tiểu này.” Người đàn ông bận lễ phục nói bằng giọng đầu đầu rồi đưa ra một cái hộp lớn, màu đen. Ông không thể tin những mảnh xương rời rạc, trắng nhờ nhờ kia lại là của vợ ông được. “Cái này là cái gì vậy? Mình đang làm cái gì đây vậy?” Ông lẩm bẩm bên cạnh mẹ vợ và những người đàn bà đang khóc. “Đây không phải là cô ấy.”

Ông Isobe bung cái tiểu bọc khăn trắng cùng bà con thân thích theo nhà sư trở về nhà. Trong nhà những đồ đạc hai người đã cùng sử dụng, các đồ tế nhuyễn yêu thích của bà, vẫn đúng y như lúc vợ ông còn sống. Các bà bắt đầu đưa đồ ăn đã phân ra chén bát và bia lên phòng khách.

- Sau khi làm cúng tuần bảy ngày, sẽ làm cúng tuần bốn mươi chín ngày nhỉ? - Một người bà con nào đó miệng còn đang dính bọt bia hỏi. Ông này là người đứng ra tổ chức tang lễ, nên đầu óc chỉ nghĩ đến những phần việc cần làm tiếp theo.

- Kỳ cúng tuần bốn mươi chín ngày không biết rơi vào ngày thứ mấy vậy quý ông bà?

- Nhắm vào ngày thứ Tư.

- Tôi biết mọi người rất bận bịu nên sẽ tổ chức trong phạm vi nhỏ thôi, mong mọi người thông cảm.

- Nhưng thưa thầy, - một người khác thưa chuyện với nhà sư trụ trì, - tại sao trong Phật giáo lại có nghi thức làm tuần bốn mươi chín ngày vậy thầy?

Vị sư trụ trì đầu trọc lốc, tay vừa lần tràng hạt trên đầu gối, miệng vừa phẩn khởi giải thích:

- Như thế này này: theo Phật giáo, sau khi chết, hồn người ở trong trạng thái thân trung ấm. Thân trung ấm là trạng thái chưa thể tái sinh được, vẫn còn lẩn khuất trong cõi thế này. Và cứ mỗi bảy ngày, hồn người chết lại nhập vào cơ thể một cặp nam nữ, trở thành sinh mệnh mới và được tái sinh. Vì vậy mới có lễ cúng tuần đầu tiên.

- À, thì ra là như vậy! - Đám đàn ông lần đầu nghe mấy chuyện ấy, tay vẫn cầm ly bia, đổ dồn mắt vào vị sư trụ trì. - Cứ mỗi bảy ngày à?

- Đúng vậy, chậm đến mấy thì sau bốn mươi chín ngày người chết cũng hóa kiếp đầu thai làm con ai đó.

- Ồ! - Mọi người thốt ra một tiếng không rõ là thờ phào hay thờ dài, nhưng xem ra chẳng có ai tin lời thầy.

- Hèn chi trong chùa người ta cứ nói đến lễ bốn mươi chín ngày. - Có ai đó trong đám lên tiếng tán thành, nhưng trong thâm tâm họ nghĩ đây chẳng qua là một kiểu làm tiền của nhà chùa mà thôi. Ngay khi đó, ông Isobe nghe tiếng vợ mình thều thào bên tai: “Em sẽ được tái sinh ở một nơi nào đó trong thế giới này... Mình nhớ đi kiếm em... tìm được em!”

Trong khi ông Isobe đang ngẫm nghĩ lại những lời đó, vị sư trụ trì đôn hậu lại gần ông, cúi đầu thi lễ:

- Bần tăng đã thực hiện đầy đủ nghi lễ cho bà nhà. Bây giờ bần tăng xin vô phép.

Khi mọi người đã ra về, ông Isobe mở hai cái túi du lịch ông đưa từ bệnh viện về. Hai túi đựng những thứ vợ ông đã dùng trong bệnh viện: áo khoác ngoài, áo khoác mỏng, đồ lót, một cái khăn, mỹ phẩm, đồng hồ và cả cuốn sổ tay vợ ông viết từ khi bà vào nằm viện. Cuốn sổ tay là loại sổ

bìa da màu đen của ngân hàng M tặng cho khách hàng nhân dịp cuối năm để quảng cáo.

Đồ quần áo của anh:

- Đồ mùa đông (trong thùng gỗ hông có ghi chữ A ở trong tủ quần áo). Quần áo mùa hạ, các bộ lễ phục (trong thùng gỗ ghi chữ B). Anh nhớ chải và đưa đi giặt khi hết mỗi mùa.

- Áo len cổ chui, áo len cài cúc (trong thùng gỗ ghi chữ C).

- Em có dặn mẹ em thêm về chuyện này.

Sổ tiết kiệm, con dấu, chứng khoán, giấy chứng nhận bất động sản và các giấy tờ khác em gửi ở nhà băng. Nếu có chuyện gì, anh cứ hỏi ông Inoue, giám đốc chi nhánh ngân hàng M và luật sư Sugimoto.

Nước mắt rưng rưng, ông ngại ngần lần giở qua trang kế tiếp. Mỗi trang vợ ông đều dặn dò từng li từng tí những điều cần làm để ông không gặp khó khăn trong cuộc sống sau khi bà đã mất. Bà dặn ông nhớ tắt bếp ga trước khi đi ngủ và cả chùi bồn tắm như thế nào. Đó là những công việc mà lâu nay ông vẫn phó mặc cho vợ mình. Bà giải thích rõ ràng từng việc một. Ông nhìn vào bài vị và di ảnh của bà thờ trong phòng khách, hét lớn:

- Tôi làm sao mà cáng đáng những công việc này được. Mình không thể bỏ nhà này ra đi luôn như vậy được. Mình... hãy sớm... trở về với tôi!

Trong cuốn sổ tay, từ khoảng hai mươi ngày trước khi bà mất có cả những ghi chép nửa giống như nhật ký, nửa giống như chép những sự kiện đáng ghi nhớ.

22 tháng Giêng

Trời u ám. Hôm nay lại tuyết. Mạch máu nơi cánh tay giờ chỉ chút vết kim đâm; chỗ nào cũng có vết bầm do xuất huyết nội. Mình quay về phía cửa sổ nói chuyện với cây ngân hạnh ngoài đó:

- Ông cây ơi, tôi sắp phải chết đến nơi rồi, đâu có được như ông sống tới hai trăm năm.

- Lão đây, khi đông đến cũng tàn tạ nhưng khi xuân đến lại tươi xanh.

- Nhưng con người...

- Con người thì cũng giống như loài thảo mộc chúng tôi vậy thôi: Chết nhưng rồi sẽ tái sinh.

- Tái sinh? Nhưng làm sao mà tái sinh được?

Và cây trả lời là đến lúc đó thời sẽ hiểu.

25 tháng Giêng

Cứ nghĩ mình chết rồi không có ai chăm sóc cho anh ấy, vốn vụng về mình lại lo lắng khôn nguôi.

27 tháng Giêng

Đau đớn cả buổi chiều. Thuốc có thể đánh lừa được cơn đau nhưng tâm trí mình rã rời vì nỗi sợ cái chết.

30 tháng Giêng

Hôm nay cô tình nguyện Naruse tới. Thấy cô là người trầm tĩnh, tự chủ, mình tiết lộ cho cô biết những lo âu và bí mật thầm kín mà mình chưa dám tỏ với anh ấy.

- Tôi biết là mình không còn sống được bao lâu nữa. Tôi không nói cho nhà tôi biết nhưng...

Cô Naruse gật đầu. Không phủ nhận cho qua chuyện, cũng không động viên, đúng kiểu của cô ấy.

- Thế cô có tin vào chuyện tái sinh không?

- Tái sinh...?

- Đúng là con người sau khi chết sẽ được tái sinh trên cõi thế này.

Lúc đó, cô Naruse nhìn thẳng vào mình trong một tích tắc, không gật đầu.

- Tôi thì lúc nào cũng có cảm giác là sẽ có ngày tôi lại được tái sinh và tái hợp với nhà tôi.

Cô Naruse yên lặng, nhìn ra ngoài cửa sổ. Vẫn là cảnh quen thuộc mình đã nhìn ngày này qua ngày khác. Cây ngân hạnh già.

Cô Naruse thì thầm:

- Tôi không biết được chuyện đó.

Rồi cô ấy cần khay thức ăn và đi ra khỏi phòng. Nằm đây, mình có thể thấy lưng cô ấy giống như một thứ cứng đờ, lạnh lẽo.

Ngày nối ngày trống vắng lạnh lùng. Để trong lòng đỡ trống trải, ông Isobe cứ rề rà trong sở, về nhà rất muộn. Ông rửa cấp dưới làm việc muộn ra phố ăn uống để cho khuây khỏa. Đau đớn là khi về nhà, nhìn thấy các đồ dùng ngày xưa của vợ. Đôi dép, chén uống nước, đôi đũa, những bút tích trên sổ chi tiêu, sổ điện thoại; mỗi khi nhìn những di vật đó, lòng ông lại nhói lên như kim chích.

Đôi khi ông chợt tỉnh giấc giữa đêm. Trong bóng tối ông cứ ngỡ vợ vẫn còn nằm cạnh.

- Này, này, - ông thử kêu lên. - Này, bộ mình ngủ rồi hả?

Nhưng chỉ là thỉnh thoảng đến thăm, không gian tối tăm, và cô liêu vợi thăm.

- Mình đi đến bao giờ mới về vậy? Chẳng lẽ mình đi mãi không về?

Ông nhắm mắt lại trong bóng đêm và khuôn mặt bà cứ bẽn lẽn mãi sau làn mi khép. Mình đi đâu vậy, đờn ọc? Mình đang làm gì mà lại bỏ tôi bơ vơ như thế này cho đành, hở mình...

“Em biết chắc... em sẽ được tái sinh ở một nơi nào đó trên thế giới này. Mình nhớ đi kiếm em, tìm được em.” Lời trắng trối trong mê sảng của bà cứ văng vẳng bên tai ông như thế.

Nhưng ông không thể tin vào những chuyện huyền hoặc như vậy, bởi vì, cũng như nhiều người Nhật khác, ông là người vô tín ngưỡng, và cho rằng chết là hết. Chỉ có những đồ dùng hằng ngày của bà là còn tồn tại trong nhà này.

- Mình có biết không... - ông nói một mình, - khi mình còn sống với tôi, cái chết đối với tôi còn như rất xa vời, nhưng cái chết mà mình đã đang rộng hai tay ngăn cản đó, từ khi mình mất, nó bỗng hiện ra trước mắt tôi đây.

Điều ông có thể làm được là, cứ hai tuần một lần đến thăm nghĩa địa Aoyama, rải cho vợ chén nước nơi tấm bia gia tộc Isobe, thay hoa, chấp tay cầu nguyện. Đó là tất cả những gì ông có thể làm được để đáp lại lời cầu khẩn của vợ ông: “Mình nhớ đi kiếm em... tìm được em!”

Người cháu gái sống ở Washington gửi thư mời ông có dịp nghỉ thì sang Mỹ chơi. Vì muốn đi nổi buồn không hề nguôi ngoai dù đã cố lặn

xả vào công việc, ông liền chấp nhận ngay lời mời.

Hồi còn độc thân ông có sống một thời gian ở Washington. Ông lái xe của cô cháu đi đây đi đó, xem ra Washington không khác xưa lắm. Chồng của cô cháu là một nhà nghiên cứu thuộc khoa Y trường Đại học Georgetown, đưa ông đi xem tòa nhà kiến trúc theo kiểu trường đại học xưa cũ của Âu châu, và đi dạo qua khu đại học như còn nguyên vẹn từ thế kỷ thứ mười chín.

Ông thấy trong phòng ăn nhà cô cháu có để cuốn sách bán chạy do nữ minh tinh điện ảnh Shirley MacLaine viết, in ảnh tác giả ở ngoài bìa.

- Chà, là nữ tài tử Shirley à? Ngày xưa chú thích nữ tài tử này lắm. Cô ta cũng rất mến Nhật Bản.

- Người ta đang bàn cãi về cuốn sách này nhiều lắm. - Cô cháu gái đáp lời.

- Nội dung cuốn sách nói cái gì vậy?

- Bà ấy tìm kiếm kiếp trước của mình.

Chồng cô cháu cười mỉa:

- Chà, cháu gái của chú cứ tin vào những chuyện tào lao như thế! Tủ sách của cô ấy toàn sách thể loại đó và sách *New Science*.

Là bác sĩ y khoa, cậu ta giải thích rằng, hiện nay ở Mỹ, người ta chuộng những chuyện siêu năng lực và những trải nghiệm cận tử, đó là một kiểu hiện tượng khủng hoảng xã hội.

- Chuyện gì anh ấy cũng chỉ suy nghĩ theo logic thôi, - cô cháu gái phụng phịu ra mặt, - nhưng những chuyện không lý giải được bằng logic vẫn xảy ra nhan nhản đó!

- Chỉ là vẫn chưa giải thích được thôi. Rồi khoa học sẽ làm rõ tất cả.

Ông Isobe nãy giờ yên lặng, bây giờ mới lên tiếng:

- Nhưng, cuốn sách của nữ tài tử Shirley MacLaine này... À, nói ngay ra chứ chẳng tin cái chuyện tiên kiếp đâu... nhưng nó sao lại bán chạy thế, chú quan tâm đến lý do đó hơn.

Cô cháu gái cứ ngỡ chú mình tán thành lập trường của mình, nói tiếp:

- Cho nên, sau chiến tranh Việt Nam, ở các đại học Hoa Kỳ, người ta bắt đầu nghiên cứu nghiêm chỉnh vấn đề này đó chú!

Anh ch ồng lại cười nhạt:

- Chỉ có mấy tâm lý gia chẳng có căn bản khoa học và các ông đạo phái *New Age* thôi. Cháu cũng có nghe nói là trường Đại học Virginia người ta có nghiên cứu vấn đề tiên kiếp.

- Người ta có nghiên cứu mà! Hiện nay cuốn sách do học giả Stevenson thuộc Đại học Virginia bàn về đề tài này, là cuốn sách bán chạy hàng thứ ba tại tiệm sách gần nhà cháu đây.

- Cái ông Stevenson này là ai vậy?

- Cháu chưa đọc cuốn sách của ông ấy, nhưng nghe nói ông ấy và cộng sự đã thu thập những câu chuyện về những đứa trẻ có ký ức về tiền kiếp trên khắp thế giới, rồi xác minh cẩn thận để thẩm định mức độ khả tín của mấy chuyện đó.

Anh chồng vừa uống ly rượu pha loãng với nước vừa nhún vai khinh khỉnh.

Ông Isobe xoay xoay ly nước, lời trối trăng của vợ như đang vẳng vẳng trong tai ông.

Liệu vợ ông có thực sự tin những chuyện tiền kiếp, hậu kiếp không? Ông cho là, vì vợ mình có phần nào ngây thơ, thích nói chuyện với cây cỏ và tin vào chuyện báo mộng, nên những câu nói mê sảng đó xuất phát từ ước vọng khẩn thiết của bà.

Chỉ có đi đâu, cứ nghĩ vậy, biết rằng ông đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống của bà, tim ông bỗng thất lại.

Ông chẳng mấy may tin vào cái chuyện kiếp sau, chuyện luân hồi. Ông, cũng giống như chồng cô cháu, chỉ mỉm cười thiếu não, gật đầu cho xong khi cô hăng hái nói về cuốn sách của nữ tài tử Shirley MacLaine nhưng trong bụng chẳng có ý tán thành.

Người chồng ngáp dài, có vẻ như muốn chấm dứt câu chuyện:

- Ôi, đàn bà, sao họ hảo những chuyện kiểu đó thế cơ chứ.

- Thím các cháu... - Ông Isobe chỉ nói đến đó rồi dừng lại, mặc dầu không tin, ông vẫn coi lời trối trăng của vợ là đi đâu bí mật trọng đại không thể tiết lộ cho người khác. Nó giống như báu vật bà đã để lại cho riêng ông.

Ngày trở về nước, trong khi chờ đợi chuyến bay trong khu thương xá phi trường Washington, ông có thấy cuốn *Out on a limb*: Vất vưởng của Shirley MacLaine và cuốn *Children who remember previous lives*: Những đứa trẻ nhớ lại tiền kiếp của tiến sĩ Stevenson bày nghiêng trong tủ kiếng cùng với tấm bảng “Sách bán chạy”. Đây không chỉ là chuyện ngẫu nhiên, bởi vì, dù chẳng tin gì những điều kỳ lạ cô cháu nói, ông vẫn cảm thấy như có một sức vô hình, tựa như người vợ đã mất đang đẩy lưng ông, thúc ông tới gần tủ kiếng. Không cần đắn đo suy nghĩ, ông mua ngay hai cuốn sách đó.

Lên máy bay, ông mở sách đọc ngay. Cô chiêu đãi viên hãng hàng không PAM trao cho ông ly nước, tình cờ thấy bìa cuốn sách của MacLaine, liền nói:

- Cuốn sách ông đang đọc, rất hay. Tôi đã đọc say mê.

Cháu gái ông không hề nói quá.

Nhưng dẫu sao đi nữa, ông Isobe vẫn tâm đắc công trình nghiên cứu của tiến sĩ Stevenson hơn là cuốn của nữ tài tử Shirley MacLaine. Cả việc mặc dẫu đưa ra nhiều kết quả đi điều tra thực địa nhưng tác giả vẫn thận trọng, khách quan “Mặc dù có những hiện tượng đã thực sự xảy ra như thế, nhưng không vì vậy mà chúng tôi dám khẳng định chuyện tiền kiếp là có thật” cũng toát ra vẻ đáng tin cậy. Khi đọc cuốn sách có sức thuyết phục cao như thế, ông Isobe cảm thấy dường như ông bắt đầu tin chút ít những lời trăng trối của vợ.

Ông Isobe thân mến,

Cảm ơn ông đã gửi cho chúng tôi lá thư đề ngày 25 tháng Năm. Chúng tôi xin trả lời hầu ông những thắc mắc của ông.

Đúng là trường Đại học Virginia chúng tôi đã nghiên cứu vấn đề sự sống sau cái chết dưới sự dẫn dắt của giáo sư Stevenson từ năm 1962. Dưới sự hướng dẫn của giáo sư, chúng tôi đã tìm kiếm khắp thế giới những đứa bé dưới ba tuổi tự xưng có ký ức về tiền kiếp. Chúng tôi đã cho thu thập thông tin cụ thể như lời kể của đứa trẻ, lời chứng khách quan của cha mẹ và anh chị em chúng, và những đặc trưng cơ thể của từng trường hợp. Đây là một phần trong những nghiên cứu đã thu được kết quả ở Mỹ từ sau chiến tranh Việt Nam, nhằm làm rõ về kinh nghiệm cận tử, hiện tượng hồn lìa khỏi xác, siêu năng lực và những hiện tượng khác.

Hiện nay, để trở thành đối tượng nghiên cứu của chúng tôi, các trường hợp tái sinh phải đáp ứng các điều kiện được liệt kê như sau:

(1) Có khá nhiều chứng cứ xác nhận là sự thực mà không thể giải thích bằng thấu thị, thần giao cách cảm hay ghi nhớ trong tiềm thức;

(2) Đương sự có những kỹ năng phức tạp, không thể học được trong hiện thế, như khả năng nói một ngoại ngữ hay chơi một nhạc cụ;

(3) Đương sự có bớt ở cùng một chỗ với vết thương mà đương sự nhớ là mình đã bị trong kiếp trước;

(4) Những ký ức mà đương sự nói đã xảy trong tiền kiếp không bị phai nhạt đi theo tuổi lớn, và không cần khơi gợi bằng thôi miên;

(5) Đương sự được nhiều người thân và bạn bè của nhân vật trong kiếp trước công nhận là tái sinh của nhân vật đó trong suốt một thời gian dài;

(6) Sự đồng nhất với nhân cách của tiền kiếp không thể giải thích là do ảnh hưởng của cha mẹ hoặc ai khác. Chúng tôi đặc biệt ưu tiên chọn các trẻ em dưới ba tuổi là vì, ở độ tuổi lớn hơn, trẻ có thể lẫn lộn vì những câu chuyện vô thưởng vô phạt của người lớn, bị ảo giác đó là ký ức của mình.)

Chúng tôi phải đề ra những điều kiện nghiêm ngặt như thế, bởi vì nghiên cứu của chúng tôi là điều tra học thuật mang tính khách quan, không liên quan gì đến những điều kỳ bí, đến các thứ giáo phái bí ẩn hoặc các hình thức thông thiên thấu thị.

Chúng tôi cũng xin thừa rằng hiện nay chúng tôi không dám khẳng định chắc chắn chuyện con người “tái sinh” là có thật. Chúng tôi chỉ dám phát biểu là, hiện tượng được coi là “tái sinh” xảy ra ở khắp các nước trên thế giới.

Cho tới nay chúng tôi đã thu thập được một ngàn sáu trăm trường hợp “tái sinh” nhưng rất tiếc chỉ có một trường hợp đương sự tự xưng kiếp trước là người Nhật. Trường hợp đó như sau:

Có một cô bé ở làng Nathul, Miến Điện, tên Ma Tin Aung Myo, sinh tháng Mười hai năm 1953, đã bắt đầu nói về tiền kiếp của mình từ khi khoảng bốn tuổi. Có một ngày kia đi dạo với cha, nhìn lên trời thấy một chiếc máy bay đang bay, cô bé tỏ vẻ kinh hãi khóc thét lên. Về sau, thấy con gái mình mỗi khi nhìn thấy máy bay lại cứ hét lên sợ hãi, ông mới hỏi cô bé có sự, thì cháu trả lời là vì sợ bị máy bay oanh kích. Từ đó về sau cô bé trở nên ủ rũ và cứ đòi: “Con muốn đến Nhật Bản.”

Cô bé dần dần kể rằng kiếp trước cô bé sinh ở miền Bắc Nhật Bản, đã có gia đình và có con (số con có thay đổi mỗi lần nói chuyện), rằng khi đã vào quân ngũ, đóng ở Nathul, đúng lúc định nấu cơm bên cạnh đồng củi, có một chiếc máy bay địch xuất hiện. Lúc ấy cô bé - nghĩa là anh lính Nhật đó - đang đứng mặc mỗi quần đùi, bụng quần vải, máy bay địch nhào xuống quét súng liên thanh, anh lính định nấp trong đồng củi nhưng bị đạn bắn trúng háng chết ngay lập tức.

Đó là những gì cô bé Ma Tin Aung Myo đã kể. Sau đó cô bé còn nói rằng có cảm giác trước khi đi lính mình có một cửa hàng nhỏ ở Nhật, rồi khi ở trong lính mình là hỏa đầu quân và khi bị chết là lúc quân đội Nhật bắt đầu triệt thoái khỏi Miến Điện.

Tuy nhiên không thấy cô bé kể tên của người lính Nhật, tên người nhà và địa danh trong câu chuyện. Có điều là, cô bé không thích đồ ăn Miến, chỉ thích ăn đồ ngọt và món cà ri nấu với đường thốt nốt. Cô bé cứ lặp đi lặp lại là sẽ trở về Nhật với các con; hoặc nói là khi lớn lên, cô bé sẽ đi qua Nhật. Người nhà cô bé có kể là Ma Tin Aung Myo cứ nói cái thứ tiếng gì đó mà người trong nhà hoàn toàn chẳng hiểu được. Chúng tôi không biết đó có phải là tiếng Nhật hay chỉ là tiếng con nít lau nhau. Lại lòng hơn nữa, cô bé còn có một cái bớt ở ngay háng, nơi cháu nói là bị trúng đạn trong kiếp trước. Nếu muốn hiểu rõ hơn vấn đề này, xin ông hãy đọc thêm bản báo cáo điều tra của giáo sư Stevenson.

Sau này, nếu xuất hiện trường hợp nào đối tượng nghiên cứu của chúng tôi tự xưng là người Nhật trong tiền kiếp, chúng tôi rất sẵn lòng liên lạc với ông.

Trân trọng kính chào ông,

*John Osis
Phòng nghiên cứu nhân cách
Bộ môn tâm thần học Khoa Y
Đại học Virginia*

CHƯƠNG HAI

Buổi họp mặt thông báo

“Dòng sông Hằng linh thiêng thanh tẩy cõi tâm, xoa dịu những khu phố chợ ồn ào, rối rắm, chen chúc người, thú. Và đây, dòng sông Ấn, nơi khai hoa nở nhụy văn hóa Ấn Độ xưa kia.”

Hình đền Taj Mahal trắng như cái tách úp, hình các đạo sĩ Bà la môn với dấu son trên trán, hình các vũ công Ấn Độ đang uốn éo đôi tay đầy khêu gợi lần lượt xuất hiện trên màn hình video. Trong số hai mươi người cả đàn ông lẫn đàn bà tham dự buổi thuyết trình chuẩn bị cho chuyến thăm viếng các di tích Phật giáo ở Ấn Độ sau hai tuần nữa, có tới hơn một nửa là những người đã trọng tuổi.

Tiếng ho húng hắng, tiếng ngọ nguậy khe khẽ vang lên trong khi những phong cảnh gần như giống nhau và những đền đài chẳng khác nhau lắm hiện ra trên màn ảnh nhỏ. Những đại lộ của thành phố Bombay và Calcutta đầm đìa mồ hôi và mùi hôi người; những thánh địa Phật giáo Lumbini, Kapilavastu, Bodh Gaya và Sanarth. Mitsuko không dám tin là trong chưa đầy ba tuần nữa thôi, khi mà ở Nhật Bản trời đã sang thu lạnh lẽo dịu hiu, thì chính cô chứ không phải ai khác, lại được bước đi trên vùng đất nắng ấm đó.

Đèn bật sáng trở lại. Cảm thấy mùi hơi thở của mọi người hòa lẫn với không khí trong hội trường, cô liền thò tay vào túi xách lấy chiếc khăn tay. Người đàn ông ngồi phía trước, nghe thoang thoảng mùi nước hoa từ chiếc khăn tay, ngoái đầu lại phía cô, bỗng ra vẻ ngạc nhiên trông thấy.

- Để cho chuyến du lịch của chúng ta được thập phần hoàn hảo, hướng dẫn viên Enami sẽ nêu những đi đầu quý vị cần chú ý đặc biệt trong chuyến đi. Xin quý vị nhìn vào tờ giấy trong tay mình.

Người đàn ông tầm ba tư, ba lăm tuổi, đeo kiếng tròn đứng ra phía trước màn hình, cúi chào.

- Tôi tên là Enami, đã từng du học ở Ấn Độ bốn năm. Trong thời gian du học tôi có dẫn khách du lịch cho chính hãng Cosmos này, cho nên, dựa trên những kinh nghiệm bản thân, tôi xin phép trình bày hầu quý khách ba đi đầu cần lưu ý:

Thứ nhất là chuyện nước nôi. Xin quý vị tuyệt đối không uống nước lã ở Ấn Độ. Xin chỉ uống nước đã nấu sôi, nước ngọt trong lon hoặc nước trái cây hộp. Có khách hàng của chúng tôi đã kêu thức uống có đá, rượu whiskey đá trong khách sạn, và đã bị đau bụng tháo dạ do đá đó.

Anh ta giải thích từng mục, từng mục theo đúng nội dung in trên tờ giấy, như cách sử dụng nhà vệ sinh ở Ấn Độ cũng có những tục đặc biệt: người Ấn cho bàn tay trái là ô uế, cho nên không được đưa bàn tay trái xoa đầu con nít, không cần phải cho tiền boa, ngoại trừ được yêu cầu, và cả các biện pháp phòng ăn cắp, móc túi, vân vân.

- Ở Ấn Độ có chế độ đẳng cấp tôn giáo gọi là Caste. Hay còn gọi là *varna-jati*. Chế độ đẳng cấp này rất phức tạp, tôi không thể chỉ trong vài

lời đơn giản mà có thể giải thích hết được. Nhưng tôi nghĩ quý vị cũng nên biết rằng có một số người không thuộc giai cấp nào cả, dù là giai cấp thấp nhất trong hệ thống *varna*; người ta gọi họ là tiện dân, những kẻ không ai muốn đụng tới. Những kẻ không ai muốn đụng tới này, người đời nay vẫn gọi là *Harijan*, có nghĩa là “con của thần Hari”, nhưng thực ra kẻ từ người đời xưa đã có cảm xúc đặc biệt với hạng người này. Nếu trong chuyến đi, quý vị quan sát thấy có sự phân biệt đối xử như vậy, có lẽ quý vị sẽ không thấy thoải mái, nhưng xin hãy hiểu rằng đi đâu đó nằm trong bối cảnh tôn giáo và lịch sử ngàn đời của Ấn.

Khi trình bày những đi đâu cần lưu ý xong, người hướng dẫn đề nghị mọi người đặt câu hỏi:

- Để cho chúng ta sớm làm quen với nhau, khi đặt câu hỏi, xin quý vị cho biết luôn quý danh.

Hai ba người gì đó giơ tay lên.

- Tên tôi là Numata. Tôi muốn đi thăm khu bảo tồn chim hoang dã; tôi có thể lưu lại một thời gian ngắn ở Agra hoặc Bharatpur một mình được không?

- Chuyến du lịch này đúng ra là chuyến đi viếng các Phật tích, nhưng nếu muốn ông có thể lưu lại một thành phố nào đó, rồi nhập lại với đoàn sau cũng được. Ông thích động vật ạ?

- Vâng.

- Ấn Độ cũng giống như một vườn bách thú tự nhiên. Đi đến đâu người ta cũng thấy khỉ, cây mangut, hổ và cả rắn hổ mang nữa.

Anh Enami khiến mọi người bật cười.

- Có đi đâu nếu ông muốn đặc biệt lưu lại một nơi nào đó, xin ông vui lòng ở trong một khách sạn do chúng tôi chỉ định. Và xin ông vui lòng trả thêm tiền cho chuyện ăn uống ở ngoài.

- Tôi hiểu.

Tiếp theo một phụ nữ hỏi về nhiệt độ ở Ấn vào thời điểm này và phải ăn mặc làm sao cho thích hợp, một người đàn ông trọng tuổi giờ tay hỏi:

- Tôi muốn đến một ngôi chùa nào đó làm lễ cầu siêu có được không?

- Chùa ông đề cập đến là chùa Phật giáo chứ không phải đền thờ Ấn giáo, phải không ạ? Xin lỗi, quý danh của ông là gì ạ?

- Tên tôi là Kiguchi.

- Vậy thưa ông Kiguchi, lễ cầu siêu ông dự tính cử hành có gì đặc biệt không?

- Không, chỉ là trong thời chiến tranh, tôi đã mất nhiều đồng đội ở Miến Điện, tôi cũng đã chiến đấu với cả lính Ấn Độ nữa, nên tôi có ý định đến một ngôi chùa nào đó ở Ấn để cúng cầu siêu cho các chiến sĩ trận vong của cả hai bên...

Mọi người bỗng yên lặng trong giây lát.

- Chắc thì không chắc nhưng có lẽ tôi có thể thu xếp được chuyện này. Nhân đây, tôi cũng xin phép thưa rằng ở Ấn hiện nay, tín đồ Ấn giáo

chiếm tuyệt đại đa số, thứ đến là tín đồ Hồi giáo, còn Phật giáo có thể nói là đã bị suy tàn. Theo con số chính thức thì có khoảng ba triệu Phật tử. Nhưng trên thực tế, những thiện nam tín nữ Phật giáo phần nhiều thuộc giai cấp tiện dân tôi vừa nói lúc trước. Nghĩa là những người ở tầng thấp nhất, không thuộc vào bất cứ đẳng cấp nào, cầu xin sự cứu rỗi nơi Phật giáo vì giáo lý của Phật dạy sự bình đẳng giữa người với người. Dù gì đi nữa, chế độ đẳng cấp vốn là rường cột làm nên Ấn giáo và xã hội Ấn, nên ở đất nước này Phật giáo đã bị suy yếu đi.

Mọi người nghe hướng dẫn viên nói thế thì rất ngỡ ngàng. Đối với họ, những người đi Ấn Độ với mục đích chính là để viếng các Phật tích, Ấn Độ là đất nước của Phật, của Đức Thích Ca.

- Như thế người theo Ấn giáo họ tin vào cái gì vậy thưa anh? - Một người phụ nữ trọng tuổi, vẻ mặt hiên lành, lên tiếng hỏi. Bà cũng đi hành hương Phật tích với chồng.

- Quý danh của bà là gì ạ?

- Tên tôi là Kokubo.

- Xin cảm ơn bà! Ấn giáo vốn rất uyên áo, đa dạng; tôi không thể trong một vài lời giải thích hết được. Tôi nghĩ tốt nhất chúng ta nên đi xem các tượng thần của họ khi chúng ta đến Ấn. Trong Ấn giáo có nhiều thần lắm. Tôi xin mạn phép giải thích bằng trình chiếu.

Hình dáng kỳ dị của một người đàn bà xuất hiện trên màn ảnh. Một chân đạp lên xác chết của một người đàn ông, một trong bốn tay của bà đưa lên quàng quanh vai, thay vì chuỗi cườm lại là một xâu đầu lâu.

- Đây là hình ảnh nữ thần Kàli thường được trang trí trong các gia đình và đền thờ ở Ấn Độ. Trong đạo Công giáo, Mẹ Maria tượng trưng cho tình mẹ hiền từ, nhưng các nữ thần Ấn Độ được gọi chung là địa mẫu thần, những vị thần đầy tình thương nhưng cũng đầy kinh hãi. Chỉ duy có nữ thần Chàmunda dường như gánh mọi khổ đau của Ấn Độ. Bằng mọi cách, tôi sẽ đưa quý khách đi thăm tượng của nữ thần này.

Khi đèn trong phòng bật sáng trở lại, bà Kokubo kêu lên:

- Chà, ghê quá!

Làm mọi người cùng bật cười.

- Thời giờ dành cho buổi họp đã hết. Cảm ơn quý khách đã kiên nhẫn lắng nghe. - Anh Enami nói thế, rồi lại một lần nữa, đưa ngón tay đẩy cái kiếng đeo dày cộm lên vụng về cúi đầu chào mọi người.

Ngay khi Mitsuko vừa đứng dậy để đi ra khỏi phòng họp, cô nghe người đàn ông ngồi ở hàng ghế trước gọi cô:

- Cô Naruse phải không?

- Vâng, đúng vậy!

- Cô quên tôi rồi sao? Tôi là Isobe đây. Nhà tôi đã được cô chăm sóc ở bệnh viện.

Tận đáy ký ức của cô hiện lên hình ảnh người đàn bà giỏi chịu đựng bị ung thư vào giai đoạn cuối và người chồng ngày nào cũng đến bệnh viện thăm.

- Hồi đó, cô đã giúp đỡ nhà tôi rất nhiều. Nhưng tôi không ngờ lại gặp được cô ở đây.

Ông Isobe nhìn chăm chăm Mitsuko như thể tìm kiếm nơi cô những mảnh nhớ về vợ mình, khiến cô cảm thấy nặng nề

- Hình như chúng ta sẽ đi Ấn Độ với nhau thì phải? Tôi rất mong ông giúp đỡ. Thật tình cờ, phải không ông?

Khi thấy cô như muốn đổi đề tài câu chuyện, ông Isobe gật đầu, nói:

- Nhưng tôi không biết cô Naruse lại thích đi viếng các Phật tích đấy.

- Tôi chẳng hứng thú gì với Phật giáo đâu, - Mitsuko vừa nói vừa cười ngập ngừng. Hình ảnh những nữ thần đòi máu, đòi sinh lễ lúc này vẫn còn chờn vờn trong mắt cô. Cô thăm gì ở Ấn Độ, chính cô, cô cũng chẳng biết nữa. Có lẽ cô muốn chôn mình hình tượng của các vị nữ thần vừa thiện vừa ác, cả yêu thương lẫn tàn bạo.

- Tôi cứ nghĩ là cô thích nước Pháp hơn.

- Sao mà ông lại nghĩ như vậy được nhỉ?

- Tôi nhớ là nhà tôi hồi đó có nói đại loại chuyện như vậy.

- Tôi có đi Pháp một lần nhưng tôi chẳng thích gì Pháp cho lắm.

Ông Isobe sượng sùng thỉnh lặng khi nghe Mitsuko nói huych toẹt ra như thế. Cô cũng cảm thấy mình có hơi gay gắt:

- Tôi nói năng không được nhã nhặn. Thành thật xin ông thứ lỗi cho. Chắc ông qua Ấn Độ để tham quan?

- Vâng, cũng có một phần... - Ông Isobe cảm thấy hơi ngại ngùng. - Tôi đi đến đó để kiểm một điếu. Thực sự thì đó là một chuyến đi giống như đi kiểm của báu.

- Mọi người đi Ấn Độ đều có một ý định nào đó trong lòng. Có người qua đó để xem cảnh thú, nhưng cũng có người đến đó để làm lễ cầu siêu cho các chiến hữu của mình.

Những chiếc lá màu vàng nâu từ hàng cây bên đường rơi rơi rụng trên lối đi. Tắc xi đậu thành hàng trước lối ra. Cặp du khách Mỹ đang thích thú ngắm các món đồ chơi trưng trong tủ kính cửa hàng trên phố. Mitsuko cảm thấy khó chịu khi thấy ông Isobe có vẻ như còn cố tìm cách chuyện trò với cô:

- Xin thất lễ với ông. Tôi phải đi. Chúng ta sẽ gặp nhau tại phi trường Narita hôm đó.

- Chúng ta sẽ tập trung vào lúc mười giờ rưỡi, phải thế không cô?

- Vâng, đúng thế; trước khi khởi hành hai tiếng.

Nói thế xong, cô khom người chui vào chiếc tắc xi đang chờ sẵn. Qua cửa xe, cô có thể thấy cái bóng cô đơn của ông Isobe đang lùi lại phía sau. Cái dáng vẻ cô độc muôn thuở của một người đàn ông mất vợ.

Tắc xi chạy qua trường đại học mà cô đã tốt nghiệp rồi quay về phía ngã tư Yotsuya vàng lá ngô đồng. Khi xe ngừng đèn đỏ, cô thấy quán Allo Allo mà thời sinh viên cô vẫn hay lui tới, vẫn còn đó. Nó làm cô nhớ

lại những ngày vui chơi thoải mái khi còn là một nữ sinh viên từ vùng Kansai quê hương lên Tokyo học. Thời gian này bạn học đặt cho cô biệt danh Moira. Thuở đó cô là một con nhỏ sinh viên ngốc nghếch, cứ có ảo tưởng rằng những ngày rong chơi với bạn học, uống rượu “trăm phần trăm” với đám bạn trai trong quán Allo Allo là “những ngày xanh” đáng sống. Tuy đám bạn bè như vậy bao quanh cô, ở một nơi nào đó khuất lách của trái tim, cô vẫn khinh miệt họ. Từ hồi đó, cô đã muốn có một cuộc đời khác với những người bạn đồng song, những người chỉ nghĩ tới một cuộc sống bình thường trong tương lai. Nhưng vào lúc cô còn chưa nhận ra sự khác nhau của hai lối sống như thế, anh hề Pierrot đó lại xuất hiện trước mắt cô. Anh chàng Ootsu mà cô đã đùa giỡn...

CHƯƠNG BA

Trường hợp Mitsuko

Thời gian cô theo học chuyên ngành văn học Pháp ở trường đại học, cô được các bạn bè trong nhóm ăn chơi tặng cho cái hõn danh là “Moira”, theo tên nữ nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết *Moira* của Julien Green, tác phẩm dùng trong giáo trình học.

Moira là cô gái đã quyến rũ anh chàng sinh viên Thanh giáo ở trọ trong nhà mình để tiêu khiển cho vui. Trường đại học cô theo học vốn là đại học của một dòng nam Công giáo, nên tuy không nhiều nhưng có một số sinh viên của trường đã được rửa tội. Các nam sinh viên bình thường khác coi những sinh viên này là những đứa què mùa “không chơi được”, “không hợp”. Tuy không hẳn bị đối xử phân biệt nhưng cũng có người bị coi là kẻ khó chơi.

Trong một buổi tiệc của các sinh viên, hai ba đứa nam sinh khóa dưới nói khích Mitsuko:

- Sao b ồ không nhào vô chọc anh chàng khờ Ootsu thử coi. Có khi lại hay đấy.

- Anh chàng học ngành nào vậy?

- Hắn học triết. Thuộc tuýp chỉ cần nhìn qua là muốn chọc r ối. Một đ ứa chẳng bao giờ được con gái bắt chuyện. Tui dám cá là hắn ta còn *chinh*.

- Bộ anh chàng nhát l ẻm hay sao vậy?

- Chính vì thế tui này mới dám chắc là b ồ thế nào cũng khoái dụ anh ta vô tròng.

- Dụ làm gì chứ?

- Thì bởi cái bản mặt hắn lúc nào cũng có vẻ tươi cười cứ như muốn c ầu thân với tất cả mọi người. Tui bảo đảm chỉ cần nhìn mặt hắn một l ần, thế nào b ồ cũng muốn chọc hắn l ẻn.

Vào thời điểm này, các phong trào đấu tranh của sinh viên đã dần dần lụi tàn; phần nhiều các sinh viên bị rơi vào tình trạng tinh thần trống rỗng. Mà Mitsuko lại đang ở cái tuổi thích làm chuyện đội đá vá trời. Vì mặc cảm tự ti của một cô gái ở tỉnh lên, và ý vào sự chi ều chu ộng của cha, cô thuê cả một căn hộ sang trọng so với tiêu chuẩn của một sinh viên bình thường. Cô tụ tập bạn bè uống cô nh ắc, loại rượu mà sinh viên không làm gì có tiền để mua, và lái xe hơi thể thao ào ào. Vậy mà, tâm hồn cô luôn trống rỗng. Khi nghe đám bạn bè khen cô uống rượu chì, khen xe cô ng ầu, cô cảm thấy tự trọng thâm thâm một cảm xúc không rõ là nổi phẫn nộ không diễn tả được hay một nổi cô đơn khôn thốt thành lời.

- Vậy hả? Để xem tao có thích không cái đ ẽ.

- Dẫu sao b ồ cũng nên quyến rũ hắn ta kiểu như cái cô Moira đã quyến rũ anh chàng Joseph ấy. Dùng cái ngón *chìa khóa* đó...

Trong cuốn tiểu thuyết *Moira* có cảnh cô bỏ chiếc chìa khóa phòng Joseph vào giữa khe ngực. Chàng Joseph phải chạm vào ngực cô mới lấy chìa khóa được. Đám sinh viên nam nửa đùa nửa thật bày cho cô như thế.

Đó chỉ là một trong những đoạn hội thoại vô trách nhiệm của đám sinh viên năm hai đại học. Các nữ sinh uống rượu, hút thuốc và nói năng như thế vốn là chuyện thông thường trong đám sinh viên Tokyo.

Nhưng sau đó cô quên bống luôn chuyện anh chàng Ootsu. Với cô, các câu chuyện đùa trong các buổi họp mặt chè chén giữa sinh viên với nhau, nghe đó rồi quên đó, chẳng mấy chốc đã tiêu tan như những chiếc kẹo bông đường mua ở hội chợ rồi còn bé mà thôi.

Được khoảng chừng nửa tháng, khi Mitsuko đang ngồi bên chiếc bàn ngay giữa thư viện, vật lộn với từ điển tra những chữ trong phần kết của tiểu thuyết *Moira* cô phải dịch cho buổi thuyết trình trước lớp ngày mai, có ai thọc ngón tay vào lưng cô. Khi cô quay lại, hai nam sinh khóa dưới ghé mặt sát vào mặt cô, thì thầm như thể đang tiết lộ một tin tức tối mật.

- Anh chàng Ootsu kia...

- Ootsu? Ootsu nào? À! Nhớ ra rồi.

- Hắn ngồi gần chỗ cột đằng kia kia. Cái anh chàng đang ghi ghi chép chép làm ra điếu quan trọng đó.

Những năm tháng dài đã trôi qua trong đời, nhưng hôm nay cô vẫn nhớ khuôn mặt nhìn nghiêng của Ootsu hôm đó. Thời đó các sinh viên không còn mặc đồng phục nữa, thế mà anh chàng Ootsu bầu bĩnh còn đi sắm loại áo khoác đồng phục cổ cứng quê mùa đó mà mặc. Anh ta ngồi

trên ghế, áo sơ mi trắng xắn tay, trông giống như một nhân viên ngân hàng kiểu mẫu đang ngồi ở quầy đếm bạc, đếm từng tờ, từng tờ.

- Tao phải chọn cái anh chàng đang ngồi gào bài đằng kia?

- Nhưng giờ thì biết nhiều là vì sao tại này lại muốn chọn hẳn rồi chứ.

Đúng là trong trường đại học, kiểu gì cũng có một số nam sinh viên cứ thôi thúc các bạn nữ chòng ghẹo. Đáng dấp quê mùa của Ootsu khiến chàng ta chính thuộc loại người như vậy.

- Chắc biết vẫn không quên lời hứa bữa họp mặt chứ? Nay biết, hẳn ta chỉ đâu nào cũng đến nhà nguyện của trường cầu nguyện.

- À, như vậy là hai đứa bay cứ muốn tao kéo anh chàng vào con đường tội lỗi? Để cho tao nghĩ lại xem sao cái đã.

Nhưng hai tên vẫn cứ thúc sau lưng mãi, làm Mitsuko bất lực, gay gắt mắng. Lúc này Mitsuko không muốn đụng tới Ootsu làm gì.

Nhưng hai tên đã tìm ra cách khác để trêu Ootsu.

Đến giờ thư viện đóng cửa, Mitsuko đứng dậy; vừa bước xuống cầu thang, cô thấy Ootsu đã đứng chỗ cửa ra vào tự lúc nào, ôm trước ngực tay nải lem luốc.

- Xin lỗi cô! Tôi... là Ootsu. - Anh ta ấp úng nói với Mitsuko.

- Hả?

- Anh Kondo có nói là cô có đi đâu gì đó muốn nói với tôi.

Kondo chính là cậu sinh viên chỉ cho Mitsuko chỗ Ootsu ngủ lúc này.

- Thưa anh, tôi chẳng có chuyện gì muốn nói với anh cả, - Mitsuko lạnh lùng nói. - Bọn họ giống anh đấy.

- Giống tôi? Cái anh Kondo ấy á? - Ootsu gật gật. - ... Thì ra là thế.

- Anh không giận à?

- Tôi cũng quen rồi cô ạ! Từ nhỏ tôi đã bị chọc ghẹo hoài.

Nói thế rồi, Ootsu nở nụ cười hiền lành trên khuôn mặt tròn như trăng rằm.

- Tại anh trông nghiêm trang quá đấy.

- Vậy sao? Tôi cứ nghĩ mình chỉ là một người bình thường như bao người khác.

- Mọi người bảo anh trông cứ như ông cụ non.

Lúc nhìn soi mói vào khuôn mặt của Ootsu, đột nhiên một ý nghĩ tinh quái vụt qua đầu cô. Cô đã hiểu vì sao Moira lại muốn chòng ghẹo anh chàng sinh viên Thanh giáo Joseph.

- Mọi người đều nói anh như thế.

- Vậy sao?

- Ừ! Trước nhất, giờ còn mấy ai mặc đồng phục sinh viên như thế này vào mùa hè nữa.

- Ô, xin lỗi! Chẳng qua mắc theo thói quen thôi. Tôi không cố tình mặc thế này đâu.

- Này, bộ anh là người có đạo hả?

- Vâng, đạo gốc, tôi có đạo từ hồi còn bé.

- Anh thực lòng tin vào Chúa à?

Mitsuko vô thức buột ra câu hỏi mà cô chưa hề nghĩ tới. Dù học ở đại học Công giáo này, cô không định tin vào những điều như thế và ghét những chuyện như thế.

- Xin lỗi, - Ootsu nói như cậu bé mắc lỗi. - Đúng là như vậy.

- Tôi chẳng bao giờ hiểu được. Anh thật không giống ai.

Cô quay mặt ra phía sau, không thèm nhìn Ootsu, rồi đi xuống bậc thang. Dù nhìn ngang hay nhìn dọc, Ootsu vẫn không phải là mẫu người đàn ông làm cho các cô gái phải tò mò để ý. Nhưng tới bây giờ, nghĩ lại, cô thấy thật lạ là vì sao mình lại dấn dng tới anh chàng Ootsu đó. Nói rõ hơn, tất cả bắt đầu từ cảm xúc trẻ con, ban đầu chỉ muốn trêu ghẹo vị Chúa mà Ootsu tin chứ không phải Ootsu.

Sau lần giáp mặt Ootsu trước cửa thư viện vài ngày, vào một ngày hè oi ả ngay trước khi nghỉ hè, cô đi ra khỏi tòa nhà có phòng học 109, ngồi trên chiếc ghế băng ộp bóng mát, uống nước ngọt đựng trong ly giấy với các bạn gái học chung. Cô thấy, trong đám sinh viên nam nữ đang đi qua trước mặt mình, bóng dáng Ootsu trong áo khoác đng phục đen trông phát sốt đang rảo bước. Mitsuko nói với các bạn gái:

- Anh chàng đi đằng kia, người gì mà trông quê mùa dễ sợ.

- Anh chàng đằng kia đó hả? Lúc nào hắn ta cũng trong bộ dạng đó!

- Các cô bạn gái đáp lời. - Nhưng tiếng sáo của hắn ta ngọt lắm à nghe.

- Hắn ta biết thổi sáo hả?

- Không nhớ là lúc nào nhưng anh chàng đã có lần chơi một bản Mozart trong buổi hòa nhạc ở trường. Đó là lần đầu tiên nên ai cũng ngạc nhiên.

- Thật khó tin.

- Ông nội của hắn là một người có tiếng tăm trong chính giới.

- Thế thì tại sao hắn lại mặc bộ đồ phục quê mùa như vậy?

- Thì mày đi lại mà hỏi hắn.

Thời điểm khơi dậy lòng tò mò của Mitsuko đối với anh chàng Ootsu mà trước đây cô chẳng thèm đoái hoài tới, là lúc này đây. Nhưng bằng chuyên môn phá phách trong ban văn học Pháp muốn chọc Ootsu vì một lý do khác.

- Này, anh chàng đó có tài thổi sáo, tụi bay có biết không?

Nghe Mitsuko nói thế, bọn Kondo cười ầm lên, nói:

- Tụi này biết dư đi. B ồ không thấy thế là lạ sao? Chính vì hắn kỳ lạ như thế, tụi này mới nhờ b ồ chọc hắn ta giùm.

- Thôi dẹp đi! Hay ho gì mà chọc!

- Hẳn ta mỗi ngày đều đến Kultur Heim sau giờ học.
- Đến Kultur Heim đó á?
- Cái nguyện đường cổ kính của các cha nằm ở trong trường ấy.
- Đến đó làm gì?
- Cầu nguyện chứ còn làm gì nữa.

Thì ra là vậy. Anh chàng này là như thế đó. Ootsu là người đàn ông thuộc về một thế giới mà Mitsuko, tự bản năng, cảm thấy rất ghét.

- Nay Naruse, b ồ thích hay ghét kiểu người đó?
- Ghét!

Mất đi các mục tiêu của phong trào sinh viên đã dẫn dắt các bậc đàn anh bốn năm năm về trước, giờ họ phải tìm cái gì đó để phá phách, hầu che giấu sự trống rỗng của tâm hồn. Và họ vẫn biết rằng, dù có phá phách cách gì đi nữa, cô đơn vẫn cứ ch ồng chất cô đơn.

Nói tiếng “ghét”, cảm xúc của Mitsuko một nửa là thật, một nửa là nói dối. Mitsuko mơ hồ thấy anh chàng Ootsu có lối sống không giống với các sinh viên khác, đồng thời cảm thấy anh ta còn có vẻ kênh kiệu, giả hình. Chính vì vậy, Mitsuko mới “ghét”.

Nhằm tìm hiểu xem những lời đồn đãi về Ootsu thực hư như thế nào, Mitsuko, nửa đùa nửa thật, đề nghị với bọn Kondo là, sau khi tan học, cô và họ sẽ đi đến Kultur Heim gần tòa nhà các linh mục của trường sống để thăm dò xem sao.

Kultur Heim là một trong những tòa nhà cũ, yên tĩnh nhất của trường, đã tường vi phủ tới một nửa tường, tầng trệt có một số phòng dùng làm nơi hội họp và tầng hai được dùng làm nhà nguyện. Mitsuko vẫn còn nhớ là mỗi lần có ai đi lên, cầu thang cứ kêu cọt kẹt. Hồi mới nhập học, cô và các bạn gái đã được đưa đi xem qua nguyện đường, tiếng cọt kẹt đó vẫn còn in trong trí cô. Hồi đó, cô thấy một linh mục ngoại quốc đang quỳ gối, bàn tay đặt lên trán cầu nguyện.

Vào giờ tan học, nguyện đường đắm ánh nắng chói chang hắt vào từ khu vườn mùa hạ tốt tươi cây cỏ. Chẳng thấy một bóng người trong nguyện đường thanh vắng. Có tiếng chuông đồng hồ văng vẳng xa xa. Tiếng chuông khiến cô mơ hồ liên tưởng tới trường đại học ở miền Nam nước Mỹ trong tác phẩm *Moirra*.

- Đâu có chàng ta ở đây đâu. - Mitsuko cần nhẫn. - Toàn chuyện tào lao.

- Thì nghe người ta đồn đãi sao thì nói lại cho bồ nghe vậy thôi. Thế mà đã cáu rầy.

Bọn Kondo vốn biết tính của Mitsuko, nhưng nghe cô nặng lời như thế, chúng vẫn thấy nhợn. Phần Mitsuko, cô ngạc nhiên thấy mình khi không lại hăng hái đi làm chuyện trời ơi đất hỡi như vậy.

- Thân nam nhi mà lại đến đây quỳ gối cầu nguyện, nghe mà muốn mửa. - Mitsuko nói như ới ra từng chữ.

Cả bọn im lặng như thế đang cố đoán tâm trạng của Mitsuko. Khoảng năm, sáu phút sau, có tiếng chân lên cầu thang cọt kẹt. “Tiếng chân của Ootsu chứ ai vào đây,” trực giác mách bảo cô như vậy. Ánh mắt cả bọn

đổ d ãn vào Ootsu, đứng trước cửa nhà nguyện, trông như một linh hồn được bao bọc trong ánh sáng.

- A. - Anh chàng tròn xoe mắt, cười ngượng ngáp. - Các bạn mà cũng đến đây sao?

- Anh Ootsu. - Giọng Mitsuko trở ngọt ngào, khác hẳn với lúc nãy. - Bộ mỗi ngày anh vẫn đến đây cầu nguyện hả anh Ootsu?

- Xin lỗi. Đúng vậy. Còn các bạn đến đây để làm gì vậy?

- Thì đến để mời anh đi dự buổi họp mặt của tụi này cho vui. Anh biết quán Allo Allo nằm ở ngã tư Yotsuya chứ?

- Nó nằm ở phía sau nhà xuất bản Trung ương chỗ góc đường phải không?

- Anh có thích đến đó chơi với tụi này không?

- Thích, nhưng tôi đến đó, chỉ làm cho các bạn mất vui. - Ootsu bối rối nói. - Tôi chẳng quen đi chơi, nên...

- Anh đừng ngại gì cả. Mà đi hay không, nói cho một tiếng.

- Xin lỗi. Tôi sẽ đến.

Khi Mitsuko ra khỏi nguyện đường, đồng hồ ở tầng dưới cũng vừa gõ năm tiếng. Bọn sinh viên bao quanh cô lao xao, không ngờ lại xuôi xẩn ngon lành như vậy.

- Hẳn ta đến thật không nhỉ?

- Anh chàng sẽ đến mà. Nhưng bọn mày không được trêu anh ta đâu đấy, mình phải phục rượu cho say.

- Tụi này hiểu rồi. Xin tuân lệnh!

Quán Allo Allo, nơi họp mặt của các sinh viên trong băng Mitsuko, mở tận tới khuya và cứ đến đây là Mitsuko bao tới cả một nửa tiền nhậu nên bọn Kondo thích lắm.

Nhưng nửa tiếng rồi một giờ trôi qua, vẫn chưa thấy bóng dáng Ootsu đâu cả.

- Hắn ta chầu rồi! - Cả nhóm vừa chắt lưỡi vừa nhìn tới nhìn lui phía cửa ra vào.

- Không sao đâu, anh chàng sẽ đến mà. - Không biết sao Mitsuko lại nói chắc như đinh đóng cột. Cô nhớ tới vẻ mặt cùng nụ cười hiên lành của Ootsu khi cô mời đến quán, khi anh ta hứa “Tôi sẽ đến”. Đồng thời cô linh cảm, Ootsu, giống như anh chàng Joseph, rồi cũng sẽ rơi vào chiếc bẫy của số mạng: Moira.

Mitsuko vừa cả quyết như thế xong, thì cửa quán kêu cọt kẹt giống như cầu thang ở Kultur Heim. Ootsu, một tay xách tay nải, từ phía sau cánh cửa thấp, ngập ngừng lộ khuôn mặt hiên lành vào. Kondo chụp ngay ly rượu, trao cho Ootsu:

- Phạt một ly đến muộn! Trăm phần trăm! Phạt một ly đến muộn! Trăm phần trăm nè!

- Tôi không uống được đâu.

- Đâu có nói vậy được. B ồ phải uống với tui này.

Trong khi mọi người hò hét “Trăm phần trăm! Trăm phần trăm!”, Ootsu hỗn hển nốc một hơi cạn ly rượu màu hồ phách. Mọi người nhìn nhau sửng sốt khi thấy anh chàng uống kiểu đó.

- Cô Naruse cũng phải b ồi tiếp chứ. - Ootsu đưa ly rượu Ấn c ần mời Mitsuko. - Đàn bà con gái uống khoảng nửa ly cũng được.

- Tại sao lại nửa ly? Sao anh coi thường đàn bà con gái quá vậy!/? Rót đầy tới mép cho tui.

Mitsuko, bị chạm tự ái, giằng lấy ly rượu, hô: “Trăm phần trăm! Trăm phần trăm!” và trút rượu cay như xé vào họng. Bỗng dưng, cái cảm giác hư vô lạnh lẽo cả châu thân như từ đáy tâm can tr ỗi lên. Mình bày trò nghịch phá như thế này để tìm gì vậy, bị mọi người xúi bầy đùa giỡn với Ootsu, liệu đây có phải là cuộc đời mình không.

Để kìm nén cảm xúc chán nản, Mitsuko nốc cạn ly rượu, r ồi khích Ootsu:

- Dzô một ly nữa đi anh bạn.

Ootsu lắc đầu:

- Thôi! Xin lỗi. Lỗi tại tôi.

- Tại sao? Anh có lỗi gì? - Mitsuko cướp lời. - Anh bạn nói năng gì mà lạ vậy?

- Tôi xin đầu hàng! Xin lỗi!

- Xin lỗi, xin lỗi hoài! Làm mất hứng.

Mitsuko tức giận với chính mình, với chính cảm giác hư vô đã tràn về tâm tư. Có lẽ Ootsu chưa từng bị hư vô vây bủa.

- Anh Ootsu, có đúng là anh đến Kultur Heim cầu nguyện mỗi ngày không?

Ootsu lấp lửng:

- Xin lỗi. Ờ thì....

- Anh có thực tâm?

- Xin lỗi! - Và Ootsu làm mọi người sửng sốt. - Tin hay không tin, tôi cũng không chắc lắm.

- Không chắc mà ngày nào cũng đến nhà nguyện quỳ gối?

- Chẳng qua vì thói quen có từ lâu. Gia đình tôi ai cũng vậy. Người mẹ đã qua đời của tôi là một tín hữu rất ngoan đạo nên có lẽ đó là do gần bó với bà... Tôi không biết phải giải thích thế nào.

- Vì thói quen? Thế thì bỏ quách đi cho rồi.

-

Mitsuko nhìn Ootsu như cá mồi:

- Tôi sẽ làm cho anh bỏ được.

Ai đó trong bọn Kondo xì xầm: “Đến lúc Moira lộ diện rồi!” Mitsuko bấy giờ mới nhớ đến. Cả Moira lẫn Evà. Evà đã cá mồi Adong,

làm cho Chúa đuổi loài người vĩnh viễn không còn được ở trong vườn địa đàng. Trong mọi người đàn bà, đều có một sức mạnh hủy diệt bản thân.

- Uống nữa đi.

- Ủ, - Ootsu ngoan ngoãn ưng thuận, đưa ly lên miệng uống tiếp.

Mitsuko biết anh ta chỉ đang tỏ ra nghe lời cô để bầy không khí bớt tệ nhạt mà thôi. Hiểu vậy nên Mitsuko càng tức càn hòng.

- Bỏ đức Chúa của anh đi. Tôi sẽ bắt anh uống cho đến khi anh hứa với tụi này là sẽ bỏ. Chịu bỏ đạo rồi, anh sẽ được thôi vụ uống.

Đối với đám sinh viên thì đây chẳng qua chỉ là một trò đùa nghịch vô hại. Chỉ có Mitsuko mới thấy rõ là những lời nói nửa đùa nửa thật của cô đang gây chấn động nghiêm trọng trong tâm hồn Ootsu.

- Anh chọn thế nào: uống hay từ bỏ?

- Tôi xin uống.

Ootsu mặt đỏ kè tới cả mang tai. Chắc chắn anh ta là người có thể trạng không uống được rượu. Mitsuko bất giác nhớ tới chuyện quan lại bắt các Kitô hữu phải giẫm lên *fumie* trong thời bắt đạo^[1]. Khi buộc một tín hữu phải từ bỏ Đức Chúa Trời mà anh ta kính tin như vậy, không hiểu các quan lại cảm thấy khoái trá đến mức nào.

Tuy Ootsu vừa uống vừa thở hào hển nhưng cũng uống được một phần ba ly. Rồi đột nhiên, anh ta vùng dậy, bỏ nhào vào nhà cầu.

Bọn sinh viên, cảm thấy không thích thú gì chuyện chọc phá nữa, liền xin Mitsuko:

- Thôi, b ồ làm ơn làm phước cho hấn đi! Hấn sắp mửa đến nơi r ồi.
Nếu còn bắt uống nữa, hấn ta gục mất.

- Tào lao không à. - Mitsuko lắc đầu bướng bỉnh không chịu. - Bắt anh chàng uống cho tới khi chịu bỏ đạo mới thôi.

- Người gì đâu mà ác!

- Thì chính tụi bay bảo tao phải đóng vai Moira mà, không phải vậy sao?

- Ở thì đúng r ồi nhưng có đi đâu... chơi hơi quá đáng...

Cuối cùng Ootsu mặt xanh như tàu lá đi ra, một tay c ầm chiếc khăn mùi soa trắng r ẻ ti ền lau miệng, một tay vịn vào tường.

- Cho tôi xin miếng nước! - Anh ta năn nỉ. - Tôi vừa nôn xong.

- Chẳng có nước nôi gì ở đây cả; làm ơn uống rượu giùm. Nếu không, phải giữ lời đã hứa lúc nãy.

Ootsu ngược mắt, cay đắng nhìn Mitsuko đang đứng khoanh tay dựa vào cột với cái nhìn của một con chó đang van xin chủ. Điềm đó càng thôi thúc sự tàn nhẫn trong Mitsuko.

- Nhưng... - Ootsu than.

- Nhưng... mà nhưng cái gì mới được chứ?

- Dù tôi có bỏ Chúa đi nữa thì... Ngài vẫn không bỏ tôi.

Mitsuko kinh ngạc, nhìn chăm chăm vào khuôn mặt như gợn khóc đến nơi của Ootsu. Anh ta lại bùng miệng, lao đảo bước vào nhà vệ sinh.

- Ô! Hóa ra hẳn ta không uống được à!? - Bọn Kondo lần bầm như để đỡ mặc cảm tội lỗi. Dù Ootsu có cố gắng, bầy không khí vui chơi đã bắt đầu nhạt dần. Mitsuko đứng dậy, nói:

- Thôi đi về Chán bỏ mẹ.

Nhưng cô đã hiểu rằng gã đàn ông vụng về vừa lao vào nhà vệ sinh là kiểu người cô chưa từng gặp cho đến lúc này.

Về sau mỗi khi chợt nghĩ lại thời kỳ này, cô không muốn nhớ thêm nữa. Cô đâm ghét chính cái bản thân mình. Làm thân con gái ở tỉnh, năm đầu chân ướt chân ráo lên học đại học ở Tokyo, cô đã cố phô trương. Cô cảm thấy ghét và đồng thời cũng cảm thấy mình như đang vướng vào một sợi dây bí ẩn. Cô cảm thấy sợi dây vô hình đó đã buộc cô vào với Ootsu. Dẫu rằng không thể có chuyện đó được.

Bằng Mitsuko kéo nhau đi, bỏ mặc Ootsu đang nôn trong nhà vệ sinh như bỏ lại một miếng giẻ rách. Hôm sau, trước khi đến trường, cô chẳng may nhớ gì về Ootsu, nhưng khi thấy anh chàng đang ngẩn chán nản trên ghế băng cạnh hội quán sinh viên, cô chợt nhớ lại sự lạnh lùng của mình đêm qua.

- Anh Ootsu.

Cả lúc này, anh ta cũng ngược nhìn Mitsuko với đôi mắt đau khổ của một con chó hoang đang bị sa xuống hố. Một chút ân hận nhói lên

trong tim cô.

- Xin anh bỏ qua chuyện hôm qua cho. Tôi đâu ngờ anh lại uống yếu thế.

- Xin lỗi. Cô đã tử tế mời tôi nhưng... - Không ngờ Ootsu lại xin lỗi. - Tôi thì xưa nay vẫn vậy đó. Cố gắng hòa đồng với mọi người nhưng rồi chẳng đi đến đâu, chỉ làm cho mọi người mất vui.

Cô cảm thấy vừa thương hại vừa khinh bỉ cái con người hiên ngang nơi Ootsu. Cô sà xuống ngồi gần, và để nhìn cho rõ mắt anh ta, cô ghé mặt sát lại, nói thêm:

- Tôi có cách giúp anh kết bạn đấy.

- Vâng.

- Dễ thôi. Này nhé, đừng mặc chỉ cái bộ đồng phục vải len. Mỗi chiều đừng đến Kultur Heim quỳ gối cầu nguyện. Có lẽ bà mẹ của anh tin đạo nhưng anh không việc gì mà phải tin cái thứ đó cả.

- Cái thứ đó...?

- Tuy chỉ là đàn bà con gái nhưng tôi biết Karl Marx nói gì về tôn giáo. Tôi còn rõ cả chuyện Kitô giáo Tây phương mượn tiếng đi truyền giáo để chiếm đoạt nhiều đất đai, lại còn tàn sát cả dân địa phương. Thế mà anh cứ mù quáng tin vào cái thứ đó, cho nên các sinh viên khác mới lạnh nhạt với anh. Điều quan trọng là chính anh cũng chẳng dám chắc.

- Tôi không dám chắc. Nhưng tôi cũng chẳng bạo gan suy nghĩ một cách lý trí như cô. Tôi được giáo dục trong môi trường như thế từ hồi còn

bé.

Đột nhiên, Mitsuko cảm thấy chán, cô không hiểu tại sao mình lại ng ẩ chung với anh chàng cù l ần này. Ng ẩ bên cạnh một anh chàng mà mình chẳng hề quan tâm...

- Bắt đầu từ ngày hôm nay anh đừng đi đến Kultur Heim nữa. Có thể tôi mới cho anh làm một trong số bạn trai của tôi...

Để xua đi nỗi chán chường, cô buột miệng nói ra cái ý nghĩ đang b ềnh b ềng như bọt biển trong tâm tưởng. Và khi nói ra đi ều đó, cô cảm thấy chuyện Moira quyến rũ anh chàng sinh viên Joseph nghiêm nghị kia cũng giống như chính cô bây giờ, chỉ là một hành vi trốn chạy khỏi cảm giác hư vô.

- Rõ r ẩ chứ. Từ hôm nay trở đi, - Mitsuko làm như tình cờ ép sát đùi mình vào đùi Ootsu, - anh đừng có đi c ầu nguyện nữa.

Ni ền vui tước đoạt khỏi một người đàn ông đi ều anh ta tin tưởng. Khoái lạc được giày vò cuộc đời của một người đàn ông. Cô thích thú nhìn Ootsu đang cố gắng ghìm những biểu lộ tình cảm xuống.

R ẩ cô phóng nhanh đến giảng đường.

Cả trong các giờ học buổi sáng và buổi chi ều, cô cứ cười tủm với cái ý tưởng đang b ềnh b ềng trong trí. Buổi chi ều, trong ánh nắng oi ả, vừa nghe vị linh mục người Pháp giọng nặng nề giảng về văn chương Pháp thế kỷ mười bảy, cô vừa chuyện trò với ông Chúa mà cô chẳng hề tin. Giống như đứa bé chuyện trò với người bạn tưởng tượng của nó vậy.

- Nay Chúa, tôi sẽ cướp người đó ra khỏi tay Chúa.

Ý tưởng này đã cứu cô khỏi cảm thấy cái tẻ nhạt của buổi học. Cuối cùng, khi vị linh mục già tóc trắng ôm chầm sách giáo khoa đi ra khỏi lớp, cô phóng ngay đến Kultur Heim với cảm giác tò mò lẫn hy vọng đang dấy lên trong lòng.

Tòa nhà cổ chằng chịt cây dây leo, mùi ẩm và mùi sơn nghe thoang thoảng. Chiếc cầu thang cũ kỹ lên tầng hai lại kêu cọt kẹt như hôm nọ.

Chẳng có ai trong nguyện đường. Cô ngẫ xuống trên một chiếc ghế khuất lánh, đứng từ lối ra vào khó mà thấy được, quyết tâm đợi ở đó hai mươi phút. Cô biết là cứ mười lăm phút, chiếc đồng hồ lớn ở dưới chân cầu thang lại điểm tiếng chuông trang trọng báo thời khắc.

Những tập thánh ca, sách kinh và Kinh Thánh đã cũ nằm rải rác trên ghế nhà nguyện. Mitsuko vừa ngáp vừa lật cuốn Kinh Thánh khổ lớn, đọc:

*... Ngài không duyên dáng, không oai vệ;

Ngài bị khinh khi, và là đồ phế bỏ của người đời,

con người đón đau và những ốm o xo bại,

như một kẻ có gập chúng tôi thì lo giấu mặt,

bị khinh khi, và chúng tôi đã chẳng thềm đếm xỉa.

Trái lại, chính các bệnh tật của chúng tôi, Ngài đã mang, chính các
đau khổ của chúng tôi, Ngài đã vác.^[2]*

Mitsuko che miệng lại ngáp. Lời lẽ gì mà chán phè! Những lời lẽ thiếu cảm xúc như thế này không hiểu tại sao anh chàng Ootsu lại đi đọc, đi tin cho được. Cùng lúc ấy cô nhớ tới những lời Ootsu tự chê trách mình: “Tôi thì xưa nay vẫn vậy đó. Cố gắng hòa đồng với mọi người nhưng rồi chẳng đi đến đâu, chỉ làm cho mọi người mất vui.” Không hiểu Ootsu đã đọc trang Kinh Thánh này chưa nhỉ.

Cầu thang lại kêu cọt két như báo cho biết có ai đó đang đi lên. Không phải Ootsu mà là cha linh mục của trường trong chiếc áo chùng trắng mùa hạ. Không để ý gì đến Mitsuko, cha đi lại phía bàn thờ, quỳ gối, chắp tay. Cô ngẩng nhìn tư thế đó một lúc, ngỡ như mình đang nhìn một dị nhân từ hành tinh khác tới. Nhìn ông cố hoài cũng chán, cô quay sang nói chuyện với người đàn ông trần truồng gầy gò bị treo trên thập tự giá phía bên phải bàn thờ.

- Anh ta đâu có đến. Anh ta đã bỏ ông rồi, thấy chưa?

Cô nói chuyện với người đàn ông xấu xí mà cô chẳng hề tin, và rồi nghe thấy tiếng chuông đồng hồ ở tầng dưới vang lên báo mười lăm phút đã trôi qua.

Cô đứng dậy rời khỏi nhà nguyện. Vừa mở cánh cửa Kultur Heim vắng vẻ, tĩnh lặng, đột nhiên tiếng các sinh viên câu lạc bộ nhạc đang dợt nhạc, tiếng các nhóm thể thao la hét, ào vào tai cô như đợt thủy triều đang lên. Và rồi, cô thấy Ootsu, chồng sách để trên gối, ngả ỉu rũ trên chiếc ghế băng lúc trước.

- Anh Ootsu. - Mitsuko reo lên như người yêu thấy người yêu ở chỗ hẹn hò. - Như vậy anh đã giữ lời hứa với tôi phải không?

- Phải! - Ootsu ngược mặt lên, nở một nụ cười gượng gạo, khổ sở.
- Nhưng...

- Phần tôi, tôi cũng giữ lời hứa với anh. Tôi nhận anh làm một trong những bạn trai của tôi. Chúng ta đi thôi.

- Đi... đâu?

- Đến phòng trọ của tôi.

Mitsuko nhìn Ootsu với cái nhìn tàn bạo của một người nhìn con mồi mình vừa săn được. Gã đàn ông bảo sao nghe vậy, gã đàn ông từ bỏ cả Chúa vì mình, anh ta là kẻ như thế nên cô càng muốn, càng muốn chọc ghẹo. Cô giật một cuốn sách đang nằm trên đầu gối Ootsu, thì ra là sách của học giả Nakamu Hajime.

- Ái chà, anh đọc loại sách này hả?

Ootsu từ từ đứng dậy khỏi ghế, lú lú đi theo Mitsuko.

- Bộ anh không đi nhanh lên một chút được sao. Anh mà cũng quan tâm đến Phật giáo à?

- Không phải vậy đâu. Chẳng qua vì giáo sư Bell dạy môn triết bảo chúng tôi phải viết một bài luận về cuốn sách này.

- À, giáo sư Bell, cái ông cha hay tọa thiền phải không. Nhưng lối suy nghĩ kiểu Âu châu đã thành sạn trong đầu ông ta rồi cơ mà. Cái ông cố này mà cũng bảo anh làm đi đầu đó à?

- Ủ!

- Tôi ghét cái kiểu đó. Các linh mục ở đây miệng thì ra chiêu hiểu biết về Phật giáo và Thần đạo nhưng lại cho rằng Kitô giáo của phương Tây là tôn giáo duy nhất.

Từ hồi vào đại học đến giờ cô vẫn hay nói như thế với các sinh viên đảng hoàng. Đó là cách đám bạn của cô gọi những sinh viên không làm lễ rửa tội dù vào học ở trường đại học Kitô giáo này.

- Cô nghĩ vậy à? Cũng có thể là như thế nhỉ. - Ootsu rụt rè đáp lại một cách mơ hồ, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn lại đằng sau. Mitsuko thấy anh chàng như đang vô thức tìm kiếm cái gì đó. Vẻ ngập ngừng hiện lên trong mắt, Ootsu hỏi:

- Bộ chỉ một mình tôi thôi hả? Chỉ mình tôi đến phòng cô Naruse à?

- Đúng vậy. Hôm nay, không có Kondo và Tanabe đâu.

Mitsuko muốn nói với Ootsu, bây giờ anh đã trở thành bạn trai của tôi rồi, nhưng cô ghìm lại. Câu đó hãy để dành dùng khi trêu chọc anh ta sau này. Anh là con mồi đã rơi sập bẫy của tôi.

Cô mở khóa căn hộ nằm ở khu phố hai, Koujimachi, hỏi:

- Vào đi. Gì mà đứng xớ rớ ra đó? Cởi giày ra đi. - Cô vừa nói vừa đẩy nhẹ Ootsu.

Ootsu lí nhí:

- Xin lỗi.

- Y chang như anh chàng Joseph.

- Ai cơ?

- Một sinh viên trong tiểu thuyết *Moirra* của Julien Green. Anh ta cũng giống như anh ấy, quê một cục, đứng trước đàn bà con gái là cứ run bần lên.

- Thì tại sợ quá mà! Đây là lần đầu.

- Cuối cùng anh chàng Joseph đó cũng bị cô nàng Moira quyến rũ.

-

Ootsu liếc nhìn đắm đắm Mitsuko. vẻ mặt anh ta hoàn toàn khác với anh chàng Ootsu lúc nào cũng cố gượng cười. Chàng ta lại lí nhí trong cổ họng:

- Thế... sau đó anh chàng Joseph đó thế nào?

Lúc này, lần đầu tiên Mitsuko nhớ lại thật sống động đoạn kết cuốn tiểu thuyết của Green:

O Joseph đã giết Moira, người quyến rũ mình.

Trời chẳng phú cho anh chàng Ootsu này cái gan làm thế. Cô biết dư đi và cô cảm thấy thích thú.

Im lặng được một lúc.

- Thật không?

Ootsu nhướn mắt lên nhìn như dò xét Mitsuko. Rốt cuộc, đàn ông ai cũng như ai. Mitsuko nhận ra, cô đã hy vọng thấy nơi Ootsu có gì đó khác với các sinh viên khác. Một cá tính nam nhi khác người: Mơ cây xanh, nước biếc, mơ lửa rực trời, mơ sa mạc trắng.

Cô lấy trong tủ lạnh ra một lon bia và trao cho Ootsu. Khi trao, cô giả bộ như muốn ngã. Nhưng anh ta chỉ đỡ Mitsuko, chẳng làm gì hơn. “Cái đờnhat như thỏ đế,” cô nói. Vừa nghe Mitsuko nói như thế, Ootsu vồ lấy thân thể cô, như thể vừa bùng vỡ lần đầu tiên dục vọng bị dồn nén trong bao năm tháng dài. Hơi thở anh ta có mùi cà ri ở nhà ăn sinh viên.

Lúc này, Mitsuko cảm thấy một sức mạnh vô hình đang thôi thúc cô xé nát chính bản thân mình.

- Khoan đã! - Mitsuko đưa cả hai tay đẩy Ootsu ra. - Cho tôi đi tắm cái đã.

Lúc này, sự chán ghét và cái khoái cảm muốn tự chìm mình xuống bùn đang hỗn độn trong cô. Mùi cơ thể ẩm mồ hôi, hơi thở nặng mùi cà ri, bàn tay vụng về lần đầu chạm vào bầu ngực thiếu nữ. Mitsuko, từ hồi lên đại học đến nay đã từng thân mật với một số nam sinh viên khác, lạnh lùng nhìn Ootsu hành sự. Cô vừa nhìn cái đầu của Ootsu lay nhay lên xuống trên vú cô vừa nói:

- Anh cù lần thấy mồ đi.

- Xin lỗi.

Cô cảm thấy bức bối nhưng ý thức được sự nguội lạnh tự trong thâm tâm mình. Khác với những cô gái khác, cô không hề cảm thấy khoái lạc với bất cứ người đàn ông nào.

Nghe đâu đó trong tòa nhà có tiếng chương trình truyền hình trực tiếp một trận bóng chày.

Mitsuko chịu cho Ootsu vuốt ve nhưng không cho phép nút lưỡi hoặc giao cấu. Sau đó, cô cố tình hỏi vặn anh ta:

- Chủ nhật này có đi lễ không vậy?

-

- Anh không đi chứ?

- Ừ, không đi.

Cô nhắm mắt chịu đựng cặp môi của Ootsu rà trên ngực mình. Một cảm giác hư vô như cái rét đột ngột tháng Ba chấp chới trong cô. Trong làn mi khép của cô, lại hiện lên thật sống động cái thân thể trần truồng xấu xí treo cạnh bàn thờ nhà nguyện Kultur Heim. Cô nói với người đàn ông xương xẩu đó: “Ông bắt lực r ấ. Tôi thắng ông r ấ. Anh chàng đó đã bỏ ông. Anh chàng bỏ ông và đi đến phòng tôi.”

“Anh chàng đó đã bỏ ông...” - Cô nói thầm trong lòng như thế, và đột nhiên, cô nghĩ, chính cô, một ngày nào đó cũng sẽ bỏ Ootsu.

Ngay bây giờ đây, cô đã biết. Biết rằng cái khoái cảm mà cô cảm thấy được từ Ootsu hoàn toàn không phải do xác thịt mang lại, mà là do anh ta đã từ bỏ người đó.

Cảm giác thỏa mãn sẽ ào qua r ấ biến mất giống như con nước ròng. Vào cái khoảnh khắc hơi thở của con m ấ trở nên yếu ớt, cái khoái cảm sẵn được m ấ trong Mitsuko cũng trở nên lạnh lạt, r ấ tắt hẳn.

“Sau khi bỏ anh chàng, mình phải làm sao để xoa dịu anh chàng đây?”

Trong giây lát cô như thấy khuôn mặt Ootsu đang hoảng hốt, đang khóc lóc. Ootsu có lẽ không coi chuyện này chỉ là một đam mê thoáng qua, là một trò chơi qua đường như các sinh viên đ ồng trang lứa, mà đây là khát vọng yêu đương l ần đầu của một kẻ rất nghiêm túc. Nhân vật chính Joseph trong truyện *Moira*, lúc đó, đã giận điên lên, và siết cổ đến chết cô gái rủ quyến mình vào con đường xấu xa.

- Thôi ngừng lại. Tôi không thích nữa.

Trời đã hoàng hôn, Mitsuko trở nên chán nản. Cô đẩy cái thân thể Ootsu lúc này đang còn nằm ép sát vào lòng mình. Hoàng hôn tịch liêu, tiếng xe gắn máy và tiếng huyền não lúc này còn nghe thấy giờ đã chuyển sang tĩnh lặng. Có tiếng thiếu nữ hát bên khung cửa.

*Em lắc cây mơ, em rung cây mộng
Cô liêu một cõi, đứng giữa đồng xanh.*

Câu hát làm cô nhớ tới thời thơ ấu đã mất từ lâu.

- Thôi, về đi.

- Tôi... có làm đi đâu gì không phải?

- Tôi mệt rồi.

Ootsu không hề phản đối. Khi thấy Ootsu đang quay lưng thiếu nỗ lực mặc quần áo vào, cô tự nhiên cảm thấy thương hại và thấy cần phải nói một lời tử tế với anh ta:

- Anh đã quyết định chọn đề tài nào cho bài luận tốt nghiệp chưa?

- Rồi. Trường phái triết học kinh viện hiện đại.

- Cái gì vậy? Cái mà anh vừa nói đó.

Cô đâm phì cười cho cái đề bài đầy chữ nghĩa thánh hiền phát ra từ miệng một anh chàng, chỉ vừa mới đây thôi, đã vồ vập vù cô như một đứa con nít.

- Chắc lại cũng ông giáo sư Bell hướng dẫn chứ gì?

- Xin lỗi. Giáo sư Bell nói rằng nếu không biết ít nhiều về triết học kinh viện, thì không thể nào hiểu được Âu châu.

- Cái thứ đó chẳng phải là di sản báu giá gì đâu. Mấy ông cha dùng nó như một vũ khí để bảo vệ cho chính cái tôn giáo mốc xì của mấy ông. Tôi không rõ lắm nhưng có lẽ ở Nhật Bản này chẳng có ai nghiên cứu ba cái đồ cũ rích đó mà làm gì.

- Giáo sư Bell bảo tôi làm vì chẳng có mấy người Nhật hiểu Âu châu.

- Lạ quá ha. Sao lại bảo một anh chàng đang đến phòng con gái viết về triết học Kitô giáo cơ chứ.

Ba ngày Chủ nhật tựa mùi sung vừa tiếp tục trôi qua như thế. Mitsuko vừa nhìn cái đài của Ootsu đang cử động vừa nghĩ tới chuyện khác. Trong khi Ootsu mê mải cúi xuống vú mình, cô lại chăm chú nhìn lên tấm lịch tháng treo trong phòng. Phải đi một đâu đó. Phải đi kiếm cho ra một cái gì. Một cái gì đó có cội có nguồn đích thực. Cô muốn nắm lấy cuộc đời. Tấm lịch chụp các danh lam thắng cảnh Nhật Bản không biết tự lúc nào đã được gỡ sang tờ tháng Mười hai với phong cảnh mùa đông vùng Đông Bắc tuyết trắng.

- Kỳ nghỉ đông này hay là đi Bangkok chơi nhỉ?

Cô không nói với Ootsu đang vực mặt vào bầu ngực mơn mơn mà nói với chính mình.

- Hả? - Ootsu ngóc đầu lên hỏi, trán đầm mồ hôi, nước bọt lem nhem quanh miệng trông thật dơ dáy.

- Kỳ nghỉ đông này anh ở đâu?

Ootsu giương đôi mắt đỏ ngầu thấp thoáng nụ cười hiên lành:

- Tôi nghỉ đông ở Tokyo vì gia đình tôi ở Tokyo.

- Anh không đi trượt tuyết à?

- Thần kinh vận động của tôi không được nhạy bén cho lắm cho nên tôi trượt tuyết rất loạng quạng. Còn cô?

- Tôi đang suy nghĩ nên đi Bangkok hay đi đảo Guam.

- Đi một mình?

- Bộ anh đùa hay sao chứ? Bọn Kondo nói là sẽ đi cùng.

- Đi với mấy người trong nhóm Kondo?

Mitsuko cảm thấy thích thú khi nhìn cái vẻ nhả nhố khố sờ hiện ra trên mặt Ootsu. Có tiếng hát của cô gái nhỏ hát bên khung cửa sổ như buổi hoàng hôn ngày đầu tiên Ootsu tới đây. Tiếng hát văng vào tai cô, và cô cảm thấy đã đến lúc bỏ Ootsu.

- Tôi không được đi cùng Kondo à?

- Cô thích Kondo à?

- Tôi không phải là vật sở hữu của ai cả. Không phải của Kondo, cũng không phải của anh.

- Cô đã làm tình với Kondo chưa?

- Làm mạnh đi chứ! - Mitsuko trả lời một cách khiêu khích. - Chúng ta đâu còn là học sinh trung học nữa đâu.

- Vậy... - Ootsu kinh hãi gặng hỏi. - Cô không yêu tôi ư?

- Đừng có giở cái giọng con nít. Anh thì cũng sung sướng đã đòi rồi còn gì. Tôi muốn chấm dứt chuyện này.

Ootsu nhẫn nhục nhìn Mitsuko như dò hỏi:

- Tôi... định... một ngày gần đây, sẽ giới thiệu cô Naruse với cha và anh tôi.

- Cha!? A, quả là người có đạo có khác.

- Nhưng cha tôi rất thương tôi. Tôi nghĩ là cha cũng sẽ hiểu cho việc cô Naruse.

- Này anh Ootsu, nghe đây: Tôi không hề có ý định kết hôn với anh. Không chỉ riêng anh mà những người tôi đang có quan hệ đều như vậy. - Mitsuko ngẩng dậy tuyên bố rành rọt.

- Nhưng mà cô đã bảo tôi là bạn trai của cô...

- Đúng, tôi có nói với anh như vậy nhưng không lẽ tôi phải kết hôn với tất cả bạn trai hay sao?

- Sao mà ác độc quá vậy! - Ootsu kêu lên, trong tiếng kêu có chứa đựng sự phẫn nộ khác thường. - Tôi sẽ giết cô.

- Sao không giết đi.

Anh chàng Joseph giận quá đã siết cổ người tình. Nhưng Mitsuko biết tổng là Ootsu làm gì có cái can đảm đó.

- Đi về đi. - Mitsuko lạnh lùng nói. - Anh làm tôi muốn lộn mửa.

Ootsu im lặng cúi đầu.

*Em lắc cây mơ, em rung cây mộng
Cô liêu một cõi, đứng giữa đồng xanh.*

Tiếng hát thiếu nữ bên song cửa vang lên bài đồng dao quen thuộc.

Đôi má bầu bĩnh hiên lành của Ootsu méo xệch. Thế rồi, anh ta quay lưng lại, khe khẽ đeo giày, ren rén mở cửa, và biến mất.

Vài ngày sau, thư năn nỉ của Ootsu gửi tới. Mitsuko đọc qua và vất ngay vào giỏ rác. Điện thoại reo, nhưng cứ nghe thấy tiếng là cô bỏ ống nghe xuống. Ở trường, thấy Ootsu đang đứng chờ sẵn, cô chào: “Hôm nay anh thế nào?” như không có chuyện gì xảy ra rồi cùng đám bạn đi qua.

Mitsuko kết hôn với một người rất bình thường, đến nỗi các bạn học cũ phải kinh ngạc.

“Chơi và kết hôn là hai chuyện hoàn toàn khác nhau,” cô vẫn hay nói như thế, nhưng khi các bạn trong băng được cô mời đến dự tiệc cưới ở khách sạn Okura, thấy cô đứng chào khách bên tấm bình phong mạ vàng, cạnh chú rể biết qua mai mối, cha mẹ hai bên và bà mai, chúng nó xì xầm

với nhau: “Con nhỏ cừ thật”, “Dám chú rể cứ nghĩ là cô nàng còn *chinh* à nghe!”

Người chồng cô chọn qua mai mối này là con trai của một nhà thầu chuyên xây dựng cao ốc ở Tokyo, chỉ mới hai mươi tám tuổi mà đã có chân trong hội đồng quản trị. Cho nên, sau buổi lễ, có mặt trong buổi tiếp tân thứ hai ở quầy rượu khách sạn toàn là con cái của các chính trị gia và các nhà kinh doanh tầm tiếng. Đề tài chuyện trò của họ xoay quanh đánh golf, các loại xe thể thao vừa mới ra lò, và các sự kiện của Thanh thương hội Nhật Bản. Và cô thấy, giữa đám bạn đó, chồng mình hào hứng khác hẳn với trong thời gian đính hôn ngắn ngủi của họ. Mitsuko đi bên cạnh chồng, giả vờ lắng nghe và mỉm cười cho có lệ.

Ngay sau khi đính hôn, Mitsuko đã nhận ra rằng nhận thức của cô quá khác với người đàn ông sẽ trở thành chồng mình. Hồi đầu, cô có rủ anh cùng đi xem triển lãm tranh in của họa sĩ Roualt và đi nghe dàn nhạc thính phòng thành Vienna trình tấu, nhưng chẳng mấy chốc cô hiểu ra là anh chỉ vì chiều cô mà đi.

“Đi chỉ vô ích thôi! Anh đâu có hiểu gì hội họa mấy đâu mà đi!”

Khi hai người đi xem vở ba lê của Morishita Youko, anh ta cứ tỉnh bơ dựa vào cô đánh giắc, lại còn ngáy khe khẽ nữa. Nhưng điểm đáng quý của người đàn ông này là ở chỗ dám nói thẳng, và chính điểm này lại làm cho cô nhớ tới anh chàng Ootsu.

“Mình sẽ kết hôn với người này,” khi đó cô đã nghiêm túc nghĩ vậy, “chẳng qua là vì muốn triệt hẳn cái thôi thúc ích kỷ của mình.”

Khi bước chân vào trường đời, cô đã nhận ra cái thôi thúc muốn dìm mình xuống bùn đen chạy suốt cơ thể mình trong thời còn đi học là một điếu ngu xuẩn. Một thứ gì đó có sức phá hoại đang âm ỉ trong lòng Mitsuko. Và cô muốn triệt đi trước khi nó ra hình ra dạng, như dùng giẻ lau xóa những dòng chữ viết trên tấm bảng đen. Cô thành tâm mong muốn kết hôn với một người đàn ông chẳng thích, cũng chẳng quan tâm gì đến những điếu kích thích cái xung năng phá hoại trong cô - nhạc kịch Wagner, tranh của Redon - và tự chôn mình giữa những người đàn ông đàn bà giống như chồng cô.

- Nay b ồ, b ồ cũng nên bán cái Benz của b ồ cho r ồi! - Các bạn hữu cứ lái nhái với ch ồng cô như thế trong bữa tiệc thứ hai.

- Bây giờ chỉ có Yakuza mới lái loại xe đó! Thiếu gì các kiểu xe xịn khác sản xuất trong nước.

Một người bạn làm trong công ty bán xe hơi nói thế r ồi đưa mắt về phía Mitsuko.

- Chị cũng nên đến lái thử một l ần các kiểu xe mới của hãng chúng tôi.

- Tôi chẳng biết gì về xe cộ cả.

- À, nhưng mà này, - bỗng anh ta như nhớ ra điếu gì đó, - chị Mitsuko có biết một người tên là Ootsu không?

- Vâng, có một anh tên Ootsu học chung đại học với tôi. - Mitsuko vẫn tỉnh bơ trả lời. - Nếu là Ootsu này thì...

- Chị tôi kết hôn với ông anh của anh ta. Chính chị tôi nói là anh chàng em chồng của chị mê mẩn cô sinh viên có tên là Naruse.

- Thật thế ả? Nhưng đâu gì đi nữa chúng tôi không học cùng khoa.

Lúc này, cũng thế, mặt vẫn không biến sắc, cô chọc cười mọi người:

- Thế mà tôi chẳng hề nhận ra. Nếu nhận ra, tôi đã chẳng lấy cái anh Yano này mà làm gì.

Người chồng, trước mặt bạn bè, cười ra vẻ đau khổ nhưng cũng tỏ ra đắc ý về câu nói đùa của vợ.

- Giờ thì chịu rồi. - Người bạn kia đáp lại câu đùa.

- Anh chàng Ootsu đó đã vào một thần học viện ở Lyon, Pháp rồi. Anh ta sẽ làm linh mục.

Có tiếng ai đó góp chuyện:

- Làm linh mục? Làm linh mục thì cả đời không được qua lại với đàn bà con gái, phải giữ mình *đông chính* nhỉ?

Mitsuko cúi đầu, cầm lấy ly sâm banh trên bàn đưa lên môi. Ootsu đã nhập thần học viện! Và sẽ trở thành linh mục. Cái anh chàng đã từng nép vào ngực cô, đầu cứ lay nhay trên vú cô như đứa trẻ. Cô nốc ly rượu cạn một hơi, như những ngày xưa.

- Chà, chít quá ta! - Bạn bè của Yano kinh ngạc reo lên.

- Ngầu lắm, ngầu lắm! Đến tôi cũng phải chịu thua đấy. Cô ấy có thể uống *see* bốn ly martini liền mà vẫn tỉnh queo.

Yano nói về tự mãn.

- Cha tôi là một người uống rượu như hũ chìm mà.

Cố tránh né góp chuyện về Ootsu, nhưng cô vẫn nhớ tới Kultur Heim xế chiều hôm đó: ngôi nguyện đường với người linh mục tóc trắng như sương trong chiếc áo dòng trắng, tiếng chuông đồng hồ vang lên từ tầng dưới, lời cô nói với người đàn ông gầy yếu hư hao treo trên thập tự giá cạnh bàn thờ: “Này Chúa, tôi sẽ cướp người đó ra khỏi tay Chúa.”

Người đàn ông ốm yếu, hai cánh tay dang ra đó đã giành lại anh ta hồi nào vậy kìa? Nhưng, mình vẫn là kẻ thắng cuộc, vì Chúa chẳng qua chỉ tham lam lượm lại gã đàn ông mà mình đã vất bỏ.

Chồng cô, vẫn chẳng biết những gì đang diễn biến trong tâm tư cô, cứ tiếp tục chuyện trò về chiếc Cruiser của một người bạn. Mitsuko vừa nhìn khuôn mặt nghiêng của chồng, vừa hình dung ra cuộc sống của cô với anh ấy. “Cũng được. Mình sống âm thầm với cái người đơn sơ, vui vẻ này thì cũng không đến nỗi tệ lắm,” cô thầm nghĩ.

Mitsuko đã chọn chỉ đi hưởng tuần trăng mật ở Pháp. Yano muốn đến bờ biển Tây nước Mỹ, nơi anh đã đến nhiều lần nhưng đành phải chầu theo ý vợ.

Anh ta chẳng vừa ý chút nào, bèn nói gở gạc:

- Chỉ đi Pháp thôi sao? Tại sao không nhân thể đi xem Luân Đôn, Roma và Thụy Sĩ luôn?

- Em chỉ muốn tham quan kỹ nước Pháp. Em đã từ lâu ước ao đi thăm cho được Pháp.

Khách sạn mà cô đã đặt phòng ở Paris, nằm gần sông Seine, là khách sạn Intercontinental kiểu Mỹ mà chồng cô thích. Tuy nhiên, nếu được hoàn toàn theo ý riêng, cô chỉ muốn chọn một khách sạn nhỏ, kiểu xưa có phong cách Pháp; nhưng ở điểm này, cô nhượng bộ chồng.

Vì khách sạn nằm gần quảng trường Concorde, nên có thể đi bộ đến thăm nhà thờ Thánh nữ Madeleine, viện bảo tàng trường phái Ấn tượng và bảo tàng Louvre.

Nhưng mặc dầu đã chuẩn bị sẵn tinh thần, ngay hôm sau khi đến Paris, đã có mùi thất vọng.

Dù Mitsuko phấn khởi giải thích:

- Quảng trường này thời xưa là quảng trường Cách mạng. Vào thời Cách mạng, vua Louis thứ mười sáu và hoàng hậu Marie-Antoinette bị lên máy chém ở đây.

Thì người chồng cũng chỉ gật đầu chiều lệ “Vây hả?”, xem ra chẳng quan tâm gì lắm tới Cách mạng Pháp cũng như hoàng hậu Marie-Antoinette. Trước khi đi Pháp, những kiến thức đủ để rong chơi phố xá Paris thu lượm từ đám bạn của anh là: đi xem sô cabaret ở Lido, mua cà vạt hiệu Sulka, trèo lên tháp Eiffel, vào các quán rượu *chanson* ở khu Montmartre.

Khi đến bảo tàng viện Louvre, anh mở cuốn cẩm nang Paris bằng tiếng Nhật ra, và trong khi vừa hồi hả đi xem các danh tác mà bất cứ du khách nào đến bảo tàng cũng phải xem, anh vừa nói:

- A há, *Mona Lisa* là như vậy!

Khi Mitsuko thấy chồng gật gù như thế, cô đâm nhớ tới một cảnh y như vậy trong tác phẩm mà cô dùng để làm luận văn tốt nghiệp.

Đó là tác phẩm *Thérèse Desqueyroux* của nhà văn Francois Mauriac, người đã từng đoạt giải Nobel văn chương. Nhân vật chính là Thérèse, con của một địa chủ ở Landes, gần Bordeaux, kết hôn với Bernard, con trai của một địa chủ khác trong vùng. Bernard tốt nghiệp Đại học Paris khoa Luật - một điếu hiếm có ở cái vùng thôn dã quê mùa này. Gia đình anh cũng là dân Công giáo như gia đình cô, cho nên phải nói rằng Bernard là một chú rể hoàn toàn môn đăng hộ đối.

Nhưng sau khi đám cưới được cử hành trang trọng theo tập tục ở quê nhà, hai người lên Paris hưởng tuần trăng mật, Thérèse bắt đầu cảm thấy chán chồng mình, như Mitsuko.

Bernard không phải là một người đàn ông xấu. Anh là con người suy nghĩ bình thường, phải nói là quá sức tuân thủ lối tư duy phổ biến. Một người với tâm lý luôn giữ mình không làm trái với đạo đức và luân lý thông thường, cứ sợ đi trật ra khỏi lề thói của đời thường và chỉ lo sao cho được sống một cuộc đời phẳng lặng. Chính vì sống cạnh một người đàn ông có cuộc đời bằng phẳng như thế, Thérèse luôn cảm thấy một nỗi không rõ lý do.

Nhà văn Mauriac đã lạnh lùng đến độ tàn nhẫn miêu tả phong cách của Bernard. Ông đã vẽ một cách chi tiết cảnh hai người, trong tuần trăng mật, đi thăm viện bảo tàng nghệ thuật Louvre như thế nào. Bernard vừa mở cuốn cẩm nang Michelin vừa chạy như ma đuổi từ phòng này tới phòng

khác, chỉ xem mỗi các bức danh họa mà ai khi du lịch Paris cũng phải xem cho được. Bức *Mona Lisa* cũng là một trong số đó.

- Rộng thật đấy! Mệt quá. Anh chẳng rành chuyện tranh với ảnh.

Yano bỏ dở cuộc đi xem tranh và nói sẽ chờ vợ ở quán giải khát trong viện bảo tàng. Khi còn một mình, Mitsuko thậm chí còn cảm thấy hân hoan như vừa mới được cưới. Hình ảnh của Bernard và chồng cô, của Thérèse và cô, bất giác cứ hòa vào với nhau trong trí cô. Khi nhớ rằng mình đã không lựa *Moira* mà lại chọn *Thérèse Desqueyroux* làm đề tài luận văn tốt nghiệp, cô thậm chí cảm thấy đây như một đi ền báo đáng sợ.

Hôm đi thăm viện bảo tàng, cô mua cuốn *Thérèse Desqueyroux*, ấn bản của nhà xuất bản Grasset mà cô hằng ước ao, tại một hiệu sách trong Palais-Royal gần khách sạn. Cô nhớ lại những ngày còn học đại học, phải vật lộn với từ điển để đọc bản gốc của cuốn sách được viết bằng thứ tiếng Pháp khó hơn cả cuốn *Moira*. Hồi đó, sau khi cắt đứt với Ootsu, cảm thấy mình đã hành động ngu xuẩn, cô dốc toàn lực vào chuyện học.

Vừa nhìn chồng nằm bên cạnh mình đã ngủ lả lốc, cô vừa đọc lại đoạn tả đêm tân hôn của Thérèse. Bernard đòi hỏi thân xác của Thérèse như một con heo cứ đưa mõm lũng sục chỗ này đến chỗ khác trong chuồng vậy. Cả chồng cô, cả anh chàng Ootsu cũng đều một tuồng như thế.

- Em chưa ngủ sao? - Yano trở mình, mắt nhắm mắt mở nhìn sang vợ. - Thôi đừng đọc sách nữa. Làm ơn ngủ đi.

- Vâng.

Cái anh chàng Ootsu sắp làm linh mục. Và bây giờ đang ở Lyon, Pháp quốc. Người con trai mà cô đã bỏ, nay cái ông gầy yếu hư hao kia lại

nhặt lên, giống như một đĩa bé nhặt lên con chó con bị rớt xuống rãnh, rên ư ử, mình mẩy lấm lem.

Hôm sau khi đang ngủ ăn sáng trong khách sạn, người chồng than phàn:

- Anh ngán Paris quá rồi. Gì mà ngày nào cũng đi xem tranh với kịch.

- Chắc có lẽ anh thích đi xem mấy cái xô ở Lido, Montmartre chứ gì?

- Ừ, đã mang tiếng đi Paris thì cũng phải có gì khi trở về mà kể cho bạn bè nghe chứ.

- Chuyện khó xử đây. Anh biết, em là đàn bà con gái, em chẳng cảm thấy thú vị gì khi đến những nơi ấy. Không biết có ai ở đây có thể hướng dẫn anh đến những nơi vui chơi đó không?

- Có đấy. Đối tác của công ty có văn phòng đại diện ở Paris.

- Thế thì anh nhờ bên ấy đưa anh đi. Em không chấp lách gì đâu. - Mitsuko bỏ tách cà phê xuống nói tiếp. - Đổi lại, em cũng tính đi xem một nơi khác một mình trong bốn, năm ngày mới trở lại, trong thời gian này anh cứ tự nhiên đi du hí ở những nơi anh thích.

- Em đi một mình đến một nơi, mà nơi đó là nơi nào vậy?

- Đó là một vùng đất mà từ ngày xưa đi học em đã muốn đi thăm rồi. Anh cũng thấy đến khách sạn này, ban đêm em hay nằm đọc lại cuốn tiểu thuyết lúc ra trường em đã dùng làm đề tài cho luận văn tốt nghiệp.

Khó khăn lắm mới đến Pháp, em muốn đi xem cho được vùng đất được dùng làm bối cảnh của cuốn tiểu thuyết đó. Chỗ đó gần Bordeaux.

- Dẫu sao chúng mình cũng đang đi hưởng tuần trăng mật, mà mỗi người đi một nơi như thế thì kỳ lắm.

Mitsuko xem ra thích thú với cái kiểu thu xếp như thế, mắt tròn xoe, nói:

- Có như thế mới vui. Hai bên, trong chuyến đi này, đều hưởng được vui thú cả. Anh ở lại Paris ăn đồ ăn ngon, xem được sô hay.

Yano vẫn băn khoăn:

- Gần Bordeaux là ở đâu mới được?

- Chỗ đó tên là Landes. Vùng đất trũng hoang dã, bãi cát và rừng tùng trải dài ngút ngàn. Em muốn ngắm một phong cảnh như vậy đó.

Yano cảm thấy ngại ngùng khi để cho cô vợ mới đi một mình như vậy, nhưng cuối cùng anh đành chiều. Khi đã dàn xếp được, Mitsuko cảm thấy phới phới trong lòng, cái cảm giác của một kẻ vừa được giải thoát, như hôm nọ trong viện bảo tàng nghệ thuật Louvre.

“Mình vẫn chưa bỏ được cái tính chỉ nghĩ đến mình. Chẳng phải mình định trở thành người vợ ngoan hiền của người này sao,” Mitsuko tự trách mình như thế.

Và không nhìn vào chững mình đang nói, cô nhủ thầm trong lòng: “Chỉ lần này thôi. Rồi em sẽ sống đúng vai trò của một người vợ bình thường.”

Ngày rời Paris mây trời bảng lảng. Cô đáp xe lửa đi Bordeaux, ngồi cùng toa với một bà lão đang đan áo, một người đàn ông tuổi trung niên và đứa con gái nhỏ của ông. Cô gái nhỏ cứ nhìn chăm Mitsuko và hỏi:

- *Madame* là người Tàu hả?

Người cha rầy đứa bé nhưng tia mắt ngạo mạn của ông ta cứ đổ dồn vào khoảng cách giữa hai đầu gối Mitsuko, và cuốn *Thérèse Desqueyroux* đang mở.

Tuy có quên một số từ vựng nhưng nội dung của truyện đã ăn sâu trong đầu, nên cô lướt qua các trang một cách dễ dàng. Trước mắt thế gian, Bernard không phải là người đàn ông xấu. Anh không bao giờ bỏ lễ Chủ nhật và có lẽ chẳng bao giờ có ý nghĩ phản bội vợ mình. Sinh trong một gia đình tiểu tư sản ở một vùng đất nhỏ, anh không hề làm đi đâu gì gây tai tiếng. Ở miền quê nước Pháp, nơi không có gì quan trọng hơn danh thơm tiếng tốt, thì Bernard là một người đàn ông mẫu mực.

Vậy mà, khi sống cạnh chồng, Thérèse vẫn cảm thấy mệt mỏi. Sau khi trở về Saint-Clair, bắt đầu cuộc sống của đôi vợ chồng son, cảm giác mệt mỏi mà cô cảm thấy từ trong tuấn trắng mặt nay cứ tích lũy trong lòng như những lớp bụi thời gian mà mắt không thể thấy. Đặc biệt, khi bắt đầu có triệu chứng mang thai và một phần vì cái oi bức mùa hạ, Thérèse cảm thấy nặng nề như có những thỏi chì treo vào thân thể.

Lúc Mitsuko đọc đến đó, cô ngẩng đầu lên, cha cô bé ngồi đối diện vội nhìn sang phía khác. Phía ngoài khung cửa sổ, những mảnh trời gần như sáng hẳn. Thôn xóm và những ngôi giáo đường, những mái nhà nông dân màu nâu, bò me đang gặm cỏ trên đồng, cứ lần lượt lướt qua.

Cô tự hỏi không biết bây giờ chồng mình đang làm gì ở Paris, nhưng chẳng mấy may nhớ nhung. Nhìn vào khuôn mặt có đôi chút căng thẳng và đôi mắt to của mình phản chiếu trong khung cửa kính toa tàu, cô hiểu một cách đốn đau cõi lòng Thérèse. “Xưa Moira, nay Thérèse.” Có tiếng ai đó như giọng ca của những người bạn trai cũ vang vọng trong đầu cô. Cô nghĩ, khác với những cô gái khác, mình không thể thực lòng yêu ai. Người đàn bà khô cằn như sa mạc. Người đàn bà tình yêu đã lụi tàn.

“Mày muốn cái gì đây?” Mitsuko vừa quay lại phía cô bé cùng toa đang nhìn mình một cách hiếu kỳ, vừa kêu lên trong lòng. Nhưng đây cũng là câu hỏi cô tự đặt cho chính mình: “Mi đang đi kiếm cái gì vậy?”

Ngủ lại Bordeaux một đêm, buổi sáng hôm sau cô ăn sandwich ở khách sạn, hỏi đường người trực ở quầy lễ tân, rồi ra bến xe buýt đi Langon. Đọc căn kê tờ chỉ đường của người lễ tân tốt bụng trao cho, cô biết rằng đường xe lửa được đề cập trong cuốn tiểu thuyết chạy đến Saint Symphorien, nơi Thérèse sinh trưởng, đã ngừng hoạt động, và thay vào đó là xe buýt.

Thị trấn Langon tràn ngập ánh nắng trên con đường trưa không bóng người.

Cô hỏi một người đàn bà lứa tuổi trung niên cũng đang chờ xe buýt:

- Ở đây không còn đường xe lửa nữa hở chị?

- Đường xe lửa? - Người đàn bà nhún vai. - À, lúc trước có đấy nhưng đó là tuyến xe lửa chuyên chở gỗ thông. Thứ xe lửa đó đâu có chở hành khách.

Mitsuko mới vỡ lẽ ra là chuyến xe lửa đưa Thérèse vào vùng tăm tối rừng rú trong cuốn tiểu thuyết chẳng qua chỉ là sản phẩm tưởng tượng của nhà văn Mauriac. Như vậy là, Thérèse không đi qua vùng tăm tối rừng rú thực sự mà trải qua cõi u minh thăm thẳm của lòng mình. Thì ra là như vậy.

“Thì ra là như vậy.” Nhận ra điếu đó, cô ngộ ra rằng cô bỏ chõng mới cưới ở lại Paris và cất công đến miền thôn dã này, chẳng qua cũng để đi tìm cái cõi tâm mịt mù của mình.

Chiếc xe buýt chạy trên con đường xuyên qua rừng thông hun hút. Lốp lốp dương xỉ xòe tán rộng; những cây thông đứng chen chúc.

Vào mùa hè, những kỳ trời nắng lâu ngày cành cây khô cọ vào nhau xẹt lửa, gây ra những trận cháy rừng, khói làm bấn đục cả mặt trời trông giống như chiếc đĩa tròn màu trắng. Thỉnh thoảng lại lướt qua trước mắt cô những căn chòi tạm trú qua đêm lụp xụp của người bẫy chim cu. Tuy chỉ mới thấy Landes lần đầu nhưng nhờ đọc cuốn *Thérèse Desqueyroux*, cô đã biết tường tận cả điếu đó.

Khi xe đến quảng trường khô cằn như sa mạc của thị xã Saint Symphorien, Mitsuko và một vài hành khách xuống xe. Lúc bước vào khách sạn cạnh quảng trường, đám thanh niên đang chơi trò điện tử ngược nhìn cô, một cô gái Nhật, ra vẻ kinh ngạc, bởi vì ở cái thị trấn này chẳng có lấy một nơi có thể gọi là danh lam thắng cảnh, nên chẳng mấy khi có khách du lịch người Á Đông đến du ngoạn. Cô mượn phòng và đặt luôn cả chuyện ăn uống.

Bà chủ khách sạn mang tạp dề nhìn vào hộ chiếu của cô, lên tiếng hỏi:

- Cô là người Nhật à? Cách đây năm năm, có một người Nhật cũng đã ngủ trọ ở đây. À, tôi nhớ cậu ấy có nói là đi học ở Lyon thì phải.

Khi nghe đến địa danh Lyon, cái tên Ootsu hiện lên trong tâm trí cô. Lúc tra chìa khóa vào ổ, cô chợt có cái ý bông lơn: “Hay là trên đường trở lại Paris, mình ghé Lyon?” Cô đi dạo trong thị trấn còn đắm ánh nắng chiều, mình mảy rịn mồ hôi. Thérèse và Bernard đã từng khoác tay nhau đi qua quảng trường thị trấn này như cặp vợ chồng đắm thắm duyên tình, và trèo lên những bậc thang dẫn tới ngôi giáo đường hôn lễ của hai người. Cuộc đời đầy nhẩn nhục và mệt mỏi. Sự tẻ nhạt của người chồng hiền lành đã làm cho Thérèse mệt mỏi. Trước mặt người đời, anh ta hoàn toàn chẳng có gì đáng trách. Chính vì thế, cô lại càng cảm thấy tức anh ta, và tức luôn cả chính mình. Sự tức tối cứ dằn lại trong tiềm thức, lặng lẽ nằm chờ, và cuối cùng, sẽ bùng cháy như những vụ cháy rừng ở Landes.

Đêm đó, tiếng xe máy đôi lúc vang lên nhưng rồi lại lịm tắt, trả lại cho thị xã Saint Symphorien cái tịch mịch đêm trường, “sự im lặng nơi tận cùng thế giới” như tác giả Mauriac đã tả. Nằm trên giường trong phòng trọ mờ mờ ánh đèn, Mitsuko mở to mắt nhìn lên trần và tự hỏi: “Mình thực sự muốn cái gì vậy? Tại sao mình lại một thân một mình dẫn xác đến đây?”

Cô nhắc điện thoại lên, quay số gọi về khách sạn ở Paris. Không phải vì cô đột nhiên muốn nghe tiếng nói của Yano mà vì trong đêm tối trường Landes cô sợ rằng cả mình cũng sẽ trở thành như Thérèse. Chẳng phải cô đã lấy Yano là để xóa tan cái cảm giác trống rỗng trong tâm mình, là để chôn vùi mình trong cuộc sống bình thường giữa những bè bạn của chồng chỉ nói toàn chuyện xe cộ, chuyện chơi golf và công việc? Nhân viên tổng đài của khách sạn đáp là đã gọi mấy lần nhưng không ai nghe máy. Xem ra đức ông chồng cô đang bận thám hiểm phố xá Paris chưa về.

Thérèse đi vào cõi lòng tối tăm của mình trên chuyến xe lửa không có thực. Mitsuko chấm dứt chuyến thăm Landes vô vị, vô bổ, đi Lyon.

Cô đến Lyon lúc hai giờ chiều và mượn phòng trong một khách sạn nằm đối diện với quảng trường Bellecour. Cũng như lần trước, cô nhờ lễ tân tra hỏi xem hội đồng đảm trách đại học mà cô và Ootsu đã từng theo học có cơ sở ở Lyon hay không; không ngờ địa chỉ và số điện thoại của dòng để kiểm đến như thế. Người nhân viên lễ tân có chòm râu kẽm chỉ vào một góc Fourviere, khu vực cổ kính nhất Lyon trên tấm bản đồ thành phố và giải thích cho cô. Cô nhận ra ngay tu viện đó vì cô và Ootsu đã theo học chính là đại học của dòng này. Tiếng điện thoại reo, cô nghe tiếng một người đàn ông:

- Oo Tsu? Oo Tsu? - Và rồi kêu lên. - À, có phải ý cô muốn nói chuyện với thầy Augustine Ootsu, phải không ạ?

Chờ một lúc lâu, cuối cùng, trong ống nghe vang lên cái giọng thiếu não khó có thể quên được của Ootsu. Vừa mới nghe, cô đã mừng rỡ ra khuôn mặt bầu bĩnh và hơi thở nặng mùi cà ri.

- Tôi đây. Na, ru, se. - Cô vẫn cố ý giữ giọng điệu vui vẻ, nhưng đầu dây bên kia im lặng một lúc. - Thầy Ootsu, tôi qua Pháp với chồng. Tôi mới đến Lyon một mình hôm nay và đang ở khách sạn Bellecour.

- Thật vậy sao?

- Thật. Tôi nghe đồn là thầy đã đến Lyon. Tôi gọi đại xem sao, hóa ra đúng như người ta nói. Thế tôi có làm phiền thầy không?

- Không đâu.

- Như vậy là thầy sắp sửa thành linh mục?

Lại im lặng. Anh ta đang lúng túng. Mitsuko như thấy vẻ lúng túng đó hiện ra trước mặt mình, cô cố tình ngọt ngào:

- Vậy gặp đàn bà con gái như tôi là trở ngại gì cho thầy à?

- Không đâu! Làm gì có chuyện đó.

- Tôi định ngày mai trở lại Paris. Gặp thầy tối nay được không?

- Xin lỗi! Tối nay thì không được rồi. Nhưng mà ngày mai, buổi sáng, tôi sẽ đến đại học Công giáo nằm trên đường Plat. Mười một giờ tan học, tôi sẽ đến khách sạn Bellecour gặp cô.

- Thầy có biết khách sạn nằm chỗ nào không?

- Tôi biết chứ. Khách sạn này nổi tiếng nhất Lyon mà.

Gọi xong, cầm cuốn cẩm nang du lịch trong tay, cô đi dạo dọc sông Saône. Nước sông đen, hải âu lượn trên những chiếc xà lan chở hàng. Sau đó cô thăm di tích hí trường cổ La Mã đã được trùng tu, nằm trên một ngọn đồi ở Fourviere. Vì có lẽ Fourviere có tiếng là khu vực cổ kính nhất ở Lyon, nên những ngôi nhà có tường loang lỗ đứng nhấp nhô như miệng người bị cam tẩu mã. Đứng trên một tảng đá trên đồi, cô có thể thấy phố xá Lyon màu xám xa xa phía dưới. Cô thấy cái thành phố tình cờ ghé qua này trông thật buồn tẻ, không có cái vẻ nhộn nhịp của Paris.

Cô bước xuống bậc thang và đi tìm tu viện Ootsu đang ở. Cơ ngơi tu viện, giống như những ngôi nhà khác ở Fourviere, đầy vẻ cổ kính, đen

tối, lem nhem dấu vết gió mưa. Đang khi còn nhìn tu viện, cô thấy vài chủng sinh, đầu đội bê rê, mình khoác loại áo chùng mà các học sinh trung học ngày xưa hay mang, xuất hiện nơi cổng, rồi đi xuống đồi. Đối với cô, họ là những người thuộc về một chủng tộc khác mà cô không thể hiểu được. Ootsu bây giờ đang sống giữa giống người khác chủng tộc đó.

Hôm sau, lúc gần mười một giờ rưỡi, Ootsu đến khách sạn như đã hứa. Nhờ nhân viên lễ tân báo cho biết, cô đi xuống hành lang khách sạn, thấy ngay Ootsu trong chiếc áo chùng đen sì, nghèo hèn mà hôm qua cô đã thấy các tu sĩ mặc, đội bê rê đứng ở một góc sảnh cách xa các quý ông, quý bà bảnh bao, chững chạc. Anh có cái dáng vẻ như một con chó hoang vừa bò lên khỏi cống, trông thật lạc lõng trong sảnh khách sạn.

- Lâu lắm rồi mới được gặp. - Mitsuko lên tiếng trước và thấy Ootsu nở nụ cười rụt rè trên khuôn mặt, thốt lên câu cửa miệng:

- Xin lỗi.

- Ăn mặc thế này... anh đã thay đổi rồi nhỉ.

- Cô Naruse... Xin lỗi. Bây giờ cô đã đổi họ rồi, phải không ạ?

- Ừ, họ của tôi bây giờ là Yano. Nhưng mà nhằm nhò gì mấy chuyện đó. Anh có thể đi chơi với tôi được không? Các cha bề trên có cấm các thầy đi dạo với đàn bà con gái không vậy?

- Được mà, không sao đâu! Tôi sẽ trình lại với cha bề trên sau.

Hai người đi cắt ngang quảng trường Bellecour, rồi tản bộ dọc sông Saône tù hãm, đen ngòm. Hôm nay dòng sông Saône cũng có vẻ thê lương u ám; những chuyến tàu chở hàng từ từ trôi xuôi về phía Bắc.

- Đáng lẽ thì không nên nói nhưng so với Paris, tôi thấy phố xá Lyon buồn tẻ hơn nhiều.

- Dân Paris người nào cũng nói như thế. Và họ chê người ở đây bảo thủ.

- Anh còn ở thành phố này lâu chứ?

- Còn hai năm nữa tôi mới học xong. Nhưng với người như tôi, không biết lúc nào mới ra trường được.

Hai người tựa vào lan can dọc theo bờ sông, nhìn đắm những đoàn tàu chở hàng và những con chim nước. Cả Mitsuko lẫn Ootsu đều cố tránh nói về chuyện xưa giữa hai người. Dưới chiếc bê rê hoen ố, tròng Ootsu giống như một người lính suy kiệt. Ngày xưa, cái mặt này đã lung sục vú cô như một đứa bé sơ sinh.

- Thôi còn đi học, bọn chúng tôi đã ép anh uống rượu...

-

- Hử đó anh đã bỏ Chúa của mình nhỉ? - Mitsuko khơi lại vết thương cũ của anh chỉ vì, khi thấy vẻ lúng túng trên khuôn mặt Ootsu, tà ý trong cô lại nổi lên. - Đã bỏ Chúa rồi tại sao anh lại đi học ở tu viện?

Ootsu nhấp nháy mắt nhìn xuống dòng nước đen sông Saône. Trên mặt sông, những cụm bọt nước trôi lững lờ như bong bóng xà bông.

- Tôi cũng chẳng hiểu nổi nữa. Thì sự thể là như vậy đó...

- Tôi muốn biết tại sao lại ra như vậy.

- Sau khi cô bỏ tôi... Tôi đã hiểu được một phần những đau khổ của con người ấy, đã bị loài người ruồng rẫy.

- Chà chà chà... Thôi, đừng có đi tô bóng chuyện không đâu như thế. - Mitsuko cảm thấy mình bị tổn thương, nhưng càng bị tổn thương, cô lại càng muốn dấn Ootsu vào ngõ bí.

- Xin lỗi. Nhưng sự thực là như vậy. Tôi đã nghe được ơn gọi. Sau khi cô bỏ tôi, tôi trở thành một kẻ tả tơi bần giập... Tôi chẳng biết đi đâu và cũng chẳng biết làm gì cho phải. Trong khi loay hoay lúng túng như thế, tôi lại vào Kultur Heim, và khi quỳ xuống, tôi đã nghe.

- Anh nghe, mà nghe cái gì vậy?

- Tôi nghe có tiếng nói... “Hãy đến với ta... Hãy đến với ta! Ta cũng đã bị loài người ruồng bỏ như con. Vì vậy, chỉ có ta sẽ chẳng bao giờ bỏ con.”

- Mà ai nói mới được chứ?

- Tôi cũng chẳng biết nữa. Nhưng tôi nghe cái tiếng đó nói rõ ràng: “Hãy đến với ta!”

- Rồi anh làm gì?

- Tôi trả lời: “Này con xin đến!”

Bỗng cô nhớ lại buổi chiều hôm đó, ánh nắng chiều chiếu qua khung cửa sổ Kultur Heim. Tiếng chuông đồng hồ ở tầng dưới vang lên, người đàn ông gầy yếu hư hao treo bên cạnh bàn thờ vắng lặng, những lời trong cuốn Kinh Thánh ai đó bỏ quên trên ghế nhà nguyện: “Ngài không

duyên dáng, không oai vệ. Ngài bị khinh khi, và là đồ phế bỏ của người đời...”

- À thì ra anh vào tu viện... cũng là nhờ tôi đấy nhé.

Nói thế rồi, Mitsuko khẽ cười, nhưng cô tự cảm thấy mình đang cười gượng.

Lần đầu tiên, Ootsu mỉm cười rạng rỡ:

- Vâng, đúng như thế! Từ đó về sau tôi nghĩ là chính Chúa, như một ảo thuật gia, có cách biến hóa được mọi sự. Cả sự yếu hèn và tội lỗi của chúng ta. Như thế đó. Ảo thuật gia bỏ vào hộp một con chim sẻ đáng thương, đập nắp lại, phẩy tay một cái, chim sẻ biến thành chim bồ câu trắng bay ra.

- Anh là con chim sẻ đáng thương đó à?

- Đúng thế. Tôi đã từng phạm tội như thế... Nếu cô Naruse không bỏ... tôi... tôi đã chẳng sống cuộc đời như thế này.

- Anh nói quá rồi. Chỉ là chuyện đàn bà cho anh de, sao anh gán cho ý nghĩa gì ghê vậy...

- Xin lỗi, nhưng với tôi thì đúng là như vậy đó.

Ootsu xoay mặt về phía những mái nhà nâu cũ có ống khói. Giữa những mái nhà đó, tháp chuông trầm ngâm của đại giáo đường Thánh Gioan Tông đồ, một kỳ quan của Lyon, vươn lên không trung như một người khổng lồ. Cô không nghĩ rằng Ootsu chẳng qua không chịu chấp nhận mình là một kẻ thất bại nên mới kiếm cách biện chính cho quá khứ

của mình như thế. Nhưng đối với Mitsuko, kẻ không tin vào Chúa Mẹ gì cả, thì những h ồi tưởng của Ootsu có vẻ như chỉ là cố gắng nối kết các biến cố trong cuộc đời lại với nhau mà thôi. Đi ều có thể hiểu được là anh chàng khốn khổ này đã gia nhập vào một thế giới hoàn toàn cách biệt với thế giới hôm nay của Mitsuko, của bạn bè ngày xưa lẫn của ch ồng cô cùng đám bạn anh.

- Anh bây giờ đã thay đổi nhi ều lắm.

- Có lẽ vậy. Nhưng tôi... không tự mình thay đổi, mà chính bàn tay ảo thuật của Chúa Trời đã biến đổi tôi.

- Đây đừng có đưa cái danh từ Chúa ra mà nói chuyện với tôi nữa. Tôi ngửa gan khi nghe cái tên gọi đó, và đối với tôi, nó không có thực. H ồi còn học đại học, tôi đã cảm thấy xa lạ với cái danh xưng Chúa mà các ông cố đạo hay dùng r ồi.

- Xin lỗi. Nếu cô không thích danh xưng Chúa đó, có đổi ra tên khác thì cũng chẳng sao. Gọi là Cà Chua hay Củ Hành cũng được thôi.

- Được r ồi. Thế thì Củ Hành là cái gì của anh vậy? Ngày xưa anh nói chính anh cũng chẳng hiểu rõ, khi có ai đó hỏi anh Chúa có hiện hữu hay không.

- Xin lỗi! Nói cho ngay h ồi đó tôi đúng là chẳng hiểu. Nhưng giờ tôi đã hiểu theo cách của mình r ồi.

- Thế thì hãy nói cho tôi nghe đi.

- Chúa không hẳn là hiện hữu, mà là tác động. Củ Hành là hiện thân cho tác động của Tình Yêu.

- Lờ lễ gì mà thông tục. Làm sao anh có thể làm mặt nghiêm túc mà nói ra những từ đáng xấu hổ như “Tình Yêu” được nhỉ? Lại nữa, tác động của Tình Yêu là cái gì vậy?

- Vâng, thì như tôi đây, Củ Hành thấy tôi bị bỏ rơi ở một nơi, đã giúp tôi, vào một lúc nào đó, được sống ở một nơi khác.

Mitsuko cười nhạt:

- Trong vụ này chẳng có một sức tác động đặc biệt nào của Củ Hành cả. Chẳng qua cái lòng anh hướng anh đến đi đâu đó thôi.

- Ồ, không phải như thế đâu! Chính Củ Hành đã tác động, vượt lên cả ý chí của tôi. - Đây là lần đầu tiên Ootsu ăn nói cương quyết, lại còn nhìn thẳng vào Mitsuko. Anh khác hẳn với anh chàng Ootsu như nhược, chỉ được cái vẻ hiên lành thật thà mà cô biết.

- Anh tính bắt tôi đứng đây cho đến bao giờ vậy? - Mitsuko đổi đề tài nói chuyện. - Cũng đã quá trưa rồi! Chẳng mấy khi tôi đến Lyon, chúng ta cũng nên kiếm nơi nào đó ăn uống đi!

- Xin lỗi! Tôi vốn chỉ ở trong dòng, nên chẳng biết những nơi ăn uống như thế.

- Anh khỏi lo, tôi biết. Tôi sẽ dẫn anh, và tôi cũng chẳng ép anh uống rượu đâu mà sợ.

Khuôn mặt Ootsu trở nên ngây thơ, rạng rỡ như một con chó được chủ dắt đi dạo.

Họ quay trở lại quảng trường Bellecour; ở một góc quảng trường, nơi có tượng đồng vua Louis thứ mười bốn, có một quán ăn giá cả vừa phải mà Mitsuko đã nhìn thấy từ cửa sổ của khách sạn. Khăn ăn xếp thành hình kim tự tháp, tường đỏ tía có gắn gương bao quanh. Cái dáng một thầy dòng người Nhật trong chiếc áo chùng luộm thuộm ng ã giữa một khung cảnh như thế làm những người b ấ, đứng từ xa, bối rối nhìn. Ootsu làm rơi một vài giọt xúp, làm bẩn chiếc áo dòng đã sòn, anh xuýt xoa:

- Ngon quá! Bao nhiêu năm nay mới được ăn như thế này.

- Giá mà anh đừng chọn cuộc đời như cuộc đời hôm nay của anh! Tokyo bây giờ biết bao nhiêu quán ăn ngon như ở đây. Tôi xin vô phép hỏi anh, thế thì Cử Hành của anh cũng đã tác động, thôi thúc anh chọn cuộc sống như thế này hay sao?

Ootsu nắm chặt chiếc muỗng nhăn răng cười như một đứa trẻ.

- Anh thật là lạ. Anh là người Nhật cơ mà. Người Nhật mà lại đi tin vào một thứ tôn giáo của người Âu. Chán mớ đời.

- Cô Naruse chẳng thay đổi tí nào.

- Ừ, nhưng đó là những đi ều tự tâm tôi nói ra.

- Tôi nào có tin vào một thứ tôn giáo Âu châu, tôi...

Một giọt xúp lại rơi xuống áo anh ta. Nắm chặt muỗng, Ootsu phân bua với Mitsuko như một đứa con nít.

- Khi đến Pháp, cô có cảm thấy không hòa hợp không?

- Không hòa hợp? Tôi đến cái xứ Tây phương này chỉ mới có mười ngày chứ mấy.

- Tôi ở đây đã ba năm rồi. Ba năm, tôi đã mệt mỏi với kiểu suy nghĩ của người nước này. Lề lối suy nghĩ, mà họ bóp méo về tròn làm sao cho thích hợp với ý muốn của họ, thật là nặng nề với một người có não trạng Á Đông như tôi. Tôi không thể hòa đồng được. Vì vậy... ngày nào cũng như ngày nấy, cứ bứt rứt vì những chuyện như thế. Khi tôi thổ lộ đi đâu đó với các thầy khóa trên và với các cha giáo, họ nhắc nhở cho tôi biết rằng đã là chân lý thì không còn phân biệt chân lý của người Tây phương hay Đông phương. Họ cho là có lẽ tôi bị căng thẳng thần kinh hoặc bị rối loạn cảm xúc. Cả quan niệm của tôi về Cử Hành...

- Anh vẫn quê một cục nhỉ. Ai đời nghĩ trước đàn bà con gái, trong khi đang dùng một bữa ăn ngon lành như thế này, lại cứ nói những chuyện chán như nếp nát. Anh thật là...

- Xin lỗi. Nhưng... vì lâu quá mới gặp được cô... cho nên tôi cứ muốn tuôn ra những điếu ảm ức trong lòng suốt ba năm qua.

- Vâng, thế thì mời anh cứ nói tùy thích về Cử Hành của anh đi.

- Tôi không thể phân biệt Thiện, Ác rạch ròi như những người ở đây được. Tôi nghĩ là trong Thiện có Ác mai phục, trong Ác có Thiện nằm vùng. Cho nên Chúa mới dùng ngón ảo thuật của Ngài được. Ngài sử dụng chính tội lỗi của tôi để đưa tôi vào con đường cứu rỗi.

Hai tay nắm chặt muống, nĩa, Ootsu cứ huyên thuyên một cách say sưa. Vẻ mặt anh lúc này giống như vẻ mặt của các sinh viên tham gia vào

phong trào đấu tranh h ồi trước, đang biện bác t ần phào trong quán nhậu. Bảng của cô h ồi đó đã chế giễu những kẻ tào lao như thế đến mức nào.

- Nhưng đối với Giáo hội, tư tưởng của tôi là tư tưởng rối đạo. Tôi đã từng bị quở trách. Rằng tôi không phân biệt gì cả, rằng tôi không nhận thức rõ ràng. Chúa thì không như thế. Cử Hành thì không như thế.

- Thế thì tại sao anh không bỏ quách cái mớ rắc rối đó đi cho khỏe?

- Đâu có dễ như cô nói.

- Chẳng lẽ chỉ ng ồi đây để nói, anh cũng phải ăn đi chứ. Mấy người phục vụ mang món khác đến lại không biết để đâu bây giờ.

- Xin lỗi...

Ootsu ngoan ngoãn nhai và như một đứa con nít, nhăn răng cười với Mitsuko đang nhìn anh chăm chăm.

- Món xúp hành này... ngon quá!

Mitsuko tự hỏi: Giả sử lấy anh chàng này, cô có được hạnh phúc chẳng, hay là còn chán hơn cả lấy Yano.

- Với lại tôi tin cậy Cử Hành. Đó khác với đức tin mù quáng.

- Thế... anh chưa bị dứt phép thông công à? - Mitsuko đùa. - Hình như cho tới ngày nay người ta còn duy trì biện pháp dứt phép thông công thì phải.

- Trong dòng, họ vẫn cho tôi là kẻ có khuynh hướng rối đạo nhưng vẫn chưa đuổi tôi ra khỏi dòng. Có đi đâu là tôi không thể lừa dối chính mình

được, cuối cùng khi trở về Nhật Bản, - Ootsu dứt muống vào miệng như mút, - tôi sẽ đào sâu suy nghĩ về một Kitô giáo phù hợp với tâm thức Nhật Bản.

- Ủ, tôi hiểu rồi. Nhưng anh phải ăn cái đã chứ.

Thực sự Mitsuko đã chán kiêu dài dòng văn tự của anh chàng lắm rồi. Giống như khi phải nghe bản nhạc của một tác giả cứ ỉ ôi về cái tôi của mình. Anh ta đã vứt cuộc đời mình đi vì những ảo ảnh đã trảng, và sống trong một thế giới xa hẳn thế giới của cô. Cô hiểu ra được sự ghét như mơ hồ và sự mệt mỏi ngấm ngấm của Thérèse Desqueyroux, một người vợ, đối với ông chồng Bernard hiền lành. Cô có ý chôn kín những sự mệt mỏi, ghét như loại đó trong lòng để sống đời với Yano, người cũng có những nét như Bernard.

Khi đi ra khỏi quán ăn, Mitsuko bắt tay Ootsu như người Pháp.

- Tạm biệt nhé. Hẹn ngày gặp lại nhau ở Nhật.

- Xin lỗi. - Ootsu gật đầu. - Cô đã đãi tôi một bữa thật thịnh soạn.

Mitsuko lại đùa:

- Làm sao thì làm, đừng để bị dứt phép thông công đấy, Ootsu. Và cũng phải biết sống một chút nghe thôi.

Tối đó cô quay trở lại Paris. Khi lên tắc xi và nói tên khách sạn cho người tài xế, cô có cảm tưởng như mình đang từ nơi xa xôi trở về quê cũ. Bờ sông Seine đèn mờ, nhà thờ Đức Bà loang loáng ánh đèn, nhà hát Conciergerie bàng lảng bóng đêm, tất cả như thân quen với cô từ nhiều năm rồi.

“Đến Pháp... cô có cảm thấy không hòa hợp không?” Tự nhiên câu hỏi ấy lại hiện lên trong đầu cô.

“Tôi chẳng cảm thấy không hòa hợp gì cả. Nếu có thể được, tôi hầu như chẳng muốn trở về Nhật nữa.” Cô nói một mình bằng tông giọng khiến người tài xế miệng còn ngậm điều thuốc đã tàn phải quay đầu lại nhìn.

Về đến khách sạn, đúng như dự đoán, Yano còn dạo phố chưa về Mitsuko đi tắm, trang điểm, chờ chồng. Cô vào phòng ngủ, mở truyền hình ra xem nhưng một mỗi trong chuyến đi đơn độc vừa rồi làm cô riu riu mắt...

Nghे tiếng cửa mở, cô mở mắt ra thấy Yano, mùi rượu nồng nặc, khật khưỡng đi vào.

- Ủa, em về rồi hả? Giá biết em về, anh đã ở lại khách sạn chờ em.

- Anh thứ lỗi cho em. Xin anh bỏ qua cái chuyện em xử sự ích kỷ như thế trong tuần trăng mật của chúng mình.

- Có vui không?

- Sau khi tới Bordeaux, em có tạt qua thăm Lyon. Đại giáo đường và hí viện La Mã ngày xưa còn sót lại trông thật tráng lệ. - Cô cố tình lần lượt kể ra các nơi mà cô biết chồng chẳng mấy hứng thú. - Em cũng đi thăm vùng Landes; ở đó chỉ có rừng thông và một làng quê nghèo. Em biết anh mà đến đó thì chỉ nội trong một giờ anh sẽ chán ngay. Còn anh?

- Anh Takahayashi của công ty thương mại M đưa anh đi đây đi đó.

- *Paris-Dành-Cho-Quý-Ông!*

- Montmartre và Lido, coi nào... cũng chẳng thú vị như anh tưởng. Có đi đâu cái anh Takahayashi cười chúng mình đi hưởng tuần trăng mật mà mỗi người một ngả quả là hiếm có. - Yano nói như thế nhưng chẳng thấy lộ vẻ gì bất mãn cả. Người đàn ông tính tình đơn giản này khoái đi ăn chơi ở những nơi của *Paris-Dành-Cho-Quý-Ông* với những người đàn ông Nhật khác hơn là bị vợ lôi đi xem những bảo tàng mỹ thuật, mà anh chưa chuẩn bị kiến thức để hiểu, hay đi nghe loại nhạc anh chẳng biết mô tê gì.

Thế mà, đêm đó, Yano ngẫu nhiên thân thể Mitsuko như một con heo lòng sục máu. Vốn từng trải đời, Mitsuko thấy anh đàn ông nào khi ôm đàn bà cũng đều giống nhau. Mất đồ ngẫu, hơi thở hỗn hển. Người có tâm hồn nguội lạnh là Mitsuko. Vì không hề biết say đắm là gì, cho nên cô nghĩ cô không phải là người đàn bà có khả năng yêu đương. Nhưng tình yêu là cái gì vậy kìa? Ootsu thì cho rằng Cử Hành là sự dịu dàng vô bờ và là kết tinh của tình yêu.

Thật kỳ lạ là bóng dáng Ootsu trong chiếc áo chùng cũ nhàu, đeo đôi giày cột dây to tướng đi trong quảng trường Bellecour, lúc này lại hiện lên trong trí cô. Một anh chàng Ootsu chẳng thèm để ý đến tâm trạng của cô mà cứ mãi mê nói về Cử Hành. Cũng đáng chán như chồng cô chỉ có mỗi chủ đề đánh golf, cùng những loại xe mới ra lò, tuy nhiên Ootsu lại hoàn toàn khác với Yano và các bạn đồng song của cô ngày xưa.

“Ta đang đi kiếm cái gì đây?” Mitsuko cứ băn khoăn tra vấn lòng mình như thế trong những ngày trăng mật.

CHƯƠNG BỐN

Trường hợp ông Numata

Trên tàu bay đi Delhi, người ta bắt đầu bán hàng miễn thuế. Các cô chiêu đãi viên, từ nãy đến giờ tác phong đoan trang ra dáng tiểu thư, thoát một cái, đã mang về mặt của những nữ nhân viên bán hàng thương xá, bắt đầu đẩy xe chở rượu và thuốc lá đi bán. Ông Numata đã tính kiếm cho vợ ở nhà một bình nước hoa nhưng chẳng biết bà thích loại nào, bèn ghé hỏi ông Isobe ngồi bên cạnh:

- Xin lỗi, ông có rành về nước hoa không ạ?

Ông Isobe cười thiếu não.

- Thưa ông, tôi chẳng biết gì về nước hoa cả.

- Để nhà tôi ở nhà, rồi một mình đi Ấn Độ... thì cũng phải kiếm cách gì đó tạ lỗi. - Ông Numata phân trần.

- À thì ra ông muốn mua quà tặng bà nhà? Ý hay đấy! Hay ông cứ thử trao đổi với cô chiêu đãi viên xem sao.

- Ông có kiếm mua cho bà nhà món gì không?

- Nhà tôi mất rồi ông ạ!

- Ô, tôi thật thất lễ quá! - Ông Numata xin lỗi. - Tôi không biết bà nhà đã mất.

Cô chiêu đãi viên hỏi tuổi vợ ông rồi khuyên ông mua loại nước hoa hiệu Ambassador, và nở nụ cười nghề nghiệp:

- Thưa ông, ông muốn trả bằng đồng yên hay đô la ạ?

Ông Numata nhận bình nước hoa và kín đáo bỏ vào túi xách. Ông Isobe nhắm mắt thiu thiu ngủ. Phía sau lưng ông, cặp vợ chồng mới cưới Sanjou nói năng bất kể người bên cạnh, và mua hàng tới tấp:

- Anh mua những hai chai rượu mạnh cơ à?

- Vì nghe nói ở Ấn Độ không dễ gì kiếm được rượu.

- Thế thì em mua thêm nước hoa.

Cô chiêu đãi viên bắt chuyện với ông Numata:

- Ông là nhà văn Numata chuyên viết truyện đồng thoại phải không ạ?

Ông Numata ngượng ngùng, lặng lẽ gật đầu. Cô ta nói tiếp:

- Hồi học đại học, học chuyên ngành văn học thiếu nhi, tôi có đọc một số truyện đồng thoại của tiên sinh.

- Truyện của tôi không hẳn là truyện đồng thoại, mà chỉ lấy nhân vật chính là chó và chim thôi.

- Tôi thì mê mẩn mèo.

Ông Isobe nhắm mắt nghe hai người nói chuyện với nhau. Ông nghĩ nếu vợ ông còn sống, chắc ông chẳng đi Ấn Độ đâu.

Thời còn ấu thơ, ông Numata sống ở Đại Liên, thuộc Mãn Châu, thời đó đang bị Nhật Bản chiếm làm thuộc địa. Ông còn nhớ lúc ấy Đại Liên vẫn còn sắc mùi Nga; người Nga đã chiếm đóng vùng này trước Nhật. Nhà cửa và hàng họ xây bằng loại gạch hiếm thấy ở Nhật, đường sá xòe nan quạt từ quảng trường trung tâm thành phố. Các loại cây như cây keo, cây dương, vốn không thấy có trên đất Nhật, ngoại trừ ở Hokkaido, tròng hai bên đường. Những người Nhật giàu xổi khệnh khạng, hống hách sống ở đây, và khinh khi người Trung Hoa đã định cư trước họ.

Dù là con nít nhưng chú bé Numata hồi đó vẫn nhận ra khu người Tàu thật nghèo nàn, thảm hại. Những khi được bố mẹ đưa đi chợ người Tàu, mùi tỏi bay đầy không trung; đầu heo và gà đã làm lông treo lủng lẳng.

Cứ sáng sớm, những người đàn bà Tàu và những đứa nhỏ gánh hàng đến cửa nhà người Nhật bán. Những con chim cun cút vừa kêu quang quác, vừa cào cào trong sọt; dưa hấu và các loại dưa màu sẫm chất đầy gánh. Những chị đàn bà và đứa bé gánh những thứ nặng như thế trên đôi vai hằn vết. Mấy cô mấy bà Nhật Bản trả tới trả lui rồi mới mua.

Mẹ Numata có thuê một cậu người Hoa làm đứa ở. Ở Đại Liên, thời đó người Nhật sống trong những ngôi nhà xây kiểu Nga có ống khói,

mướn những đứa nhỏ người Hoa làm việc nhà và sai vặt. Họ gọi chúng là *bồi*.

Cậu *bồi* giúp việc cho nhà Numata tên là Lý, mười lăm tuổi. Cậu nói tiếng Nhật ngắc nga ngắc ngữ, vụng về phụ việc bếp núc với mẹ Numata, rồi châm than vào lò sưởi từ những tối mùa thu. Cậu tính tình dễ thương: mỗi lần thấy chú nhỏ Numata, ít hơn mình sáu tuổi, bị bố mẹ mắng, cậu lại ra sức che chở; thấy Numata đi học về muộn, cậu lại lo lắng, đi tận nửa đường kiếm đưa về.

Có lần trên đường từ trường về nhà, Numata thấy một con chó con mắt toét, mình mẩy lấm lem, liền nhặt về nhà. Nó là một loại chó mun Mãn Châu, lưỡi đỏ tía. Bố mẹ bắt chú quẳng ngay cái thứ dơ dáy gớm ghiếc đó. “Cho con nuôi nó một ngày thôi mà mẹ!” Numata rơm rớm nước mắt van xin. Cậu Lý tắm cho và đặt nó vào trong một cái rương gỗ có lót rơm, để dưới nền nhà bếp.

Đêm đó, giữa canh khuya tịch mịch, chú chó con tru lên thảm thiết. Khi Numata xuống bếp xoa đầu nó, bố chú trong bộ đồ ngủ đã đứng sẵn đó, quát:

- Điếc tai chịu không nổi. Ngày mai lo mà tống nó đi nghe chưa!

Hôm sau, Numata đi học mà lòng cứ lo ngay ngáy. Tan trường, chú phóng ngay về nhà. Lý đang chẻ củi, thấy Numata liền đưa ngón tay lên miệng ra hiệu đi theo. Numata theo Lý tới kho than cạnh hàng giậu. Chú chó con được cột cạnh đống than đen loang loáng, thấy Numata liền ra sức vẫy cái đuôi nhỏ xíu, thản nhiên tè vung vãi.

- Đây cậu chủ, đừng nói cho bà biết nhé!

Lý nở nụ cười hiên lành pha chút tinh quái giao hẹn.

- Việc này chỉ tôi và cậu biết thôi đấy.

- Ừ mà!

Kể từ hôm đó, kho than trở thành nơi bí mật của hai đứa. Đi học về, Numata lại len lén bưng tô cơm dư Lý đã để dành đến cho chó ăn. Hai người đặt tên cho nó là Mực. Khi thấy chó mắt đã lành, và có thể ngủ yên một mình được, Lý đưa nó ra sân nói với mẹ Numata:

- Thưa bà, con chó nó đã quay trở lại. Nó khá rỗi, không còn kêu như trước nữa.

Bà mẹ hình như biết Lý nói dối nhưng vì thấy Numata cứ năn nỉ mãi, cặn lòng không đành, bèn cho phép nuôi.

Dễ chừng được nửa năm, Lý bị đuổi. Ai đó đã mở khóa kho than, cả một nửa kho than biến đi đâu mất. Viên cảnh sát người Nhật đến đi điều tra nghi Lý làm. Vì có kẻ thấy Lý bàn bạc gì đó với đám nhóc người Hoa, gần kho than.

- Thưa bà, dù sao thì chỉ có mình nó được sử dụng chìa khóa. - Trước cửa lên tiệp sảnh, viên cảnh sát húp trà đến soạt một cái rỗi nói. - Chớ có mà tin cái bọn đó! Chúng ra cái điếu ngoan ngoãn hiên lành, nhưng khó mà biết được chúng đang rắp tâm làm cái gì đâu.

Khi bố Numata vặn hỏi, Lý lắc đầu không nhận.

Numata nấp sau cánh cửa trượt, ghen ngào, len nhìn cảnh bố quát tháo và Lý ấp a ấp úng phân trần.

Cuối cùng, Lý cũng bị đuổi, vì ở Đại Liên, chẳng thiếu gì cái giống b ấ và chị ở.

Ngày ra đi, đồ đoàn của Lý chỉ gói ghém được một bọc nhỏ lem luốc. Khi cất bước ra đi, cậu chào Numata:

- Thôi, chào cậu chủ, tôi đi! Chào cậu chủ, tôi đi! - R ấ lại mở cửa nhà bếp, lặp lại. - Chào cậu chủ, tôi đi! Chào cậu chủ, tôi đi!

Cho tới hôm nay, sau những năm tháng dài, Numata vẫn còn nhớ nụ cười buông xuôi của Lý.

Con Mực đã lớn bộn, đuôi vẫy đến muồn rụng. Nay nó đã trở thành một con chó giống Mãn Châu khổng lồ, khác hẳn với chú cún ngày xưa. Đã lớn như thế, vậy mà mỗi khi Numata và các bạn đi chơi, nó cứ đứng dưới gốc cây keo, kiên nhẫn chờ cậu chơi xong. Cả khi Numata đi học hay không đi học, nó cũng lẻo đẻo theo sau.

- Học với hành thật chán! Giá mà chẳng trường lớp gì cả thì hay biết mấy!

Nghe Numata bắt chuyện, nó lại ngược nhìn cậu đắm đắm với ánh mắt xa xôi.

Vào mùa thu năm cậu học lớp ba, hai thân sinh tình gắn bó không còn được như xưa, hai người bắt đầu nói đến chuyện bỏ nhau. Biến cố đột ngột này thật ngoài sức tưởng tượng của Numata, vì từ trước đến giờ cậu không hề nghĩ tới cảnh mình phải sống chia lìa với bố hoặc mẹ.

Đêm đêm, bố cậu về nhà say khướt, cãi vã to tiếng với mẹ cậu ngoài phòng khách. Bố la hét, mẹ khóc lóc, cậu trùm chăn kín đầu hoặc lấy

ngón tay bịt tai lại không muốn nghe, và cố gắng ngủ.

Vào thời kỳ này, phải về nhà là cả một chuyện cay đắng, bởi vì cậu phải nhìn mẹ mình lâu nay vốn là một con người vui vẻ, nay cứ ng ồi một mình trong căn phòng lạnh lẽo, nhìn qua cửa sổ, đắm chiêu nghĩ ngợi. Đường từ trường về nhà không lấy gì làm xa, Numata cứ lững thững đi đây đi đó, xem xác ve d ính trên lưới nhện, vẽ linh tinh trên các bức tường rào gạch đỏ, nấn ná chẳng muốn về nhà. Có tiếng rao bán hạt dẻ rang nơi ngã tư, tiếng đuôi đuôi mòng loạt soạt trên đường từ những con ngựa kéo xe chở khách. Những khi cậu nhìn quanh quất như thế, con Mực lại đứng lại đưa chân gãi đầu, khịt khịt đánh hơi loanh quanh đợi cậu chủ.

- Tớ chẳng muốn về ề - Numata nói với con Mực.

Những cay đắng ch ằng chất mà cậu không thể thổ lộ cùng thầy giáo và bạn học, Numata chỉ có thể nói với nó.

- Tớ chán lắm rồi. Tớ chán ban đêm lắm rồi. Tớ chán nghe tiếng bố mẹ cãi nhau lắm rồi.

Con Mực nhìn chăm chú Numata, đuôi vẫy nhẹ nhè về bối rồi. “Thôi thì chịu thôi! Đời là thế đó!” Con Mực trả lời như vậy.

Khi Numata đã lớn khôn, h ồi tưởng lại thời kỳ ấy, ông nghĩ đúng là con Mực đã nói với cậu bé Numata.

- Bố bảo sẽ không sống cùng mẹ nữa.

- Thôi thì chịu thôi!

- Ở với bố thì mẹ buồn nhưng ở với mẹ thì bố lại giận.

- Thôi thì chịu thôi! Đời là thế!

Thời gian đó, Numata chỉ có con Mực chia sẻ nỗi buồn. Chỉ có nó là người bạn tri âm, là bạn đồng hành của cậu.

Thu tàn, đông qua, và ở Đại Liên năm ấy mùa xuân mãi tháng Năm mới chớm. Thế rồi, mẹ đưa Numata về lại Nhật. Những nụ hoa màu trắng của những cây keo hai bên đường, trông giống như bông tai thiếu nữ, lủng lẳng trong chòm lá. Bên đường, một chiếc xe ngựa đang chờ đưa hai mẹ con Numata đến hải cảng Đại Liên. Ông bố vẫn lăm lăm, rút vào phòng, không ra đưa chân. Chỉ có con Mực đi lòng vòng phía trước lũ ngựa đang vẫy đuôi đuổi mòng soàn soạt.

Phần Numata, khi xe ngựa bắt đầu chuyển bánh, cậu quay lại, đắm đắm nhìn con Mực đang đuổi theo mình. Tuy tự nhủ không được khóc nhưng mắt cậu vẫn đầm nước, cậu quay mặt không cho mẹ thấy. Xe đã qua khúc queo rồi, con Mực vẫn cứ phóng theo. Dường như nó cũng biết lần này Numata đi là đi luôn. Nhưng cuối cùng mệt quá, nó đứng lại, không chạy theo nữa, buông xuôi nhìn theo Numata đang rời xa, bóng nhỏ dần. Đôi mắt của con Mực hôm ấy, Numata, khi đã thành người lớn, vẫn không quên được. Nhờ Lý và con Mực, lần đầu tiên Numata mới biết được ý vị biệt ly.

“Nếu hồi đó không có con Mực, có lẽ mình bây giờ đã chẳng viết được truyện đồng thoại.” Sau này ông Numata đã nghĩ như thế.

Con Mực là con chó đầu tiên dạy cho Numata biết rằng động vật có thể chuyện trò với người được. Không những chuyện trò, nó còn cho thấy

nó là bạn đồng hành có thể hiểu được những nỗi muộn phiền. Biết rằng trong thời đại ngày nay, để làm được điều đó chỉ có thể thông qua truyện cổ tích, nên ngay từ những ngày còn học đại học, ông đã chọn nghề viết truyện đồng thoại để kiếm sống. Trong những cuốn truyện đó, ông thích thú viết về những chú chó, ngựa con và đặc biệt thấu hiểu những nỗi buồn con trẻ, những nỗi buồn đời người đã sớm khởi sự nơi các em. Vâng, cả về chim chóc nữa...

[noindenet] Khi đã trở thành nhà văn chuyên viết truyện đồng thoại, ông Numata đã từng nuôi một con chim lạ là chim tê điểu. Đúng ra là ông bị ông lão có cửa tiệm bán chim và cá cảnh nước ngọt ở thương xá gần nhà ép nuôi.

Bản thân ông lão là một người kỳ lạ, có khuôn mặt giống mặt chim. Biết ông Numata là nhà văn đồng thoại, ông lão đột nhiên biểu lộ lòng mộ mến, tự ý bung cả bể cá lẫn cá bảy màu đã đầu vào đó đến cho ông, và sau đó, còn đến nhà, hằng hái chỉ dẫn cách nuôi chim cảnh.

Một ngày kia ông ta xuất hiện, tay ôm một tay nải lớn, đi với một cậu thanh niên trong bộ quần áo đi làm và nói với ông Numata: “Cậu này là bạn tôi, trông coi một cửa tiệm bán chim và thú nhỏ ở Shibuya. Tiệm mới kiếm được con chim tê điểu này. Tôi đã bảo với cậu ta là, tiên sinh có lẽ thích con chim như thế này.”

Ông Numata cũng không hiểu tại sao mình lại là người được chọn để nuôi con chim tê, nhưng ông cụ, không cần biết, cứ gỡ nút tay nải ra. Trong chiếc lồng lưới kẽm, một con chim dài khoảng năm sáu phân đang

đậu như bám dính vào thanh đậu. Mỏ trên có một cục đỏ, hình dáng như sừng tê giác, khuôn mặt giống hệt anh hề Pierrot.

Ông lão giục người bạn giải thích:

- Người ta bắt được con chim này ở Phi châu nhỉ?
- Vâng, loại chim này chỉ ở vùng nhiệt đới mới có. Cái mặt thiệt ngộ.
- Bởi nó có cái mặt kỳ lạ thế này, tôi nghĩ tiên sinh có thể dùng nó để viết những truyện đồng thoại của tiên sinh được.

Tại sao ông lão lại cho rằng con chim lạ này có thể trở thành nhân vật chính trong truyện đồng thoại của ông Numata? Mặc cho những nhân vật xuất hiện trong tập truyện đồng thoại của ông thường thường chỉ là những con heo, thỏ và chó rất thân quen với các em?

- Ý đó hay mà. Tôi sẽ để nó lại đây một tuần, tiên sinh cứ thử nuôi xem sao!

Không thèm đếm xỉa đến vẻ bối rối của ông Numata, ông lão và người bạn bỏ lồng chim lại trong phòng làm việc rồi đi ra.

Khi họ đã đi rồi, chỉ còn lại ông Numata và con tê điểu, phòng bỗng nhiên trở nên vắng lặng. Không gian yên ắng, con chim có khuôn mặt Pierrot đậu trên thanh đậu, nhìn vào một điểm trong hư không. Khuôn mặt nó không chỉ bắt tức cười mà còn tràn đầy nỗi buồn. Ông Numata lên tiếng hỏi:

- Mi ở đâu mà người ta bắt đến đây? Có phải mi ở tận Phi châu qua đây?

Ông Numata chưa hề đến Phi châu. So với Mỹ, Anh thì Phi châu là một thế giới xa diệu vợi, ngoài tầm tay với của ông. Liệu chú hề sống tận rừng rậm Phi châu có nghĩ rằng một ngày kia sẽ bị đưa tới xứ Nhật Bản mà nó chưa từng biết? Làm thân chim chóc mà mỗi con cũng có một số phận, giống như người vậy.

Vợ ông Numata tỏ vẻ không bằng lòng chuyện chồng mình nuôi con chim phiền toái, nhưng mấy đứa con lại thích. Mấy đứa nhỏ đặt tên cho nó là Pierrot. Ngày nào chúng cũng nhòm vào lồng chim cho bằng được, nhưng chỉ sau nửa tháng đã đâm chán và hầu như chẳng thèm đến gần nữa. Con chim tê không hót hay như chim yến, chỉ ủ rũ một chỗ trong lồng. Đã thế, mùi hôi từ lồng chim còn bay ra ngoài nặc.

- Này Pierrot. - Ông Numata lên tiếng. - Tớ báo cho mà biết, ở đây chẳng ai ưa mi. Thế thì tớ đưa mi trả lại tiệm, được không?

Nhưng chim vẫn không tỏ phản ứng gì, mắt cứ đắm đắm vào một điểm trong hư không như một con chim nhũ bông, chỉ nhúc nhích thật nhẹ để đổi thế đứng.

Có một hôm, ông Numata mở cửa lồng thả con Pierrot ra, muốn cho con chim từ rừng rú Phi châu này được hưởng một chút tự do, nhưng Pierrot có vẻ ngờ ngợ, đi từ từ rồi đứng lặng bên cạnh khung cửa kiếng, đắm đắm nhìn ra ngoài cửa sổ.

Ông Numata chăm chú vào công việc. Con chim tê vẫn đứng im, mặt hướng ra ngoài. Hoàng hôn về gần, ánh nắng cửa sổ nhạt dần. Chỉ

nghe tiếng lao xao khô khốc từ ngọn bút ông Numata đang viết bản thảo.

Rồi nghe có tiếng than van đứt ruột, như ngọn nến lóe lên rồi tắt, chứa muôn vàn thiết, ray rứt: tiếng chim tê kêu. Ông Numata nghĩ giống như con Pierrot, với muôn vàn ẩn ức, đã hét lên: “Tôi buồn lắm!”

Từ đó, ông cảm thấy một cái gì đó giống như lòng gắn bó với con chim có cái mặt tức cười này.

Một mối ràng buộc mới giữa con Pierrot và ông đã bắt đầu. Ban ngày, ông cắt tảo thành từng miếng nhỏ, và khi chán làm việc, ông quẳng từng miếng cho con Pierrot bên cửa sổ, nó vươn cổ ra lấy mỏ chụp thật thành thạo. Cái trò này khích lệ ông rất nhiều khi ông cầm bút, và nó giống như một trò chơi giữa hai anh em.

Rồi một đêm, khi cả gia đình đã an giấc, ông Numata ngồi vào bàn viết, đột nhiên con Pierrot mạnh dạn dang cánh, bay lên kệ sách bên cạnh, từ trên đó nhìn ông làm việc.

- Ông làm gì vậy? - Con Pierrot hỏi.

- Tôi viết truyện đồng thoại.

- Truyện đồng thoại gì vậy?

- Tôi đang thoải mái miêu tả lại những giấc mơ của tuổi ấu thơ. Trong truyện đó... những chú chó, những con chim giống như mi chuyện trò với cả những đứa bé. Chú chó mang tên Mực. Con Mực này, cậu chủ của nó, hồi niên thiếu...

- Toàn chuyện vợ vãn! Mấy cái thứ đó có lẽ chỉ là những giấc mơ ích kỷ của ông. Cứ xem đây này! Tôi đang sống với bạn bè trong rừng Phi châu xa xôi, lại bị đưa đến đây để an ủi ông.

- Có lẽ vậy. Nhưng mi không biết là từ hồi còn nhỏ, nói chuyện với con chó nhà và những con chim giống như mi, tớ đã được an ủi nhiều thế nào đâu. Đêm nay đây, có mi ở đây với tớ trong phòng này... cũng giúp tớ nhiều lắm!

Ông Numata không biết cắt nghĩa thế nào cái lòng muốn gắn bó với muôn loài chúng sinh của ông. Hạt giống mà cuộc sống của con Mực gieo thời thơ ấu, cuối cùng đã lớn lên, làm nên một thế giới lý tưởng chỉ có thể được vẽ lại trong truyện đồng thoại của ông. Ở trong truyện, trẻ em hiểu được tiếng hoa xì xầm và tiếng cây cối chuyện trò với nhau, và có thể đọc được những tín hiệu của con ong, cái kiến. Một chú chó, một con chim tê đã chia sẻ những nỗi buồn không thể xoa dịu của một người nay đã trưởng thành như ông...

Nhưng con Pierrot, như không để ý đến nỗi buồn đau của ông Numata, từ trên giá sách lại vỗ cánh bay trở lại góc phòng. Cuối cùng, khi nhìn về phía đó, ông thấy nó đã co một chân lên, lông đầu nghiêng nghiêng một chút, và đang ngủ...

“Nó làm bẩn cả phòng, em chịu không thấu. Lại còn ỉa lên cả trên sàn nhà.” Vợ ông phàn nàn chuyện ông chằng cứ nuôi thả rong con chim tê trong phòng như thế. Vợ chằng tiếng qua tiếng lại chẳng qua cũng vì nó. Đúng như lời vợ nói, phòng của ông, dù có mở cửa, mùi hôi đặc trưng của chim vẫn cứ nồng nặc; thảm đen lốm đốm phân chim trắng. Với một người vợ phải quán xuyến chuyện nhà, con chim có cái mặt kỳ quặc này thật

phiền toái, bức bối, chẳng khác gì Đức Giêsu ngày xưa đã gây bức bối, phiền toái cho các thầy tế Do Thái thời đó.

Đưa con chim tê đê so sánh với Đức Giêsu, lối ví von như thế thật buồn cười nhưng ông Numata có lý do của mình. Vì ông Numata vốn thích tranh của họa sĩ Rouault, ông thấy có sự giống nhau giữa mặt của con tê điều này và gương mặt của chú hề Pierrot trong tranh Rouault. Ông biết rằng, theo bản ý của họa sĩ Rouault, Pierrot tượng trưng cho Đức Giêsu. Chắc chắn, mỗi giao cảm tâm hồn giữa ông Numata làm việc thâu đêm với con chim tê cứ chăm chăm nhìn ông, vợ ông không làm gì hiểu được. Trong khi tiếp tục sống đời hôn nhân, ông vẫn biết rằng, dù là vợ chồng nào thì cũng có nỗi cô đơn chẳng dễ gì hòa tan vào nhau được. Nhưng trong những đêm dài hiu quạnh, ông và chim tê có thể chia sẻ nỗi cô đơn của nhau.

Thế là đã hai tháng. Lão chủ tiệm, người mang con chim tê đến đây, từ hôm đó đến giờ chẳng thấy tăm hơi đâu. Vậy là có lẽ họ nhập cảng con chim này, nhưng mãi chẳng bán được. Ở ông Numata có gì đó mà những chuyện như vậy thường hoài xảy đến với ông.

Vào thời kỳ này, những cơn sốt nhẹ vào ban chiều cứ dai dẳng mãi, và ông bắt đầu cảm thấy không biết vì sao luôn mệt mỏi rã rời. Khi đi khám chỗ một ông bác sĩ tư gần nhà, bác sĩ cho biết nghe thấy tiếng khò khè, và gửi ông đi chụp quang tuyến. Ông thầy thuốc cứ hỏi lòng vòng:

- Ngày xưa ông có bị lao không?

Kết quả của tấm hình quang tuyến đúng như lời bác sĩ, đen sậm. Theo sự giới thiệu của nhà xuất bản, ông Numata đến khám ở bệnh viện đại học và được yêu cầu phải cấp tốc nằm điều trị ở bệnh viện một năm.

Biến cố thật bất ngờ. Cả vợ lẫn ông đều hụt hẫng như đứng trước một thiên tai, chẳng biết xoay xử đường nào. Hồi còn trẻ, ông có nhiễm lao nhẹ. Hồi đó người ta chỉ trị bệnh lao bằng cách gây tràn khí màng phổi nhân tạo. Những lỗ hồng trong phổi mà ông nghĩ đã lành, tái phát lúc nào ông cũng chẳng rõ.

Trước khi vào nhà thương, vợ ông lo chuẩn bị các thứ cần dùng.

- Còn... con chim này, tính làm sao đây? Anh thì anh nằm viện rồi. -
Nàng nói với nét mặt nghiêm trang. - Trong nhà, em một thân một mình, không thể cáng đáng hết mọi chuyện được. Anh làm ơn để cho người ta đưa nó trở lại tiệm, có được không?

Ông nghĩ nàng nói rất phải và ông gật đầu:

- Anh sẽ làm vậy.

Khi trở lại thu phòng, ông đưa con Pierrot ra khỏi lồng. Nó theo thói quen đi lững thững lại phía cửa sổ, ngắm rặng Tanzawa đắm ánh hoàng hôn màu rượu nho. Tay thọc túi, ông nhìn xuống con chim, thì thầm:

- Ta chia tay nhau nhé chim!

Bỗng cảnh biệt ly với con Mực sống lại trong trí ông. Hồi đó cũng thế, cậu bé Numata rơi vào tình huống bắt buộc, con Mực và ông đành chia xa. Còn lần này cũng vì trùng bệnh không ngờ, ông phải chia tay với con Pierrot đã từng đêm đêm an ủi mình.

Cuối cùng, ông cũng phải nằm nhà thương, không phải một mà những hai năm. Vào thời kỳ này, ngoài các loại thuốc kháng sinh mới nhất đã mang lại hiệu quả tốt, người ta cũng tiến hành phẫu thuật ngoại khoa. Do ông Numata trước đây đã được điều trị bằng cách bơm hơi màng phổi, làm màng phổi bị dính lại, nên hai lần mổ đều thất bại, lại thêm gây ra chứng viêm phổi tình trạng cấp tính. Cả thầy thuốc điều trị, và cả vị bác sĩ giáo sư mỗi tuần một lần xuất hiện dẫn theo các bác sĩ trẻ, tuy không nói ra thành lời nhưng ông Numata hiểu được qua vẻ ngấn ngại của họ, rằng hai người thầy thuốc đang bối rối không biết phải chữa làm sao.

Phần ông, ông ghét cái cảnh, từ nay trở đi, trong mười hay mười lăm năm, phải sống mà chẳng làm được gì. Những người bệnh như ông biết có một bệnh nhân bị đa tiết phế quản do phẫu thuật không thành công đang nằm trên giường bệnh, sống mà như chết.

- Tôi đã suy nghĩ rồi. Các vị cứ mổ cho tôi! - Ông xin vị bác sĩ điều trị cho mình như thế nhưng người thầy thuốc vẫn lấp lửng:

- Vâng, tôi cũng đang suy nghĩ...

Các bác sĩ e rằng ông Numata trước đây đã trải qua hai lần mổ để gỡ màng phổi, nếu mổ nữa, sẽ bị xuất huyết mạnh.

Vào độ này, ông Numata hay một mình lên sân thượng bệnh viện, và trong khi nhìn trời chiều chạng vạng, ông nhận ra mình lúc này giống hệt con chim tê đó. Nó cũng thế, ra khỏi lồng, đứng cạnh khung cửa sổ thư phòng, nhìn ngắm rằng Tanzawa đắm hoàng hôn màu rượu nho. Ông có cảm giác mình thấm thía một cách đớn đau tâm trạng của con tê điểu.

Ông tự hỏi không biết nó nay ra sao rồi. Nếu không có gì bất tiện, ông muốn được trải qua đêm dài với nó trong phòng bệnh. Ông đã quá mệt mỏi vì phải làm ra vẻ mạnh khỏe trước mặt bác sĩ, các cô y tá và vợ mình. Ông muốn con tê điều chứ không phải con người làm bạn, để được tâm sự với nó như những ngày xưa ấy. Ông muốn con Pierrot có cái vẻ tội nghiệp lẫn buồn cười như thể họa sĩ Rouault đã vẽ nó vậy.

Nhưng chẳng bao giờ ông nói được với vợ đi đâu đó. Nào là phải lo các con lúc nào cũng luẩn quẩn bên nàng và toan liệu việc nhà, nào là phải tranh thủ vào nhà thương thăm chồng, nàng đã lo liệu ngần ấy thứ, ông không thể bắt nàng căng đáng thêm chuyện nào khác được nữa.

Nhưng có một ngày kia, đang khi đọc báo, ông chỉ bức ảnh chim thiên di trong báo cho nàng xem rồi tự nhiên buột miệng:

- Không biết con chim tê ấy, nay ở đâu rồi nhỉ?

Nghe ông hỏi, nàng làm tỉnh nhưng vài ngày sau đã xuất hiện trong phòng bệnh với một tay nải lớn.

- Của anh đó! - Nàng phấn khởi cất tiếng, chưa bao giờ nàng phấn khởi như thế và khi thấy chồng ngơ ngàng nhìn tay nải, nàng lại nói. - Anh mở ra đi!

Lúc mở nút tay nải ra, ông thấy một con nhồng đen bóng, đang hoảng hốt đập cánh trong chiếc lồng gỗ vuông.

- Em! - Ông Numata cảm động trước sự ân cần của vợ.

- Con chim tê không còn nữa, thôi thì anh chịu khó chơi với con nhồng này vậy.

- Anh đâu có ý đó đâu!

- Không sao đâu anh! Anh muốn có nó mà phải không. Em cũng hiểu được đi ầu đó.

Ông Numata cảm thấy mình có lỗi với vợ. Từ nhỏ, ông thích đàn trái nổi lòng th ăm kín, không phải với con người mà là với chó, với chim. Trong hoàn cảnh bây giờ cũng vậy, sau những lần mỗ mà chẳng đi đến đâu, một nơi nào đó trong lòng, ông ước ao được bày tỏ với một con chim giống như con chim tê ngày xưa, nổi chán nản của ông; không biết từ lúc nào, vợ ông đã nhận ra đi ầu đó.

Nhưng hôm nay ông vẫn cảm thấy như thế là hơn cả. Nói ra những âu lo không giải quyết được với vợ cũng chỉ làm khổ nàng mà thôi. Chỉ làm cho nàng thêm cực lòng, chỉ chất thêm gánh nặng cho nàng thôi. Nhưng, nếu người bạn lòng là một con chim thì... nó sẽ chỉ im lặng lắng nghe.

- Kìa, anh có vẻ tươi lên được một chút r ấi đó! - Vợ ông dường như hài lòng. - Lâu lắm mới thấy anh vui như thế...

Chuông reo báo giờ thăm bệnh nhân đã hết, trước khi c ầm đ ồ đạc rời phòng bệnh, vợ ông còn nháy mắt với ch ồng.

Con nh ồng nhảy qua nhảy lại mãi không chán trên hai thanh đậu trong l ồng nhưng chẳng kêu lấy một tiếng. Có lẽ người bán chim chưa dạy cho nó bắt chước tiếng người “Chào khách! Chào khách!” hay “Chào ông! Chào ba!”.

Nhưng, khi đã ăn tối xong, sắp tới giờ đi ngủ, có tiếng kỳ lạ “Ha, ha, ha, ha!” từ trong l ồng phát ra. Con nh ồng kêu lần đầu tiên.

“Ha, ha, ha, ha!” Tiếng kêu như thế không phải là tiếng kêu tự nhiên của loài chim. Ông Numata ngẫm nghĩ một lúc, cuối cùng mới hiểu đó là tiếng cười. Dám là con nh ờng này đã được đặt cạnh một con nh ờng biết nói tiếng người khác, nên nó mới nhớ được tiếng cười của những người khác đến xem.

Nửa đêm, ông Numata thức dậy, khẽ bỏ khăn tay nải trùm l ờng chim để đầu giường ra, ông thấy con nh ờng đang đậu trên thanh đậu nhìn ông chăm chăm. Ánh mắt của nó trông giống như ánh mắt của con chim tê ngày xưa đậu trên giá sách nhìn ông ng ỡ làm việc.

- Không biết có trị được không đây? Màng phổi bị dính lại r ỡ. Lần này, nếu mổ, - ông thổ lộ với con nh ờng đi đâu ông không muốn nói với vợ, - sẽ bị xuất huyết nhiều. Mấy thầy thuốc cứ sợ như thế. Nhưng tớ ghét phải nằm liệt giường. Tớ muốn mổ, tới đâu thì tới. Mi có lẽ cũng hiểu vì sao.

Con nh ờng hơi nghiêng đầu, bay từ thanh đậu này qua thanh đậu khác, r ỡ:

- Ha, ha, ha, ha! - Nó nhại tiếng người cười.

Mỗi đêm, ông giải bày những lo âu, ân hận với con nh ờng, giống như ngày xưa chỉ than van với con Mực nổi niềm cô đơn của mình.

- Tớ chẳng muốn làm cho vợ tớ phải cực lòng, cho nên tớ mới tâm sự với mi! Tớ sợ chết lắm! Tớ chỉ muốn sống, viết những truyện đ ờng thoại hay hơn.

- Tớ những lo là, nếu tớ chết đi, cuộc đời vợ con tớ sẽ ra sao? Phải làm sao đây, nh ờng?

Khi hỏi “Tớ phải làm sao đây”, câu hỏi nghe quá kịch khiến ông cảm thấy xấu hổ. Nhưng đó là nỗi lo thực sự của ông.

- Ha, ha, ha, ha!

Con nh ờng lại phát ra tiếng cười. Nó dùng tiếng cười vừa để nhạo sự yếu đuối của ông và vừa để động viên ông. Ông tắt đèn trong phòng bệnh, cảm thấy dường như trong cuộc đời mình rốt cuộc ông chỉ thực sự trò chuyện được với chim, với chó. Ông chẳng hiểu Chúa là gì nhưng nếu con người trò chuyện thực lòng với Chúa, thì ông, mỗi lần muốn nói chuyện, ông sẽ nói chuyện với con Mực, con chim tê, hay với con nh ờng này.

Một li ều ba bảy cũng li ều, ông lên bàn mổ vào tháng Chạp.

Vào một buổi sáng tiếng lò sưởi hơi nước trong bệnh viện nghe lèo xèo hơn thường lệ, y tá đẩy chiếc băng ca có ông Numata vừa được gây mê nằm trên, dọc theo hành lang dài, tới phòng phẫu thuật. “Khi được đưa trở lại phòng bệnh,” vừa nhìn lên ngọn đèn mổ ở trên trần, ông vừa nghĩ, “không biết mình có còn sống không?”

Sau cuộc phẫu thuật bốn tiếng, ông lại được đưa về phòng bệnh nhưng mãi tới sáng hôm sau mới tỉnh lại. Người ta đã đút ống cao su vào mũi, lụi các mũi kim truyền vào cánh tay. Trong khi ông đang nửa mê nửa tỉnh, thỉnh thoảng y tá lại đến đo huyết áp, chích moóc phin cho ông. Giống y như hai lần trước.

Vài ngày sau, khi đã khỏe lại, ông hỏi vợ đang ở bên cạnh:

- Em à, con nh ờng?

- - Vợ ông ấ p ứng. - Phải lo cho anh túi bụi; em để nó trên sân thượng bệnh viện rồi quên bẵng luôn. Khi nhớ ra, đi lên... thì nó chết tự h ồi nào rồi.

Không thể trách vợ ông được. Vì đã quá đổi lo lắng chuyện sống chết của chồng, nàng không còn hơi sức nào leo lên sân thượng để chăm con nh ồng được.

- Em xin lỗi anh.

Ông Numata gật đầu nhưng vẫn muốn xem lại chiếc lồng.

- Còn cái lồng? - Ông có vẻ như vô tình hỏi, như không muốn làm đau lòng vợ ông.

- Đêm em sẽ vớt. Mấy người y tá họ r ầy.

- Trời đất, ai lại vớt đi như vậy! Anh thích cái lồng đó lắm. Anh tính là sau khi lành bệnh, sẽ mua chim chiền chiện hay chim gì đó để nuôi.

Đang khi nói chuyện như thế, ông bắt đầu cảm thấy khó thở, vết mổ nơi ngực buốt đau. Ông im lặng.

Chiều tối nàng lên sân thượng, đưa lồng xuống phòng bệnh.

- Em cứ để đây cho anh.

- Nó bẩn lắm! Tốt hơn hết để em lấy cái gì đó bao lại.

- Ồi chào, cứ để thế không sao đâu mà!

Người vợ đã đi đến phòng y tá; chỉ còn lại một mình trong phòng, ông chăm chú nhìn chiếc lồng. Phân chim màu trắng ngà còn bám cả trên thanh đậu lẩn ở đáy lồng. Hai chiếc lông màu đen còn dính cả vào phân. Nhìn hai chiếc lông, ông cảm thấy thấm thía trong lòng cái chết của con chim đêm đêm vẫn lắng nghe nỗi đắng cay và những lời than vãn của ông. Đột nhiên ông nhớ tới tiếng ông đã hét với con nhồng: “Tớ phải làm sao đây?”

“Hay là con chim này đã thế mạng cho mình?”

Cái suy nghĩ dường như chắc chắn ấy cứ như nước sôi bốc lên trong lồng ngực mới phẫu thuật của ông. Ông cảm thấy trong cuộc đời ông, chó, chim đã giúp đỡ ông đến mức nào.

Quá trình hồi phục mà các bác sĩ lo lắng, diễn ra tốt đẹp đến mức có thể gọi là kỳ tích. Sau khi tái khám thấy không có hiện tượng đa tiết phế quản là biến chứng đáng ngại nhất, vị bác sĩ đi đầu trị bắt tay ông, nói:

- Ông may mắn lắm! Thế là an tâm rồi. Hôm nay tôi mới dám nói với ông như thế.

Ông Numata gật đầu:

- Tôi biết. Lúc đó thì cũng giống như đánh bạc, một được hai thua. Rủi ro cao, các bác sĩ cũng đã rất lo ngại.

- Thực ra là... khi đang còn ở trên bàn mổ, tim ông có ngừng đập một lúc!

Ngay lúc ấy, hình ảnh con chim tê đậu trên giá sách nhìn xuống như đang ghẹo ông và con nhồng cất tiếng cười “Ha, ha, ha, ha!” lại hiện lên

trong trí ông.

CHƯƠNG NĂM

Trường hợp ông Kiguchi

Ông Kiguchi cảm thấy phục anh hướng dẫn viên Enami ngồi cạnh, vừa mới rời phi trường Narita là đã ngủ ngay và khi người ta đưa đồ ăn tới, lại có thể ăn một cách ngon lành. Khi anh Enami thấy ông Kiguchi bỏ chiếc nĩa qua một bên, liền nói:

- Ồ, ông dùng món thịt đi chứ!

- Tôi đã có tuổi rồi. Răng giả không thể nhai thịt được nữa. Không biết có phải vì thế mà tôi thích dùng cá hơn.

Ông Kiguchi quay mặt khỏi đĩa và nhìn ra khung cửa sổ. Dĩ nhiên từ cửa sổ tàu bay ông không thể thấy được gì, nhưng biết đâu phía dưới kia chẳng là rừng già điệp trùng.

- Phía dưới kia là rừng anh nhỉ?

- Để coi, - anh Enami nhìn đồng hồ đeo tay. - Nếu tính theo giờ, thì hiện tại chúng ta đang bay trên đất Thái, dám có rừng rậm lắm. Hình như ông thích rừng lắm thì phải.

- Thời còn chiến tranh, tôi đã từng chiến đấu trong rừng già Miến Điện.

-Ồ, thế ạ? Thế hệ chúng tôi không biết đến đi đầu đó nhưng nghe nói chiến tranh khu vực đó dữ dội lắm, phải không ạ?

Ông Kiguchi gượng cười khi nghe từ “dữ dội”. Cuộc tháo chạy đó, cái đói đó, những cơn mưa rào hằng ngày đó, nỗi tuyệt vọng và mệt mỏi đó, ngần ấy thứ, thế hệ của anh Enami hoàn toàn không thể hiểu được. Ông Kiguchi cũng không muốn kể. Nếu có ai đó hỏi, ông chỉ biết cười gượng gạo.

Mưa vỗ lên biển rừng. Cuộc lui binh giữa màn mưa. Sốt rét ngã nước. Đói. Tuyệt vọng.

Lúc ấy, chúng tôi như những người mộng du đi vào cõi chết.

Ông nghe nói Ấn Độ cũng có mùa mưa nhưng ông không biết mùa mưa ở Ấn như thế nào. Còn mùa mưa ở vùng đất Miến Điện, nằm phía Đông Ấn Độ, một người lính Nhật như ông đã thấm tận xương tận tủy. Bị quân Anh-Ấn truy đuổi, đoàn quân của ông phải thối lui khỏi núi Popa, và trên đường đến được Sinzwe, mùa mưa Miến Điện cũng bắt đầu.

Một buổi sáng tháng Năm, đột nhiên - phải nói là đột nhiên - nhiệt độ hạ xuống thật nhanh. Rồi người ta cảm thấy cái ẩm thấp trong không khí. Bầu trời cho tới hôm qua vẫn còn trong sáng, bây giờ bị mây màu chì bao phủ. Mùa mưa đã bắt đầu. Thế rồi ngày nào cũng mưa bụi, rồi từ mưa bụi chuyển thành mưa rào.

Mưa rào khác hẳn với mùa mưa ở Nhật Bản. Tán lá xanh sẫm của biển cây che phủ phía trên đầu, tiếng mưa dội xuống, và nước đổ xuống

như thác.

Đơn vị của Kiguchi và Tsukada đi từ Đông sang Tây rừng Pegu. Không, họ không phải đang đi mà là gồng hết sức lê chân vì khát vọng sống.

Tới lúc này, người lính nào cũng khổ sở vì thiếu chất. Quá nửa đơn vị bị sốt rét. Nghe đồn dưới rừng bằng đang có dịch tả nên bác sĩ quân y Takahashi cấm binh lính tuyệt đối không được uống nước lã, nhưng vẫn có nhiều binh sĩ đi cầu ra máu không biết vì kiết lỵ hay vì tả.

Thứ đồ ăn ra đồ ăn họ bỏ miệng chỉ là trái quéo trong một rừng quéo mà họ tìm thấy bên bờ một thôn nhỏ ba hôm trước. Quéo cứng và xanh lè. Họ lột vỏ và thái mỏng cơm quéo màu trắng, rồi chấm muối ăn. Quéo xanh làm họ nhớ đến món dưa chua Nhật Bản. “Coi chừng, có thể có chất độc cyanide trong quéo!” Bác sĩ Takahashi rảo qua đám lính đang khua miệng, hoa tay như ma quái, nói như thế nhưng bọn họ vẫn nhai ngấu nhai nghiền bất kể.

Kết quả là nhiều anh bị đau bụng. Người này đến người khác xé hàng, liên tục đi tiêu chảy trong biển cây. Phân đã đổi ra màu đen, kèm theo mùi thối kinh khiếp. Có kẻ gục luôn trên phân. Họ rên rỉ, giọng đã mệt lắm, với những người lính đàn anh khiển trách họ: “Tôi không thể đi được nữa! Xin cho tôi được chết ở đây.” Chẳng bao lâu tiếng rên xiết vang lên khắp nơi dưới ngàn cây.

Đôi khi mưa ngừng. Trong một thoáng, mây trở nên trắng. Chim nhỏ xa gần bắt đầu cất tiếng hót. Giữa tiếng chim kêu tươi sáng, trong lành, là tiếng người rên rỉ: “Xin cho tôi chết ở đây!” vang lên cả bên trái lẫn bên phải.

Hàng hàng binh sĩ Nhật giống một lũ ma đi trong đêm hơn là đoàn quân đang trên đường rút lui. Dù lính tráng có thấy viên sĩ quan đang chống nạng, cố theo kịp đoàn quân đi nữa, họ vẫn làm ngơ đi qua như không trông thấy. Cả súng lẫn kiếm được coi như bảo vật tôn quý do Thiên hoàng ban, còn “quý hơn cả mạng sống”, thế mà nhiều kẻ đã vứt hết, chỉ giữ lại cà mèn và lựu đạn đeo bên hông. Cà mèn để đựng món hồ lốn chỉ có đôi hạt gạo trộn với rau dại húp trong ngày, gọi là “cháo đom đóm”. Còn lựu đạn là vũ khí cuối cùng dùng để tự sát trong trường hợp kiệt sức, đi không nổi nữa. Thỉnh thoảng, người ta nghe có tiếng lựu đạn nổ phía trước và phía sau. Ai đó đã quyên sinh. Những người lính khác như những người mộng du bước đi, áo quần toí tả, nét mặt không hề thay đổi.

Sau khi giải ngũ, Kiguchi không muốn nhớ tới cái địa ngục đó nữa. Cũng không muốn nói với ai. Dù có nói đi nữa, những người phụ nữ cùng đám trẻ từ đầu đến cuối chỉ sống ở Nhật không mong gì hiểu được. Cũng không riêng phụ nữ trẻ con, ngay như cả những kẻ có nhập ngũ đi nữa nhưng chỉ ung dung nghênh đón ngày tàn chiến cuộc ở một vùng đất an toàn, cũng chẳng trông gì họ hiểu. Kẻ thám thía thực sự, thì chỉ có những chiến hữu đã vượt qua biển cây, đã cùng đi trên con đường vang tiếng van xin của các chiến binh gục ngã, sau này người ta gọi là “Đường Tử Thôn”. Cho nên đối với Kiguchi, Tsukada là một người bạn chiến đấu đáng quý đá cùng anh vượt qua địa ngục đó.

Khi kiệt sức chỉ còn cõ lê chân, trong trạng thái không còn biết mình đang mơ hay tỉnh, Kiguchi thậm chí từng thấy bóng dáng thêm một bản thân mình nữa đi bên cạnh.

- Đi! Phải cõ mà đi! - Chính con người ấy không ngừng hét vào tai anh, mặc dù lúc đó anh gần như đã muốn sụm xuống.

Kể cả sau khi sống sót qua cuộc chiến, anh không bao giờ nghĩ đó là ảo giác. Đúng là có một người hoàn toàn giống như anh đi bên cạnh anh và là anh.

Khi đi trên Đường Tử Thần, Kiguchi và Tsukada thấy tận mắt những cảnh lạnh người. Hai bên đường, xác binh sĩ Nhật chất hàng đống. Dồi dào lúc nhúc trên các xác chết và cả trong mũi, miệng những binh sĩ còn thở thoi thóp nằm hai bên vệ đường, cất tiếng van xin: “Làm ơn giết tôi đi!” Tất cả đều kêu lên: “Làm ơn giết tôi đi!” như một hợp khúc trầm trầm. Nhưng chẳng ai còn hơi sức đâu mà ra tay cứu giúp. Thế mà, khi mưa chợt tạnh, đàn chim nhỏ lại líu lo. Kiguchi và Tsukada những lúc như thế chỉ biết quay mặt đi.

“Xin hãy tha lỗi. Xin bạn thứ lỗi cho tôi.” Anh chỉ biết nói trong lòng như thế. Thế rồi đột nhiên:

- Tổ cha cái thằng Mutaguchi khốn nạn! - Một viên sĩ quan, chỉ nhắc được phần trên cơ thể lên, xương sườn lòi cả ra, hét lên như tiếng hét tuyệt vọng cuối cùng. Tướng Mutaguchi là tư lệnh quân Đội Nhật Bản ở Miến Điện, đã ra lệnh cho các sư đoàn tham gia vào cuộc hành quân bất chấp chiến thuật này. “Cuộc hành quân này là một nhiệm vụ cao cả cho toàn quân. Tôi mong rằng các chiến sĩ sẽ giữ vững lòng tin vào chiến thắng. Và xông lên chiến đấu cho đến người cuối cùng, cho đến giọt máu cuối cùng!” Ông tướng này đã truyền hịch cho các sĩ tốt như thế.

Cuối cùng họ cũng đến được bên triền một thung lũng có ba bốn mái nhà. Nhưng cư dân đã chạy trốn đâu hết. Binh lính, một sống hai chết, lưng sục

hết nhà này tới nhà khác tìm thức ăn nhưng chẳng kiếm được cái gì bỏ miệng cả. Đám quân đi trước đã sục sạo và vét sạch cả rãnh.

Trong một cái chòi nhỏ, một người lính mắc bệnh bị đoàn quân trước bỏ lại, đang thoi thóp chờ chết. Mình cuộn chặt trong chăn, chứng tỏ anh ta đang chống chọi với cơn sốt rét ác tính. Anh dựa vào vách, buồn bã nhìn Kiguchi và Tsukada, rãnh mắt lại sụp xuống. Chẳng còn sức để nói. Kiguchi lại gần và hỏi:

- Anh bị bỏ lại hả?

Anh ta gật đầu yếu ớt. Nhưng dường như anh ta đã buông xuôi phó mặc tất cả - mặc kệ cả cái chết - chẳng van xin giúp đỡ gì nữa. Có lẽ tối nay hoặc ngày mai, khi đã sức cùng lực kiệt, anh sẽ trút hơi thở cuối cùng.

- Chẳng bao lâu... mình cũng sẽ như thế. - Kiguchi mãi nghĩ đến lúc chính mình cũng sẽ rơi vào tình trạng bi thảm như thế, hơn là đem lòng xót thương cho anh lính nọ. Cái ý nghĩ này cướp đoạt đi nốt chút sức tàn còn sót lại nơi anh.

- Cố lên! Chắc chắn sẽ có người đến giúp đỡ. - Tsukada động viên lấy lệ người lính đó, rãnh cùng với Kiguchi ra khỏi chòi như trốn chạy. Lối ra tối om, người lính không đáp lại một lời.

Cái mà Kiguchi thấy nơi người lính trúng bệnh trong chòi và kinh sợ, hôm sau đã tấn công anh.

Chiều ngày hôm sau, Kiguchi cảm thấy một cơn buốt lạnh không diễn tả được chạy dọc xương sống như một đợt sóng. Chẳng mấy chốc, từng khớp xương như muốn rã ra hoàn toàn, anh không thể nào bước theo trung đội đang tiếp tục hành quân được nữa.

- Tsukada! - Kiguchi yếu ớt nói với người bạn lính vừa đến bên cạnh mình, chẳng cần đếm xỉa gì đến xấu hổ với danh dự. - Tôi bị trúng sốt rét rồi. Không thể bước được nữa. Anh cứ đi đi!

Tsukada nói gì đó, Kiguchi chẳng nghe lọt. “Mình sẽ bỏ mạng thôi!” Kiguchi nghĩ vậy khi gục xuống, đầu óc cứ mông lung chập chờn. Cuối cùng, những giọt mưa từ trên lá cây làm ướt đầm đôi má, và khi mở mắt lên, hình thù Tsukada hiện lên trong mắt Kiguchi, khuôn mặt râu ria bờm xờm, má hóp, trái cổ lồi ra, cổ gầy nhẳng.

- Anh còn nán lại hả? - Kiguchi ứa nước mắt hỏi.

Tsukada và anh vốn là huynh đệ chi binh từ một năm trước đó, khi đại đội súng máy được thành lập ở Akyab.

-Ừ.

- Còn trung đội?

- Đi trước rồi. Phn đội trưởng ra lệnh tới lúc có thể đi được, thì hãy đi xuống sông Kun.

- Tôi... không thể!

- Ăn cái này đi!

Trong cà mèn là món hủ lớn gồm rau dại và ít hạt gạo trộn với nhau, mà họ gọi là “cháo đom đóm”.

- Gạo này ở đâu ra vậy?

- Thì lấy của một anh chàng gục trên đường. - Tsukada trả lời. -
Mấy hạt chót.

- Không cho người ta ăn à?

- Hẳn chẳng còn sức mà ăn. Đừng nghĩ ngợi gì về chuyện đó nữa.
Cứ nằm yên ăn những thứ tôi tìm được đi!

Kiguchi gật đầu, khép đôi mắt đầy ghen và lệ. Trong cuộc thối lui này, khi người lính Nhật nào cũng đang phải chịu khổ sở vì đói, bệnh, mệt, bỏ mặc người đã sức cùng lực kiệt, cho dù có là bạn chiến đấu của nhau thì cũng chẳng có gì là lạ. Nếu không bỏ, mạng sống của mình cũng không giữ được luôn. Nhưng Tsukada không bỏ mặc người bạn chiến đấu Kiguchi.

Trong cơn nửa mơ nửa tỉnh, Kiguchi nghe mơ hồ có tiếng bom từ máy bay trinh sát của quân đội Anh và tiếng súng máy 92 ly của quân Nhật bắn ầm ầm. Anh cảm thấy dường như ở một nơi nào đó xa xăm cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp tục, nhưng đó có lẽ chỉ là ảo giác.

Sáng sớm giữa tiếng chim riu rít trong biên cây, toàn thân Kiguchi lại run lên vì rét làm anh choàng tỉnh. Chẳng thấy Tsukada đâu nữa.

“Đúng là mình bị bỏ lại rồi!”

Sau này nhớ lại, thật lạ lùng là khi đó anh cảm thấy tâm hồn thật thanh thản, chẳng hận, chẳng giận vì trong hoàn cảnh như thế này, bỏ nhau là thường. Anh có cảm giác, tựa như lũ chim và côn trùng bị thương vẫn lẳng lặng chết trong rừng rậm này, chính mình cũng sẽ tuyệt mệnh ở đây, thịt rữa ra, trở về với lòng đất.

Tiếng chim tràn đầy sự sống. Tai nghe tiếng chim, mắt khép lại. Cứ thế mà mọi sự sẽ đi về hồi cuối. Có tiếng chân giẫm lá khô, tiến lại bên cạnh anh. Là Tsukada.

Kiguchi bật khóc; anh vừa khóc vừa nói:

- Ôi, tôi cứ ngỡ anh đã nhập đoàn với trung đội rồi!

- Ăn đi!

Tsukada lấy từ trong cà mèn ra một cục gì đó màu đen và dùng đũa gấp, đưa lên miệng Kiguchi.

- Thịt đó!

- Thịt? Kiếm ở đâu vậy?

- Hồi đêm, đi xuống thung lũng, gặp một cái xóm. Chẳng có ai nhưng lại thấy xác một con bò chết mà còn ăn được. Thui rồi, đừng có sợ!

- Xin lỗi!

Nhưng Kiguchi sức đã yếu, món cháo đom đóm dù có trôi qua cổ họng được nhưng cái món thịt bò sinh này dĩ nhiên không thể nào nuốt nổi.

- Nếu không ăn... thì sẽ chết. - Tsukada giận dữ, nhét một miếng nhỏ vào miệng Kiguchi. - Phải cố mà ăn! - Tsukada hét âm lên.

Nhưng Kiguchi chịu không nổi mùi hôi, nôn tháo cả ra.

Đến giờ Kiguchi vẫn không muốn nhớ tới cuộc tháo chạy thê thảm ấy nữa. Ngay cả sau khi giải ngũ, anh cũng hầu như chẳng kể với ai về những kinh nghiệm chiến tranh.

Nhưng khi phục viên về sống với vợ và con nhỏ, anh đôi khi như điên như cuồng vì những xúc cảm ứ đầy trong lòng. Cũng may ngôi nhà tổ tông của anh ở thị trấn suối nước nóng, gần thành phố Nagano đã không bị thiêu rụi trong những lần không kích, vợ con anh đã sơ tán đến đó, nhưng khi mấy đứa nhỏ thấy chỉ toàn cơm độn ngũ cốc, không có bánh kẹo, mở miệng kêu ca, anh đã dùng bạo lực quá mức đối với một người cha. Vợ anh, từng biết một Kiguchi ngày xưa ôn hòa như thế nào, chỉ ngơ ngàng nhìn chồng mình đã thay đổi ra như thế. Những lúc như vậy, anh trở về phòng mình, trùm chăn, rên rỉ khóc. Sau làn mi khép của anh hiện lên hình ảnh Đường Tử Thần với những xác lính la liệt, những người còn thoi thóp, dòi bò lúc nhúc cả mũi, cả miệng. Anh ghét đến tận tâm can “Chủ nghĩa Dân chủ” với lại “Phong trào Hòa bình” Nhật Bản chỉ lờ đi những đau khổ chiến tranh mà phán xét đủ thứ.

Sau khi kết thúc chiến tranh ba năm, cuối cùng Kiguchi cũng trở lại Tokyo. Anh bắt đầu mở một hãng vận tải nhỏ, và nhờ vào nhu cầu quân nhu trong cuộc chiến với Triều Tiên, công chuyện làm ăn của anh cũng được thuận buồm xuôi gió.

Khi Tokyo đã khôi phục lại bộ mặt xưa ở một mức nào đó, một hôm đứng trên thềm ga xe điện ngầm, Kiguchi để ý có một người đang nhìn anh chằm chằm, nửa tin nửa ngờ. Thì ra anh bạn lính Tsukada! Khi nhận ra nhau, hai người chạy ào lại, và tự nhiên hét lên “A!” như con thú.

Đêm đó, Kiguchi và Tsukada đưa nhau đi uống rượu. Trong tiệm gà nướng, Tsukada, bằng cái giọng Kyushuu không biết nhập tâm từ hồi nào,

kể chuyện anh ta phải đến ở nhờ nhà vợ ở Uto thuộc Kyushuu, chuyện anh bây giờ làm trong hãng xe lửa nhà nước ở đó và lên thủ đô lần này vì công tác.

Họ nói với nhau đủ thứ chuyện nhưng tuyệt đối không động gì đến Đường Tử Thần. Kiguchi hiểu đến mức đau đớn vì sao Tsukada không mở miệng nói về chuyện đó.

- Anh uống nhiều như vậy có sao không?

Kiguchi cảm thấy lo khi thấy kiểu uống rượu như nốc nước lã của Tsukada. Trong lúc uống liên tù tì như thế, ánh mắt của bạn anh tối dần, rồi bỗng nhiên im lặng. Rồi lại đổ cốc rượu vào cổ họng như muốn kìm nén đi đâu gì đó. Kiguchi dường như hiểu được tâm trạng đó.

- Để tôi đưa anh về nhé? - Anh nói, nhưng Tsukada lắc đầu đi ra khỏi quán, biến mất ở nhà ga Shibuya đã vắng bóng người.

Đó là lần đầu tiên hai người gặp nhau trong thời kỳ hậu chiến. Và năm tháng cứ trôi. Mười năm sau, Tsukada gửi thư hỏi xem ở Tokyo có việc gì làm không. Trong thư viết: “Tôi xin anh giúp giùm tôi, người đã cùng chia sẻ đắng cay với anh trên con đường ấy ngày xưa.” Đọc lời lẽ trong thư, Kiguchi hơi khó chịu vì cảm thấy như Tsukada cố nhắc ông nhớ lại việc anh ta ép mình đang thập tử nhất sinh ăn cháo đom đóm, mang cả thịt cho ăn. Nhưng ông vẫn hỏi dò mấy người quen biết và kiếm được cho bạn một chân quản lý chung cư.

Tsukada và vợ đến thủ đô. Người đàn bà nép sau chồng và cứ cúi mình chào Kiguchi đến đón ở sân ga là vợ Tsukada.

- Em có biết không, anh vào lính sớm hơn anh Kiguchi đây nửa năm, nên anh là đàn anh của anh ấy. Ở trong quân đội, chỉ chênh nhau một tháng, cũng đã có thớ lẩm r ồi! - Tsukada giải thích với vợ mình như thế. Khi nghe cái giọng như có ý phô trương của Tsukada, Kiguchi thấy dường như bạn mình có chút tự ti khi đứng trước mặt mình.

- Anh đây đã giúp đỡ tôi rất nhiều trên chiến trường, - Kiguchi lễ phép, lịch thiệp đỡ lời nhưng người vợ vẫn cứ gật đầu cảm ơn không biết bao nhiêu lần mà kể.

Tsukada thực hiện đúng đắn các công việc được giao hết như thời còn tại ngũ, nên Kiguchi cũng lấy làm vui việc ông giới thiệu bạn cho chủ chung cư là người quen biết của mình.

- Chỉ có cái kẹt là, - người quen đó vừa gượng cười vừa nói, - người giao hàng, bán hàng nào đậu trái với quy định của bãi đậu xe khu chung cư, thế nào cũng bị ông ấy quát tháo om sòm.

Kiguchi phân bua đó là chẳng qua tính tình ông ấy từ hồi còn trong lính đã như thế. Người quen biết gật đầu nói:

- Ông ấy gì mà gắt gao quá! Người nghiêm túc quá thì dễ gãy.

Người nghiêm túc quá thì dễ gãy. Chỉ mới dời lên Tokyo được một năm, Tsukada đã bị thổ huyết.

- Xin anh tha lỗi cho! Đêm qua anh ấy lại uống rượu quá nhiều. - Tiếng người vợ bạn đáp ứng xin lỗi Kiguchi trong điện thoại. - Nhà em cấm

không được nói với anh nhưng... xe cấp cứu đã chở anh ấy đến nhà thương rồi.

- Vào nhà thương? Nhà thương nào vậy chị?

Từ khi Tsukada lên Tokyo, Kiguchi có mời bạn đi uống rượu một vài lần. Những lúc đó, thấy kiểu uống điên rồ của Tsukada, ông có nhắc khéo nhưng:

- Từ khi từ chiến trường bên ấy trở về tôi không xông xáo trường đời như anh. Nếu không uống, tôi không thấy thoải mái được. Anh hiểu phải không?

Nghe bạn nói như vậy, Kiguchi chẳng thể nói được gì, vì chính ông đã cùng trải qua cái địa ngục thâm ấy.

Khi đã tắt tả chạy đến được nhà thương, ông thấy vợ Tsukada đang chờ ông ở cầu thang máy. Tsukada đã được đưa vào phòng cấp cứu và bây giờ đang ngủ. Ông thổ huyết nặng và bị ngất trong nhà cầu.

“Xuất huyết dạ dày đây mà! Bị ung thư thì không thổ huyết đến như vậy.” Vì vợ bạn sợ nhất chông bị ung thư dạ dày, nên Kiguchi phải an ủi như thế, rồi một mình đi hỏi vị bác sĩ đi đầu trị trung tuổi. Người thầy thuốc đứng trong góc hành lang nói nhỏ với ông:

- Ông ấy ở tình trạng chưa thể xét nghiệm được, nhưng dùng tay khám thì thấy có một cục lồi ở bụng bên phải. Có thể là bệnh xơ gan biến chứng thành giãn tĩnh mạch thực quản. Tôi có hỏi bà vợ thì được biết ông ấy uống rượu như hũ chìm thì phải.

- Vâng, - Kiguchi nghĩ là nên nói cho người bác sĩ trung niên, giản dị này biết hết mọi chuyện, - anh ấy uống như người nghiện.

- Ông có biết có nguyên nhân tâm lý nào làm cho ông ấy phải uống như thế không?

- Tâm lý?

- Ví dụ... - Vị bác sĩ, cầm phiếu theo dõi bệnh trong tay, nhìn Kiguchi, - ông ấy có gì bất hòa trong gia đình, trong công ty có gì bức bối không?

- Tôi nghĩ là những chuyện đó thì không...

- Nếu chuyện uống rượu có nguyên nhân tâm lý, thì để trị chứng nghiện rượu, phải kết hợp đi kèm trị gan với đi kèm trị tâm lý, như thế mới mang lại kết quả tốt được.

- Vậy để tôi dò hỏi cậu ấy. Hồi chiến tranh chúng tôi là chiến hữu thân thiết.

- A, thì ra quý ông là chiến hữu!

Khi ra khỏi hành lang, Kiguchi nghĩ đi đâu bán tín bán nghi bấy lâu nay quả nhiên là hoàn toàn có thật. Nhưng chính xác đi đâu gì làm cho đôi mắt của Tsukada trở nên u uẩn và khiến ông chìm trong men rượu, thì Kiguchi hoàn toàn mù tịt. Trên đường đến khu cấp cứu, ông đi ngang qua một anh Tây trẻ, thấp, đeo kiếng, đang đẩy một người già trên chiếc xe lăn về phía thang máy. Cậu ta khiến ông già bật cười vì thứ tiếng Nhật dở tệ; cậu còn có cái mặt dài như mặt ngựa, trông thật giống khuôn mặt của diễn viên Fernandel trong các phim hài câm Kiguchi xem hồi còn bé.

Năm ngày trôi qua, khi Kiguchi trở lại thăm, Tsukada vừa được chuyển từ khu cấp cứu vào khu phòng bệnh bình thường. Ông thấy bạn ng ồi trên chiếc giường cạnh cửa sổ có mặt trời rọi vào, áo pyjama cũ sờn vắn lên tận cổ để cho vợ lau lưng, lòi cả xương quai xanh, trông g ầy gò quá đỗi. Đúng là bị xơ gan biến chứng, hốc hác thấy rõ.

- Kiguchi, xin anh thứ lỗi cho! Xin anh thứ lỗi cho! - Tsukada ng ồi xếp bằng, tay bỏ lên gối, cứ cúi đầu tạ lỗi mãi. - Anh đã giúp đỡ tôi không biết bao nhiêu mà kể, vậy mà tôi nay lại như thế này... Không sao, nội trong vòng một tháng tôi sẽ khỏi bệnh ra nhà thương thôi mà!

- Từ nay về sau chớ có uống rượu nữa! - Kiguchi cố ý làm mặt nghiêm. - Bệnh của anh chẳng qua vì uống rượu quá độ. Không được uống một giọt nào nữa hết!

- Chuyện đó thì tôi không làm được. Lấy mất rượu thì có khác gì lấy mất lẽ sống của tôi.

- Anh có nghe lời bác sĩ nói không đấy? Giờ mà tiếp tục uống rượu sẽ mất mạng.

Tsukada, trong một chốc, tỏ vẻ khó chịu trông thấy. Ông ta hậm hực đẩy tay vợ đang lau lưng cho mình.

- Thôi được rồi! - Ông cắn nhằn rồi quay vào nằm, chần trùn tới nửa mặt. Vợ ông trách:

- Anh thật kỳ quá! Anh ấy đã cất công đến đây mà anh sao lại như thế?

Nhưng ông ch³ông chẳng th³em ừ hử.

Đúng lúc đó, chàng thanh niên mặt ngựa đi vào phòng bệnh lớn. Cậu ta cũng mặc áo khoác trắng như các th³ầy thuốc, và đeo cả một cái tạp dề màu xanh da trời.

- Chú Gaston hôm nay bận bịu quá ha!

Khi một bệnh nhân trong phòng lên tiếng, anh chàng trẻ tuổi có cái tên kỳ lạ Gaston đáp lời:

- Vâng. Bận lắm. Nhi³ều việc. Hai tay, không đủ. - R³ồi hùng dũng giơ hai tay ra.

Một trong những việc của Gaston là mang thức ăn từ nhà bếp đi phân phát cho các bệnh nhân. Các món ăn khác nhau, tùy theo bệnh trạng.

- Tsu Ka... Tsukada, - Gaston đứng đầu giường, nhìn vào tấm thẻ viết bằng mẫu tự La tinh trên khay, đọc. - Ông Tsukada, cái này của ông. - R³ồi trao khay thức ăn cho bà vợ. - Còn nước trà, chốc nữa tôi sẽ mang lại.

Khi Gaston sắp ra khỏi phòng, một bệnh nhân kêu lên:

- Coi chừng ngã đó, chú Gaston ơi! Chú vụng v³ề lắm!

- Tôi biết anh đã sai vợ đem lén rượu vào cho anh, bất chấp những lời bác sĩ dặn dò.

Tsukada không nhìn Kiguchi thuyết giáo, cũng nhất định không th³em nói lại.

- Nếu cứ tiếp tục uống rượu như thế, chỗ căng trên mạch máu mà người ta gọi là giãn tĩnh mạch thực quản, sẽ bung ra. Như thế, đời anh kẻ như tàn! Tôi biết chuyện cai rượu khó khăn lắm. Nhưng tuyệt đối cấm rượu!

Tsukada vẫn im lặng vẻ khó chịu, cuối cùng mới trả lời, giọng bất cần:

- Cứ để mặc tôi. Tôi chết cũng được.

- Anh nói cái gì vậy? Thế thì anh sống sót qua cuộc chiến đấy để làm gì vậy?

- Anh chẳng hiểu gì hết.

- Có gì trong lòng làm anh không thể chấm dứt uống rượu được? Nay ngài, ngài có đi đâu gì buộc ngài không chừa rượu được? Nếu có, hãy nói cho tôi biết!

- Thôi, đủ rồi! - Tsukada quay vô tường, và chẳng nói năng gì nữa.

Kiguchi, buông xuôi, ra khỏi phòng, và đi báo cho bác sĩ đi điều trị:

- Anh ấy vẫn cứng đầu. Tôi sợ anh ta có lý do nào đó nên không muốn nói ra.

- Quả nhiên là như vậy!

- Bệnh tình của anh ấy thế nào ạ?

- Chúng tôi đã phát hiện giãn tĩnh mạch thực quản như đã lo ngại. Rất có khả năng vè sau ông ấy sẽ xuất huyết dữ dội.

- Nếu xuất huyết thì coi như là không cứu được, phải không bác sĩ?
- Tôi cũng không dám quả quyết là không phải như thế.

Kiguchi nhìn qua cửa sổ phòng khám, vẻ mặt u ám. Cứ nghĩ tới những người đồng đội bị dòi đục nằm chờ chết trên Đường Tử Thần, ông lại thấy cả cuộc đời ông lẫn cuộc đời Tsukada chẳng qua chỉ là những hạt gạo lọt lại trên sàng.

Nhưng ông được sống như thế này là nhờ người bạn chiến đấu đã không bỏ rơi ông trong khi sức cùng lực kiệt. Ông nghĩ phải bằng mọi cách giúp Tsukada.

Một tuần ông đến vấn an bạn một hoặc hai lần. Người thanh niên tình nguyện Gaston thỉnh thoảng nói một vài câu tiếng Nhật với Tsukada. Anh người Tây này làm việc tại trường sinh ngữ Berlitz ở Shibuya, ngày nghỉ lại đến bệnh viện. Nhiều người trong đám bệnh nhân cảm nhận được sự thân tình nơi anh chàng vụng về, tính khí dễ thương, đến cả Tsukada cũng chỉ cười với cậu ta mà thôi.

- Ở trong nhà thương này, ông nhà tôi chỉ thích chú Gaston. - Vợ Tsukada nói, như thể đang tiết lộ một bí mật ghê gớm nào đó. - Ông ấy cứ chê bai các bác sĩ và y tá. Chẳng khen họ được một tiếng.

Tsukada cắt nghĩa cho Kiguchi:

- Chàng trai trẻ đó cừ lắm. Tuy là dân Tây, mà chú ấy cứ bùng các bình tiêu tiện và các thứ đựng đồ dơ mà chẳng tỏ vẻ nề hà gì cả. Tôi cứ ngỡ chú ấy làm vì tiền nhưng theo lời các cô y tá thì chú ấy chẳng lãnh lấy một yên.

- Chú ấy là dân tình nguyện mà!

- Vậy mà tận tâm đến như thế!

Kiguchi nhận ra Tsukada thực sự có thiện cảm với Gaston vào một lần tới thăm bạn trong bệnh viện như vậy.

- Khi tôi hỏi chú Gaston có phải chú ấy đến Nhật để kiểm ăn không, chú ta bối rối không trả lời. Rồi khi tôi đưa bánh mời, chú làm cái dấu như thế này rồi mới ăn.

- Có gì lạ đâu! Làm dấu thánh giá đấy, chú ta là “dân Amen” mà lại!

- Tôi đã khỏe rồi. Bây giờ tôi muốn về nhà, có được không?

- Về nhà mà cứ uống rượu, chi bằng ở đây. Tôi nghĩ là anh phải hứa sẽ chừa rượu, người ta mới cho phép anh ra nhà thương.

- Người khác không thể quyết định cho tôi những chuyện như thế. Ai nói gì thì nói, tôi cũng sẽ tự ý xuất viện.

- Rồi anh cứ tiếp tục uống à? Là người bạn chiến đấu với anh ngày xưa, tôi chỉ xin anh đi đâu này, cũng không được sao?

Tsukada lại xoay người vào tường, im lặng. Kiguchi nhìn chăm chăm một lúc lâu vào phiến lưng gầy sọm của bạn, rồi nói khẽ:

- Tôi đi về đây! - Cảm giác chán chường cứ lờm lờm trong lồng ngực, khiến ông buồn khôn tả. Nhưng khi ông đứng lên, định bước đi, có tiếng khào khào sau lưng:

- Chờ một chút. Kiguchi, xin lỗi anh. Xin anh đừng giận tôi.

- Giận thì chẳng giận. Tôi chỉ lo cho sức khỏe của anh nên mới gắt gỏng như thế.

- Tôi... sẽ nói cho anh biết tại sao tôi lại uống... lại uống... rượu như thế.

Khi Kiguchi ngã xuống bên cạnh Tsukada, nước mắt từ đôi mắt mỗi mồn của bạn chảy xuống gò má hom hem.

- Anh nói đi!

- Lúc đó... lúc quân mình bị quân Anh-Ấn đuổi tháo chạy, lúc anh chẳng còn đi lại được nữa, tôi vẫn quyết sẽ đưa anh trở lại đơn vị của chúng ta với bất cứ giá nào.

- Tôi mãi nhớ ơn anh, chẳng bao giờ dám quên. Cho nên, bây giờ là lúc tôi trả ơn đó.

- Anh lúc đó đã quá yếu rồi. Nhưng dù có muốn mang cái gì đó cho anh ăn, cũng chẳng có. Túng quá, tôi mới nấu món cháo đom đóm bằng tí gạo của một người lính hấp hối nắm chặt trong tay.

- Vâng, tôi cũng còn nhớ đến chuyện đó. Anh đã chẳng bỏ rơi tôi.

- Đến ngày thứ hai chính tôi cũng đói lả, nếu không có gì đó bỏ miệng tôi sẽ giống anh. Trong khi chân va tới va lui các xác chết dòi bọ lúc nhúc, tôi lén mò coi thử có cái gì ăn được không. Nhưng chẳng thấy gì cả. Nghe có tiếng nổ từ xa, tôi vội vã chạy vào biển cây, và ngay lúc đó nghe như có tiếng ruồi đang vù vù. Một nửa chiếc đùi lấm lem, quần xà cạp của

một người lính, đang nằm lăn lóc. Như anh cũng biết đó, một người lính nào đó bị bỏ lại đằng sau, đã dùng lựu đạn để quyên sinh, và một chân văng ra như thế.

Không biết tại sao, Tsukada tránh nói ra cái đi đầu chính yếu, mà lại ngập ngừng kể lại quang cảnh mà Kiguchi đã biết rất rõ nhưng không muốn nhớ tới. Có tiếng cười trong trẻo của các cô y tá phía ngoài hành lang, Tsukada đưa đôi mắt trống rỗng nhìn lên trần, dường như chỉ có đôi môi mấp máy:

- Có một cái chòi...

Kiguchi đau xót nhớ lại những mái chòi của người Miến Điện và người Ấn Độ nằm rải rác dọc theo con đường rút lui, con Đường Tử Thôn đó. Cả ở những cái chòi nhỏ sàn cao có cầu thang gỗ cũ kỹ đó cũng có những người lính Nhật kiệt sức dựa vào vách, đầu gục xuống, nhầy nhựa cứng đái, đang chờ chết.

Kiguchi đang chờ xem bạn mình muốn nói đi đầu gì. Ông thấy rõ sự đau đớn của Tsukada, cứ gần tới cốt lõi câu chuyện lại vội lảng đi. Kiguchi bắt đầu loáng thoáng hiểu những đi đầu bạn dự định nói nhưng không thể thốt thành lời.

- Có tiếng ruồi bay vù vù. Ruồi không biết cơ man nào mà kể, đậu trên những bức vách ghép bằng cỏ lác. Chắc anh cũng nhớ là ruồi Miến to hơn ruồi Nhật nhiều!

Kiguchi không chịu được nữa:

- Được rồi, được rồi! Nếu nói ra làm cho anh đau khổ đến thế thì anh không nói nữa cũng chẳng sao.

- Tôi sẽ nói!

Kiguchi nhắm mắt lại, cùng chịu đựng sự đau đớn với bạn.

- Tôi đã nghỉ lại trong cái chòi đó. Chợp mắt được một lúc, có tiếng động, mở mắt ra, tôi thấy hai người lính đi vào. Hai khuôn mặt tôi không quen. Khi tôi hỏi họ có cái gì ăn không, họ cười và bảo: “Lúc này đừng mong những chuyện hảo như thế,” rồi họ nói, như tự nói với chính mình: “Nếu muốn thịt thần lằn của người Miến thì cứ đưa đây mười yên.” Lấy mười yên rồi, họ đi ra khỏi chòi.

Kiguchi còn nhớ rõ ràng cái lúc đó “không ăn... thì chết”, Tsukada đã gần giọng như thế. Câu nói đó đã thấm sâu trong óc Kiguchi.

- Dạ dày tôi lúc đó không thể chứa được cái gì nữa cả.

- Lúc đó anh nôn mửa. Chẳng ăn được. Anh không ăn được nhưng tôi đã ăn miếng thịt đó. Nếu không ăn, tôi nghĩ là cả anh lẫn tôi đã chết mất xác rồi.

Nỗi lo âu tối đen đang tràn rộng ra như lớp bụi đen của ngọn núi lửa đang phun.

- Thịt tôi ăn là thịt của binh nhất Minamigawa, anh có lẽ còn nhớ chứ?

Trong đáy sâu ký ức Kiguchi hiện lên khuôn mặt của người lính Minamigawa thuộc ban nội vụ. Gọng kiếng bị gãy, cậu ta phải cột một sợi dây vào tai thay thế. Cậu ta đang đi học thì bị động viên, và có lần cậu ta đã đưa những bức thư của cô vợ trẻ cưới ngay trước khi ra mặt trận gởi, cho Kiguchi lẫn Tsukada xem.

- Làm sao mà anh biết thịt đó là... của Minamigawa?

- Bởi miếng giấy gói thịt chính là bức thư của người vợ mà cậu ta lúc nào cũng mang theo mình.

- Nhưng, anh nghĩ là thịt thần lằn nên mới ăn mà?

Kiguchi cảm thấy lời an ủi của mình thật chẳng có sức thuyết phục nào. Chúng chỉ héo hắt trôi lơ lửng trên không trung.

- Khi được giải ngũ, tôi gửi bức thư hoen ố ấy cho gia đình Minamigawa, coi đó, ít ra, như là lời tạ tội. Được khoảng hai tháng, cô vợ Minamigawa bỗng đưa con nhỏ đến thăm tôi ở Uto...

- Ở Uto?

- Vâng. Đứa bé là con trai. Vợ Minamigawa nói với tôi: Cháu đây là kỷ niệm của anh Minamigawa đó anh... và thằng bé cứ nhìn tôi đắm đắm, bằng đôi mắt giống hệt Minamigawa.

-

- Anh còn nhớ phải không? Đôi mắt nhút nhát của cậu Minamigawa đó. Đôi mắt phía sau đôi kiếng được gắn vào tai bằng một sợi dây, cứ lộ vẻ rụt rè mỗi khi thấy mặt các anh lính cự. Đôi mắt giống y như thế đã nhìn chăm chăm vào tôi...

- ...

- Đến giờ tôi vẫn không quên được đôi mắt ấy, như thế Minamigawa sẽ dõi theo tôi suốt đời với đôi mắt ấy. Tôi phải uống rượu say, bởi vì tôi muốn trốn chạy khỏi đôi mắt ấy.

Vừa nói, Tsukada vừa đưa khăn bịt miệng, khóc nức. Bàn tay Kiguchi đang đặt trên vai bạn run nhè nhẹ. Giường bên cạnh không có ai, nhưng có lẽ tiếng nức nở của Tsukada đã đến tai bệnh nhân khác. Trong đôi mắt đăm lẹ của Kiguchi, có bóng ba con chim bay trên bầu trời màu xám theo hình tam giác bên ngoài cửa sổ bệnh viện. Đối với ông, những cánh chim này như tượng trưng cho ý nghĩa sâu xa nào đó của cuộc đời.

Có lẽ vì bạn ngày bị xúc động mạnh, nên tối đến Tsukada lại đi cầu ra máu. Chắc là từ tĩnh mạch thực quản và dạ dày mà ra.

Một vài ngày sau, ông được nội soi. Nhưng kết quả:

- Bác sĩ cũng bối rối, không biết xuất huyết ở đâu. - Vợ Tsukada buồn bã nói như thế trong điện thoại.

Sau đó Tsukada lại thỉnh thoảng ói ra máu. Kiguchi cho là chuyện ông thúc bạn nói ra đã gây nên nông nổi, nên cố gắng tranh thủ các giờ nghỉ để đi thăm bạn ở bệnh viện.

Chàng thanh niên thiện nguyện người Tây Gaston thường ngồi cạnh giường Tsukada.

- Ông Tsukada kể chuyện đá tôi nghe, - Gaston vui vẻ nói.

- Chuyện đá?!

- Ông Tsukada đi ra sông tìm đá. Đá giống hình núi Phú Sĩ.

- Tôi đã nói về nghệ thuật Bonseki^[3] với anh chàng người nước ngoài này. Dù tôi nghĩ người nước ngoài khó hiểu được cái ý vị của nghệ

thuật Bonseki. - Tsukada cũng khiến Kiguchi nhẹ nhõm khi đáp lời, như thể đã không còn màng chuyện ỏi ra máu. Dù gì đi nữa, Tsukada đã trở nên thân tình, không biết từ lúc nào, với anh chàng thanh niên có khuôn mặt giống như mặt ngựa này.

- Nhưng ở chú, có cái tôi vẫn không ưa nổi. - Tsukada lên tiếng dạy đời, với cái giọng nghênh ngang cố hữu của mình. - Có thật là chú cho rằng Đức Chúa Trời có thực?

- Vâng.

- Như thế Đức Chúa Trời đó ở đâu vậy? Nếu có thì hãy chỉ cho tôi thấy!

- Vâng, Ngài ở trong lòng ông Tsukada.

- Ở trong lòng tôi?

- Vâng.

- Tôi chẳng hiểu được. Vào thời đại này mà còn có người tin những chuyện nhảm như thế. Vệ tinh đã bay lên cả mặt trăng rồi đấy.

Gaston nhún vai cười. Cậu ta biết tình trạng sức khỏe của Tsukada không được tốt, căn cứ vào thức ăn mà cậu dọn cho ông. Thức ăn chung cho bệnh nhân mà Tsukada ăn một dạo, nay đã đổi ra thức ăn lỏng. Kiguchi cảm thấy, Gaston bị trêu chọc, bị nhạo cười như vậy, đang đem lại được một chút an ủi cho các bệnh nhân. Sự an ủi như mặt trời mùa đông yếu ớt lọt qua bầu trời ám mây, nhưng dấu sao đi nữa, Gaston cũng giúp giải khuây tạm thời cho nhiều bệnh nhân đang khổ sở. Gaston đang đóng vai anh hề Pierrot ở trong viện này.

Tsukada ngừng xuất huyết. Không khí lo lắng chung quanh có vẻ giãn ra. Kiguchi chỉ trình bày lại cho bác sĩ đi đầu trị một phần những gì bạn mình đã thổ lộ. Ông tránh nói tên Minamigawa, chỉ nói lấp lửng là bạn mình đã ăn thịt của lính địch.

- À thì ra như vậy. Té ra ông và ông Tsukada đã cùng tòng chinh ở Miến Điện. Hẳn là gian khổ lắm. Hồi đó tôi đang còn là một đứa bé đi tản cư. Ở Nhật lúc ấy cũng vậy, thật khó mà kiếm được cái ăn.

- Chỉ chừng ấy... mà nhằm gì! - Kiguchi bất giác phần nộ thốt lên.

Tình trạng lương thực tở tở ở Nhật Bản thời chiến, ông cũng đã trải qua sau khi phục viên và cũng nghe gia đình nói, nhưng không thể sánh với sự kiệt quệ, thâm khổ của các binh sĩ Nhật ướt sũng nước mưa, lang thang như những người mộng du trên Đường Tử Thôn. Cái đói bực gì ăn nấy từ vỏ cây cho đến côn trùng dưới đất và cái đói được cấp gạo ăn dù không nhiều, thật khác một trời một vực.

Kiguchi đau xót cảm thấy sự khác biệt giữa thế hệ của chính mình với thế hệ của người bác sĩ đi đầu trị, và ông e rằng có lẽ người thầy thuốc này và cả bác sĩ tâm lý của bệnh viện cũng chẳng thể hiểu được những đòn đau của bạn mình.

- Tôi nghĩ chúng ta không nên kích động Tsukada thêm nữa.

- Kích động? Ông muốn nói gì?

- Bắt anh ấy phải nói ra những uẩn khúc chôn kín trong lòng, tôi nghĩ có hại cho sức khỏe. Tôi nghĩ anh ấy bị xuất huyết lần này cũng vì chuyện ấy.

- Vâng, có thể lắm. Tạm thời chúng tôi sẽ theo dõi tình trạng của ông ấy xem sao

- Ít ra thì trong thời gian nằm nhà thương anh ấy đã kiêng được rượu. Giá cứ tạo được thói quen đó cũng đã tốt rồi.

Người thầy thuốc vừa vôn vê cây bút bi nơi đầu ngón tay vừa gật đầu ra chiều hiểu chuyện. Dù gì đi nữa, hễ đó giãn tĩnh mạch thực quản là một loại bệnh bất trị.

Thế rồi, đi đâu Kiguchi lo sợ cuối cùng cũng xảy ra. Tsukada thổ huyết dữ dội lần thứ hai vào ngày thứ Bảy. Khi Kiguchi được cấp báo, ông phóng ngay đến nhà thương. Khi đến nơi, người ta đã làm cấp cứu xong, và Tsukada được chuyển từ phòng bệnh chung sang phòng bệnh riêng. Các cô y tá vội vã ra vào phòng bệnh, bầu không khí căng thẳng như dây cung lan ra đến tận ngoài hành lang.

Bị nhét vào họng một cái ống hình trái banh gọi là *balloon tube*, Tsukada thều thào đau đớn. Vết máu ông ới ra còn lổm đổm trên sàn.

- Chú Gaston đã đỡ anh ấy lên. Máu me lấm lem cả quần áo chú ấy, lấm lem cả... - Vợ Tsukada hốt hoảng, cứ nhắc những điếu chẳng ăn nhập vào đâu cho Kiguchi nghe.

Ông bác sĩ đứng cạnh cửa nói nhỏ với Kiguchi về mọi mặt:

- Bây giờ thì tạm êm nhưng đây là thời điểm nguy kịch nhất.

Cuối cùng năm ngày sau máu cặn, người ta gỡ cái ống hình trái banh ra.

Tsukada dường như cũng linh cảm được cái chết.

- Tôi thực chỉ gây hết rắc rối này đến rắc rối khác cho anh. -
Tsukada, khoan hòa hơn lúc nào hết, nói. - Xin lỗi anh!

Tsukada cũng nói riêng gì đó với vợ. Tiếng khóc nỉ non của vợ Tsukada vang đến tận tai Kiguchi đang đứng ngoài hành lang. Các bệnh nhân đi vệ sinh, khi qua trước phòng Tsukada, nhìn các ống chích và bình dưỡng khí với ánh mắt lo ngại.

- Nhà em muốn kêu chú Gaston đến. - Vợ Tsukada, mắt còn hoen lệ, nói với Kiguchi. - Anh ấy bảo phải gọi ngay.

- Gọi cậu Gaston?

- Vâng.

Hôm đó không thấy bóng dáng cậu ta ở bệnh viện, hình như Gaston có giờ dạy ở trường sinh ngữ Berlitz.

- Chú Gaston đâu rồi? - Tsukada nhiều lần nài nỉ. - Tôi có chuyện muốn hỏi chú Gaston.

Gaston nhận được tin báo cuối cùng cũng xuất hiện lúc hơn sáu giờ, khi các bệnh nhân đã dùng bữa tối xong. Trong cũng như ngoài phòng bệnh, bầu không khí căng thẳng chưa tan hết. Gaston, được phép của các y tá, rón rén mở cửa phòng Tsukada.

- Ông Tsukada! Tôi, cầu nguyện. Tôi, cầu nguyện. - Gaston chấp tay cầu nguyện, khuôn mặt dài như mặt ngựa đây về sần nảo. Cậu ta dường như cũng biết những lời vỗ về ủi an của mình sẽ chẳng đi đến đâu. Không

hiều chàng trai trẻ vùng vè này đã học được ở đây, rằng những lời thương cảm đầu môi và những lời động viên chỉ làm cho bệnh nhân thêm cô độc. Gaston, người còn mặc com lê, quỳ gối xuống nền nhà.

- Anh Kiguchi. - Tsukada giữ Kiguchi lại, khi ông định rời phòng bệnh. - Anh cũng ở lại nghe đi.

Rồi hỏi nhỏ Gaston:

- Chú Gaston, Đức Chúa Trời mà chú nói... có thật không vậy?

- Có.

Gaston, với giọng điệu thanh thản vốn có, đáp:

- Ông Tsukada, không phải nói dối. Là thật đấy.

- Chú Gaston, ngày xưa, thời chiến tranh... Tôi đã làm một chuyện ác đức. Cứ nghĩ tới, lại đau đớn lắm.

- Không sao hết! Không sao hết!

- Chú chưa biết đi đâu kinh khủng thế nào mà...

- Vâng...

- Chú Gaston ơi, trong thời kỳ chiến tranh, - Tsukada thì thào, rồi cố hết sức rướn giọng lên. - Ở Miến Điện, tôi đã ăn... thịt một người lính bị chết đó chú. Chẳng có gì ăn cả. Tôi phải ăn như thế để sống. Đức Chúa Trời của chú có tha thứ cho những chiến binh rơi vào con đường âm thầm vì đói như vậy không?

Vợ Tsukada đang cúi đầu, khi nghe chồng mình thổ lộ như thế, lên tiếng van vãn:

- Mình ơi... Mình ơi... bao lâu nay mình đã khổ sở rồi! - Bà thấp giọng nói. Bà đã biết bí mật đó của chồng.

Gaston nhắm mắt, im lặng; dáng dấp như một tu sĩ đang một mình cầu nguyện. Khi Gaston mở mắt, vẻ nghiêm nghị mãi cho tới bây giờ mới thấy xuất hiện trên khuôn mặt lúc nào cũng dài như mặt ngựa trông đến kỳ cục của cậu.

- Ông Tsukada, không phải có duy nhất ông ăn thịt người đâu. - Kiguchi lẫn vợ bạn sững sốt khi nghe Gaston nói, bằng thứ tiếng Nhật bập bẹ.

- Ông Tsukada, ông có biết cách đây bốn, năm năm, có tin một máy bay rơi trên núi Andes? Khi máy bay va núi, có nhiều người bị thương. Trên núi Andes, lạnh cóng. Cho tới khi cứu hộ tới, sáu ngày cuối, họ chẳng có ăn.

Kiguchi cũng bắt đầu nhớ lại được. Ông nhớ, cách đây khoảng bốn hay năm năm, ông có xem trên báo chí hay truyền hình gì đó, tin một chiếc máy bay của hãng hàng không Argentina gặp nạn. Bức hình chụp lại những người sống sót và đội cứu hộ đứng trước một đồng sắt hình thù như thân chiếc máy bay, nhập nhòa như được phản chiếu trong nước. Gaston bập bẹ tóm lược câu chuyện như sau:

- Có một người trên máy bay đó. Anh ta cũng thích rượu như ông Tsukada. Trên máy bay anh ta say, cứ ngủ. Khi máy bay gặp nạn trên núi Andes, hông và ngực anh đập mạnh. Đến ngày thứ ba, anh ta nói những

người sống sót, chăm sóc mình: “Các bạn vẫn chưa có gì ăn. Tôi chết rồi, các bạn cứ ăn thịt tôi. Dù không muốn ăn, các bạn cứ ăn. Cứu hộ thế nào cũng tới.”

Kiguchi vẫn còn nhớ loáng thoáng được như thế, vì những người được cứu thoát vào ngày thứ bảy mươi hai đã kể lại thành thật. Sở dĩ họ vẫn sống sót một cách kỳ diệu như thế là nhờ họ, chẳng đáng dừng, dùng thịt những người đã chết trước làm thức ăn.

“Những người đã chết khuyến khích chúng tôi ăn.” Một người sống sót nói như thế.

Vì tin này lúc đó khá gần gũi và sống động đối với Kiguchi, người đã lang thang chạy trốn trong rừng già Miến Điện, cho nên đến tận bây giờ nó vẫn còn nằm sâu trong ký ức của ông.

- Những người sống sót về từ núi Andes, đầu vui. Gia đình những người chết cũng vui. Chẳng có ai giận vì ăn thịt người thân của họ. Ngay vợ của người uống rượu đó cũng nói: “Anh ấy lần đầu tiên làm được đi đầu tốt.” Những người thị trấn anh ta vốn chê anh nhiều, nhưng bây giờ không nói nữa. Họ tin anh ta lên Thiên đàng.

Gaston dùng tất cả vốn liếng tiếng Nhật ngọng nghịu của mình ra an ủi Tsukada. Từ hôm đó trở đi, ngày nào Gaston cũng đến phòng bệnh của Tsukada. Cậu ỏ bàn tay Tsukada trong lòng bàn tay mình, và vỗ về, chuyện vãn. Kiguchi không biết những lời ủi an đó có làm giảm đi những đau đớn của bạn ông hay không, nhưng cái tư thế quỳ gối bên giường của Gaston giống như chiếc đỉnh cong, cái đỉnh cong đó đang cố với tới cõi lòng uẩn khúc của Tsukada, và cùng chịu đau khổ với ông.

Hai ngày sau Tsukada trút hơi thở cuối cùng. Khuôn mặt bình an lạ lùng, nhưng sắc mặt của người chết nào cuối cùng mà chẳng an hòa. “Anh ấy như đang ngủ say.” Vợ người quá cố thẫn thùi, nhưng Kiguchi định ninh rằng, sở dĩ bạn ông có được khuôn mặt chết mà vẫn bình an như thế là nhờ Gaston đã hút hết những khổ đau khỏi lòng bạn.

Nói đến mới nhớ, trong giờ lâm chung, không có mặt Gaston ở đó. Cậu biến mất đi đâu, các cô y tá cũng chẳng rõ.

CHƯƠNG SÁU

Thành phố bên sông

Ngày 25 tháng Mười: Đến Delhi. Ngoạn cảnh thành phố.

Ngày 26, chiều: Rời Delhi. Đến Jaipur. Tối: Xem trình diễn múa dân gian ở khách sạn.

Ngày 27: Tối Agra, ngoạn cảnh Taj Mahal và pháo đài Agra.

Ngày 28: Rời Agra. Từ Allahàbàd đi Vàrànasì.

Đêm đó, khi họ rời phi trường Allahàbàd, gió trời ẩm ướt. Mùi đất cùng mùi hăng nồng của cây cỏ, thứ mùi nay đã mất hẳn trong những phố thị Nhật Bản, hòa lẫn trong bầu không khí oi nồng, chợt làm cho ông Kiguchi đâm nhớ tới một thị trấn nhỏ ở Miền Điện nơi ông đã ở ẩn trú trong thời gian chiến tranh.

Bốn, năm tài xế tắc xi đang ngồi trong bóng râm, thoáng thấy du khách Nhật Bản, liền chạy ào ra. Họ lì lợm bu quanh anh Enami biết tiếng Hindi, nhưng khi biết các du khách Nhật đã có xe buýt du lịch chờ sẵn, họ nhổ toẹt nước miếng xuống đất tỏ ý khinh bỉ, rồi tản mát ra các nơi.

Bây giờ, thay vào bọn tài xế là một đám trẻ con gầy gò lúc này chỉ dám đứng đằng xa, vừa giơ tay ra vừa kêu “*Bakshish!* Cho con vài đồng ăn

com!” Các du khách Nhật làm ngơ, vì khi đi mua sắm trong khu phố cổ ở Delhi hôm trước, họ cũng đã gặp không biết bao nhiêu lần đám con nít, cả trai lẫn gái, giống như bọn này. Cái vẻ van xin thảm thiết tưởng như đứt hời và các điệu bộ khác chẳng qua chúng chỉ đóng tuồng mà thôi. Nếu một người cho, đám trẻ con khác sẽ đeo theo như đĩa. Vì anh Enami đã báo trước như thế, cho nên các du khách cứ làm ngơ quay mặt nhìn về hướng xe buýt sắp chạy tới.

- Cái đất nước gì mà tởm tệ quá! - Sanjou, chàng thanh niên muốn trở thành nhiếp ảnh gia đang đi hưởng tuần trăng mật cần nắm với người vợ đang đưa khăn bịt miệng. - Bắt trẻ con đi ăn xin còn bọn người lớn vẫn thản nhiên nhìn.

Nói thế rồi, Sanjou, bất chấp, cầm tay vợ vuốt ve trước mặt mọi người. Lúc đó một chiếc xe buýt cũ rích, giá ở Nhật người ta đã thải từ lâu, chạy tung cả bụi vào quảng trường.

- Mình phải đi trên chiếc xe buýt như thế kia sao? - Cô vợ của Sanjou nhìn chòng chọc khó chịu ra mặt. - Em đã bảo là chúng mình nên đi Âu châu.

- Âu châu lúc nào chả đi được! Em cũng nhớ anh Higuchi bảo đã chụp hình thì không đâu bằng Ấn Độ còn gì.

Nghe họ nói với nhau sau lưng như thế, ông Kiguchi cảm thấy khó mà ưa được đôi vợ chồng trẻ này, những kẻ chẳng biết đến cảnh Nhật Bản bị thiêu rụi trong chiến tranh. Ngay trên đất Nhật, trong thời kỳ hậu chiến, trẻ em cũng đói khát giống như vậy, bu quanh lính Mỹ xin kẹo cao su, xin sô cô la ở khắp mọi nơi. Cặp vợ chồng trẻ này chẳng biết chút gì về sự đói khát, nghèo khổ, cứ ung dung quàng vai, tựa mình vào nhau ngay cả trên

máy bay. Nếu có các chiến hữu đã từng cùng ông chịu thâm trên con đường tháo lui qua rừng già Miến ở đây, có lẽ họ cũng sẽ động cho hai đứa mỗi đứa mấy cái.

Ghế ngồi trên xe buýt nứt nẻ như da người bị bệnh phù voi. Chẳng những thế, tay vịn cửa xe lại gãy, người tài xế phải lấy dây cột lại. Phía sau xe, vợ của Sanjou lại mếu máo:

- Em đã bảo mình đi Tuyến đường truyện cổ tích ở Đức mà.

Nhưng những người Nhật khác chẳng đếm xỉa gì đến tiếng ong tiếng ve của cô nàng. Và chiếc xe buýt cứ dập dềnh chạy.

Bây giờ là lúc các bác nông phu lừa những con bò gầy giờ xương và những con cừu đen về chuồng. Trong một tiệm hương liệu, bóng đèn điện trổ sáng trên những chùm ớt khô treo lủng lẳng và các loại gia vị đựng trong hũ. Còn thấy cả một tiệm may âu phục với chiếc máy may đời xưa đập bằng chân. Một thị trấn địa phương về chiều khác hẳn Delhi, có một cái gì đó buồn khôn tả. Ai cũng đắm đắm nhìn quang cảnh đó như những đứa bé cứ mãi ngắm khu hội chợ trong các dịp hội làng. Hướng dẫn viên Enami, ngồi cạnh tài xế, đưa micro lên miệng:

- Thưa quý vị, đây là quang cảnh chiều hôm tiêu biểu của miền quê Ấn Độ. Bò nằm xoài và người ta uống trà bên cạnh. Sữa họ chế vào trà là sữa vắt từ những con bò này.

- Thật tuyệt, lâu lắm rồi...! - Ông Numata, ngồi ngay sau anh Enami, thốt lên, có vẻ xúc động tận đáy lòng. - Cảnh người và vật sống chung, ngày xưa ở Nhật cũng thế.

Anh Enami vừa gật đầu vừa nói:

- Vậy hả, thưa ông! Ông đi Ấn để thưởng lãm thú vật và chim chóc có phải không ạ? Ở Ấn Độ này có rất nhiều khu bảo tồn chim và thú. Hình như là trên con đường xe đang chạy qua này cũng có một khu nhỏ thì phải.

- Đến đó mất bao xa vậy anh? Làm ơn cho tôi biết với.

- Tôi nghĩ là ở khách sạn có bản đồ hướng dẫn các khu bảo tồn động vật của Sở du lịch. Chắc cũng có ghi khu bảo tồn gần đây. Ở Ấn có tới bốn trăm khu bảo tồn như thế.

- Này anh Enami, tại sao anh lại đi du học ở Ấn Độ vậy?

- Nói cho cùng thì bởi vì tôi yêu đất nước này. Có hai loại du khách khác nhau: có những vị tới Ấn một lần là tổn tới già, cũng có những vị lại muốn trở lại hoài. Tôi thuộc vào loại thứ hai.

Thế rồi anh kín đáo quay lại, liếc hai vợ chồng Sanjou, đoạn bỏ micro xuống, hạ giọng:

- Hai vợ chồng anh chị Sanjou chắc chắn thuộc loại đầu tiên rồi.

Mặt trời chiều đỏ như quả lòngr đèn buong xuống trên thôn xóm. Trong khoảnh khắc ráng trời chuyển thành hoàng hôn, làn gió mát đã làm mất đi cái oi bức, mang theo mùi đất, mùi cây cối, lùa qua cánh cửa xe đang mở. Anh Enami lại áp micro vào miệng:

- Vào mùa này, ở miền Bắc Ấn Độ, khi đêm đến, trời trở lạnh đột ngột. Nếu quý vị nào có mang áo khoác và áo len thì xin mặc vào. Chúng ta sắp sửa qua nơi hội tụ của hai dòng sông Hằng và Yamuna, mời quý vị thưởng lãm cho kỹ. Nơi hội tụ của hai dòng sông, đối với tín đồ Ấn giáo, đầu là linh địa. Mỗi năm vào độ Giêng Hai, lại có lễ hội Magh Mela; mấy

chục vạn khách hành hương đến dựng lều, trú ngụ ven sông, và tắm. Kia, xin quý vị nhìn ra ngoài phía cửa sổ! Bây giờ thì chẳng có ai. Bờ sông dưới kia mà chúng ta đang nhìn thấy đây, vào dịp đó sẽ đầy cả người. Vô số các tín đồ Ấn giáo chen lấn, xô đẩy nhau vào tắm.

- Sông có sạch không vậy, thưa anh? - Có ai đó lên tiếng hỏi. Thì ra Sanjou, muốn khẳng định sự t^hần tại của mình, cao giọng hỏi.

- Nếu nhìn theo lối nhìn của người Nhật Bản, thì có lẽ đến mấy cũng không thể nói là sạch được. Nước sông Hằng màu vàng, còn nước sông Yamuna lại màu xám. Cho nên chỗ hai dòng gặp gỡ, hai thứ nước trộn lẫn vào nhau thành một màu nước trà sữa. Nhưng ở cái xứ Ấn Độ này, sạch sẽ và linh thiêng là hai khái niệm khác nhau. Dòng sông đối với người Ấn Độ là linh thánh. Vì vậy có thể tắm được.

- Giống như lễ thanh tẩy trong Th^hần đạo phải không? - Sanjou lại lớn tiếng nói.

- Thưa, có khác đấy ạ! Lễ nghi thanh tẩy trong Th^hần đạo là một hành vi nhằm gột rửa những dư dấy của thân xác, những nhơ bẩn của tội lỗi. Nhưng tắm ở sông Hằng chẳng những là một hành vi gột rửa mà đồng thời còn nhằm giải thoát khỏi vòng luân h^oải, tái sinh.

- Thời đại này mà còn tin vào chuyện luân h^oải với tái sinh được sao? - Sanjou lên giọng dè bĩu. - Mà người Ấn có thật sự tin như thế không?

- Tin thật chứ sao không! Như thế không được sao?

Lúc này, giọng anh Enami không còn là giọng nói của một hướng dẫn viên nữa mà có sự khó chịu đối với loại du khách cười cợt khinh khi

Ấn Độ như Sanjou. Mitsuko cảm thấy thích cái nhiệt tình đột nhiên bày tỏ của anh chàng cựu du học sinh này. Có lẽ trong thời gian làm hướng dẫn viên để kiếm sống, anh đã phải nghe những câu hỏi giễu cợt Ấn Độ giáo từ những du khách như anh chàng Sanjou hôm nay.

- Nếu không thành tâm thiện ý tin, thì vì có gì mà hàng trăm ngàn người lại tụ tập bên bờ sông này cơ chứ? Chốc nữa, khi đến được Vārāṇasī, quý vị sẽ thấy, trong sông Hằng có những người ngâm mình và súc miệng ở chính nơi người ta, sau khi thiêu xác chết, thả tro cho trôi.

Vợ Sanjou kinh hãi kêu lên:

- Eo ôi, gì mà dơ quá vậy!

- Không có dơ gì cả! - Anh Enami trở nên giận dữ. - Nếu nghĩ Ấn Độ là dơ dáy thì đáng ra cô nên chọn những chuyến du lịch vui vẻ ở Âu châu. Một khi đã chọn đi Ấn... là tự đưa mình vào một thế giới hoàn toàn khác biệt với Âu châu, Nhật Bản, ở một chiều không gian khác. À, không phải. Tôi xin đính chính thế này. Chúng ta từ giờ sẽ đi vào một thế giới khác mà chúng ta đã đánh mất. Tôi muốn quý vị đi qua Ấn Độ với tâm niệm như vậy. Tất nhiên, đây chẳng qua chỉ là ý kiến của riêng tôi.

Anh Enami, từ đầu đến giờ luôn tỏ ra lịch thiệp kiểu nghề nghiệp, bỗng bộc lộ vẻ hăng hái xốc nổi của một thời du học, làm cho cả xe, kể cả vợ chồng Sanjou, đều nín lặng. Nhận ra điểu đó, anh lên tiếng xin lỗi:

- Tôi thật thất lễ. Xin bỏ qua cho chuyện tôi cứ đưa ý nghĩ nông nhênh của mình vào trong khi làm công việc hướng dẫn du khách như thế này.

Hành khách ai cũng đăm chiêu, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng trong khi xe tiến vào khu rừng đã đổi từ màu hoàng hôn nhàn nhạt thành màu tối thẫm.

Trong xe ánh đèn hắt hiu. Hai bên đường dường như là rừng cây nguyệt quế, không thấy một đốm sáng. Khuôn mặt mọi người lơ mơ soi bóng trong cửa sổ kiếng còn sáng nhờ ánh đèn xe yếu ớt. Từ câu chuyện vừa rồi ông Isobe cảm thấy như mình đang càng lúc càng đi vào đất nước của sự tái sinh. Lòng chẳng tin gì ba cái chuyện tái sinh, nhưng trong tai ông lại đang văng vẳng lời sảng sốt cuối cùng của vợ mình: “Em... biết chắc... em sẽ được tái sinh ở một nơi nào đó trong thế giới này. Mình nhớ đi kiếm em... tìm được em... Mình hứa đi! Mình hứa đi mình!”

Ông nhìn vào khuôn mặt già nua, mệt mỏi của mình đang phản chiếu trong cửa kính xe. Tóc lốm đốm bạc. Những vết nám trên gò má. Như cổ tật của những người đàn ông Nhật Bản, ông hồi ấy đã cảm thấy ngượng ngùng, không dễ buông ra câu trả lời cho vợ. Dù không đáp lời nhưng qua chuyến đi Ấn Độ này, vợ ông có lẽ cũng hiểu lòng ông. “Có thể mình mới tham dự vào chuyến đi này.” Ông vừa thẫn thờ với lòng như thế, vừa thò tay vào túi áo ngực, kiểm tra lá thư gởi cho ông từ Mỹ còn nằm trong đó.

Còn Mitsuko, cô ngồi bất động, đầu cúi nhìn bóng tối dày đặc ngoài khung cửa sổ. Tối mịt mùng như thể lớp bóng tối này sơn chùng không biết bao nhiêu lớp bóng tối khác lên mình. Cô nghĩ, có lẽ U minh giới trong Phật giáo chính là đây. Cho tới ngày hôm nay, cô đã từng nhìn thấy bóng tối như thế này chưa nhỉ? Như anh Enami đã nói: Từ giờ “sẽ đi vào một thế giới khác”. Đúng rồi, Thérèse Desqueyroux cũng đã thẫn thờ như thế. Cái đêm Mitsuko bỏ chùng lại ở Paris và một thân một mình đi

đến Landes, cô vừa nghĩ đến Thérèse, người đã lữ thứ đi tìm cội u minh của lòng mình, vừa cố truy tìm những uẩn khúc nơi con tim của một người phụ nữ đã bỏ thuốc độc giết người chồng hiên lành của mình. Mitsuko cũng giống như vậy...

Cô nghĩ tới Ootsu. Trong một buổi họp mặt các bạn học cũ, người nào cũng chỉ nói đến chuyện làm ăn, chuyện con cái, có ai đó vô tình nói nhỏ một tin đồn về Ootsu. Đồn rằng anh ta đang sống ở Vārānasī.

Ông Kiguchi suốt nửa tiếng đồng hồ cứ nhìn khu rừng che khuất bầu trời đến nỗi chẳng còn thấy trăng thấy sao, vừa nghĩ đến rừng già Miến Điện. Khu rừng lính Anh và lính Gurkha, Ấn Độ truy kích đoàn quân Nhật tan tác đang thối lui.

- Ông Numata, - anh Enami từ ghế trước quay lại nói. - Khu vực này đây. Khu vực được quy định là khu bảo tồn các loài chim. Như ông thấy đó, cả bên phải lẫn bên trái đều là rừng cả.

Xe chạy qua đường hầm cây cối tối mịt mùng một lúc, đột nhiên thấy có một chấm sáng xa xa. Những người có trải nghiệm cận tử thường nhìn thấy một chấm sáng ở cuối con đường hầm tối tăm; bây giờ, cũng thế, từ bóng tối phía xa, đốm sáng như đom đóm cứ lớn dần lên.

- Quý vị đã vất vả rồi. - Anh Enami ngẩng ngay người lên, đưa micro lên miệng. - Cuối cùng quý vị đã có thể thấy ánh đèn của thành phố Vārānasī ở đằng xa.

Người nào cũng áp mặt vào khung cửa sổ. Từ khi xuống máy bay rồi ngồi trên chiếc xe buýt cà rịch cà tàng này, có lẽ cũng đã đến ba tiếng rồi. Mỗi người, như lời của anh Enami, bắt đầu đặt chân vào vùng đất của

một chiều không gian khác. Naruse Mitsuko đưa mình vào chuyến đi tắm tối của Thérèse Desqueyroux; ông Kiguchi trăn ngâm với những chết chóc mất mát thâm trầm trong rừng già Miến Điện; ông Isobe lại đang nghe tiếng vợ mình thì thầm trong tai.

Ánh đèn nhỏ như đom đóm từ từ trải rộng ra hai bên, hắt lên bầu trời đêm. Mitsuko nghĩ chấm sáng đó là nơi mà Ootsu đang sống một lối sống hoàn toàn khác với cô. Cô không hiểu rõ tại sao xưa cũng như nay cô lại cứ bận tâm bận trí về anh ta. Cuộc đời của Ootsu, như xác côn trùng sa lưới nhện, cứ dai dẳng treo ở một nơi nào đó trong lòng cô. “Mình không nhất thiết phải gặp.” Cô không biết bao lần đã tự nhủ lòng như thế. “Dù có đi Vārānasi đi nữa, mình cũng chẳng tìm con người ấy mà làm gì!”

Ông Isobe, ngẩng sau cô, bỗng nhiên lại đang nhớ tới một đêm ông đã trải qua với vợ. Đi làm về, tắm rửa xong xuôi, ông bắt đầu nhâm nhi rượu đế với đậu phụ nóng đựng trong tô nhỏ.

- Khi mình dùng món ăn Nhật... em thấy mình có vẻ thực sự thích thú. - Vợ ông vừa cười vừa đặt tô đậu phụ trước mặt ông. - Thế mà hồi ở Mỹ, còn độc thân sao mình sống được?

- Thì cũng nhờ hồi học đại học, tôi nói rành tiếng Anh. Lúc trai trẻ thích cụng ụng ki, nhưng khi có tuổi rồi lại theo trường phái uống rượu Nhật.

- Mình là người Nhật chính cống nhỉ.

- Ừ, đúng thế. Nếu tôi chết trước mình, mình hãy để giùm rượu Nhật trên mộ tôi. Nên nhớ là không phải rượu đế nguyên chất thì tôi ghét lắm.

Mẫu chuyện trò tưởng đã quên hẳn đột nhiên sống lại trong lòng ông với những đón đầu.

“Tôi đây... vào cái tuổi này, một người không nuốt nổi thức ăn ngoại quốc như tôi, thế mà, mình xem, tôi đã đến cái đất nước Ấn Độ này.”

Ông đưa tay phải ấn vào bức thư thứ hai của Đại học Virginia gửi cho ông, bức thư ông đã đọc không biết bao nhiêu lần, xem nó có còn trong túi không, giống như kiểm tra cuốn hộ chiếu quan trọng. Chuyến đi Ấn Độ của ông hoàn toàn dựa trên những gì viết trong bức thư. Bức thư có chữ ký của John Osis, người chuyên gia nghiên cứu đã thân tình gửi thư trả lời cho ông.

“Nếu tôi nhớ không lầm, thì ông đã nhờ chúng tôi liên lạc với ông ngay khi có một đứa bé nào tự xưng kiếp trước là người Nhật. Đáng tiếc là chúng tôi chưa biết trường hợp nào rơi vào đối tượng nghiên cứu của chúng tôi ngoài một bé gái có tên Ma Tin Aung Myo ở miền Trung Miến Điện (tự xưng là lính Nhật bị máy bay Grumman bắn). Nhưng cách đây hai tháng, chúng tôi được báo cáo cho biết ở làng Kamloji có một bé gái tự xưng kiếp trước là người Nhật, có đi đầu vào lúc cô bé nói như thế với các anh chị, thì bé đã bốn tuổi; như thế vượt quá đi đầu kiện của chúng tôi là ba tuổi. Tuy đã lọt ra ngoài đối tượng nghiên cứu của chúng tôi nhưng nghĩ lại biết đâu ông muốn biết, chúng tôi nay liên lạc với ông. Tên cô bé là Rajini Puniral. Gia đình cô bé ở trong làng Kamloji, gần Vārāṇasī ven sông Hằng...”

Đường xấu nên xe cứ gi òng lên gi òng xuống. Đó đây ỗ gà loang loáng nước, hình như trời vừa mới mưa thì phải. Tiếng huyên náo nghe gần d ãn. Xe kéo và xe hơi chạy hai bên phải trái, và người ta cũng có thể thấy những con bò g ãy g ò đi lang thang như ở bất cứ thị trấn Ấn Độ nào. Quán xá lụp xụp. Những người đàn ông đang uống trà dưới bóng đèn tr ãn trụi treo lủng lẳng từ trên cây. Chiếc xe buýt không vào trung tâm thị trấn, mà chạy vòng lên phía Bắc nhà ga Cantt.

Cuối cùng một cơ ngơi được bao quanh bởi một khu vườn rộng và rậm rạp hiện ra. Đó là khách sạn Hotel de Paris mà các du khách Nhật sẽ trú ngụ.

Hai anh b ả mặc áo cổ cao trắng đã mòn vì giặt, từ cửa ra vào chạy ra. Chuyển đi dài từ Delhi tới đây làm ai cũng mệt đừ. Họ ng ẫ vật xuống những chiếc ghế trong ti ãn sảnh, bẻ cổ, ngáp dài, chờ anh Enami làm thủ tục lấy phòng ở qu ãy lễ tân.

- Tôi sẽ trao cho quý khách chìa khóa phòng và hộ chiếu. Còn hành lý, người phục vụ sẽ đưa lên từng phòng cho quý khách.

Khi Mitsuko leo lên c ãu thang với ông Isobe, cô ngạc nhiên thấy khách sạn hơi cũ kỹ so với khu vườn rộng rãi như thế.

-Cái khách sạn này kiểu cũ, ông nhỉ.

Cả trên máy bay và cả ở Delhi, hai người không có mấy cơ hội nói chuyện dù đã nhận ra nhau, có lẽ là do Mitsuko muốn tránh mặt ông.

- Hình như từ h ẫ còn thực dân Anh, - ông Isobe trả lời, - khách sạn này vốn là câu lạc bộ của người Anh; trong sách hướng dẫn có ghi như thế,

nhưng hiện nay, dù không đến nổi thuộc hạng tư hạng năm, nhưng nó cũng không thể gọi là khách sạn loại A được.

Thế rồi, ông đứng lại nhìn Mitsuko:

- Cô sẽ đi nghỉ ngay à? Sau khi tắm nước vôi sen một cái, tôi sẽ ra vườn hóng mát vì dường như khách sạn này chỉ có khu vườn là đáng giá thôi.

- Có thể tôi sẽ ra đó, nhưng bây giờ tôi cũng phải tắm một cái đã.

Phòng hai người ở cùng một tầng nhưng cách nhau khá xa. Khi mở cửa ra, cô thấy rõ khách sạn này chỉ thuộc loại B như ông Isobe đã nghĩ. Bên tắm đen xỉn, sợi xích giữ nút chặn đã bị đứt, cũng chẳng có đèn bàn cạnh giường. Sau khi tắm xong, cô bắt đầu thăm những mỗi một của một ngày dài. Cô lôi từ trong rương ra chai cô nhắc mua từ phi trường Narita, uống một ngụm bằng ly giấy.

Cô cầm cả ly giấy và chai rượu đi xuống lầu, ra khu vườn tiếng côn trùng rền rĩ, ghé mây dăm chiếc, hương cây nòng nài. Mitsuko hít căng lồng ngực. Cô cảm thấy mùi hương của đất nước Ấn Độ là như thế đó. Có tiếng đu cọt két ở đâu đó; cô đưa mắt nhìn và thấy ông Isobe đang ngồi trên đu một mình. Nhìn từ phía sau, bóng dáng người đàn ông to lớn ngồi một mình trên chiếc đu trông thật buồn bã.

- Xin mời ông, - Mitsuko đưa chai Napoléon ra cho ông Isobe thấy.

Ông quay đầu lại, tỏ vẻ vui mừng.

- A, cái loại này!

- Ông Isobe vốn thích rượu Nhật, có phải không ạ?

- Cô nghe ai nói vậy?

- Thì bà nhà ông. Đạo đó, các cô y tá cũng kháo với nhau là, ngày nào khỏe lên được, ngày ấy bà nhà sẽ kể chuyện về ông suốt.

- Chắc là nói chuyện nhằm r ồi. Có lẽ làm phiền cô Naruse và các cô y tá lắm. Thôi thì cô đã mất công đưa xuống đây, tôi cũng xin cô một hớp. Trên đường đi xe buýt tới đây, tôi đã muốn uống một ly nhưng khi hỏi nhân viên thì họ cho biết giờ này nhà ăn qu ầy bar đều đã đóng cửa.

Ông nheo mắt nhấp thứ chất lỏng đựng trong ly giấy.

- Đã là rượu ngon thì không cứ rượu Nhật mới ngon... Ngon lắm! - Ông nói nhỏ với Mitsuko. - Nhưng trong thời kỳ nhà tôi bị bệnh, dù có mơ, tôi cũng không bao giờ nghĩ là sẽ lại được gặp cô ở Ấn Độ. Thực ra thì cuộc đời quả là có nhiều chuyện khó hiểu.

Những lời ông Isobe nói có cảm giác thật chân thực. Thực sự có những điều không tưởng tượng được, những điều khó hiểu xảy ra trong đời. Chính Mitsuko, cô cũng chẳng rõ vì sao cô lại quyết định tới Ấn. Cô thậm chí cảm thấy cuộc đời đôi khi xoay chuyển, không phải do ý định của cô mà bởi một sức mạnh vô hình nào đó.

- Cô Naruse, sao cô lại đi Ấn Độ?

- Đi Ấn có gì mà ông lại hỏi thế?

- Không, vì tôi thấy phụ nữ thường chọn Ý hay Bồ Đào Nha. Không phải vậy sao?

- Tôi không còn trẻ đến độ đường Appia với các tay đấu bò còn hấp dẫn được mình. Còn ông Isobe, ông đã hỏi tôi như thế, thì tôi xin hỏi ông, tại sao ông lại tham gia vào chuyến đi này?

Ông Isobe ngược mặt khỏi chiếc ly giấy, vẻ mặt ông lúc này xấu hổ như một chú bé.

- Ông tính đi viếng các Phật tích hay sao?

Mitsuko hỏi như thế vì mục đích của hơn nửa số khách trong chuyến đi là viếng các Phật tích, trong đó có cả một thầy chùa và vợ.

- Không, không phải như thế... - Ông Isobe ngần ngại nhưng rồi dường như cũng quyết định nói ra. - Vì cô là người chăm sóc nhà tôi cho tới giờ cuối cùng... vậy tôi cũng không ngại gì nói cho cô biết. - Thế rồi ông đưa tay vào túi trong và đưa ra cho cô thấy hai bức thư nhăn nhúm chứng tỏ ông đã đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần. - Xin mời cô đọc đi!

- Vâng, nếu ông có nhã ý.

Nhờ ánh sáng trong vườn, cô đọc lướt qua bức thư. Hai người im lặng, khiến tiếng côn trùng trong vườn như to hơn.

- Hỡi ày, tôi... - Mitsuko nói như nói một mình, - có nghe vợ ông hỏi.

- Hỏi gì vậy cô...?

- Bà ấy hỏi tôi là người ta khi chết rồi... có thể được tái sinh không.

- Nhà tôi hỏi cô những chuyện như thế sao?

- Vâng, vào một thứ Bảy, khi tôi đang dọn khay thức ăn.

- Thế... cô trả lời thế nào?

- Tôi cứ giả tảng không nghe thấy. Vì tôi chẳng biết phải trả lời sao cho ổn.

Cô nói dối. Tối nay cô vẫn nhớ rõ sự việc ở phòng bệnh chiều tối hôm đó. Cô hiểu ngay lập tức, hiểu đến mức đau đớn vì sao vợ ông Isobe lại hỏi như thế. Cô nghe trong âm thanh của câu hỏi, cái ước nguyện sau khi chết đi còn được tái hợp với chồng.

Lúc đó, Mitsuko đang xếp khay lên xe đẩy. Cảm giác bứt rứt muốn đập phá một cái gì đó vẫn ở sâu trong cô, lúc này sống dậy. Cô quá chán chuyện tình yêu đầy cảm thương của vợ đối với chồng.

- Tái sinh? Tôi không biết chuyện đó. - Mitsuko tự nói với mình, chậm rãi dần từng tiếng một. - Nghĩ chết là hết sẽ thoải mái hơn, còn hơn là phải ẽ vai ra gánh lấy quá khứ và tái sinh ở kiếp sau.

Cô vẫn còn nhớ khuôn mặt nhăn nhúm của vợ ông Isobe lúc đó.

- Cô cho tôi xin một ly nữa.

Ông Isobe đưa chiếc ly giấy ra, như dứt đi những xúc cảm đang dâng đầy trong lòng ngực. Mitsuko đưa luôn cả chai cho ông.

- Như vậy là... ông sẽ đi kiếm cái làng có tên ghi trong bức thư?

- Vâng.

- Ông tin vào kiếp sau như các tín đồ Ấn giáo sao?

- Tôi cũng chẳng biết nữa. Mãi cho đến khi nhà tôi chết, tôi hoàn toàn chẳng quan tâm gì đến chuyện kiếp sau. Ngay cả chuyện chết, tôi cũng không nghĩ tới. Nhưng những lời nhà tôi nói ngay hôm trước khi trút hơi thở cuối cùng... vẫn cứ vương vấn trong lòng tôi, và từ đó đã định hướng lối sống của tôi. Tôi cũng thật tào lao phải không. Đời có những chuyện không thể hiểu được.

Sau khi ông Isobe đứng dậy, chiếc đu vẫn còn đong đưa cọt két. Giống như những lời nói của vợ ông, dù đã chết, vẫn còn làm cỏi lòng ông xáo động. Trong cuộc đời của chúng ta đều có cái gì đó, dù đã chấm dứt nhưng không mất hẳn.

- Thật buồn cười phải không, đã già rồi mà còn đến tận Ấn Độ giống như đi tìm kho báu.

- Không hẳn buồn cười đâu ông ạ. Phần tôi, tôi đến Ấn Độ có lẽ cũng để tìm một đi đâu gì đó.

- Thế cô tìm cái gì mới được chứ?

- Chính tôi, tôi cũng chẳng biết kiếm cái gì. Tuy nhiên, tôi có một bạn học cũ sống ở Varanasi này, có đi đâu là tôi không biết ở khu nào. Có thể tìm cậu ấy là một trong những mục đích của tôi.

Ông Isobe có vẻ tin những lời Mitsuko nói.

- Rượu ngon lắm. Nó giúp đỡ tôi rất nhiều. Vì ngày mai phải đi nữa nên cái thân già này phải ngủ sớm thôi.

Khi ông Isobe đã biến mất trong khách sạn, Mitsuko vẫn nán lại trong khu vườn đầy tiếng côn trùng rả rả. Tiếng cọt két của chiếc đu còn

rơi rớt lại mơ hồ. Đêm Ấn Độ mát mẻ hơn cô tưởng, mà không, không phải mát mẻ mà là cô độc.

Uống hai viên thuốc ngủ xong, Mitsuko nằm trên chiếc giường cứng, và thấy kệ ánh đèn lò mờ, đọc cuốn sách cô mang theo tựa đề *Một du học sinh ở Ấn Độ* trong khi chờ giấc ngủ tới.

Sách có kèm một số hình nhưng những bức lôi cuốn cô nhất là về những nữ thần, vợ của thần Shiva. Những nữ thần này hoàn toàn khác với hình tượng Đức Bà của Âu châu, có nữ thần cưỡi trâu, đâm quỷ, cũng có hình tượng dữ tợn như nữ thần Kālī đạp lên chồng là thần Shiva, vừa thè lưỡi dài như lưỡi rắn.

Hai ngày trước, Mitsuko có đi thăm Viện bảo tàng quốc gia New Delhi và đã ngắm kỹ bức hình nữ thần này được trưng bày ở đó. Những người Nhật khác đã đi ngủ cả rồi thì phải, vì cả khu vườn và hành lang đều hoàn toàn vắng lặng, ở một trang khác, nữ thần lại dang hai tay dịu dàng nhìn về hướng cô, nụ cười từ tâm trên môi. Một nữ thần Kālī mỉm cười rạng rỡ như thế, vậy mà ở bức ảnh mặt sau, lại đang hút máu tươi của quỷ Raktavija mình còn loang máu, và tay bà cầm thủ cấp, môi miệng đầy máu, lưỡi le dài.

Cô nhìn tới nhìn lui hai bức ảnh và tranh này, và nghĩ rằng cả hai đều chính là bản thân cô. Cô đã nói với ông Isobe: “Tôi đến Ấn Độ có lẽ cũng để đi tìm kiếm,” nhưng đối tượng kiếm tìm của cô có thật là anh chàng lạc chợ trôi sông Ootsu hay phải chăng là một điếu gì đó ở sâu trong tâm khảm mình, giống như Thérèse Desqueyroux.

Thuốc ngủ dần dần làm mê man đầu óc. Cô ngẩng dậy, tắt công tắc đèn ở gần cửa, lại nằm vật xuống giường, nhìn bóng đèn sơn chằng lên nhau không biết bao nhiêu lớp. Trong bệnh viện mà cô đã làm tình nguyện, còn có chút ánh sáng từ chiếc đèn pin nhỏ của các cô y tá, chiếu lơ mờ khuôn mặt các bệnh nhân, nhưng bóng tối ở đất nước này là bóng tối của u minh, bóng tối của quỷ, đúng theo nghĩa đen. Là một người phụ nữ đã cạn kiệt tình cảm, là một đồng loại của Thérèse Desqueyroux, cô hiểu cái phần bóng tối của ma quỷ đó.

Cô ngủ khoảng hai tiếng. Trong bóng tối, cô nghe thấy tiếng động giống như tiếng chim vỗ cánh. Cô vớ tay tới bàn ngủ mò công tắc đèn nhưng nhận ra ngay, trong căn phòng cũ này không có đèn.

Bỗng nhiên cô cảm thấy sợ, vì vừa mới đọc xong chuyện tác giả, trong cuốn *Một du học sinh ở Ấn Độ*, kể là khi ông đang ở trong thư phòng, lúc đầu nghe có tiếng loạt soạt như tiếng chổi quét sân phía ngoài cửa sổ, và rồi, vì tiếng loạt soạt đó bây giờ lại bắt đầu phát ra từ góc phòng, ông bèn quay lại, thì thấy một con rắn hổ mang đen sì đang ngóc đầu.

Đằng phía tường, tiếng chim vỗ cánh liên miên. Muốn bật đèn, phải đi ra cửa. Đang khi đi đến, lỡ có ngài hổ mang nào đó nhào tới thì...

Mitsuko lại vùng dậy. Cô không phải loại người có tính lần lữa. Cô mò mẫm dọc bức tường trước mặt, tìm công tắc điện, và cuối cùng chạm đến nó. Khi đã cố bật được đèn lên, cô thấy trên tường có một cái lỗ to và một phần mảnh giấy dùng để bịt kín lỗ đã bị rách, đang kêu phàn phật. Cái khách sạn này thật có lắm chuyện buồn cười đúng kiểu Ấn Độ.

Mitsuko gượng cười, ngã xuống giữa chiếc ghế màu nâu vàng thô kệch, và thò tay vào túi xách. Một khi đã tỉnh rã, thì còn lâu mới ngủ lại được. Cô lôi ra một bao giấy màu nâu từ trong một ngăn túi để lên bàn. Trong cái bao màu nâu ấy, có vài bức thư giữa Ootsu và cô. Tự cô, cô cũng không hiểu, thậm chí thấy lạ là cô chịu khó mang theo các bức thư đó để làm gì.

Anh ta không có cái cuốn hút của một người đàn ông, dung mạo cũng chẳng có gì hấp dẫn, và lúc nào cũng khơi lên trong lòng cô một sự khinh thường. Nhưng anh ta là một người mà Cử Hành đã hoàn toàn chiếm đoạt và đưa vào một thế giới cách biệt hẳn cuộc sống của cô và những người quen với cô. Tận đáy lòng cự tuyệt Ootsu, nhưng cô không thể hờ hững với anh được. Không biết tại sao đã dùng tẩy để tẩy mà tẩy chẳng đi.

Bức thư Ootsu viết với tuồng chữ nguệch ngoạc - cứ như của một học sinh trung học cơ sở. Đúng là vì lịch sự cô đã viết trả lời một hai lần gì đó, nhưng chẳng hiểu vì sao cô vẫn giữ cẩn thận những bức thư của anh ta. Tuy không hiểu được nhưng có cái gì đó vượt trên cô đã khiến cô phải giữ chúng. Có thể nói được rằng có cái gì đó đã ngấm ngấm sắp đặt và đưa cô đến tận Vārānasi này. Vừa nốc nốt chất lỏng cô nhắc màu nâu, cô vừa mơ màng nghĩ ngợi.

- Mày là cái đồ vớ vẩn! - Cô lẩm bẩm một mình. - Thật tào lao. Chuyện như thế này, sao chẳng được.

Bản sao bức thiệp viết tháu của Mitsuko:

Chúc mừng năm mới: Tôi gửi cho anh thiệp chúc tết này tới địa chỉ ở Lyon, nơi chúng ta đã gặp nhau cách đây bốn năm. Anh vẫn sống ở Fourvicre chứ? Tôi đã ly hôn vì nhiều lý do. Hiện tại tôi đang sống ở nhà cha mẹ. Lý do tôi ly hôn... là vì tình cò cuối năm, tôi đọc tác phẩm Nhật ký của Horatio của Fukuda Tsuneari, và bị chấn động bởi một câu trong tác phẩm, như thể tác giả viết về bản chất của chính tôi vậy.

Câu ấy như sau: “Tôi không có khả năng yêu người thực sự. Chẳng bao giờ và chẳng thể yêu ai. Một người như thế làm cách nào để khẳng định được hiện hữu của mình trong thế giới này?” Rốt cuộc, lý do ly hôn là như thế. Anh từng nói với tôi là Cử Hành có thể sử dụng bất cứ cái gì, kể cả tội lỗi. Anh còn tin vào điều đó nữa không?

Thư trả lời của Ootsu gửi cho Mitsuko:

Bức thư của cô bị chuyển lòng vòng từ Lyon, cuối cùng cũng đến được tay tôi. Nhìn địa chỉ, cô cũng thấy là hiện nay tôi không còn ở Lyon nữa. Tôi đang mỗi ngày làm lụng trong một nhà tập ở Ardèche, thuộc miền Nam nước Pháp. Đó là một vùng đất hoang dã, có núi đá bao quanh, và tôi đang làm việc đồng áng và việc tay chân khác ở đây.

Nếu cô hỏi vì sao tôi lại vào một nơi như vậy, thì tôi xin trả lời rằng giống như cô đã viết cho tôi về trường hợp ly hôn của cô, các cha trong tu viện ở Lyon cho là tôi chưa đủ tiêu chuẩn, và lại thêm một lần nữa, đình lại chuyện phong linh mục cho tôi. Bởi tâm tư tôi vẫn còn những tư tưởng rồi đạo giống những suy nghĩ khiến cô đã nói đùa ở Lyon: “Làm sao thì làm, đừng để bị dứt phép thông công đấy!” Năm năm sống ở Tây phương, tôi thấy cách suy nghĩ của người Âu châu quá rõ ràng, quá hợp logic, tôi không thể không cảm phục, tuy thế một người Á Đông như tôi cảm thấy họ đã không nhìn ra được một cái gì đó, và tôi không thể chạy theo họ được. Cái lối lý luận rõ ràng và chẻ sợi tóc làm tư đó thậm chí còn khiến tôi khốn khổ.

Đó là do đầu óc của tôi không thể hiểu được cái bề thế của cấu trúc tư tưởng nơi các bậc đại trí của họ và một phần là vì cái thói lười học của tôi; nhưng còn hơn thế, cái nhạy cảm đặc thù Nhật Bản trong tôi khiến tôi cảm thấy không thể hòa hợp với Kitô giáo mang tính Âu châu được. Nói cho cùng, đức tin của người Âu châu được trang bị bằng ý thức và lý trí, và họ không thể chấp nhận những điều không thể cắt nhỏ được bằng lý trí và ý thức. Trong thời gian năm năm, dù trong sinh hoạt hằng ngày, dù khi học thần học, dù được các cha bề trên đưa đi Đất Thánh, tôi vẫn bối rối không biết mình suy nghĩ đúng hay sai, nên luôn ở một mình. Mặt mũi tôi, hôm đó, bên bờ sông Saône, Lyon, có vẻ rầu rĩ, thì cũng chỉ vì vậy. Xin cô thứ lỗi cho.

Ở thần học viện, điều tôi bị chỉ trích nhiều nhất, theo lối nhìn của họ, đó là cái cảm giác nặng tình phiếm thần luận đang tiềm ẩn một cách vô thức trong tôi. Là một người Nhật Bản tôi không chịu được chuyện người ta xem thường Tự Nhiên Đại Mệnh. Dù rõ ràng và hợp lý, nhưng trong Kitô giáo Âu châu đến ca sinh mệnh cũng có thứ tự lớp lang. Họ rốt cuộc có lẽ sẽ không hiểu được:

*Nếu người nhìn cho kỹ
Rau tẽ chân hàng giậu
Chao ời, hoa nở rồi!*

Đôi khi họ cũng ám chỉ cái mệnh làm cho rau tẽ nở hoa và cái mệnh nơi con người đều giống nhau, nhưng họ chắc chắn không nghĩ là rau và người lại tương đồng được.

“Thế thì theo thầy, Đức Chúa Trời là gì!” Ba thầy học khóa trên đã hỏi tôi như thế và tôi đã trả lời hờ hênh thế này:

“Tôi nghĩ tôi không tin vào một Đức Chúa Trời ngoài tâm vớ của con người và phải tôn kính, như quý thầy tin. Tôi tin Chúa tồn tại bên trong con người và là một sinh mệnh to lớn bao phủ con người, và cả cây cối, hoa cỏ.”

“Thầy không thấy rằng tư tưởng của thầy có tính chất phiếm thần luận sao!”

Thế rồi ba vị sử dụng triết học kinh viện với đặc tính rõ ràng cố hữu, phanh phui ra những thiếu sót trong tư tưởng lộn xộn của tôi. Ở đây chỉ đơn cử một thí dụ nhỏ thôi. Nhưng tôi là một người phương Đông tôi không thể rạch ròi chia ra, rồi cho cái này là phải cái kia là trái, như họ được.

“Chúa sử dụng không chỉ những hành vi lương thiện mà cả những tội lỗi của con người để cứu rỗi chúng ta.” Vào cái ngày giữa trưa mặt trời rực rỡ, dựa vào hàng rào chắn bên bờ sông Saône với những con tàu chở hàng ngược xuôi, tôi đã tâm sự với cô những suy nghĩ thành thật của mình, điều đó xuất phát từ cảm xúc giống như vậy. Lúc đó cô đã nói một câu thật hay: “Đó là tư tưởng mang tính chất Kitô giáo đích thực ư?”

“Tư tưởng này có hơi hướm rất nguy hiểm của chủ thuyết Jansen và Mani giáo.” (tóm lại có nghĩa là rôi đạo) Các cha đã khiển trách tôi như thế. Tôi đã được các vị nói cho biết là các vị tuyệt đối không thể chấp nhận quan niệm thiện ác bất khả phân được.

Vì lý do này lý do nọ, rốt cuộc chuyện phong linh mục cho tôi đã bị hoãn lại. Thế nhưng tôi nào có mất đức tin.

Cái điều mà từ những ngày còn nhỏ, nhờ mẹ tôi, tới nay tôi vẫn còn tin tưởng, chính là sự ấm áp nơi mẹ. Hơi ấm từ tay mẹ nắm, hơi ấm của thân thể khi được mẹ ôm ấp, hơi ấm tình thương, hơi ấm khi mẹ chẳng bỏ rơi tôi, dù so với các anh chị, tôi có thật thà đến mức ngốc nghếch. Mẹ luôn kể về Cử Hành, theo cách cô

gọi. Vào những ngày xa xưa đó, mẹ dạy cho tôi biết rằng Cử Hành là kết tinh mạnh mẽ hơn ấm đó - hay nói ngắn gọn, Cử Hành chính là Tình Yêu. Khi bắt đầu tuổi lớn khôn, tôi mất mẹ. Lúc này tôi mới hiểu ra suốt nguồn ấm áp nơi mẹ là một phần của Cử Hành, và rốt cuộc cái mà tôi tìm kiếm, chính là Tình Yêu của Cử Hành chứ không phải vô số những tín hiệu phát xuất từ miệng của cái gọi là Giáo hội. (Dĩ nhiên những tư tưởng này càng làm cho người ta coi tôi là một kẻ rối đạo.) Tôi nghĩ là trung tâm của cõi đời này là Tình Yêu, và Cử Hành đã thể hiện điều đó và chỉ mình điều đó cho con người trong suốt lịch sử ngàn đời. Vì trong thế giới hiện nay, điều còn thiếu chính là tình yêu, điều mà không còn ai tin tưởng, điều mà mọi người cười nhạo cũng chính là Tình Yêu, cho nên một kẻ như tôi lại mong muốn chân thành đến mức ngu ngơ bước theo dấu chân của Cử Hành.

Tôi đặt niềm tin vào một đời của Cử Hành, người đã chịu những khổ đau cụ thể vì tình yêu, đã tổ bày Tình Yêu vì chúng ta. Tôi cảm thấy rằng cũng với thời gian, niềm tin ấy ngày càng lớn mạnh trong tôi. Tôi không thể tiêm nhiễm được lê lối suy nghĩ và thần học Âu châu, và những khi một thân một mình như thế, tôi thậm chí còn cảm thấy Cử Hành đang ẩn mình bên cạnh biết được những đau khổ của tôi và đang mỉm cười với tôi. Giống y như chuyện Cử Hành đi cạnh những người lữ hành trên đường Emmau được kể lại trong Kinh Thánh, Cử Hành đã nói với tôi: “Hãy theo ta!”

Đêm đêm, sau một ngày làm lụng, khi ở trong vườn nho nhìn những vì sao lấp lánh, đôi lúc tôi lại lo sợ không biết ông Cử Hành ấy sẽ đưa mình đi đâu.

Mitsuko còn nhớ nơi cô đọc bức thư chữ như gà bới này: cô đọc nó trong bệnh viện. Sau khi ly dị, cha mẹ cô ở dưới quê có giúp vốn cho cô mở một cửa tiệm ở Harajuku và nhờ sự giúp đỡ của người ch ồng cũ, cô có thể mua về những trang phục của các hãng nổi tiếng ở Paris. Thế r ồi, tuần một hai lần, cô còn làm việc thiện nguyện trong một bệnh viện tư lớn nằm phía sau đền Tougou. Đó là một hành vi bột phát. Chính vào thời kỳ này, cô đã cho rằng câu văn của nhà văn Fukuda Tsuneari trong cuốn *Nhật ký của Horatio* diễn tả được đích xác cõi lòng cô lúc ấy: “Tôi không có khả năng yêu người thực sự. Chẳng bao giờ và chẳng thể yêu ai. Một người như thế làm cách nào khẳng định hiện hữu của mình trong cái thế giới này?” Mitsuko làm việc thiện nguyện với những ý tưởng ngang ngạnh đó trong lòng. Cô là người đàn bà mà ngọn lửa ái ân chẳng cháy lên được, một đóm lửa tình yêu

cũng không có. Cô chỉ giả đăm mê tình dục với đàn ông nhiều lần nhưng ngọn lửa thực sự từ đóm lửa chưa bao giờ bùng cháy. Mitsuko rửa các bộ nằm của bệnh nhân, giúp họ ăn uống và vừa nghỉ ngơi ngắm những chuyện buồn cười của chính mình, vừa đọc bức thư của Ootsu. Cô không hề ghen tị gì nhưng nói cho đúng ra, lời lẽ của Ootsu có làm cô tổn thương. Cô gửi bưu thiếp, ngắn gọn trả lời. Cô vẫn còn nhớ tấm bưu thiếp đó in bức tranh của họa sĩ Munch, vẽ mặt một người đàn ông cô đơn. Cô chẳng còn nhớ cô đã viết gì, nhưng nhớ là cô cố ý chọn tấm bưu thiếp ấy để làm Ootsu tổn thương.

Thư của Ootsu gửi cho Mitsuko:

Cảm ơn cô đã gửi bưu thiếp cho tôi. Xem thư của cô, tôi cảm thấy đằng sau những dòng cô viết là một trái tim cô đơn.

Nhưng Cử Hành cũng đang ở trong cô, như đang ở trong tôi. Chỉ có Cử Hành mới thấu nổi cô đơn cũng như đau khổ của cô. Cử Hành, một lúc nào đó, sẽ mang cô ra khỏi thế giới cô độc hiện tại của cô. Nhưng lúc nào, bằng cách nào và dưới hình thức nào, thì chúng ta không biết được. Cử Hành có thể sử dụng bất cứ cái gì. Những hành động của cô như “trò chơi tình vờ”, “những đêm cơ hồ không thể nói ra được”, dù tôi không tài nào hiểu ra được ý cô muốn nói gì nhưng Cử Hành, như một ảo thuật gia, sẽ biến hóa được hết.

Người còn mạnh khỏe, nếu uống thuốc kí ninh sẽ phát sốt, nhưng đối với các bệnh nhân bị sốt rét thì kí ninh lại trở nên loại thuốc không có không được. Tôi cho là tội lỗi cũng giống như kí ninh vậy.

Cô có lẽ ngạc nhiên vì khi không tôi lại viết về chuyện kí ninh. Chẳng qua là, ở đây, ngay trong một nông trường tập thể bên biển hồ Galilê của Israel, tôi đã được một bác sĩ người Do Thái nói cho biết: Ngày nay Galilê là một nơi đẹp như mơ, nhưng thời xưa là một vùng sơn lam chướng khí, có nhiều người bị bệnh sốt rét. Ông thầy thuốc đó cho rằng những phép lạ được ghi lại trong Kinh Thánh về nhiều người được người ấy chữa khỏi sốt, bệnh đó chính là bệnh sốt rét.

Tôi vẫn chưa trở thành linh mục được. Các cha giáo sư của thần học viện đã đánh giá tôi là một kẻ thiếu đức vâng lời cần thiết, và là một kẻ đã đánh mất những

nguyên tắc quan yếu làm nên đức tin. Bị đánh giá là thiếu đức vâng lời và thiếu đức tin chính thống là vì tôi đã trả lời trong bài thi viết và bài thi vấn đáp là tôi vẫn không thể nghĩ một Kitô giáo trong mô thức Âu châu là tuyệt đối.

Bây giờ tôi cũng ít nhiều ân hận chuyện lúc trước đã nói nhiều điều đại dột với các vị có chức thánh trong Giáo hội. Nhưng tôi cho là mỗi người lựa chọn cho mình một vị Chúa khác nhau để tin, là tùy theo nền văn hóa, truyền thống của đất nước họ sinh ra và hoàn cảnh riêng của mỗi người. Tôi nghĩ, người Âu châu chọn Kitô giáo, có lẽ vì gia đình họ cũng theo đạo đó, vì văn hóa Kitô giáo trong những nước đó mạnh. Cả việc người Trung Cận Đông trở thành tín đồ Hồi giáo hay người Ấn Độ theo Ấn giáo thì có lẽ cũng không thể nói rằng họ đã nghiêm chỉnh so sánh các tôn giáo khác với tôn giáo của mình, rồi mới chọn. Còn trong trường hợp của tôi, tôi chịu ảnh hưởng từ một hoàn cảnh rất đặc biệt, đó là mẹ tôi.

Hồi xưa cô có vặn hỏi tôi: “Vì sao anh lại tin Chúa?”, tôi đã ấp úng khi trả lời, vì tôi không tự ý chọn tôn giáo này. Nhưng những băn khoăn tôi kể với cô cứ lớn vồn mãi trong đầu. Có lúc cha linh hồn hỏi tôi:

- Thầy được sinh ra trong một gia đình như thế, thầy không nghi rằng đó là do ơn phước và Tình Yêu của Chúa?

Tôi trả lời:

- Vâng, con cũng có nghĩ như thế, nhưng nếu người ta không được sinh trong một gia đình như vậy và theo một tôn giáo khác thì không phải cũng do ơn phước của Chúa hay sao, thưa cha?

Khi đối đáp như thế, tôi không có ác ý nhưng cũng đã làm tổn thương cha ấy, vốn kiên trung với lối suy nghĩ vốn có của Kitô giáo Âu châu. Lần tôi bị chỉ trích gắt gao nhất là kỳ thi vấn đáp, khi tôi phát biểu:

- Chúa có nhiều gương mặt. Con nghĩ Chúa không chỉ hiện hữu trong nhà thờ hay thánh đường của Âu châu mà thôi, Ngài còn hiện hữu cả trong tín đồ Do Thái giáo, Phật giáo và Ấn giáo.

Đó là một lời giải bày thẳng thắn những suy nghĩ đã dần trở thành niềm tin của tôi kể từ sau khi tôi đến Âu châu, nhưng các thầy lại nghe như đó là một lời phủ định hoàn toàn Giáo hội Kitô.

- Thầy suy nghĩ như thế là suy nghĩ sai lầm theo phiếm thần luận! - Các vị mạnh mẽ quả trách.

- Nhưng chẳng phải trong Kitô giáo cũng bao gồm những quan điểm phiếm thân sao ạ? Ở trong trường thần học, con được các cha giảng dạy là nhất thần luận Kitô giáo đối chọi với phiếm thần luận, nhưng theo quan điểm của một người Nhật Bản, con cho rằng Kitô giáo đã lan rộng ra như thế này, là vì trong Kitô giáo bao gồm nhiều sự khác nữa. - Tôi buột miệng nói thế.

- Nhiều sự đó là gì, thầy hãy nói ra xem.

- Khi kính viếng đại giáo đường Chartres, con có đọc trong sách là, tục sùng bái nữ thần đất của dân địa phương đã được thăng hoa thành sự sùng kính Đức Mẹ. Con nghĩ rằng, nghĩa là Kitô giáo được nuôi dưỡng trên cơ sở tín ngưỡng đối với nữ thần đất ở địa phương đó. Vào thế kỷ mười sáu, mười bảy, có khá đông người Nhật trở lại đạo, thế nhưng lòng tin của họ khác với đức tin người Âu châu.

- Khác là khác như thế nào?

- Các yếu tố của Phật giáo, của cái mà các thầy hôm nay gọi là phiếm thần luận, trộn lẫn cả vào trong đó.

Các cha giáo trở nên yên lặng. Bất bình ra mặt.

- Nhưng thầy làm sao phân biệt được chính thống và dị giáo?

- Thời đại này khác với thời Trung cổ. Thời này nên có sự đối thoại với các tôn giáo khác.

- Thì Vatican đã công nhận nhu cầu đối thoại đó.

- Những người trong Kitô giáo không nghĩ là các tôn giáo khác có thể đứng ngang hàng được với đạo Kitô của mình. - Lúc này tôi lên cơn liều, ra sao thì ra. - Mật học giả Âu châu đã phát biểu: Nói cho đúng hơn, các hiền nhân thuộc các đạo khác là những người Kitô giáo không có bằng lái. Đã nói như thế thì không thể nói đến chuyện đối thoại đúng nghĩa được. Con nghĩ là, nói cho đúng hơn, Chúa mang nhiều gương mặt và Ngài ẩn mình trong các tôn giáo khác nhau. Con cho là nghĩ như vậy mới có thể đối thoại đích thực.

Im lặng. Lạnh lùng. Tôi thấy là mình đã nói ra một điều ngu ngốc quá sức. Rõ ràng là các cha giáo đã cho tôi là một kẻ có những tư tưởng nguy hiểm ghê gớm.

- Thế thì, - cha viện trưởng như mở lối thoát cho tôi, - sao thầy không trở lại đạo Phật. Quay lại như thế rất phù hợp với đường lối suy nghĩ của thầy?

- Không! Con tuy được nuôi dưỡng trong một gia đình Nhật Bản nhưng không phải trong gia đình theo đạo Phật, mà trong một gia đình Kitô giáo giống như gia đình của quý cha vậy. Tuy con quan niệm Chúa có nhiều khuôn mặt nhưng lựa chọn của con, cũng giống như sự lựa chọn của các cha, là một sự lựa chọn đương nhiên.

- Thế thì thầy nghĩ như thế nào về chuyện trở lại đạo? Một người theo đạo Phật bỏ Phật giáo để trở lại Kitô giáo chẳng hạn?

- Con nghĩ cũng có thể được. Giống như chuyện mỗi người chọn người bạn đời khác phải thích hợp với mình vậy.

Ngay vào cái lúc tôi cảm thấy bất chấp hậu quả, nếu tư tưởng của tôi sai lầm từ căn bản, tôi vẫn hy vọng các cha giáo sư - không, hy vọng người mà tôi tin cậy ấy - sẽ uốn nắn cho tôi. Chỉ riêng việc nói dối những điều không thực lòng mình, dẫu vì cuộc đời của tôi đi nữa, tôi nghĩ là tôi sẽ không bao giờ làm được.

Dĩ nhiên cuối cùng tôi lại một lần nữa bị đánh giá không đủ tư cách trở thành linh mục. Trong các cha bề trên, vẫn còn một vài vị có lòng khoan dung, đã tận tình giúp đỡ tôi, tạo cho tôi một cơ hội tiếp tục học và làm việc trong một tu viện ở xứ Galilê, Israel này.

Tôi biết những chuyện như thế, đối với những người Nhật Bản như cô, là những chuyện tâm phào xa lạ. Tôi biết thế nhưng xin cô cho phép tôi được viết thư cho cô tới tận khuya đêm nay vì tôi phải nói với ai đó. Cũng giống như Đấng ấy ngày xưa, ở trong miền Galilê này, phải nói lời tự tâm can với những kẻ cô đơn, những người bệnh hoạn, khổ đau...

Tôi vốn dĩ cô đơn nên tôi muốn nói chuyện với cô cũng là một kẻ cô đơn. Nói ra thì thật là xấu hổ nhưng tôi là một kẻ đơn côi...

Biển hồ Galilê nằm trải trước tu viện. Biển hồ Galilê hay còn được gọi là Hồ Đền Hạc, nơi Chúa Giêsu từng giảng đạo, và thánh Phêrô, một ngư phủ làng Capharnaum, từng đánh cá, đêm nay lấp lánh ánh trăng. Đấng ấy... Không, cô Naruse là người Nhật, nên chỉ nghe tên Ngài thôi, cô có lẽ sẽ có thị độ “kính nhi viễn chi”. Nếu cô thích, cô có thể gọi Ngài là Tình Yêu cũng được. Nếu chữ Tình Yêu làm cho cô ớn lạnh, thì cô cứ gọi Ngài là Hơi-Ấm-Cuộc-Đời cũng chẳng sao, hoặc nếu không thích, gọi Ngài là Cử Hành cũng chẳng hại gì.

Ven hồ Galilê này, dân Do Thái nhiều hơn cả, nhưng cũng có tín đồ Kitô giáo, và cả người theo đạo Hồi. Vì là người Nhật nên tôi thu hút sự chú ý của họ, đôi khi cũng tới chơi ở nông trang và tôi cũng được mời tới nhà người Hồi giáo. Tôi thấy Chúa đang có mặt trong gia đình họ. Dù là như thế nhưng mà tại sao họ lại phải xem thường các tín đồ của các tôn giáo khác và tự cao tự đại mà làm gì? Tôi cảm nhận được sự hiện hữu của Cử Hành trong người theo đạo Do Thái cũng như trong tín đồ Hồi giáo. Cử Hành ở khắp mọi nơi.

Cái giọng ngọt như đường của Ootsu thấm đượm suốt bức thư. Câu chuyện trong thư của anh cứ xoay quanh cuộc đời mình mà vắng bóng tâm tình, hầu như chẳng khiến cô bận tâm. Cô chẳng có dây mơ rễ má gì với tôn giáo và cô chẳng thấy thích thú gì cuộc đời của anh ta. Cô còn cô đơn hơn cả Ootsu. Để lấp đầy cảm giác trống rỗng sau khi ly dị vì cái tình yêu mà cô tự cảm thấy khô cạn, Mitsuko đã quan hệ với vài bạn học ngày xưa, và đôi khi với những doanh nhân ngồi bên cạnh cô trong quầy bar khách sạn, nhưng mỗi lần như thế, đi đâu cô nhận được chỉ là đôi mắt trống rỗng của mình đang nhìn chăm chăm vào hình dáng và hành động của những gã đàn ông vô vấp thân xác cô như những con heo lòng sục trong máng mà thôi.

Cô đã tham gia làm việc thiện nguyện ở bệnh viện. Tình yêu một khi đã cạn khô đến như thế, cô lại cảm thấy thích tự hành xác mình bằng trò chơi tình vờ. Nghe các bệnh nhân cần nhân, vỗ về họ, đút từng muỗng cháo cho các bệnh nhân nằm liệt, rửa các bộ giường, và nghe họ cảm ơn, là những chuyện dễ dàng đối với cô. Cô biết là cô làm chẳng phải yêu thương, chẳng qua như chuyện phụng dưỡng mà thôi.

Bởi vì đã có lúc nhìn chăm chăm một bà lão đang ngủ, dường như chẳng còn sức kêu ca chống đối gì được nữa, cô bỗng nhiên như nổi cơn, có lần cố tình quên không thay tã, và ngay cả không đưa thuốc cần uống cho bà. Giọng nói của một người khác trong cô vang lên: “Cái bà già này,

dù có cho uống thuốc đi nữa cũng chẳng lành, không còn có thể giúp ích gì được cho ai nữa, trở nên gánh nặng cho kẻ khác, tại sao không để cho bà ta tiêu diêu miên cực lạc cho rồi?”

Các cô y tá lẫn các bác sĩ chẳng hề biết đến con người hai mặt ấy của Mitsuko. Gặp mặt Mitsuko, một kẻ đang đóng tuồng, bà y tá trưởng cứ xuýt xoa: “Cô thiệt là nhân đức!”, Mitsuko chỉ khiêm tốn mỉm cười đáp lời: “Bà cứ khen quá lời!” Nếu bà y tá trưởng này thấy Mitsuko, đêm qua, sau khi rời khỏi bệnh viện, khoác tay với một doanh gia trẻ tuổi gạ cô ở lại mười hai khách sạn Teikoku, và vào phòng hân, hân bà sẽ rất sững sốt. Cô vừa cười nụ vừa lạnh lùng chế giễu bà trong lòng như thế.

“Ootsu đã viết là Chúa có nhiều mặt.” Cô chợt nghĩ như vậy khi ở trên giường cùng gã đàn ông. “Mình cũng vậy, mình cũng có nhiều mặt.”

Hồi đó, các bạn học cũ cứ một năm họp mặt một lần. Bẵng đi hai năm cô mới đến lại, thấy bọn Kondo trong nhóm ngày xưa người nào người nấy đã trở thành những nhân viên công ty bận rộn lớn màu đen sẫm, hay những cô vợ trẻ đã tìm được người xứng đôi vừa lứa.

Đề tài chuyện trò của người chồng mà cô đã ly dị, giống như của các bạn bây giờ, vẫn chỉ toàn là chơi golf và xe. Đám con gái lại huyền thuyên chuyện nuôi dạy con, và chuyện con cái vào trường tiểu học.

- Tôi đã ly dị rồi. - Đột nhiên Mitsuko nói cho mọi người biết. Mọi người sững sờ im lặng, nhưng có một cô bạn lên tiếng hỏi:

- Sao lại như thế? Đã có chuyện gì à?

- Tôi với các chị tính khí khác nhau, tôi không thể trở thành một người vợ hiền được.

- Nhưng chị cũng thích có con có cái chứ?

- Tôi chẳng thích. Một con người tính tình như tôi sinh ra trong cái thế giới này là quá đủ rồi!

Ai cũng cười và nghĩ là chẳng qua Mitsuko nói đùa. Kondo, như muốn bảo vệ Mitsuko, bèn nhắc lại chuyện xưa:

- Phải rồi, chị Mitsuko hồi đó còn có biệt danh Moira nhỉ. Hồi ấy, ở quán Allo Allo, chị từng chơi một anh sinh viên tên là Ootsu nhỉ?

Có một người trong nhóm rành chuyện lên tiếng:

- Anh chàng đó dường như đã làm linh mục rồi thì phải. Tôi đang hỗ trợ lập danh sách liên lạc của các cựu sinh viên. Tôi đã hỏi gia đình cha mẹ anh ấy địa chỉ, và người anh trả lời là anh ấy đã trở thành linh mục và hiện đang sống trong một tu viện ở Ấn Độ.

- Ở Ấn Độ, nhưng ở nơi nào mới được chứ?

- Ờ, tên gì nhỉ? Hay xuất hiện trong hình nước Ấn Độ lắm. Một nơi nào đó dọc sông Hằng, chỗ mà người ta hay xuống tắm ấy.

Nhưng không có ai, kể cả Mitsuko biết tên của nơi đó, và ngoài Mitsuko ra chẳng có ai tò mò về cái tên đó mà làm gì. Đề tài nói chuyện của họ ngay lập tức chuyển sang những tin đồn về cầu thủ bóng chày chuyên nghiệp và tin nhà hàng của người trong nhóm đã mở ở Roppongi sắp thay đổi lối trang trí.

Khi Mitsuko trở lại nhà cha mẹ, cô đưa bộ bách khoa từ điển của cha ra tra và thấy có vài thành phố Ấn Độ với những chi tiết giống như

người bạn đồng song đã nói, nhưng nổi tiếng nhất vẫn là thành phố
Vàranasi; trong từ điển còn có những bức hình các tín đồ Ấn giáo người
vấn vải bố hoặc vận *sari*, đang dầm mình trong dòng sông.

CHƯƠNG BẢY

Nữ thần

Ông Isobe chưa một lần nghĩ rằng mình sẽ hồi tưởng lại cuộc sống giữa hai vợ chồng trong phòng khách sạn xứ người. Theo sự sắp xếp cuộc đời của mình, ông Isobe luôn cho là mình sẽ chết trước vợ, nhưng ông không hề nghĩ xem bà sẽ sống như thế nào sau khi ông mất. Có lẽ bà sẽ sống bằng tiền bảo hiểm tuổi già hoặc tiền tiết kiệm gì đó. Nhưng suy nghĩ khi nào đến lúc đó hẫng hay vẫn còn là sự tưởng tượng mơ hồ dưới đáy ý thức. Nghĩ lại thì ông Isobe thấy mình là một người đàn ông cô lỗ sĩ, không từng biết đến cái ý vị thâm sâu cũng như giá trị lớn lao trong đời sống hôn nhân của chính mình.

“Mình có yêu vợ mình không?”

Sau khi vợ ông qua đời, trong những ngày bỗng trở nên trống trải, mỗi lần thấy những di vật của bà: đôi đũa mỗi ngày bà vẫn ăn, chăn chiếu, áo quần treo trong tủ, ông vừa gặm nhấm những tiếc xót, cô đơn đến mức như ngôn ngữ không thể diễn tả, vừa tự hỏi mình. Nhưng theo thói thường của đa số đàn ông Nhật, ông chưa từng suy nghĩ nghiêm túc “yêu” là gì trong thời gian vợ chồng sống với nhau.

Theo ông, hôn nhân chẳng qua chỉ là chuyện hai người nam nữ ai làm việc nấy nhằm giúp đỡ, chăm sóc nhau. Một khi đã sống với nhau dưới một mái nhà thì cái tình yêu hoa bướm sẽ bị chóng vánh triệt tiêu, và như vậy chỉ còn vấn đề kiểu như hai người thuận lợi và có ích với nhau như thế nào. Người vợ không cần phải giao tế giỏi vì sự thành đạt của chồng hay phải giữ được sự quyến rũ của người phụ nữ giống như những người vợ Tây phương. Ông quan niệm công việc thiết yếu của người vợ là hết lòng chiều chuộng, tạo một tổ ấm mỗi khi người chồng đi làm về đầu óc đã mỏi.

Xét theo những tiêu chuẩn này thì vợ ông là một người vợ hiên đúng nghĩa. Trong nhà cũng như ngoài đời, bà chẳng hề chen chân vào chuyện của ông. Bà tuy không có nhan sắc quyến rũ nhưng luôn ý tứ lui về một góc không làm phiền đến ông.

“Đàn bà nên giống như không khí cho đàn ông.” Ông đã có lần phát biểu như thế trong đám cưới của một cặp dưới. “Thiếu không khí thì kẻ như tàn đời. Nhưng không khí chẳng hiện hình lộ tướng trước mắt ta, cũng chẳng quấy rầy ta. Một khi người vợ trở nên giống như không khí thì đời sống vợ chồng chẳng bao giờ bị đổ vỡ.”

Bọn đàn ông cười ồ lên, có kẻ còn vỗ tay hoan hô. Rồi ông nói tiếp, “Cuộc sống vợ chồng cứ yên lặng, tẻ nhạt, thì cũng chẳng sao cả.”

Ông không để ý vợ ngồi ở bàn bên cạnh có phản ứng gì không, nhưng đêm đó, khi đi tắt xi về nhà chẳng thấy bà nói năng gì; ông nghĩ là bà đã đồng ý với ông.

Nhưng trong lúc phát biểu, ông đã không nêu ra đi đâu tối quan trọng là, một người vợ lặng lẽ, tẻ nhạt, nghĩa là một người vợ hiên như ông nói,

sẽ mỗi mùng theo ngày tháng.

Quả thật, hồi diễn ra đám cưới đó cũng là thời kỳ ông có cảm giác nhàm chán với vợ mình, một cảm giác tẻ nhạt tại ở bất cứ cặp vợ chồng nào. Trước hết là vì cuộc sống họ quá bằng phẳng, tẻ nhạt. Khi hai vợ chồng trở thành không khí của nhau như ông nói đến trong đám cưới hôm nọ, thì vợ ông chẳng qua chỉ là một bà vợ, không còn là một người nữ đúng nghĩa nữa.

Có đi đâu chắc là ông không cho bà là một người vợ xấu, nhưng vào thời kỳ đó, đang ở lứa tuổi tráng niên, một người vợ hiền chưa đủ, ông muốn kiếm một *người đàn bà*.

Dĩ nhiên ông chẳng may may có ý ly dị. Vì ông, một người không còn trẻ nữa, thừa biết rằng vợ và đàn bà không nhất thiết phải một người đóng cả hai vai. Nói phải tội, ông cũng đã đôi bận đùa với lửa mà may chưa bị bỏng.

Người tình thứ nhất của ông là một bà chủ nhà hàng Ý ở Ginza. Nhà hàng có điểm đặc biệt là ngoài những món ăn khẩu vị Nhật còn có những món Ý, nên thích hợp cho những cuộc thù tiếp khách hàng làm ăn.

Để có lợi cho việc làm ăn, bà chủ luôn tạo cho mình vẻ trẻ trung hơn tuổi thật rất nhiều. Bà xuất hiện trong trang phục màu đỏ tía bạo, tóc cài nơ đen trông như một cô gái nhỏ, và với bàn tay chuốt giũa khéo léo, đặt lên bàn trắng tinh những đĩa thức ăn. Bà rất ân cần tỉ mỉ để cả những vị khách lần đầu đến cũng cảm thấy hài lòng.

Nữ doanh nhân này hoàn toàn đối lập với vợ ông, và bổ sung những gì mà ông không thể tìm thấy nơi vợ mình vào thời điểm đó. Vào lúc này, đứa con gái nuôi của ông bà đang vào lứa tuổi học trung học cơ sở, và ông Isobe có than thở với người tình chuyện con nhỏ không biết sao cứ ghét mình.

- Con gái tôi cũng thế thôi. - Bà ta vừa cười vừa nói. - Có một thời gian nó có thành kiến với ba nó, hầu như không chuyện trò, không lại gần ông ấy.

- Sao lại thế nhỉ?

- Bởi vì ba nó phải uống nước tăng lực. Vào cái tuổi này, chúng mang trong mình hình mẫu một người cha lý tưởng. Sự chênh lệch giữa người cha lý tưởng và người cha trong thực tại càng lớn, thì chúng càng ghét.

- Thế nào là người cha lý tưởng?

- Thì phải là dân thể thao, người dong dỏng cao, và nhất là phải dụ dăng. - Bà vừa nói vừa cười. - Tóm lại phải là một *daddy* trong ti vi Mỹ. Trong khi ba nó, mặt luôn lộ vẻ mệt mỏi, phải uống nước tăng lực khi đứng trên sân ga. Một người cha ngày Chủ nhật chẳng làm gì ngoài chuyện ngồi xem ti vi, sẽ khiến các cô gái trẻ cảm thấy như bị phản bội vậy.

Tiếng cười của bà ta nghe như tiếng cười của nữ tài tử Taiji Kiwako thường xuất hiện trên màn ảnh nhỏ hồi bấy giờ. Cả khuôn mặt lẫn dáng dấp bà đều làm ông liên tưởng tới cô diễn viên nổi tiếng đó.

- Ra là vậy, người cha uống thuốc tăng lực hả? - Ông hỏi thế, lòng so sánh vợ ông với người đàn bà lời ăn tiếng nói ăn ý như những đường

banh tennis này.

Vợ ông họa chẳng chỉ đáp lại câu hỏi của ông bằng những câu đại loại như: “Tại anh cứ dấm dản với con nhỏ đấy. Nói với nó mà như nói với con trai không bằng.”

Ông đã đi uống rượu với bà chủ quán, và vượt qua ranh giới thường tình có một lần. Người đàn bà thông minh này thừa biết là không làm gì có chuyện ông sẽ thiếu tính toán đến mức vứt bỏ gia đình, và hiểu rõ đàn ông gần năm mươi mà ly dị quả là một mối phiền phức lớn.

Ông Isobe không biết vợ mình có hay chuyện mèo mả của ông hay không. Phần bà, bà cũng chẳng hé miệng về chuyện đó. Có lẽ dù biết nhưng bà vẫn làm như không hay biết. Sau khi hai người đã chấm dứt đi lại, lòng ông có chút lẩn cấn nhưng chẳng có cảm giác là đã thực sự phản bội vợ. Nhảy rào một hai lần chẳng liên quan gì đến mối gắn kết của hôn nhân. Đối với ông, chỉ đơn giản là vợ ông đã làm cho ông không cảm thấy nơi bà một người đàn bà thực thụ; bà chỉ như một người chị, một người em gái. Rồi sự sống chung đụng với nhau dần dà như những hạt bụi kết tụ mất ta không thấy được, theo năm tháng, làm nên mối dây liên kết vợ chồng.

Tình cảm vợ chồng là sự liên kết đó chẳng? Ông Isobe hẳn đó cả đi đâu ấy cũng chẳng hề nghĩ đến. Mãi đến khi thầy thuốc báo cho biết vợ ông chẳng sống được bao lâu nữa, ông mới hoảng hốt vì lo, vì sợ mình sắp mất người bạn đời. Lúc ấy ngoài khung cửa sổ bệnh viện, bầu trời xám màu chì, nghe có tiếng rao bán khoai nướng.

Khi nghe những lời bà nói trong mê sảng ấy, ông Isobe không bao giờ nghĩ vợ ông lại có thể biểu lộ một tình yêu mãnh liệt đến thế. Trong suốt những năm dài sống bên nhau, ông chưa từng nghĩ bà lại chôn sâu ước

nguyện như vậy trong lòng. Và ông đã hứa. Lời hứa ấy ngày càng sâu càng nặng... rồi bây giờ ông đã đặt chân đến cái xứ sở này.

Sau khi tắm vòi sen nước màu gỉ sét, ông Numata bận một cái áo sơ mi thể thao và chiếc quần màu nâu sáng rồi đi cầu thang xuống phòng ăn. Mới gần bảy giờ sáng nên chỉ có anh Enami, ngoài ra chẳng còn ai. Anh vừa đọc tờ báo tiếng Anh vừa dùng bữa sáng.

- Ô, anh dậy sớm quá! Tin tức có gì không anh? - Ông Numata chẳng biết gì và cũng chẳng để tâm đến chính trị Ấn Độ, nhưng thấy tờ báo trên bàn ăn trang đầu in tấm hình chân dung lớn của nữ thủ tướng Indira Gandhi, ông mới hỏi như thế cho phải phép.

- Tình hình rất bất ổn. - Anh Enami vừa đưa chiếc khăn ăn lên lau miệng vừa nói. - Phe tín đồ đạo Sikh lại sinh chuyện. Nhờ cái tài thu phục nhân tâm, bà thủ tướng Indira Gandhi mới duy trì được trật tự ở Ấn Độ cho đến nay.

- Người theo đạo Sikh có phải là mấy ông Ấn Độ vẩn khẩn trùm đầu, có râu không?

Ông Numata chỉ hỏi cho có hỏi, chứ đây là chủ đề ông không hề quan tâm. Ông nhìn chăm chú vào thứ củ gì tròn tròn, màu hồng trong đĩa của anh Enami:

- Mấy củ đó là gì vậy?

- Hành muối chua.

- Toàn là rau quả. Anh là dân ăn chay à?

- Buổi sáng tôi chỉ ăn thứ này kèm với một loại sữa chưa tên là *lassi*. Nhưng khi đi với quý khách, buổi trưa và buổi tối kiểu gì tôi cũng ăn thịt. Tôi dễ phát phì lắm. Còn ông, ông cảm thấy thế nào khi đến Ấn Độ?

- Nội ngấm thiên nhiên không thôi cũng đã mãn nguyện rồi. Cây đa mọc khắp nơi, rồi tôi lại sắp sửa được xem cây bồ đề lá ưu đàm. Sáng vừa mở mắt đã nghe tiếng chim kêu riu rít ngoài vườn... Sướng không thể tả!

- Tín đồ Ấn giáo có tục trồng cây chỗ thiêu xác người chết.

- Còn người Nhật thì trồng cây anh đào. Ở Yoshinoyama người ta trồng cây anh đào thay cho bia mộ. Cây cỏ vốn có một mối ràng buộc sâu sắc với sự chết.

- Thật thế à? Vậy mà tôi chẳng biết gì cả. À, mà ông có muốn kêu món gì ăn sáng không?

- Vâng, cho tôi một tách cà phê nóng.

- Hôm nay phải đi xem đây đó, tôi nghĩ là ông nên ăn một miếng gì đó cho đỡ lòng. Ông thử món hành muối chua này xem.

- Thế có phải các tín đồ Ấn giáo tin là cây cối chứa đựng sinh lực có khả năng tái sinh không?

- Vâng, đúng như thế.

- Tôi thích quan niệm đó của họ. - Nhấp ly cà phê người hầu bàn vừa mang tới, ông Numata thấy phấn chấn hẳn lên. - Tôi là một người chuyên viết truyện đồng thoại mà. Trong các truyện của tôi, hầu hết là các

em bé gần gũi với động vật. Nhưng từ hôm đến Ấn Độ, thấy những cây đa uy nghi, tự nhiên tôi nảy ra cái ý sẽ viết những mẫu truyện về các em bé và cây cối.

-Ồ...

- Lúc từ Allahabad đến đây, xe chạy qua rừng rậm có khu bảo tồn chim mà anh đã nói cho tôi biết, lần đầu tiên tôi mới được trông thấy một khu rừng như thế. Nhưng trong quãng thời gian đó, tôi cảm nhận được từng cây, từng cây một có tiếng nói riêng của mình. Dường như chúng đang nói với chúng ta điều gì đó.

- Vào năm 1857, khi dân Ấn Độ nổi dậy chống người Anh thì người Anh đã dùng những cây đa trong rừng Allahabad ông vừa nói đó, làm giáo đài treo cổ người Ấn Độ. Trên xe buýt đêm qua tôi đã quên nói chuyện đó.

Lời anh Enami nói như thể gáo nước lạnh tạt vào nhiệt tình của ông Numata.

Du học ở Ấn cả bốn năm, nghiên cứu triết học Ấn, nhưng khi về nước kiến thức của anh chẳng dùng được việc gì, phòng nghiên cứu của trường đại học nào cũng từ chối, chẳng có một ghế nào trống dành cho anh, anh đành xoay qua làm hướng dẫn viên, lòng anh ách bất mãn. Dầu gì đi nữa làm ở hãng du lịch Cosmos này anh mới có cái ăn cái mặc, nhưng nói thật là anh vẫn thấy khinh thường những người khách Nhật anh có trách nhiệm hướng dẫn. Du khách thì đủ loại, có kẻ đã có tuổi đi viếng Phật tích để tỏ lòng biết ơn; có kẻ là những nữ sinh viên bắt chước dân hippie đi giang hồ cũng có những người đàn ông như ông Numata, đi để tìm kiếm trong thiên nhiên Ấn Độ những gì đã mất. Những thứ họ mang trở lại Nhật

đầu giống nhau. *Sari* lụa, vòng đeo cổ làm bằng gỗ bạch đàn, các đồ cân trang sức, hòng ngọc, bích ngọc và vòng bạc. Anh Enami, đứng cạnh cửa quán, khinh bỉ nhìn những người Nhật đang lần quăn trong những cửa hàng du khách Mỹ và Âu châu đã mua.

Nhưng anh chẳng bao giờ lộ vẻ khinh thường ra mặt. Câu châm ngôn sống của anh là “Diện tòng phúc bối” (bằng mặt không bằng lòng), nên anh luôn tự nhủ với lòng là mình phải tỏ ra dễ mến và tử tế với khách.

- Có phải ông sẽ đi thăm khu bảo tồn động vật hoang dã?

- Tôi tính là như thế; đi xem tận mắt cố hương của các loài chim nhiệt đới như con tê điểu, con nhồng.

- Sao vậy ông?

- Chuyện bí mật cá nhân thôi. - Ông Numata vừa nói vừa cười. - Anh chắc cũng có những bí mật phải không?

- Thưa ông, có đấy. Nhưng thật là lạ: Thường thì mấy anh đàn ông Nhật, nếu chỉ có hai người với nhau thế này hay thì thề như sắp sửa tiết lộ bí mật cá nhân gì đó, hóa ra chỉ hỏi nhỏ tôi xem nơi nào có gái không; nhưng ông đây thì lại khác.

- Tôi chẳng ưa mấy cái thứ đó. It ra ở Ấn Độ này, tôi chẳng hề tơ tưởng.

- Xin lỗi tôi hỏi ông cái này: Ông có cho rằng Thiên nhiên ở Ấn Độ là đầy dâm tính hơn mình nghĩ không?

- Có phải anh muốn hỏi cái Thiên nhiên chứa đầy mâu thuẫn, có cả hai mặt Sáng tạo và Phá hủy chẳng? Mấy sách nghiên cứu Ấn Độ cái nào cũng giảng lý thuyết này, tôi đã đọc đến phát ngấy.

- Sáng mai chúng ta sẽ đi thăm cảnh người ta tắm nước sông Hằng. Tuy ở hữu ngạn có các bến sông và nhà cửa các loại, nhưng ở tả ngạn cách hẳn dòng sông nằm phía dưới thấp, cây cối mọc um tùm. Theo cái nhìn của tín đồ Ấn giáo thì tả ngạn biểu tượng cho cho sự dơ dáy. Tôi... đã có lần qua đó.

- Và rồi...?

- Chưa có chỗ nào mà tôi cảm thấy Thiên nhiên lại đậm tính ghê rợn đến như thế.

- Anh nói vậy để trêu tôi phải không?

- Vâng, đúng như thế. Ông đúng là con người chân chất.Ồ, xin lỗi ông. Mọi người đã thức dậy rồi.

Quý ông quý bà du khách bận rộn nhẹ, người nào cũng mang theo máy ảnh, đi vào phòng ăn. Anh Enami đứng dậy ngay, và thông dịch cho những người hầu bàn biết những món ăn sáng du khách kêu.

Vừa nhìn dáng vẻ anh Enami bây giờ khác hẳn lúc anh nói chuyện với ông, ông Numata vừa ngẫm nghĩ tới câu nói lúc nãy của anh ta: “Thiên nhiên đầy đậm tính.” Thì dường như là như thế, nhưng trong thế giới của ông, một người chuyên viết truyện đồng thoại, Thiên nhiên chẳng tàn bạo cũng chẳng khó chịu. Thiên nhiên phải là cầu nối Sự sống và Con người lại với nhau.

Ông Numata bước xuống vườn, vươn vai hít một hơi thật sâu. Ông đã nghe nói ở Ấn Độ cuối tháng Mười trời vẫn còn nóng, nhưng có lẽ vì mới chưa đến tám giờ sáng nên trong làn không khí dễ chịu có mùi đất, mùi nắng mà ở những đường phố Tokyo toàn bê tông, tụ lâu lắm, ông chưa được ngửi. Ông hít tràn trề không khí tươi mát và đẩy lớp thán khí dơ bẩn trong người ra.

- Anh luyện khí công hả? - Ông Kiguchi miệng còn nhóp nhép, từ trong cửa đi ra, thân tình hỏi chuyện.

- Chỉ là tập thở sâu theo kiểu của tôi thôi.

- Tốt lắm! Sáng nào tôi cũng tập thể dục theo phương pháp Makkohou. Cả sang đây, mỗi khi thức dậy tôi vẫn ng ỡ tập trên sàn.

Hai người đang chuyện trò thì nghe tiếng vợ chồng Sanjou phía sau lưng:

- Xin lỗi, ông có thể giúp chúng tôi một *pô* được không?

- Một *pô*?

- Chỉ cần bấm chỗ này là được. - Vợ chồng Sanjou ấn chiếc máy ảnh vào tay ông Numata, rồi cả hai anh chị đi đến đứng cạnh chỗ có loài hoa gì như hoa cúc dại đang nở rộ. Chồng chẳng ngại ngừng ôm eo vợ, còn vợ tựa vào vai chồng.

Đứng bên cạnh ông Numata đang đưa máy ảnh lên mắt, ông Kiguchi chất lười:

- Chà người Nhật mà lại như thế đấy! Thật là cái thứ không biết dơ.

- Có gì đâu ông! Vợ chồng mới cưới mà!

- Thôi tôi không làm gì có mấy cái chuyện đó.

- Thì vào thời của bọn mình làm gì có chuyện đi hưởng tuần trăng mật ở ngoại quốc. Nước mình trở nên thịnh vượng, đám tuổi trẻ này đã được bằng người nước ngoài rồi.

Vợ chồng Sanjou, chẳng biết hai ông đang xì xầm đi đâu gì, lại mặt dày mày dạn yêu cầu:

- Chụp cho chúng tôi ba bốn tấm nữa đi!

Một ông lão mang bị, xách giỏ, áo quần tơi tả, từ ngoài cổng đi vào cùng với một thanh niên và một đứa bé. Ông lão gầy như que diêm, mặc chiếc quần cụt, lòi cả đôi chân cẳng khảnh khiu như cây kim.

- *Nàmostè! Jàpàni? Jàpàni?*: Xin chào! Quý ông là người Nhật? - Đứa nhỏ vừa cười càu tòi vừa hỏi.

- *Hàn!*: Ủ! - Ông Numata trả lời với từ Hindi duy nhất ông còn nhớ được, nhưng rồi sau đó bốn người chẳng ai còn hiểu được ai.

Anh Enami xuất hiện từ giữa đám người Nhật đang tụ họp ở chỗ cổng ra vào và sau khi trao đổi với ông lão, anh giải thích với khách:

- Ông lão và hai cháu đây sẽ biểu diễn cho chúng ta xem một màn ác đấu giữa con mông gút và rắn hổ. Hai ông cháu là *sapera*, tức người

chuyên luyện rắn. Những người này thuộc giai cấp tiện dân. Nguyên làng sống bằng nghề luyện rắn.

Ông lão người khô đét như một thân cây khô ngổn bết xuống đất, và khi tiếng sáo lạ lùng của ông nổi lên, nắp giỏ chệch sang một bên, và một con rắn hổ mang nằm cuộn tròn như chiếc tán trong giỏ lộ đầu ra; vợ Sanjou kêu ré lên, ôm cứng lấy chồng.

- Không sao đâu! - Anh chớ trăn an vợ. - Họ lấy nọc độc của nó rồi. Đúng không anh Enami?

- Vâng, đúng thế. Anh biết rõ quá nhỉ!

- Tôi đã thấy trong ti vi. Con mông gút đã bị người ta nhổ răng hết trơn, nên chẳng cần chết rắn thực sự.

- Anh làm cho quý vị đây mất cả hứng. - Anh Enami vừa nhìn những khuôn mặt ỉu xiu của khách vừa nói. - Cứ huých toẹt cả ra như thế thì chuyển đi Ấn này chẳng còn gì thú vị.

Xe buýt trờ tới trước cổng làm tung bụi. Giữa vòng vây của các du khách, con mông gút phóng một cách tài tình vào con rắn hổ, rồi đè nó xuống. Trong khi mọi người vỗ tay tán thưởng, ông lão thò ngón tay như nhánh củi khô vào bị, lôi ra một con rắn màu xám gớm ghiếc; các bà kêu lên oai oái.

- Là rắn hai đầu đấy.

Giải thích theo nghĩa vụ như vậy xong, đột nhiên anh Enami cảm thấy chán ghét cái chuyện bấy lâu nay, không biết bao nhiêu lần đã cất thân giải thích những điếu như thế này. Mình cất công đến Ấn Độ học

không phải để làm mấy cái việc như vậy. Không phải để đưa du khách đến Taj Mahal, rồi lại cũng từng ấy đi đâu, cũng giọng nói đó, nói cho họ biết công trình kiến trúc này được hoàng đế Shah Jahan triều Mogul xây cất mất hai mươi hai năm, nhằm tưởng nhớ hoàng hậu dấu yêu của ông.

“Chắc chắn chẳng ai trong số họ thực sự hiểu cái đất nước Ấn Độ này. Vậy mà khi trở về Nhật, những vị lãnh đạo tôn giáo, những người làm văn hóa này cứ bô bô như là họ hiểu được mọi chuyện ở xứ này ấy.”

Anh cất giọng vui vẻ để xua đi cảm giác chán ghét đó, và mỉm cười nhẹ nhàng, nụ cười nghề nghiệp:

- Xin mời quý vị lên xe. Nhiệt độ sẽ tăng nhưng trên xe có máy điều hòa không khí, nên quý vị sẽ cảm thấy mát mẻ dễ chịu.

Ngay cả khi ngẩng vào trong xe rồi, người ta vẫn còn có thể cảm nhận được mùi của phố xá: mùi mồ hôi, mùi cống rãnh và mùi xào nấu từ những quán cóc; những màu sắc mạnh; hũ chén bằng đồng thau choáng lộn cả trong các cửa hàng tối om. Những người đàn bà bận *sari* màu vàng, đỏ sậm và đen lũ lượt qua lại. Lũ bò xám gầy trơ xương sống xương sườn đúng đỉnh bước đi. Một con voi đang tải hàng trong màn bụi bay.

- Chúng ta sắp sửa vào thành phố Varanasi, một thành phố Ấn Độ trong lòng Ấn Độ.

Anh Enami đưa micro lên miệng, tụng một lèo những đi đâu anh đã thuộc nằm lòng:

- Thành phố này nằm giữa dòng sông chính Hằng Hà, và hai sông con Varanà và Asi. Như hôm qua tôi đã giải thích: Tín đồ Ấn giáo coi nơi các dòng sông giao nhau là thánh địa. Kẻ giàu đi xe lửa, xe hơi, người nghèo lội bộ, chen chúc nhau đi hành hương tới thành phố này. Họ tin là một khi được dìm mình trong dòng sông Hằng linh thiêng, thì sẽ được rửa sạch mọi tội lỗi và nghiệp chướng, và khi chết rồi, nếu tro người chết được đem rải xuống sông cho trôi, họ sẽ được giải thoát khỏi vòng luân hồi.

Xe buýt chở du khách cứ chạy theo lộ trình đã định: đền Bhàratmàtà, khuôn viên Đại học Hindu, và những bãi tắm dọc sông Hằng.

Nhưng anh Enami không đưa khách vào những nơi đó như quy định, mà dẫn vào những ngôi đền Ấn Độ mà anh đã dự tính. Hướng dẫn khách vào những đền đó, một phần vì anh có lòng tốt với khách, nhưng một phần như một kiểu trả thù.

Sáng sớm trời mát mẻ như thế, xế trưa lại trở nên oi bức.

Anh Enami tránh đưa khách đến sông Hằng vào buổi sáng vì anh không muốn tạo cơ hội cho những du khách Nhật xem nơi có dòng sông thiêng, những nghi thức linh thánh và cái chết thiêng liêng, chỉ với đôi mắt tò mò. Người Nhật từ trên các tàu nhìn xuống bãi tắm, thế nào cũng nói:

- Eo ôi, người ta rắc tro người chết xuống sông!

- Trời đất, mấy cái người Ấn đó thế mà không mắc bệnh nhỉ!

- Tôi xin chịu thừa. Hôi hám như thế mà họ cứ tỉnh bơ.

Lần này, anh thế nào cũng lại phải nghe những câu khinh dễ, những lời đầy thiên kiến như thế, nhưng để đến chiều thì thoải mái hơn.

Đổi lại, anh lại đưa khách đến đền Vishvanàtha đầy sắc thái Ấn Độ dưới cái nhìn của người Nhật Bản, nằm trong xóm Đền chật hẹp. Quán xá như ở chợ trời, nằm dọc hai bên ngõ hẻm, bày bán đủ thứ lạ kỳ. Có sạp người ta bán một loại nước cốt từ những lóng mía rửa trong xô, rồi cho chạy qua một cái trục. Có quán bán nước dừa, người ta dùng dao phay phạt một mảng đầu trái dừa và đút ống hút vào cho khách thưởng thức. Tiệm bán thuốc lá bán một loại lá cây tằm với cau và các hương liệu.

- Đây là một loại trà. Hơi cay nhưng có quý vị nào muốn dùng thử một miếng cho có kỷ niệm, để về còn kể cho người ở nhà không?

Chuyến nào cũng vậy: cũng quán ấy, cũng chũng ấy lời giải thích trước cửa quán có con chó đang liu riu ngủ; anh vừa cười vừa lịch thiệp nói:

- Cái thứ này người Ấn gọi là *pàn*. Chỉ cần nhai một chốc mồm miệng sẽ đỏ quạch.

Một nam du khách giỡn giỡn bỏ một miếng vào miệng, thế rồi nhăn nhó hít hà vì cay. Mấy bà thấy thế cười rộ lên. Tiếng máy chụp hình nghe cạch cạch. Có người đàn ông cởi trần gánh thùng đi qua bên cạnh.

- Đó là người bán sữa chua.

- Tôi muốn mua lựa Ấn Độ, đây có chỗ nào bán không?

Nắng càng lúc càng gay gắt. Trong đám du khách, anh Enami có hơi để ý đến Mitsuko. Anh bị lôi cuốn bởi khuôn mặt nghiêng nghiêng đang

đội mũ rộng vành và đeo kiếng mát của cô. Cô không có cái vẻ khinh khỉnh hay ích kỷ của các nữ du khách khác và lúc nào cũng mỉm cười.

“Người phụ nữ này... nếu mà mình ngủ cùng cô ấy...” anh Enami vừa ngấm khuôn mặt nghiêng của cô vừa tưởng tượng, “về mặt của cô ấy sẽ như thế nào nhỉ?”

Tính từ khi làm nghề hướng dẫn cho tới nay, anh Enami đã ngủ với hai nữ du khách. Họ vào lứa tuổi trung niên và có chông con đàn hoàng. Có cái gì đó cứ kích thích dục tính, âm ỉ trong cái không khí nóng bức xứ Ấn. Bầu không khí kỳ lạ của Ấn giáo cũng có cái rậm rịt ấy. Đôi lúc vừa ngấm Mitsuko, anh Enami vừa tự hỏi không biết cô nàng đã dây dưa với những kiểu đàn ông như thế nào.

Bữa trưa sớm hơn thường lệ kết thúc thì đã một giờ. Ăn xong lên xe đi Nakshar Bhagavatì. Ngôi đền mà đa số khách cảm thấy chán và chỉ có một số ít người cảm thấy hứng thú này không nằm trong chương trình du lịch thông thường; chỉ có anh, đặc biệt, muốn đưa khách tới xem.

- Tên của ngôi đền có nghĩa là Người Nữ Ban Phước. - Anh Enami giải thích như thế, khi tập hợp cả nhóm vào trong hần đền thờ tối om. Chỉ vừa bước chân vào, đã nghe mùi đá vôi nóng nảy bức bối. Trong đền chất ngất cái không khí tình dục rậm rịt của Ấn Độ.

- Chữ *bhaga* trong tên đền Bhagavatì có nghĩa là bộ phận sinh dục của người nữ. - Anh Enami làm ra vẻ ngây thơ giải thích.

- Ba ga mà nóng như bếp ga thế này thì cưới lên cũng khó dữ! - Một anh đàn ông lên tiếng.

Hai ba người gì đó cười khi nghe anh chàng nói nghịch nhưng Mitsuko vẫn không lộ vẻ gì ra mặt.

- Tôi mạn phép đưa quý khách đến đây để cho quý vị cảm nhận được một phần Ấn giáo. Tôi cắt nghĩa thì cũng được, nhưng những hình tượng của các nữ thần khắc trên tường sẽ giúp cho quý vị cảm nhận được những tiếng rên rỉ, những nỗi bi thương và các mối âu lo hãi sợ của con dân Ấn Độ hơn. Nếu quý vị muốn biết thêm gì, tôi sẽ giải thích.

Một số khách, đàn ông lẫn đàn bà, không chịu được cái nóng bên trong h ầm, chẳng hề nhích thêm một bước vào. Mấy người Nhật chỉ quan tâm đạo Phật nên chẳng thấy thích mà cũng không để ý gì đến các thần linh Ấn giáo. Các vị đó chẳng qua chỉ là những mảng hình tượng dư dấy, không chút liên quan.

Nhóp nháp. Tối om. Mấy cái hình chạm xấu xí chồn vờn. Trong cái vẻ xấu xí của các hình tượng đó, chứa cả nỗi căm ghét khi phải nhìn thẳng vào những gì đang nằm quằn quại dưới đáy ý thức.

Họ bước xuống cầu thang đã mòn vẹt. Mitsuko, trong một thoáng, cảm thấy như đang đi vào cõi lòng mình. Cô thấy sự sung sướng và lắng lo đang ch ồng chéo vào nhau như dùng máy nội soi nhìn vào sâu trong tim.

Nghe sau lưng có tiếng ông Isobe thở phì phò. Nóng quá mà! Ông Numata và các người khác vẫn tiếp tục bước.

- Quý vị bước cẩn thận!

Bóng đèn điện u ám làm cho các bức tường ám khói trông giống như vách hang động. Những hình tượng đen ngòm quăn xà nọ vào nhau

như những rễ cây, trông thật tục tũn, cứ thấp thoáng trước mắt. Các người Nhật im thin thít, những bức tượng chẳng nhúc nhích một mảy.

Khi mắt đã bắt đầu quen, họ mới nhận ra là những chỗ như nam nữ quăn lấy nhau đó chỉ là những tay những chân cuộn vào nhau. Từ từ, họ thấy đó là các nữ thần trong tay cầm những đầu và sọ người, đội các loại nón kỳ dị, cưỡi trên các loại thú như hổ, sư tử, heo rừng và trâu.

- Tất cả cũng chỉ là một nữ thần sao?

Nghe Mitsuko hỏi như thế, anh Enami rà lại bên cô; nghe có mùi mồ hôi hăng hắc từ cái thân thể mỡ màng của anh, xuyên qua áo sơ mi cụt tay.

- Không không, khác nhau chứ cô. Thế cô có muốn biết tên các vị thần không?

- Dù anh có chỉ giáo cho tôi, tôi cũng chẳng nhớ được vị nào ra vị nào. Tôi thấy giống nhau quá.

- Nữ thần Ấn Độ không phải chỉ có dáng dấp hiền lành, nhiều khi còn rất dữ tợn nữa là đằng khác. Có lẽ vì họ tượng trưng cho mọi hoạt động của sự sống, bao gồm cả Sinh lẫn Tử.

- Cùng là nữ thần nhưng lại khác xa Đức Mẹ Maria nhỉ?

- Vâng, khác lắm. Đức Mẹ Maria là biểu tượng cho người mẹ, nhưng các nữ thần Ấn Độ lại tượng trưng cho động năng của Thiên nhiên ngất ngây với máu và cái chết.

Các ông lẳng lẳng nghe mẫu đối thoại giữa anh Enami và Mitsuko. Họ chẳng hề bị bất cứ điều gì ở các nữ thần xấu xí đến độ kỳ cục kia hớp hồn. Vì hai tiếng “nữ thần”, các ông cứ nghĩ sẽ gặp những hình tượng đầy mẫu tính và dịu dàng. Đã thế, đầu mặt họ lại đầm đìa mồ hôi vì phải ở trong cái hầm nóng như nung thế này.

- Vào đến đây sự vui sống và niềm hy vọng làm sao đâu mất tiết. - Ông Numata mỗi một thần thì một mình. Thiên nhiên trong các câu chuyện đối thoại của ông từ trước tới nay không đáng sợ và hoang dại như thế này; trái lại nó êm ái ấp ủ con người.

Ông Isobe cũng vậy, ông chẳng thể thấy được một vẻ gì dịu dàng nơi những nữ thần chôn trong tường kia. Mặc dù thân thể ai nấy phơi bày những bộ vú căng đầy, những chiếc hông nóng nín hình tượng trưng cho đất đai màu mỡ, nhưng đâu chẳng có gì giống với nụ cười của người vợ quá cố.

Ông Kiguchi chẳng những hình hài như ma đối của các chiến sĩ Nhật lê gót trên Đường Tử Thần ở Miền Điện lên trên những bức tượng xấu xí đen đúa kia và tay vừa lần đạo tràng, vừa lầm nhẩm một câu trong kinh A Di Đà:

*Nhất thiết thế gian,
Thiên, nhân, A Tu La đẳng
Văn Phật sở thuyết
Hoan hỉ tín thụ...
Khắp cùng thế giới,
Thánh nhân quý thân
Nghe Phật giảng dạy
Đều vui tin, nhận...*

- Ôi, nóng quá! Ra ngoài một chút được không anh?

Ông Numata chịu không nổi, nói.

- Chỉ còn một nữ thần nữa mà thôi. - Anh Enami ngắt lời ông Numata. - Bây giờ mời quý vị xem tượng nữ thần mà tôi rất thích. - Rồi anh đưa tay chỉ vào một thứ giống như thân cây cao không quá một mét.

- Đèn đóm mù mờ, xin quý vị xích lại gần một chút. Nữ thần này có tên là Chàmundà. Bà sống trong vùng mộ địa. Cho nên dưới chân bà có những đầi và sọ người bị sói ăn, chim rĩa.

Những giọt mồ hôi lớn trông như những hạt lệ từ người anh Enami nhỏ xuống nền lấm tấm vết nứt tàn.

- vú nữ thần nhăn nheo như vú bà già, nhưng bà đã vắt sữa từ đôi vú nhăn đó cho đàn con đang đứng trước bà. Chân phải nữ thần, chắc mắc phải phong cùi, sưng mủ, sưng vù. Bụng hóp vì đói, đã thế lại bị bọ cạp bu vào chích ở đó. Tuy phải chịu bệnh tật, đau đớn như thế nhưng bà vẫn cho loài người những giọt sữa từ đôi bầu vú héo hon.

Anh Enami, một giờ trước đây còn chuyện trò lịch thiệp, đột nhiên bây giờ mặt mày lại nhăn nhó khổ sở. Những hạt mồ hôi chảy xuống trên má như những giọt nước mắt. Mitsuko, ông Kiguchi lẫn ông Numata sửng sốt và cùng lúc không thể không cảm nhận được rằng người đàn ông này có một niềm tin gì đó về vị nữ thần trông như rễ cây vắn vẹo này.

- Tôi thích bức tượng nữ thần Chàmundà này lắm. Mỗi lần trở lại thành phố này, tôi đều dành thời giờ đến viếng cho bằng được.

- Tôi cũng thích. - Không ngờ ông Kiguchi lại cất tiếng, giọng đầy xúc động. - Tôi đã từng suýt chết ở chiến trường Miến Điện và khi nhìn bức tượng nữ thần gầy rạc này, tôi lại nhớ đến các chiến sĩ Nhật Bản đã nằm chết dưới mưa. Cuộc chiến ấy... chưa xót quá! Và hình dáng của những người lính ấy cũng như thế này đây.

- Bà... là biểu tượng cho mọi thống khổ của người dân Ấn. Bệnh tật, chết chóc, đói khát, mà đã từ bao ngàn năm người Ấn phải nếm trải, hiện ra trên bức tượng này. Bà khoác lên mình những bệnh tật mà họ đã chịu đựng trong suốt một thời gian dài, và bà còn chịu cả những nọc độc bọ cạp, rắn hổ. Vậy mà... bà vẫn vừa thở hào hển vừa hiến dâng cho con người những giọt sữa từ đôi vú teo khô. Đó là Ấn Độ. Tôi muốn chỉ cho quý vị thấy một đất nước Ấn Độ như thế.

Anh Enami, như cảm thấy xấu hổ vì đã dằn trải tâm tư của mình cho mọi người như thế, đưa chiếc khăn mùi soa lớn lau mạnh khuôn mặt đầm đìa mồ hôi. Khi giải thích về nữ thần, anh ngẫm nghĩ Ấn Độ, thực ra anh nghĩ tới mẹ anh, bị chôn bỏ rơi, đã chịu thương chịu khó nuôi anh.

- Vậy là, nữ thần này khác với các vị nữ thần khác... Bà giống như Đức Mẹ Maria của Ấn Độ phải không?

- Cô nói hợp tình hợp lý lắm. Nhưng nữ thần này không tinh khiết, cũng không thanh nhã như Đức Bà Maria đâu, và áo xống cũng chẳng đẹp đẽ gì, trái lại, bà già khom, xấu xí, rên xiết dưới gánh nặng cay. Xin quý vị để ý nhìn vào đôi mắt của bà. Mắt bà trợn trừng, chứa đầy thống khổ. Bà cùng khổ đau với con dân Ấn. Người ta tạc tượng bà vào thế kỷ thứ mười hai, nhưng cho tới nay khổ đau chẳng có gì thay đổi. Nữ thần Chàmunda đầy mầu tím đó khác với Đức Mẹ Maria của Kitô giáo.

Mọi người lặng thinh nghe anh Enami nói. Và rồi mỗi người đắm mình trong dòng tâm tư riêng.

- Thôi chúng ta đi ra. - Anh Enami hối thúc mọi người. - Những người khác chờ chúng ta chắc đã mệt rồi.

Khi anh Enami chuẩn bị bước chân đi, ông Isobe và ông Kiguchi liền tiến đến bên cạnh, trân trọng chung lời:

- Cảm ơn anh đã chỉ cho chúng tôi thấy những thứ thật thú vị.

Ông Kiguchi lại nói thêm:

- Khi bước xuống hầm đền... lần đầu tiên tôi hiểu tại sao Đức Thích Ca đã xuất hiện trên đất nước này.

-Ồ, như vậy sao!? - Anh Enami tỏ ra vui mừng thực sự. - Ông đã nói thế thì chuyến đi ngày mai sẽ có ý nghĩa lắm, khi tôi sẽ chỉ cho quý vị thấy nơi Đức Phật sau khi giác ngộ đã xuất hiện với các đệ tử đầu tiên.

Vừa ra khỏi đền, ánh nắng gay gắt đã đập ngay vào trán. Vợ chồng Sanjou và các bà các cô, những người không đi vào hầm đền như hang động đó, lúc này đã mua Coca-Cola và nước dừa trái ướp lạnh uống trong xe buýt du lịch có gắn máy lạnh.

- Sao, trong đó như thế nào? - Sanjou hỏi.

- Mồ hôi mồ kê đầy mình thế này đây! - Anh Enami, trở nên lịch thiệp như trước khi vào đền, trả lời.

Sanjou vừa cười, vừa nói:

- Cho nên anh thấy đó, tôi chẳng tội gì mà vào. Gì đi nữa cũng chỉ là các tượng Phật bụi bặm.

- Không phải tượng Phật đâu anh, tượng các nữ thần.

- Thì cũng một thứ. Thế chúng ta có đi đâu nữa không?

- Đi thăm sông Hằng linh thiêng.

- Em đã muốn đi xem sông Rhine mà lại. - Vợ Sanjou ngây thơ nói.

- Nhất là trên đó chẳng nóng như dưới này.

- Cuối cùng chúng ta cũng đến sông Mẹ Hằng Hà.

Khi đã nghỉ ngơi được một chút trong xe gắn máy lạnh, anh Enami đưa micro lên miệng nói.

Tiếng Mẹ làm cho các vị khách nghĩ đến hình ảnh vị nữ thần vừa cho con bú vừa phải chịu đói, chịu bệnh, rắn độc, bọ cạp chích ở trong hân đên tối om mà lúc này một số người đã bước chân vào. Mẹ Ấn Độ. Bà không phải là một bà mẹ hiền từ, có da có thịt mà là một lão bà chỉ còn da bọc xương, thoi thóp sống. Dù gì đi nữa, bà vẫn là một người mẹ.

- Tôi đưa quý vị đến đây là có ý chuẩn bị tư tưởng cho ngày mai. Ngày mai, khi nắng vừa hé sau mây, chúng ta sẽ khởi hành. Bây giờ tôi sẽ giới thiệu cho những vị không tham gia ngày mai do không dậy sớm được.

- Thế thì sớm mai có gì hay ho không? - Sanjou hỏi lớn.

- Không phải hay ho mà là linh thiêng. Khi nắng vàng óng ả cắt đôi màn tối, thì như nhận được tín hiệu, khách hành hương đã tụ về thành phố này sẽ đến tụ tập ở các bến sông. Họ tranh nhau dấn mình trong dòng sông Mẹ. Sông Mẹ đón nhận kẻ chết cũng như người sống. Linh thiêng là ở chỗ đó.

- Bộ họ tắm cạnh những nơi người ta thả tro người chết thiệt hả?

- Đúng thế.

- Eo ơi! - Cô vợ trẻ Sanjou nói với chồng. - Gì mà dơ quá vậy! Mình đừng có đi xem.

- Vâng, vâng, vâng, thì cứ ở lại trong xe. Không thể để cô khó chịu được. - Anh Enami gật đầu cười như muốn nói như thế là cực kỳ chính đáng. Sanjou bênh vợ:

- Bộ mấy người Ấn Độ không coi đó là dơ dáy hay sao?

- Hoàn toàn không. Như tôi đã nói nhiều lần, người Ấn coi sông Hằng là dòng sông Mẹ linh thiêng. Cho nên ngày ngày họ vẫn tiếp tục đi xe lửa hoặc lội bộ đến thành phố này, để một ngày nào đó được hòa vào dòng sông. Kia quý vị hãy trông ra ngoài cửa sổ: Một lão hành giả chống cây gậy dài bằng cành cây khô đang qua ngã tư.

Ông lão gầy xò, trông giống như một con quỉ đầu bạc, đang bị cuốn vào dòng người.

- Đây là thành phố người ta đến để chết. Có nhiều đường dẫn tới thành phố này, như đường Panch Koshi, Raja Motichand, Raja Bazar chẳng hạn. Khách hành hương từ Đông, Tây, Nam, Bắc đến đây để cuối cùng

được chết ở đây. Xem kia, có lẽ là xe buýt, xe hơi đưa họ đến đây. Những kẻ không thể đi xe, thì nhân nhả lộ bộ đến đây như ông lão kia. Ở một nước như Nhật Bản có những con đường hành hương như thế này chẳng? - Anh Enami nhấn mạnh. - Không, hoàn toàn không có.

Đây là con đường dẫn tới cái chết. Nghe nói thế, ông Kiguchi lại nhớ tới Đường Tử Thần ở Miến Điện. Khuôn mặt của những binh sĩ đã chết, má sọp xuống, lớp lớp thương binh gục ngã rên xiết bên đường. Con đường ông đã đi như kẻ mộng du thất thểu; con đường với hy vọng mong manh, chỉ cần đi qua nó sẽ sống sót. Liệu ông lão hành giả này có hy vọng, nếu đến được sông Hằng sẽ được tái sinh không?

Trong đoàn người lữ nhữ, ông Isobe thấy có một vài bé gái đi chân không. Một cô bé len lỏi giữa đám dê, bò, rồi biến mất dạng. Một đứa đang đứng trước quán bán bánh trái chiên, và với đôi mắt đói khát, nhìn ông chủ quán đang dùng đôi đũa vớt bánh ra.

“Mình nhớ đi kiếm em... tìm được em... Mình hứa đi! Mình hứa đi mình!” Lời trối trăng mê sảng của vợ lại vắng vắng bên tai ông.

Ông đã tính sẽ nói với anh Enami và một mình lưu lại Vārāṇasī. Cứ theo như chương trình thì, bắt đầu từ ngày mai, họ sẽ đi viếng các Phật tích, đầu tiên là Sarnath nơi Đức Thích Ca thuyết pháp lần đầu.

“Tôi sẽ đi kiếm mình mà! Cứ ráng đợi tôi nghe!” Ông Isobe cứ thì thào trong lòng như thế không biết bao nhiêu lần.

- Có nên đi hay là bỏ? - Ông nghe như có hai người phụ nữ xì xào phía sau lưng.

- Đi chứ. Tôi đã bỏ ra bốn nghìn đi đến đây, mà chẳng đi xem rồi về kể cho mọi người nghe thì uổng lắm.

Xe tới bến sông Dashashvamedha, du khách Nhật tuấn tự xuống xe. Vợ Sanjou ngồi lại. Bến sông là các bậc thang dẫn xuống sông.

Ngay lập tức, bọn trẻ con ăn mỳ bâu quanh họ. Chúng quần quai đau đớn, và ra dấu bỏ cái gì đó vào miệng. Có đứa bé gái bị cùi bò lê lết, giờ bàn tay ngón đã rụng ra nhằm khích động lòng thương xót của những người Nhật. Sanjou cho một ít tiền lẻ và nói to cổ ý cho mọi người nghe: 'Tại sao người ta lại không cho bọn này vào trại tế bần?'

Anh Enami vừa cười vừa nói:

- Người Nhật đến Ấn Độ này ai cũng hỏi giống như thế. Nếu những đứa bé này mà vô viện tế bần thì cả nhà chết đói. Chúng là nãi cơm của cả nhà mà lại. Mấy đứa bé tàn tật và cả con nhỏ cùi đầu là những cánh tay kiếm ăn đắc lực đấy.

- Ôi, cái xứ gì mà gian ác quá! Ai đứng đầu nước này vậy?

- Anh không biết à? Bà chính là nữ thủ tướng Indira Gandhi, người khiến người ta liên tưởng tới Mẹ Hằng Hà. Bà là con gái của thủ tướng Nehru. Người ta còn gọi bà là quốc mẫu của Ấn Độ.

Quán trọ dành cho khách hành hương, dinh thự của các vương hầu, đền đài miếu mạo chẳng có hàng lối, màu sắc hình dáng tạp nham; chen giữa là quán bán hoa vụn thợ người ta mua rải xuống sông.

Khi len lỏi qua khỏi đó, bỗng dòng sông hiện ra.

Sông hắt nắng xế trưa, uốn khúc mềm mại. Mặt nước đục xám. Nước sâu không thấy đáy. Dân chúng và những người bán hàng vẫn còn nơi bến sông. Có thể biết được tốc độ thủy lưu nhờ một vật màu xám bập bềnh trên mặt sông ngoài xa. Khi cái vật nho nhỏ đó từ từ trôi tới gần, người ta thấy đó là xác một con chó lớn đã sinh trưởng. Nhưng chẳng có ai ngó ngang đến. Dòng sông Mẹ ôm ấp không phải chỉ con người, mà còn tất cả mọi sinh vật.

Ở những chỗ nông, một số đàn ông, đàn bà đập vỗ quần áo trên đá và phơi trên dây căng trên bờ sông. Họ thuộc tầng lớp tiện dân *dobhi* chuyên nghề giặt quần áo. Ở cầu thang đá đi xuống dưới một đạo sĩ Bà la môn già đeo kiếng, đầu cạo trọc, che một cái dù lớn đang chờ khách. Cạnh đạo sĩ là một người đàn ông ngời bán bột son đỏ như máu. Ông đạo sĩ chấm một chấm tròn thứ bột này lên trán các tín đồ Ấn giáo và chúc phúc cho họ.

Anh Sanjou chừng như quên tiết chuyện cau có, khinh dễ lúc nãy, cứ đưa chiếc máy ảnh “chiến” đi bộ vòng vòng chụp phong cảnh.

Anh Enami vội la lớn:

- Anh Sanjou! Chúng ta gần đến nơi thiêu xác, và người ta, đám này đến đám khác, sẽ khiêng các tử thi đến bến sông. Xin anh đừng có chụp vì làm như thế tang gia họ sẽ rất phẫn nộ.

- Không được chụp các tử thi? Tôi biết chuyện đó rồi. Chính vì thế mà tôi lại muốn chụp. Như một nhiếp ảnh gia chính hiệu.

- Không phải chuyện đùa đâu nghe anh. Tuyệt đối không được! Anh sẽ gây rắc rối cho mọi người.

Y như lời anh Enami nói lúc nãy, một đoàn đàn ông thực hiện nghi lễ đám ma xuất hiện ở bên sông. Họ gánh hai cái đòn dài khoảng ba mét, trên buộc một vật có vẻ là xác người chết cuộn trong một tấm vải màu đỏ nhạt, quấn những tràng hoa vàng chói và đặt bên cạnh sông, rồi kiên nhẫn chờ tới phiên. Có lẽ đánh hơi được mùi tử khí nên trước hết là ruồi bu lại rồi kẻ đến, không biết từ lúc nào, từng bầy quạ bắt đầu rà rà gần đó. Nhưng gia đình người quá cố vẫn ngẩn ngơ và chẳng xua chẳng đuổi gì.

Sông vẫn lặng lẽ trôi. Sông hững hờ với những thi thể sẽ thành tro rải trong lòng nó, cũng như với những người đàn ông trong đám tang đang ôm đầu ngẩn ngơ bất động. Ở đây người ta cảm thấy chuyện chết là chuyện tự nhiên.

Ở bên sông khác có năm, sáu người đàn ông đàn bà đang tắm. Đàn ông mang khố vải trắng. Đàn bà thì vận *sari* màu sắc sặc sỡ, cứ mỗi lần dìm mình dưới nước, họ lại chấp tay, vốc nước súc miệng và gọi đầu ruồi quay lại bên sông. Cũng có kẻ tắm xong lại lên bậc thang nghỉ ngơi rồi lại tắm.

Trời dịu hơn. Ánh nắng lúc này chiếu trên những bậc thang, bây giờ bắt đầu từ từ thối lui. Nhưng dòng sông vẫn bất biến trôi xuôi.

- Đây là bãi hỏa táng. - Anh Enami chỉ bên sông Manikarnikà có khói màu vàng như khói lưu huỳnh đang bốc lên. - Những tòa nhà hai, ba tầng phía bên trái là nơi tá túc miễn phí cho những người già và người bị bệnh vô phương cứu chữa đến đây chờ chết. Một khi chết, họ sẽ được khiêng ngay đến bãi hỏa táng. Kẻ nào nghèo không có tiền mua củi thiêu thì người ta đem xác thả trôi sông.

- Lúc này không được chụp tử thi, bây giờ tôi có được phép chụp bãi hỏa táng không? Anh Enami, anh xin họ giúp tôi đi.

Anh Enami lắc mạnh đầu từ chối lời yêu cầu lì lợm của anh chàng Sanjou đam mê chụp ảnh.

- Không được đâu. Tuyệt đối không được.

- Thế thì mình cho họ tiền?

- Xin anh làm ơn đặt mình vào trường hợp những người có thân nhân qua đời. Làm thế là rất bất kính đối với tín đồ Ấn giáo và xác thân người quá cố.

Mitsuko, ông Isobe ngồi trên bậc thang đá, nghe giọng nói như giận dữ của anh Enami.

- Đi hưởng tuần trăng mật, mà anh chàng này lại cứ bỏ vợ một mình trên xe buýt, lo đi chụp ảnh. Thật không thể hiểu nổi!

Ông Isobe vừa nói vừa nhìn mặt sông đục màu sữa. Mitsuko nhớ lại trong tuần trăng mật, cô cũng đã bỏ chồng ở khách sạn Paris, đi Landes tìm thế giới của riêng mình.

- Tình nghĩa vợ chồng như của ông Isobe bây giờ hiếm lắm. Lặn lội đến cả cái xứ sở này để tìm cho được người vợ đã mất.

- Thì cô xem, những người Ấn Độ tắm trong dòng sông Hằng họ cũng tin vào tái sinh cả đó. Còn cô, cô đến thành phố này... có lẽ cũng để đi tìm...?

- Vâng, tôi thì có một người bạn đang sống ở đây. Gặp cũng được, mà không gặp cũng chẳng sao.

- Thế sao? Vậy người bạn của cô làm nghề gì?

- Tôi nghe đâu như anh ta đã trở thành linh mục.

- Linh mục? Linh mục mà lại sống ở thành phố của Ấn giáo? - Ông Isobe lộ vẻ ngạc nhiên.

Và rồi ông nghe anh Enami, ông Numata chuyện trò sau lưng:

- Những kẻ không được hỏa thiêu là những người nghèo không có tiền mua củi và những em bé dưới bảy tuổi. Thi thể các em bé được để lên bè sậy, còn những người nghèo thì cứ thế mà thủy táng.

- Thế mà cũng có cả những người câu cá nhĩ.

- Vâng, cái món cá câu ở sông này cũng thấy xuất hiện trên các bàn ăn trong các khách sạn thành phố. Dĩ nhiên họ làm gì để cho du khách biết. Thế chúng ta tức tắc v ề được chưa? Ngày mai lại đến sớm.

Chung quanh trời đã tối dần nhưng dòng sông vẫn hững hờ từ tốn trôi như lúc trước. Ông Numata cảm thấy dòng sông như thế giới bên kia của những người chết. Lòng ông nhớ lại một truyện đồng thoại ông đã viết từ lâu lắm.

Ông bà của Shinkichi sống trong một xóm nhỏ trông ra biển Yatsushiro. Ông của Shinkichi đã mất cách đây tám năm nhưng vào thời còn tráng kiện, ông là một người câu mực giỏi có tiếng và là một ngư phủ hàng đầu trong làng. Nhưng có đi đâu ông lại “hay tửu hay tăm”. Cha Shinkichi ưa lâu bầu là ông chết vì rượu.

Shinkichi sống ở Tokyo chẳng mấy khi về nhà ông bà. Ba năm trước đây, vào dịp lễ Obon cậu trở lại thăm vùng biển Ariake. Ngày nào cũng thật là vui: Ban ngày người anh họ tập bơi cho Shinkichi trên biển Yatsushiro lung linh nắng, ban đêm lại đưa đi câu đêm. Từ trong bến nhìn ra, đèn trên những chiếc thuyền câu mực kết chuỗi y như một cây cầu lửa. Vào đêm lễ Obon, bà nội và những người thân thắp đèn hoa đăng, và từ trên thuyền thả cho trôi.

Những chiếc đèn giấy thắp lửa bồng bênh trôi nổi nơi nơi trên biển.

- Ông nội đã trở thành cá và đang sống dưới biển. - Bà nội nghiêm trang bảo Shinkichi như thế. - Biển này là thế giới chúng ta sống sau khi chết. Khi bà trút hơi thở cuối cùng, bà cũng muốn được thả trôi trên biển này, trở thành cá, gặp lại ông nội.

Bà nội dường như thực sự tin đi đâu đó.

- Có thật như vậy không? - Shinkichi hỏi.

Người anh họ nghiêm trang trả lời:

- Thật chứ sao không. Mọi người trong vạn chài đầu tin là như thế. Anh có cô em gái chết khi còn học tiểu học, bây giờ đã thành cá lội dưới đáy biển này.

Ông Numata viết truyện này lúc mới tập tễnh cầm bút, vào thời còn học đại học, nhưng cho tới nay nó vẫn là một trong những tác phẩm ông thích nhất. Ông còn viết thêm là người ta đã xây một nhà máy gần vạn chài. Nước thải của nhà máy làm ô nhiễm biển, khiến loài cá phải khốn đốn và ngư dân nhiễm bệnh, nhưng ông nghĩ đã là truyện thiếu nhi thì không nên có những chi tiết khá chua xót ấy, và ông đã cắt đi. Dân làng kiện nhà máy đó, không chỉ vì đã xả nước thải là nguyên nhân của bệnh tật mà còn vì đã phá hoại thế giới thứ hai mà tổ tiên, ông bà, cha mẹ, anh chị em đã khuất đang sống trong lốt cá, và là nơi rồi họ cũng sẽ sống sau khi tái sinh. Ông Numata cũng muốn thêm rằng các nhà báo, vốn chẳng tin gì vào ba cái chuyện kiếp sau, khi viết bài chỉ nhấn mạnh vào sự phá hoại môi sinh và gây ra bệnh tật.

CHƯƠNG TÁM

Tìm điều đã mất

Âm thanh như tiếng kim loại cọ xát là tiếng chuông điện thoại cạnh bàn ngủ. Tiếng vang lạnh lạnh báo hiệu đã xảy ra chuyện bất thường. Mitsuko vươn cánh tay trắng trẻo bắt lấy ống nghe.

Giọng nói của hướng dẫn viên Enami:

- Cô Naruse có phải không ạ? Xin lỗi, đáng lẽ tôi không nên gọi cho cô vào giờ này nhưng ông Kiguchi bị lên cơn sốt nặng. Vốn biết du khách hay trúng bệnh tiêu chảy ở Ấn, tôi có chuẩn bị một số thuốc kháng sinh, đã cho ông ấy uống nhưng xem ra không mấy hiệu quả.

- Nhưng tôi đâu có phải là thầy thuốc.

- Tôi biết nhưng cô cũng đã từng làm việc trong bệnh viện phải không? Liệu cô có thể giúp ông ấy không?

- Anh đã liên lạc với lễ tân chưa?

- Ai chà, mấy người đó thì vô tích sự. Cô gái trực ca đêm chẳng biết mô tê gì, chỉ nói là sáng mai sẽ liên lạc với bác sĩ. Vì vậy, bây giờ tôi

sẽ liên lạc ngay với bệnh viện trường đại học mời bác sĩ tới, nhưng trong thời gian chờ đợi xin cô làm ơn canh chừng ông Kiguchi giúp tôi được không?

Mitsuko vội vã mặc quần áo và đi nhanh xuống hành lang. Ba giờ sáng, trời tối om. Trên tường hành lang có con cắc kè bám chặt như được dán vào đó. Tiếng côn trùng ngoài kia kêu như nước lụt. Anh Enami, mặt bơ phờ mệt mỏi, chân gác lên chiếc xô pha đã cũ mòn cạnh quầy lễ tân, đang nhắm mắt, miệng há ra. Muỗi đậu trên tường như những con côn trùng bị ghim lên đó. Cô gái ở quầy lễ tân vừa lật cuốn tạp chí cũ vừa há miệng ngáp chẳng cần dè giỡn.

- Ồ.

Anh Enami mở mắt ra và bật dậy như một con búp bê có lò xo.

- Công việc hướng dẫn viên cũng vất vả thật nhỉ!

- Vâng, thì thỉnh thoảng cũng bị như vậy. Nhưng thường thường du khách cứ trị bằng thuốc kháng sinh đầu ỏn cả.

- Tình trạng ông ấy ra làm sao rồi?

- Nói chung là sốt cao. Tôi nghĩ là ông ấy bị trúng thực do ăn cá hời sông Hằng như nhiều người trước đây đã bị.

Chân trần đeo dép ngủ loẹt xoẹt, anh Enami đưa Mitsuko leo lên cầu thang. Phòng ông Kiguchi ở lầu hai, nằm phía hành lang đối diện với phòng Mitsuko.

Anh Enami mở cửa phòng và bật điện, rồi nói:

- Ông Kiguchi, tôi sẽ chạy đi mời bác sĩ, và trong thời gian chờ đợi, cô Naruse đây sẽ trông chừng ông. Cô ấy từng làm việc tình nguyện ở nhà thương nên ông cứ an tâm.

Ông Kiguchi nắm chặt cả hai mép chăn, trùm kín tới nửa mặt, thì thào:

- Xin lỗi đã làm phiền cô.

Xem ra thân nhiệt ông rất cao, cơ thể run nhè nhẹ. Dù ánh đèn điện mờ mờ nhưng cũng thấy được khuôn mặt đang ướt đẫm mồ hôi.

Tiếng chân anh Enami xuống lầu nghe xa dần phía dưới hành lang, chỉ còn ông Kiguchi và Mitsuko trong phòng. Vì chiếc khăn tắm nhìn có vẻ dơ dáy nên Mitsuko trở lại phòng mình đưa chiếc khăn riêng và dầu thơm sang, và khi trở lại thấy ông Kiguchi vẫn run.

- Để tôi lau mồ hôi cho ông.

Hơi nóng và mùi mồ hôi bốc vào mũi Mitsuko, làm cô trong một thoáng nhớ tới mùi của các bệnh nhân thời cô còn làm tình nguyện. Cô biết phải đỡ và lau họ như thế nào. Dầu thơm làm bớt mùi hôi và giúp giảm nhiệt phần nào đó.

- Tôi làm phiền cô quá!

- Không sao, ông đừng ngại.

- Hồi còn ở trong quân đội tôi bị trúng bệnh sốt rét; có trị khỏi bằng kí ninh nhưng có thể lần này tái phát.

Cô vừa lau bộ ngực gầy sọp của ông Kiguchi vừa nghĩ tới chứng bệnh ông già vừa nói ra. Cơn rét dữ dội và run rẩy lại tấn công ông; dù trùm kín chắn, răng vẫn va vào nhau lập cập.

- Ngày nay người ta không dùng kí ninh nữa. Thuốc Primaquine còn công hiệu hơn rất nhiều. Chắc hẳn bác sĩ Ấn Độ cũng biết loại thuốc Primaquine đó.

Ông Kiguchi, miệng đã gở hàm răng giả ra, hỏi:

- Thưa cô, thế bác sĩ cũng đến khám chứ?

Mitsuko mỉm cười gật đầu, vẫn nụ cười giả lả của khuôn mặt những ngày “thương vò” trong bệnh viện:

- Ông hãy nhắm mắt lại... ngủ đi. Không sao đâu. Tôi sẽ ngồi đây trông chừng ông.

Cô cầm bàn tay người bệnh và xoa trên mu bàn tay. Cử chỉ này cũng là một cử chỉ “thương vò” cô thường làm trong thời gian làm việc thiện nguyện. Ông Kiguchi phó mặc cho Mitsuko.

Khoảng nửa tiếng sau, loáng thoáng như có tiếng xe trong vườn. Mitsuko đóng tai nghe:

- Xe đến! Hẳn là anh Enami và bác sĩ. Mau quá, thật không ngờ.

Ông Kiguchi nhắm mắt mệt mỏi. Có ánh đèn đầu xe rọi qua khung cửa sổ, giống như đèn kéo quân.

Mitsuko mở cửa phòng chờ hai người. Người thầy thuốc đi vào; anh ta là một người Ấn Độ trẻ ở độ tuổi ba mươi, đeo một cái kiếng không

gọng giống như kiếng của Gandhi. Anh ta áp ống nghe bệnh như ép cả lồng ngực ông Kiguchi. Thế rồi, cứ tưởng Mitsuko là vợ người bệnh, anh ta xưng hô “thưa bà!” với cô và hỏi liệu chuyện trích máu làm xét nghiệm và chích thuốc có gì trái với những điều cấm kỵ trong tôn giáo của bệnh nhân không. Anh ta nói giọng Anh chuẩn; cô nghĩ anh ta trước đây có lẽ đã du học ở Luân Đôn.

- Ông ấy bị sốt rét à? - Anh Enami hỏi, nhưng người thầy thuốc chỉ nhún vai, chích thuốc hạ sốt, sau đó hút máu vào một ống nghiệm nhỏ. Xong đầu đó, anh ta đưa mắt ra hiệu cho anh Enami, rồi ra ngoài hành lang.

Cuối cùng, anh Enami, đôi mắt đỏ ngầu, hấp háy, vẫy Mitsuko ra:

- Gay go thật. Nếu bị sốt ác tính hay sốt rét thì phải đưa vào bệnh viện. Nhưng chiều nay tôi phải đưa quý khách đến Bodh Gaya. Dĩ nhiên tôi sẽ không thể bỏ mặc ông Kiguchi trong bệnh viện, nên tùy tình hình tôi sẽ đưa ông ấy vào viện rồi kêu người Nhật nào đó của công ty ở Calcutta đến đây, nhưng người ta không thể nào đến trước đêm nay.

- Nhưng, từ trước tới giờ anh đã gặp tình huống bất ngờ như thế này rồi chứ?

- Có đấy. Nhưng chỉ có bệnh tiêu chảy, đau bụng; thuốc kháng sinh đầu trị được cả. Đây là lần đầu có người bị sốt rét.

Mitsuko yên lặng một lúc rồi nói:

- Có cần tôi ở lại với ông ấy không?

- Thật chứ?

Anh Enami tròn xoe mắt nói. Nhưng rõ ràng anh đã mong trong lòng như thế.

- Cô có nhã ý như thế thì tốt quá. Cô còn có thể nói chuyện với họ.

- Tôi nói tiếng Anh kỳ lắm! Nhưng tôi cũng ráng xoay xở cho tới khi có người Nhật từ Calcutta đến như anh nói.

- Cảm ơn cô, nhờ cô giúp cho. Chắc chắn ngày một tôi sẽ trở lại, cho nên cô chỉ phải chịu khó hai ngày thôi. Dĩ nhiên tôi sẽ liên lạc với công ty, xin họ trang trải cho cô chi phí khách sạn ở Ấn Độ.

- Anh không cần lo chuyện đó đâu. Chẳng qua tính tôi không hợp với mấy linh địa như Budh-Gaya, nơi Thích Ca giác ngộ. Tôi thích ở lại cái thành phố hôi hám này hơn. Đúng ra tôi phải cảm ơn vì anh đã cho tôi ở lại đây mới phải.

- Tôi sẽ cho là cô nói thật đấy.

Mitsuko mỉm cười, nụ cười cố hữu nhưng lần này không phải để che giấu tâm địa cô. Khi đến Ấn Độ này, cái làm cho cô cảm thấy hứng khởi không phải là cái đất nước bao gồm cả sạch sẽ và dơ dáy, thần thánh lẫn dân ô, từ bi và tàn nhẫn cùng sống trộn lẫn vào nhau. Cô muốn được nán lại, dù chỉ một ngày, cạnh dòng sông mà ở đó mọi vật cùng trà trộn, hơn là xem những Phật tích đã nhờ Đức Phật mà trở thành linh địa. Cô nói nhỏ với anh Enami:

- Tôi sẽ nán lại chăm sóc cho ông Kiguchi. Sớm mai anh còn phải đưa khách đi đến sông Hằng, anh nên đi nghỉ một chút.

- Thế là cô không đi xem sông Hằng à?

- Ông Kiguchi ở trong tình trạng như thế này, không thể bỏ ông ấy một mình được.

Khi chỉ còn một mình, cô lại ng ồi bên ông Kiguchi đang ngủ mê mệ và nhìn xuống khuôn mặt móm vì đã gở hàm răng giả ra. Thật lạ lùng. Đêm nay ng ồi thức canh bên cạnh một ông già mà trước đây nửa tháng cô chẳng hề quen biết. Đêm Ấn Độ. Đêm giống như sự chết. Đêm mà Phật giáo vốn gọi là Vô Minh. Đêm sơn một màu đen mà người Nhật không thể nào lường tượng ra nổi.

Đột nhiên cô nhớ tới một đoạn trong cuốn *Thérèse Desqueyroux*. Đó là cảnh đêm Thérèse trông nom ch ồng bị bệnh. Một đêm tối đen không chút ánh sáng, không một tiếng động, giống như đêm nay. Thérèse nhìn ch ồng và đột nhiên bị một sự thôi thúc hắc ám tấn công.

Đó là cảnh mà Mitsuko rất thích. Sự thôi thúc cô cảm thấy không chỉ đêm nay mà cả khi cô nhìn khuôn mặt đang ngủ của ch ồng trong chuyến đi trăng mật. Một khuôn mặt đàn ông hi ền lành, ngoài công việc ra chỉ quan tâm tới xe và chơi golf. Khi nhìn vào khuôn mặt đó, lúc nào Mitsuko cũng nghĩ đến cảnh trong cuốn *Thérèse Desqueyroux*. Cô đã đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần những trang phản ánh một cái gì đó đen tối trong tâm tư cô.

Ông Kiguchi là ai, có vợ không, h ồi còn trẻ ông làm gì, tham gia chuyến đi Ấn này với mục đích gì, cô cũng chẳng biết. Từ New Delhi cho đến đây, cô chẳng hề quan tâm đến ông già, nhưng khi nhìn xuống khuôn mặt đang ngủ của ông lão mà cô chẳng có chút gì dích dắc này, cái cảm giác giống như Thérèse, trong một thoáng, lại lướt qua trong trí cô. Cái ý muốn phá phách ti ềm ẩn trong lòng cô như trong nữ th ần Kàlì.

- Chú Gaston! - Ông Kiguchi mê sảng rên rỉ. - Chú Gaston! Chú Gaston!

Mitsuko chẳng hiểu ông ta kêu gì. Cô lấy khăn lau mồ hôi rịn ra trên đầu ông già. Cô nhận ra thân nhiệt giảm xuống nhiều so với hai giờ trước đây. Đồng thời chính bản thân cô, cô cũng cảm thấy đời đã quá mệt mỏi. Và cô ng ã xuống ghế, nhắm mắt lại.

Không biết ngủ đã bao lâu nhưng khi nghe có tiếng chân của vài người d ãn đập ngoài hành lang, cô mở mắt ra. Trời sáng tự lúc nào không hay, và ánh nắng, ngỡ như nắng chiều, đã rọi qua cửa sổ. Có tiếng chim chóc kêu ngoài vườn. Người bệnh vẫn há miệng ngủ an lành. Khi sờ tay lên trán, cô thấy đã bớt nóng nhiều, chỉ còn mùi của thân thể ướt đẫm mồ hôi rơi rớt lại như mùi hôi sau một trận bão.

Cô nhón chân đi ra khỏi phòng và đụng ngay anh Enami và hai nữ du khách.

- Chúng tôi mới từ sông Hằng trở về. Cô đã vất vả rồi. Cách đây hai giờ, trước khi đi, tôi có nhìn ghé vào phòng, thấy cô đang còn ngủ, nên không rủ cô. Cô đã giúp đỡ cho tôi rất nhiều.

Anh Enami mắt vẫn còn vẻ đờ đẫn, nhưng hai người đàn bà lại khỏe khoắn linh lợi.

- Vất vả cho cô quá, cô Naruse! - Một bà hào hển kể lại. - Nhưng cô không đi thế mà hay. Bờ sông gì mà phân chó, phân bò bắt gớm, lại còn mùi thiêu xác người. Tôi chẳng thấy có gì gọi là trang nghiêm cả mà chỉ

thấy khó chịu thôi. Cô biết không, ngay chỗ người ta vừa mới rải tro người chết, mấy người Ấn giáo đó vẫn súc miệng, gọi đầu nữa chứ!

Anh Enami lúc nào cũng cố bào chữa cho nước Ấn Độ:

- Tôi đã nói nhiều lần, khi thấy những cảnh như thế, có hai loại phản ứng. Có người như bị hớp hồn nhưng cũng có người lại ghét thậm tệ. Ông Numata và ông Isobe xúc động lắm.

- Cũng thấy có một người Nhật theo Ấn giáo ở đó.

Hai người phụ nữ đồng thanh nói.

- Anh ta vận một cái khố vải bố giống như những tín đồ Ấn giáo, có phải thế không anh Enami?

- Vâng, loại khố đó gọi là *dohti*. Còn đàn bà thì vẫn sari.

- Anh ta giúp khiêng xác các tín đồ Ấn giáo tới bãi hỏa táng. Thấy mà sùng sốt cả người!

- Tôi cũng kinh ngạc quá sức, vì lúc đầu tôi cứ nghĩ anh ta là một chàng hippie mê cuồng nước Ấn nhưng anh ta lại nói anh ta hoàn toàn không phải là du khách.

- Mọi người đã nói chuyện với anh ta à?

- Vâng, chỉ nói được một chút thôi. Đi đâu làm tôi kinh ngạc nhất là anh ta nói mình là linh mục. Khi tôi hỏi tại sao là linh mục Kitô giáo mà lại khoác lên mình cái loại y phục Ấn giáo như thế, anh ta trả lời là, một khi đã đến Ấn Độ thì ăn mặc như thế là chuyện tự nhiên. Và cái xác anh ta khiêng là xác người không đồng xu dính túi gục chết bên đường.

Mitsuko yên lặng không nhìn vào mặt ba người một lúc rồi khảo khảo hỏi:

- Thế anh ấy tên là gì vậy?

- Chà... anh ấy chẳng xưng tên nhưng nói anh... hiện ở trong một *ashram* tại thành phố này. Tôi đến đây không biết bao nhiêu lần mà kể, nhưng gặp người Nhật thì quả là lần đầu.

- *Ashram*. - Giọng Mitsuko vẫn khàn.

- Tiếng Hindi có nghĩa là tu viện.

Ootsu. Anh chàng đó là Ootsu - Mitsuko ráng nén xuống những cảm xúc đang ứ trong lòng.

- Nhưng... cô có quen biết người đó à?

Mitsuko quay mặt đi, gật đầu.

- Tôi cho là... đó là người bạn học cùng... đại học.

Anh Enami cảm thấy có một cái gì đó không ổn, nhưng sau một lúc yên lặng, anh đổi đề tài và hỏi cô đã ăn sáng chưa.

- Tôi chưa ăn gì cả nhưng sẽ dùng đôi miếng. Trước khi đi ăn, tôi muốn tạt qua thăm ông Kiguchi một lần nữa.

Trong khi trở lại phòng ông Kiguchi, cô ngẫm nghĩ cảm xúc vừa xảy ra trong lòng.

Anh chàng Ootsu đó, người đàn ông đi đến đâu cũng chỉ gặp những bất bình và thất bại, lại đưa thân đến đây vác xác người đến bãi táng. “Nếu cô không thích cái danh xưng Chúa đó, thì gọi là Cử Hành cũng được thôi.” Giọng nói khàn đục pha lẫn cay đắng của Ootsu nói với cô bên bờ sông Saône, vẫn còn âm ỉ trong lòng cô như một cục than còn đượm. Anh chàng vẫn ngoan cố sống vì Cử Hành. Vì một điếu mà Mitsuko không thể tìm thấy.

Khi đã nhìn qua phòng ông Kiguchi xong, cô trở lại phòng mình, rửa mặt, rồi đi xuống phòng ăn. Những người Nhật đã xong bữa sáng, vì được thông dong cho đến trưa, đang đi tản bộ ngoài vườn hoặc đi ra ngoài đường. Ở trong phòng ăn, đương khi một người đàn ông Ấn Độ bảo những người giúp việc trẻ tuổi dọn các đĩa dơ, chỉ còn một người đang hút thuốc nhìn qua khung cửa, ngắm cây cối đan chằng chịt vào như tấm ren. Mitsuko chào:

- Chào ông.

- Chào cô, cô Naruse nhỉ. Tôi tên là Numata. Nghe nói cô sẽ ở lại đây để chăm sóc ông Kiguchi.

- Vâng, nhưng đúng ra vì tôi thích cái thành phố này.

- Vậy sao? Tôi cũng đã quyết định sẽ hội ý với anh Enami xin phép ở lại khách sạn. Sáng nay khi đến sông Hằng, tôi đã quyết định thế. Tôi sẽ không gây rắc rối cho cô đâu. - Ông Numata cười hiên lành.

- Cô biết không, tôi là người chuyên viết truyện đồng thoại. Một trong những truyện của tôi bối cảnh là biển Yatsushiro ở Kyushuu. Dân ở đó tin là khi chết người ta sẽ biến thành cá sống dưới biển. Biển là thế giới

bên kia của họ. Đối với những người ở đó, thì biển cũng giống như sông Hằng ở đây vậy.

Cảm thấy một người đàn ông say sưa với những chuyện kiểu như thế có cùng ở lại khách sạn cũng không sao, Mitsuko vừa nhâm nhi trà Darjeeling hời hợt mang tới vừa đáp:

- Có ông ở lại cùng tôi sẽ yên tâm hơn.

Thật là may, qua xét nghiệm, không thấy trong máu của ông Kiguchi có ký sinh trùng sốt rét. Sốt cao như thế là vì trời nóng, vì tuổi già mệt mỏi và bị nhiễm một loại vi khuẩn nào đó. Chẳng cần phải nằm nhà thương, chỉ cần nghỉ ngơi vài ngày là khỏe. Gần trưa, vị bác sĩ trẻ đã tới lúc sáng sớm gọi điện cho anh Enami nói như vậy. Mitsuko vẫn chưa yên tâm:

- Cái xét nghiệm đó có chính xác không vậy

- Tốt cả mà. - Anh Enami trả lời. - Tôi đã phải vất vả lắm mới mời được bác sĩ của bệnh viện đại học Vārānasī đấy. Như thế cô Mitsuko lại có thể tham gia chuyến tham quan được rồi.

- Không đâu, tôi sẽ vẫn ở lại đây. Tôi nán lại khách sạn hời hợt ông Kiguchi sẽ an tâm hơn.

- Thật là khó xử! - Anh Enami nói. - Ông Isobe, ông Numata và ngay cả cặp vợ chồng Sanjou cũng nói sẽ ở lại khách sạn. Cô vợ Sanjou nói là cô ấy không muốn phải đi lòng vòng xem Ấn Độ thêm nữa.

Dù có nói thế đi nữa nhưng nghĩ tới bệnh tình của ông lão, anh Enami cũng nghĩ như thế là tốt nhất. Như thế cũng khỏi cần kêu người Nhật khác từ Calcutta đến đây.

Hai giờ chiều, xe buýt đến đón khách đi viếng Bodh Gaya. Ông Isobe, ông Numata và Mitsuko ra tận cửa tiễn. Khu vườn khách sạn đột nhiên vắng lặng, chỉ còn tiếng cọt kẹt của chiếc đu trong gió hanh hanh.

- Vắng vẻ quá! - Ông Isobe nghe tiếng đu kêu cọt kẹt, chép miệng.

Trong vườn vắng bóng người, tiếng côn trùng rả rích cũng lặng đi, chỉ còn những âm thanh lao xao từ ga Cantt xa xa vọng lại. Ông Numata sức nhớ:

- Còn vợ chồng Sanjou đâu rồi?

- Tôi đâu có biết.

- Thế bây giờ các vị sẽ làm gì?

- Tôi thì... - ông Isobe lấp bắp, - tôi sẽ đi ra ngoài một chút.

Ông Numata không biết chuyện liền hỏi:

- Ông ra sông Hằng à? Tôi đi cùng ông được không?

- Không, thực ra là tôi có chuyện riêng nên muốn đi một mình.

Mitsuko hiểu ý, nháy mắt với ông Numata:

- Nếu ông Kiguchi đỡ hơn, ông Numata có thể đưa tôi đi xem sông Hằng được không?

- Được quá đi chứ! Tôi bắt đầu thích dòng sông đó rồi. Đi mấy lần cũng được.

Ba người ai nấy lên lầu hai nhưng Mitsuko và ông Numata ghé vào phòng ông Kiguchi.

Ông Isobe mở khóa phòng, ngẩng xuống chiếc giường cứng chưa có ai dọn và nhìn qua khung cửa sổ nắng chiều chói chang. Cô bé có cái tên Rajini Puniral, ở làng Kamloji. Cô bé mà Đại học Virginia đã báo cho ông biết.

Từ khi tới Ấn Độ ông nhớ tới vợ nhiều hơn thời gian ở Nhật Bản rất nhiều. Mặc dầu chỉ là những mảnh nhớ về những chuyện không đâu trong cuộc sống thường ngày.

Chẳng hạn, khi ông đang xỏ giày đi làm, vợ ông cất tiếng sau lưng:

- Bữa nay mình có phải về muộn không?

- Không, tôi sẽ về kịp ăn tối.

- Bữa tối em làm lẩu cá nhé?

- Tùy mình thôi, tôi ăn gì cũng được.

Những mẫu chuyện vặt vãnh như thế vào buổi sáng.

Hay cảnh vợ ông thoăn thoắt đan ren. Còn ông vừa nhìn tạp chí cờ vây, vừa sắp các quân cờ trên bàn cờ và thở dài:

- Tệ quá!

- Gì mà tệ vậy mình?

- Tôi chơi cờ vây đã năm năm, mà vẫn chưa lấy được nhất đẳng. Hôm nay lúc ăn trưa, tôi có chơi với Ishikawa. Cậu ấy chỉ mới chơi có ba năm mà đã d òn được tôi vào thế bí. Đúng là càng già đầu óc càng chậm.

Vợ ông ngừng tay đan ren, an ủi suông miệng:

- Nhưng mà mình đã nhờ đó mà giải trí mà. Đâu cần thắng thua, chỉ cần người chơi vui vẻ là đủ rồi, phải không mình?

Những mẫu đối thoại bình thường đó, trong khi vợ ông còn sống, ông chưa từng một lần nhớ đến. Những tình huống không hạnh phúc cũng chẳng bất hạnh, những cảnh như thế, không biết tại sao, ở một phương trời chi ều hôm lũ thứ như thế này, lại sống dậy làm buốt nhói tim ông. Vợ ông, một người vợ rất mực bình thường, và ông, một người chồng chẳng có gì hơn người. Sinh thời, vợ ông vốn là người k ềm giữ tình cảm nhưng trước khi mất, lần đầu tiên, bà đã để lộ ra một mảng tâm tư thật không thể ngờ.

Ông Isobe đeo giày chạy bộ, cầm chìa khóa, bản đồ, máy ảnh đi ra khỏi phòng.

Trong khi chờ tắc xi, ông hỏi người phụ trách quầy tiếp tân cách đến làng Kamloji. Có lẽ anh Enami đã dặn dò sao đó, nên người phụ trách quầy tiếp tân với khuôn mặt ngăm đen có bộ ria mép đưa ngón tay làm cái dấu tròn, nói với ông Isobe có vẻ đang lo lắng: “Cứ yên tâm, tôi sẽ bảo tài xế.”

Tắc xi đến. Khi ng ồi vào ghế xe nóng h ầm hập, ông cảm thấy b ần ch ần giống như đang trong cơn đau. H ồi vợ ông còn sống, ông không hề nghĩ đến chuyện tái sinh, dẫu chỉ một lần. Sau đó vì tiếng kêu van của vợ,

hai cái chữ “tái sinh”, “luân h ồi” xuất hiện giống như một chiếc xe lớn phóng tới trước mặt trong lúc không để ý, thay đổi phương hướng và đích đến của đời ông.

Tuy nhiên ông vẫn còn bán tín bán nghi. Ngay cả sau khi liên lạc với Đại học Virginia và nhận được bức thư của nhà nghiên cứu tốt bụng, nói cho ngay ra, ông vẫn chưa hết nghi ngờ. Đi đâu ông chắc chắn chỉ là tiếng vợ mình lúc đó. Đi đâu ông có thể tin là tình cảm gắn bó với người vợ ông đã giấu kín trong lòng. Và bây giờ nếu có ai hỏi ông giá kiếp sau là có thật ông sẽ lấy ai, ông sẽ không ngần ngại nói đó phải là người vợ đã qua đời của ông.

Mitsuko gọi điện thoại đến phòng ông Kiguchi.

- A lô! - Ông Kiguchi khẽ khàng trả lời ngay.

- Ông thấy trong người thế nào rồi?

- A, cô đó hả!? Ổn trời, tôi đã bớt nóng rất nhiều, và cũng khỏe lại rồi. Cô đã giúp đỡ tôi nhiều quá!

- Tuyệt quá! Ông đã cảm thấy thèm ăn chưa?

- Trưa nay, anh Enami đã cho người bung xúp và bánh mì kẹp lên nhưng bánh thì tôi chưa đụng miếng nào. Còn bác sĩ có lẽ chiều tối sẽ đến.

- Tôi tính sẽ ra phố một chút, có được không? Dĩ nhiên tôi sẽ gọi về cho ông.

- Thật chỉ gây phiền cho cô. Nhưng tôi ổn rồi, cô cứ đi đi.

Mitsuko bận quần áo xong, rồi đi xuống sảnh. Ông Numata, cuốn sổ phác họa để trên đầu gối, đang chờ cô.

- Ông Kiguchi có vẻ bớt nhìều rồi.

- Ồ, thật không còn gì hơn thế.

- Tôi còn phải gọi một cuộc điện thoại nữa. Ông cảm phiền chờ một chút.

Mitsuko nhờ nhân viên tiếp tân gọi điện thoại đến nhà thờ Công giáo ở Vārānasī. Khi cô nhận ống nghe và áp vào tai, có tiếng chuông reo đàng đầu dây bên kia nhưng không có ai trả lời. Cuối cùng mới có giọng khàn khàn của một bà già trả lời bằng tiếng Hindi. Người tiếp tân thay có tiếp chuyện nhưng rồi anh được báo cho biết là không có người Nhật nào tên Ootsu ở đó, và các cha thừa sai biết nói tiếng Anh đã đi vắng cả. Anh ta chỉ hỏi được địa chỉ của nhà thờ mà thôi.

Khi đã ngồi trong tắc xi, ông Numata lúc này đứng sau lưng nghe cô nói trong điện thoại, bây giờ mới hỏi:

- Cô kiếm ai ở thành phố này à?

- Sáng nay khi đi ngoạn cảnh sông Hằng với những người kia, ông có gặp một người Nhật nào không?

- Du khách hay là...?

- Không, một người làm việc ở bãi hỏa táng.

- Vâng, tôi có thấy một người Nhật ăn mặc giống như tín đồ Ấn giáo.

- Anh người Nhật đó tôi nghĩ là một người tôi quen biết ở đại học.
Hồi ấy anh ấy nói là muốn trở thành linh mục.

- Như thế có phải vì muốn kiếm anh ấy mà cô đi ra sông?

- Vâng, tôi nghĩ là anh ta còn ở chỗ bãi hỏa táng.

- Chắc là cô có thân thiết với anh ta lắm nhỉ?

Câu hỏi không đầu của ông Numata vô tình làm Mitsuko đỏ mặt. Cô nhớ rõ mồn một cái đầu của Ootsu cứ lay nhay trên ngực và khoảng trống giữa hai bầu vú cô độ nọ.

- Chà cái mùi thật là... - Mitsuko đột nhiên đổi đề tài.

- Mùi gì?

- Ở các nước khác không có cái mùi như thế này. Mùi người.

- Cô khó chịu à?

- Không, tôi thích nữa là đằng khác. Mùi người này không làm cho tôi mệt mỏi. Trái lại, chẳng hạn như khi đi Âu châu, tôi không biết Âu châu nhiều, nhưng ở chỗ tôi biết, nước Pháp, nội ba bốn ngày là tôi đã thấy mệt.

- Ồ, tại sao vậy? - Ông Numata nhìn Mitsuko, vừa tò mò vừa vui thích.

- Vâng, nước Pháp quá trật tự ngăn nắp, chẳng hỗn độn. Quá thiếu hỗn độn. Khi đi quanh quảng trường Concorde và vườn trong cung điện Versailles, tôi cảm thấy mệt mỏi, trước khi cảm nhận được cái quá trật tự ngăn nắp kia là đẹp. Khi so sánh với nước Pháp, tôi thấy cái loạn tạp ở Ấn,

quang cảnh mọi loài cùng sống với nhau, tượng của những nữ thần thiện ác lẫn lộn, trái lại, lại hấp với tính của tôi.

- Người Tây họ ghét hỗn độn, còn cô lại thích hỗn độn hơn à?

- Chuyện này chẳng ăn nhập gì với lý luận, chẳng qua chỉ là vấn đề thích hay không thích. - Nhờ làn gió mát đang thổi qua khung cửa sổ và ánh mắt chân thật của ông Numata, cô tự nhiên trở nên cởi mở, rã ã đùa, - Tôi ấy hả, tôi là một người nữ phức tạp mà chính tôi, tôi cũng chẳng hiểu.

- Thế hả? - Ông Numata trả lời lấp lửng.

Họ đi vào thành phố vẫn đang ồn ào trong ánh tà dương như hôm qua. Nắng hoàng hôn phản chiếu trên những đĩa và bình hũ mạ sắp thành hàng trong các cửa tiệm. Khách giả và những chiếc xe lôi nối đuôi trước tấm bích chương lớn của một bộ phim Ấn Độ. Đàn quạ đậu trên hàng dây điện, như những nốt nhạc. Bò, dê, lục lạc leng keng, làm xe cộ ngừng.

Cái đi đầu mà mãi sau khi vợ mất ông Isobe mới hiểu ra, đó chính là duyên nợ vợ chồng. Mỗi tơ duyên đó buộc mỗi người vào với người bạn đời, từ trong số không biết bao nhiêu trai gái cõi đời. Mặc dầu rõ ràng đó là gặp gỡ tình cờ nhưng ông Isobe của ngày hôm nay lại cảm thấy rằng mỗi tơ duyên đó đã có từ trước khi họ sinh ra.

Hàng cây đa tròng một bên con đường khô trắng không ngớt lướt qua khung cửa tắc xi. Xe cộ làm tung bụi. Đồng lúa tiểu mạch trải dài phía bên kia những cây ven đường. Hai con kền kền đậu trên hàng rào một ngôi nhà trại đồ nát. Trên đồng, một con trâu lớn được bác nông phu dẫn, lững

thững đi. Một bức tranh thôn dã có thể thấy ở bất cứ đâu trên đất nước Ấn Độ.

Ông mãi mê trong những kỷ niệm với vợ.

Nhớ lần đầu tiên hai vợ chồng đi Hokkaido để kỷ niệm hai mươi năm thành hôn. Hai vợ chồng không đáp máy bay mà đi xe lửa có toa ngủ đêm xuyên qua Tohoku. Chỉ mới xuất phát từ ga Ueno mà đã thấy hoàng hôn mùa hạ long lanh trên ngàn lá cây lướt qua khung cửa sổ. Núi đồi đẹp đẽ in bóng lên bầu trời đã nhuộm màu đỏ sẫm. Bỗng ông nhận thấy bà nhìn rặng núi xa xa mỉm cười. Bà không nói ra nhưng chắc bà đang cảm thấy hạnh phúc vì lần đầu tiên kể từ chuyến đi hưởng tuần trăng mật cho tới nay, hai vợ chồng mới đi xa một mình với nhau như thế này. Nhưng trái lại ông thẹn chiu không thấu, đi qua toa ăn uống mua nước uống. Khi quay lại toa, thấy vợ vẫn còn mỉm cười, ông nhỏ nhẹ la vợ:

- Nay cũng phải mua cái gì đó mà uống chứ!

Những mảnh nhớ vụn vặt, như những bong bóng nước trôi lên dềnh dềnh rồi cũng biến tan đi.

Chiếc tắc xi chạy lắc lư trên con đường lồi lõm, qua nhiều làng mạc. Làng nào cũng có giếng nước và quanh giếng có những chiếc bình, chiếc xô, những người phụ nữ đang gọi đầu rửa chân. Trong một căn nhà nhỏ lụp xụp như cái chòi, có người đàn ông đang hót tóc. Mấy đứa trẻ trần truồng chạy rần rần quanh giếng.

Trong cái thôn xóm cần khô như thế này vợ ông đã được tái sinh. Nội cái ý tưởng đó cũng làm cho tim ông thắt lại như bị kềm kẹp. Liệu có vợ ông trong đám trẻ trần truồng chạy lòng vòng quanh giếng chăng?

Chuyện không thể tin được. Giống như đang mơ. Ông vừa bóp bàn tay cần chiếc khăn mùi soa vừa tự hỏi liệu mình có phải đang làm một việc ngớ ngẩn.

Ông đang ngẫm nghĩ tính nói với anh tài đang im lặng nhìn thẳng phía trước. “Thôi ta quay trở lại đi anh tài.” Khi sắp sửa nói, người tài xế, như thể đoán được ông đang nghĩ gì, đột nhiên quay lại chỉ vào chỗ bụi bay phía trước, kêu lên:

- Kamloji! Kamloji!

Có nghĩa là sắp đến làng Kamloji rồi.

Phía tay anh ta chỉ, quang cảnh giống hệt những nơi xe đã chạy qua. Trong những mảnh ruộng phía bên kia hàng cây đa, có những con quạ đang vỗ cánh và các bác nông phu đang kéo trâu. Loạt nắng trước khi hoàng hôn buông, tàn nhẫn đè vạ vật xuống.

Ông nhắm mắt và cố lắng nghe tìm tiếng vợ ông. Không hiểu sao tiếng trống trắng của vợ ông cho tới sáng nay vẫn còn vắng vắng bên tai, giờ lại không nghe thấy nữa.

Chiếc tắc xi tung bụi ngừng trước giếng. Ở đó cũng có bọn trẻ trêu trêu tụ tập, và những bà mẹ cùng những cô gái có vẻ là chị đám trẻ, để nguyên *sari* còn ướt, gội nước trong bình lên đầu. Cả đám nhìn anh tài và ông Isobe xuống chiếc xe tắc xi vừa ngừng gấp với ánh mắt lo âu. Và lũ trẻ bắt đầu đưa tay ra xin tiền.

Trong đám trẻ đó có một bé gái tóc và mắt đen lánh. Cô bé cũng đứng trước ông Isobe, làm bộ bỏ gì đó vào miệng. Ông Isobe lôi lá thư và đọc cái chữ Hindi mà anh Enami đã viết, hỏi:

- Rajini?

Cô bé lắc đầu nguầy nguậy nhưng vẫn tiếp tục đưa tay ra.

“Rajini! Rajini! Rajini!” Bọn trẻ bắt đầu bắt chước giọng ông Isobe reo lên inh ỏi. Nhưng dường như chúng chẳng hiểu gì ráo. Một nỗi buồn, giống như nỗi thất bại trong đời, nhọn lên trong lồng ngực ông.

- Chuyển đi này, cô thấy thích gì?

- Tôi ấy ạ? - Mitsuko yên lặng một lúc rồi đáp lời.

- Trước hết là sông Hằng và sau đó là tượng nữ thần Chàmunda chúng ta đã xem trong hầm đền tối mù và nóng mướt mồ hôi như trong nhà tắm hơi. Câu chuyện của anh Enami khi ấy cũng thật hay! Anh ấy mồ hôi trên mặt trên mũi chảy ròng ròng rơi xuống cả nền nhĩ.

Cô nghĩ tới hình dáng ám khói của tượng nữ thần quỷ quái như những rễ cây xoắn xuýt lấy nhau. Ở New Delhi cô cảm thấy sùng sốt trước tượng nữ thần Kàli từ bi lẫn tàn bạo, nhưng khi đến thành phố này, đi đâu tốt đẹp nhất cô thấu hiểu được là ở hai mươi phút nóng nực bức bối cô đã phải chịu đựng trong đền.

Hôm nay, trên đường đến bến sông Hằng, ngoài đám trẻ con ra, còn có cả những người bị cùi, bàn tay rụng hết cả ngón, xếp hàng xin ăn. Những người đàn ông đàn bà, bàn tay cùi trơ, mảnh vải tơi tả che tấm thân da thịt rữa nát, kêu gào như khóc với Mitsuko và ông Numata.

- Những người này, - ông Numata không chịu được nữa, ghen ngào buông tiếng, - cũng là con người.

Mitsuko không muốn trả lời. Cô nghe thấy một tiếng nói ở đáy lòng, “Nói vậy nhưng du khách chúng ta thì giúp họ được gì?” Những đờng cảm hời hợt của Sanjou và ông Numata khiến Mitsuko đâm phát bực. Cô không còn muốn thương vờ thương vĩnh như trước nữa. Cô muốn tình yêu thực sự.

Quang cảnh nơi bến sông cũng như hôm qua: những người đàn ông Ấn Độ tóc dài, khố *dohti* còn nhỏ nước, đang nhận phép lành từ ông đạo sĩ ngồi dưới chiếc tán lớn. Khi đến gần bãi hỏa táng, họ thấy có một tử thi, từ đầu đến chân cuốn trong một tấm vải bố đen, đặt trên mặt đất ở đó. Một cái xác khác đang bốc cháy phừng phực. Những con chó hoang màu nâu và những con chim kền kền báo đi ầm gờ từ xa rình rập những mảnh thịt còn sót lại của tử thi.

- Xác của một bà lão! - Ông Numata nói nhỏ khi thấy ống chân và mắt cá gầy đét của tử thi. Trong lửa cháy, không thể thấy mặt. Mitsuko chùng cuộc đời của lão bà lên trên nữ thần Chàmunda. Cô nghĩ bà, cũng giống như nữ thần, đã chịu đau khổ trên đời, đã từng phải nhấn nhục, thế mà vẫn đưa đôi vú teo khô cho con mình bú, rồi chết. Và Ootsu, anh vác những con người như thế, như vác thập tự giá trên lưng, đến tận dòng sông này.

- Ông có thấy không?

- Thấy gì, thấy ai?

- Người bạn của tôi, cái người Nhật Bản mà ông và những người khác đã gặp sáng nay.

- Đúng là không thấy đâu cả.

- Tôi cũng không thấy.

- Anh ta làm linh mục phải không; vậy mình có nên đi đến cái nhà thờ mà cô đã gọi điện thoại mà tìm?

Đột nhiên cô đâm nghĩ tới ông Isobe. Lúc này ông ấy đang ở đâu? Có gặp được đứa bé gái ấy trong cái làng nêu trong bức thư hay không? Giống như chính mình đang đi tìm Ootsu ở thành phố này, ông Isobe lúc này cũng đang đi kiếm người vợ đã mất.

- Ông Numata có tin vào chuyện luân hồi không?

- Tôi ấy hả? Xin lỗi... thú thật tôi cũng chưa biết được.

- Tôi cũng vậy. Nhưng trên đời này thiếu gì những chuyện chẳng thể biết được.

- Như thế nghĩa là làm sao?

- Thì tôi đang nghĩ đến cái việc người bạn của tôi đang làm trong thành phố này. Con người ấy, nếu nhìn theo cái nhìn của bàn dân thiên hạ, thì đúng anh ta đang đi làm những chuyện điên rồ nhưng... khi đến đây, tôi không thể coi đó là những hành động điên rồ được nữa.

Dù bấm chuông nhà thờ nhiều lần nhưng vẫn chẳng thấy động tĩnh gì. Khi cô đang nghĩ nếu còn bấm nữa thì thực là vô phép, thì nghe như tiếng guốc đi ra, cửa mở, và một ông cố đạo da trắng bận áo chùng trắng mùa hạ, vẻ nghiêm nghị hướng về phía Mitsuko. Khi nghe đến cái tên Ootsu, cái vẻ bức dọc hơn là bối rối hiện trên khuôn mặt vốn đã cứng rắn của cố:

- Ootsu hả? Không có ở đây!

- Tôi là bạn học của anh Ootsu.

- Tôi không biết gì về anh ta cả.

- Thế anh ấy ở đâu ạ?

- Tôi không biết.

- Anh ấy vẫn còn sống trong thành phố này chứ ạ?

- Tôi nghĩ là như thế nhưng tôi không biết gì thêm. Chúng tôi không còn có trách nhiệm gì với anh ta nữa.

Ông cố đạo mang vẻ mặt cứng cỏi của một cảnh sát trưởng giữ gìn gìềng mỗi luật pháp từ trong các phim cao bồi Mỹ bước ra. Cố có kiểu nói như ông cảnh sát trưởng đang kìm nén sự khó chịu, nói về một tên tội phạm. Thế rồi cố đóng sầm cửa.

Nắng chiều nhàn nhạt trên bức tường hàng rào đối diện với nhà thờ. Hai con chó hoang lông đen đang lùng sục đồng rác dưới chân tường. Mitsuko có cảm tưởng như cô bị xua đuổi. Không, không phải cô, chính Ootsu mới là kẻ bị xua đuổi. Cứ nghe giọng nói cũng đủ hiểu ông cố có cái vẻ giống cảnh sát trưởng trong phim cao bồi đó chẳng ưa gì Ootsu. Anh

chàng, h ồi trong tu viện ở Lyon đã chẳng xuôi xắn, và khi tới đây ở, có lẽ cũng chẳng nên cơm cháo gì.

Ông Numata đứng trước tắc xi lên tiếng hỏi:

- Cô biết anh ta ở đâu chưa?

- Tôi không hỏi được. - Mitsuko vừa xua tay vừa nói.

- Trong khi chờ cô, tôi đã nói chuyện với anh tài xế. Tôi hỏi anh ta có biết người đàn ông Nhật nào trong đám những người khiêng xác người chết đến giàn thiêu không. Anh ta bảo là không biết người Nhật nào như thế nhưng gần đây có nhà trọ của một người đàn bà Nhật kết hôn với người Ấn. Có lẽ nên đến đó hỏi xem sao.

- Tên nhà trọ đó là gì ạ?

- Anh tài xế nói nhà trọ ấy có tên là Kumiko House. Hình như những thanh niên du khách Nhật Bản hay trọ ở đó.

- Liệu tôi có nên liên lạc với họ không?

- Hay chúng ta kiếm khách sạn nào quanh đây ăn tối cái đã, rồi từ đó liên lạc với Kumiko House. Cô nghĩ thế nào?

Họ hỏi anh tài có khách sạn sang trọng nào gần đây nhất, và anh ta trả lời ngay “Clark’s”, như đã thuộc lòng. Khi tắc xi len lỏi qua lớp lớp người và bò và xích lô, đột nhiên phía trước nghe có tiếng nhạc ầm ĩ, lại còn thêm tiếng người la hét, tiếng cười chen vào. Và tiếng còi xe inh ỏi, nhiều không biết bao nhiêu mà kể.

- À, đám cưới, đám cưới! - Anh tài không còn cái vẻ xa cách, giải thích cho Mitsuko và ông Numata. Anh nói đường sá hỗn độn như thế là vì khách sạn phía trước đang có một đám cưới.

- Xe có lọt qua được không?

Khi ông Numata lo lắng hỏi như thế, cái câu mà từ khi hai người đến Ấn đã nghe không biết bao nhiêu lần lại đập vào tai: “*No problem!*”

Mặc dầu anh tài nói như thế nhưng năm phút, rồi mười phút, xe chẳng nhích được một phân.

- Khách sạn đằng đó là khách sạn nào vậy? - Ông Numata sốt ruột, hỏi.

Người tài xế bình thản trả lời cái tên khách sạn vừa nói với hai người lúc nãy:

- Clark's.

Ông Numata và Mitsuko nhìn nhau rồi phá lên cười.

- Anh chàng đùa hay thật vậy ta? Chẳng thể hiểu được.

- Thì đó cũng là Ấn Độ mà. Sao, mình sẽ vào xem đám cưới Ấn chứ?

Hai người xuống xe, đi qua con đường hỗn tạp xe cộ, lòng một chút lâng lâng. Trước khách sạn, những chuỗi bóng điện giăng cây này qua cây khác như đang giữa mùa Giáng sinh, ban nhạc đang khua trống, thổi kèn trumpet. Thanh niên mặc *smoking*, thiếu nữ dấu son trên trán, vấn *sari* lụa rực rỡ, như đang bị cuốn vào trong khách sạn.

- Đám cưới của tầng lớp giàu có nhỉ. - Ông Numata nói nhỏ.

- Khác hẳn với thế giới của những người chúng ta thấy ở bên sông Hằng. - Mitsuko tiếp lời rồi hỏi cô gái vận *sari* sắc sỡ, - Thế mọi người đang chờ ai vậy cô?

Cô gái mặt bầu bĩnh, má lúm đồng tiền, tươi cười trả lời Mitsuko bằng một thứ tiếng Anh chải chuốt, giọng rất chuẩn:

- Chờ chú rể cưới ngựa trắng đến.

- Cưới ngựa trắng?

- Vâng, chú rể sẽ cưới ngựa trắng đến với cô dâu. Phong tục tốt đẹp của nước chúng tôi.

Ban nhạc này giờ yên lặng, bây giờ lại ầm ầm, bọn trai trẻ mặc vest từ ngoài đường đổ vào reo hò, vỗ tay.

Một lúc sau chàng rể đầu bịt khăn đỏ, cưới ngựa trắng xuất hiện. Vụng về xuống khỏi con ngựa đang bần chần vì ban nhạc, chàng rể giơ hai tay lên trời như một lực sĩ điên kinh vừa thắng giải. Thế là khách khứa bốc hoa chúc phước trắng đỏ trong giỏ tung vào chàng ta.

Cô gái có khuôn mặt đầy đặn, má lúm đồng tiền, thân thiện ngược mắt nhìn Mitsuko:

- Cô là du khách Nhật phải không ạ?

- Vâng.

- Có phải lần đầu tiên cô thấy một đám cưới Ấn Độ? Mời cô cùng vào dự với chúng tôi cho vui. Chúng tôi có tổ chức tiệc cưới ngoài vườn khách sạn.

- Tôi đâu có phải là khách được mời. Và lại tôi còn có ông bạn đi cùng.

- Ở nước chúng tôi, trong những dịp vui, những người không được mời cũng có thể tham dự.

Mitsuko cuối cùng cũng thúc được ông Numata nhút nhát, ngần ngừ vào theo, và khi bước được chân vào khu vườn khách sạn, họ thấy ở đây cây cũng giăng bóng điện tròn, trái cây, kẹo bánh xếp trên những chiếc bàn trắng tinh nhức cả mắt. Trên vũ đài dựng tạm, ba vũ công đang nhảy múa, chân tay uốn lượn trông thật gợi dục. Bốn nhạc công chơi nhạc đệm bằng các loại nhạc cụ bằng gỗ.

Cô gái có lúm đồng tiền giới thiệu Mitsuko và ông Numata với bạn bè. Ngay lập tức đám thanh niên bao quanh, cười thân thiện:

- Có thú vị không?

- Rất thú vị.

- Vì khác với đám cưới Nhật.

- Không phải vậy, - Mitsuko lại bắt đầu nổi máu ngang. - Bởi vì đám cưới quá là Ấn Độ!

-Ồ! - Đám thanh niên bao quanh cô tỏ ra vui vẻ.

Mitsuko nói mĩa như đá ném vào cái bản mặt tươi cười của họ:

- Mới đây tôi vừa gặp nhiều đứa bé bên dòng sông Hằng. Những đứa trẻ xếp thành hàng chìa tay ra xin tôi, thế mà ba giờ sau, - cô cố vận dụng vốn tiếng Anh không được khá bằng tiếng Pháp. Chỉ cần họ hiểu là được, - tôi lại được chứng kiến một bữa tiệc sang trọng, huy hoàng như thế này của một tầng lớp khác.

Nụ cười xã giao của đám thanh niên áo quần đẹp dễ biến mất, họ trở nên căng thẳng và bắt đầu lao xao. Một anh chàng đeo kiếng lên tiếng như một mục sư:

- Cô có vẻ như muốn chỉ trích hệ thống đẳng cấp của nước chúng tôi?

- Tôi không chỉ trích. Tôi chỉ thấy sửng sốt trước sự cách biệt quá lớn như thế này.

- Vậy tôi xin phép giải thích cho cô. - Lối nói của anh chàng thanh niên càng lúc càng giống mục sư hoặc giống những tay luật sư trẻ tuổi trong các phim Mỹ. - Thế cô có nghe tên tiến sĩ Ambedkar không?

- Không.

- Ngài đã soạn thảo Hiến pháp và trở thành bộ trưởng tư pháp của nước Ấn Độ độc lập. Với bản Hiến pháp đó, sự phân biệt đẳng cấp tôn giáo đã bị hủy bỏ. Cô có lẽ cũng biết, chính Mahatma Gandhi đáng kính của chúng tôi đã gọi những dân cùng đinh đó là *Harijan*, là Con của thần.

Thật khó mà hiểu được cái tiếng Anh diễn thuyết đó của anh ta, nhưng Mitsuko cũng nắm được ý chính. Nhìn cái miệng tía lia của anh ta, Mitsuko đâm nhớ tới những lời thô lỗ của anh Enami: “Cái đáng ghét nơi

tầng lớp trí thức Ấn Độ, ấy là cái mồm mép khoa trương, tự cao tự đại của họ.”

- Bây giờ trong tầng lớp *Harijan* có người đã trở thành những viên chức nhà nước, còn có cả những người làm việc ở trường đại học.

- Tôi hiểu rồi.

- Tôi đã từng nghe những người ngoại quốc đặt những câu hỏi giống y như cô. Nhưng Ấn Độ đang tiến bộ. Cô đã đọc những bức thư trao đổi giữa thủ tướng Nehru và Indira Gandhi, nữ thủ tướng hiện nay của Ấn Độ chưa? Cuốn sách này đứng trong danh sách *best-seller* trên thế giới, có lẽ cũng đã được dịch ra tiếng Nhật rồi.

- Tôi biết nó thuộc loại *best-seller* ở Tokyo nhưng tôi chưa đọc.

- Cô phải đọc nó. Trong sách đó, thủ tướng Nehru đã viết cho con gái là Indira Gandhi. Rằng Á châu hiện nay đang bị Âu châu đè nén nhưng vào thời xa xưa, Á châu rất tiến bộ. Sứ mệnh của Ấn Độ là khôi phục đi đầu đó.

Cái miệng lưỡi ba hoa ấu trĩ đó làm Mitsuko phát bực. Cô đưa mắt tìm ông Numata nhưng ông đã lẩn khuất đâu đó giữa đám khách khứa *sari* sắc sỡ, *smoking* hội hè.

- Với tư cách là một người phụ nữ, cô nghĩ thế nào về nữ thủ tướng Indira Gandhi?

- Tôi không biết gì về chính trị Ấn Độ cả.

- Bà là quốc mẫu của chúng tôi. Nhờ có bà phối hợp sự mềm mỏng và cứng rắn của người phụ nữ, những đối lập và mâu thuẫn của đủ loại tôn giáo, đủ các sắc dân ở Ấn Độ đang được giải quyết.

- Xin lỗi! Tôi đang phải kiếm ông bạn của tôi. Cảm ơn anh đã giải thích cho tôi nhiều thứ.

- Cô hiểu được là tôi mừng.

Mitsuko chẳng tin gì ba cái câu phân bua đó; cô ngửi được cái mùi giả hình mình ghét nhất, thối như cá ươn trong những lời lẽ rỗng tuếch đó. Nơi nữ thần Kàli, có cả từ bi lẫn tà ác nhưng không hề có giả hình giả chước. Nơi nữ thần Chàmundà khổ não, bệnh tật, tình yêu đan xen với nhau như những chùm rễ cây nhưng giả hình nào có tồn tại ở bà. Mitsuko yêu Ấn Độ có nữ thần Kàli, nữ thần Chàmundà và sông Hằng, nhưng không thể thích cái miệng lưỡi của anh chàng thanh niên này được.

Quanh cô, những thanh niên da ngăm đen, mạnh khỏe và xã giao vẫn vãi, bắt đầu tươi cười thoải mái trở lại:

- Cô dùng một ly *punch* nhé?

Cô gái có má lúm đồng tiền lúc này lại xuất hiện, giống như một cô gái đang lẩn mò giữa đường phố đổ nát sau cuộc chiến.

- Cảm ơn, - Mitsuko nói, đượm vẻ mỉa mai. - Tôi thích rượu mạnh hơn là *punch*. Tôi đang phải đi kiếm ông bạn của tôi.

Cô rời khỏi vườn và đi vào khách sạn, thấy ông Numata đang nhìn băng quơ cửa kiếng trưng bày hàng trước quầy bán đồ kỷ niệm.

- Lăn ra được rồi. Thôi mình chuồn lẹ đi ông!

- Chà được mọi người bầu quanh. Cũng ngon lành đó chứ!

- Ôi chà, được nghe thuyết trình dài dòng về Hiến pháp. Lạ lẻo y như vị rượu *punch* ấy.

Ông Numata chẳng hiểu cô nói gì nhưng vẫn vui vẻ báo tin:

- Tôi đã gọi điện thoại cho Kumiko House.

- Vậy hả, - Mitsuko tự dưng phấn khởi, - thế họ có cho biết gì không?

- Có đấy. - Và ông đắn đo một lúc. - Cái anh bạn của cô... dường như hay lui tới xóm bậy bạ. Nếu đến đó, có lẽ gặp được.

- Xóm bậy bạ? Mà anh ta làm gì ở đó mới được chứ?

- Tôi đâu có biết được. Thế nào, cô có thích đến cái nhà đó không?

- Tôi mệt quá rồi. - Mitsuko thở dài và không dừng buông lời than vãn. Cô cảm thấy như từ chiều đến giờ anh chàng Ootsu vô hình đó cứ lôi cô đi. Cô nói với ông Numata đi với mình:

- Xin ông thứ lỗi cho vì đã làm phí thì giờ của ông.

- Cô đừng bận tâm. Tôi lại thích ở Vārānasī này hơn là đi những nơi khác. Mình cũng phải đi đâu kiếm cái gì ăn chứ?

- Có lẽ mình nên trở lại khách sạn, tôi không muốn bị những người trong đám cưới bám riết lấy.

Ở trước khách sạn vẫn còn đám con nít ăn xin. Một người khách xuất hiện và rải tiền các trên đầu chúng. Bọn chúng vừa bò trên mặt đất vừa tranh nhau. Khi thấy như thế, cái từ *Harijam: Con của thần* và cái miệng lưỡi diễn thuyết linh lợi như một ông mục sư của gã thanh niên lại sống dậy trong cô.

- Nếu đi qua đây, sẽ ra được đường lớn. - Ông Numata nói và đi trước, dẫn vào con hẻm duy nhất, trông như hang động.

Mùi súc vật và mùi nước tiểu xộc vào cả mũi. Mitsuko nín thở, lủi qua lối đi giống như hốc miệng vẫn vọng đến tiếng ồn ào. Chân giẫm vào vật gì đó, cô kêu lên.

- Sao vậy cô?

- Hình như tôi giẫm phải vật gì đó.

Ông Numata cúi xuống nhìn bàn chân:

- Người... còn sống...

- Bị bệnh ạ?

- Không biết. Có lẽ đói quá gục xuống đây.

Nghe có tiếng leng keng: ông Numata rải tiền các như gã đàn ông trong đám cưới. Những đồng bạc lẻ gieo xuống nghe trống rỗng và bất lực.

CHƯƠNG CHÍN

Dòng sông

Họ trở lại khách sạn, và khi vào phòng ăn phía trong, thấy một người b ờ
còn nhỏ tuổi ng ẩ về bu ồm ngủ, và ông Isobe đang uống rượu, chai rượu để
trên bàn chính giữa phòng. Một con thạch sùng bám vào tường như bị ai đó
dán keo vào.

- Chúng tôi về r ồi! - Mitsuko chào ông Isobe và cùng ông Numata
đến ng ẩ vào chiếc bàn còn lem luốc những vệt tương cà chua. Không cần
phải hỏi, chỉ nhìn vào khuôn mặt say và cái trán đầm mồ hôi cũng biết ông
đã trải qua một ngày vô tích sự.

- Sao, có tìm được bạn cô không? - Ông Isobe ngược đầu lên tiếng
hỏi.

- Chà, đi kiếm mà chẳng được chuyện chi cả.

- Vậy hả? Tôi cũng thế.

- Bộ không có con bé sao?

- Đã chuyển đến thành phố rồi. Cả nhà phải chuyển đi để kiếm công ăn việc làm.

- Thế ông biết địa chỉ mới không?

- Làm sao tôi biết được. Cái xóm ấy nghèo quá mà. Ngay cả Nhật Bản ngày xưa cũng không có thôn xóm nào như thế. - Ông Isobe như gióng lên nỗi tuyệt vọng. Ông vốn hiền lành, nội chỉ thấy ông say sưa như thế cũng đủ biết ông đau khổ lắm.

Ông Numata lẫn Mitsuko yên lặng đưa lên miệng miếng thịt gà gầy xơ vừa được đặt lên bàn.

- Cô Naruse, cô có biết là sau khi rời cái xóm ấy tôi đã làm gì không? - Ông Isobe rót đầy một nửa ly rượu và cất giọng cà khịa. - Tôi ấy hả... tôi đến nhà một ông thầy bói. Thầy bói Ấn Độ.

- Ông tin sao?

- Tôi chẳng tin gì ba cái chuyện bói toán, cũng chẳng tin cái chuyện trong bức thư nói vợ tôi tái sinh. Có đi đâu đời người vẫn có lắm chuyện lạ. Có thể vì cái tính khăng khăng của tôi, cũng có thể tôi đang như người bám vào cọc rơm. Người tài xế tắc xi đã có vẻ thương cảm sao đó, cho tôi biết là có một thầy bói nổi tiếng ở trong thành phố. Loại thầy bói này chắc ở Ấn Độ mới có. Lão nổi danh vì biết được đời trước thân chủ là gì và đời sau sẽ trở nên gì. Có buồn cười không? Tôi nghĩ một người như tôi đây mà lại chui vào một nơi như thế, thật buồn cười hết sức. - Ông nốc một hơi hết ly chất lỏng màu hổ phách như muốn buông xuôi chuyện đời, và nói tiếp: - Lão mặc chiếc áo cổ cao, loại áo mà thủ tướng Nehru của Ấn Độ hay bận, có khuôn mặt của một giáo sư đại học, tay đeo một chiếc nhẫn mặt đá

lớn. Lão nói chắc như bắp là vợ tôi đã được tái sinh rồi và nay rất *happy*. Sau đó lão lôi trong rương gỗ trổ ra một cuốn sổ to tổ chẳng, ghi tên của vợ tôi bằng mẫu tự La tinh và bắt đầu tính toán giở đó, và rồi chặt đẹp.

Mitsuko yên lặng cúi mặt, khẽ khàng khua động muỗng nữa. Nhìn ông Isobe đang chạy theo ảo ảnh thật nặng nề Ông Numata tuy không rõ ngu ồn cơn nhưng cảm thấy cái vẻ lo lắng của ông Isobe cũng như đang đè nặng lên mình, ng ồi yên không nói.

- Thế rồi tôi hỏi lão ta, bây giờ cô ấy đang ở đâu, thế là lão bảo lão sẽ tìm, ngày mai hãy đến... Đẳng nào thì lão cũng sẽ cho tôi một cái địa chỉ vợ vẫn, rồi lấy tiền đứt túi nhưng...

- Thế ông có đi đến đó không?

- Có, đi chứ! Thật thảm hại phải không. Tôi đi để không phải dùng dằng trong tâm nữa. Như thế tôi sẽ đứt ra được. Phải rồi, tôi đến Ấn Độ và làm được chừng đó, tôi nghĩ có lẽ đi đâu đó cũng giúp cho người vợ quá cố của tôi siêu thoát. Phải vậy không, cô Naruse?

Trong trí Mitsuko hiện lên khuôn mặt người vợ nhẫn nhịn, không than vãn một lời của ông Isobe trong bệnh viện đó. Và người đàn ông này hầu như ngày nào sau khi tan sở cũng đến thăm vợ. Họ là đôi vợ chồng bình thường, ở đâu đâu cũng có. Giữa hai vợ chồng như vậy, cũng có một câu chuyện của riêng họ mà không ai biết.

- Ô, xin lỗi! Say rồi cứ nói lung tung. - Ông Isobe tỉnh rượu, xin lỗi hai người đang ng ồi yên lặng nhưng nghe giọng nói chùng như sắp khóc, rồi ông cầm cái chai còn một phần ba đứng dậy.

- Cái ước nguyện tái sinh vốn chẳng có được ấy... kể như không đi tới đâu. - Ông nói nửa cười nửa khóc rồi rời khỏi phòng ăn.

Ông Numata sững sốt hỏi:

- Ông ấy làm sao vậy?

- Không biết có chuyện gì nhỉ? - Mitsuko làm bộ không biết. Nhưng lúc đó cô nghĩ cô cũng giống như ông Isobe ở chỗ hai người đầu đang đi tìm một ảo ảnh. - À, tôi cũng phải đi gọi điện thoại cho ông Kiguchi cái đã.

Hôm sau, ba mươi một tháng Mười.

Biến cố xảy ra.

Buổi sáng, Mitsuko trang điểm xong, đi xuống lầu. Ở quầy tiếp tân không có ai, mười nhân viên khách sạn đều bầu lại trước cái tivi duy nhất trong phòng ăn, người Nhật chỉ có ông Numata và ông Kiguchi vừa mới khỏi bệnh cũng không ăn uống gì mà nhìn chăm chăm vào màn hình. Trên màn ảnh tivi chỉ chiếu bất động chân dung thủ tướng Indira Gandhi vận *sari*. Ông Numata nhìn Mitsuko, nói:

- Có chuyện lớn rồi. Bà Indira Gandhi bị giết.

- Bà thủ tướng hả? Mà ai giết vậy?

- Còn chưa rõ.

Mitsuko nhìn chăm chăm vào màn ảnh truyền hình mãi tới lúc đó vẫn chỉ chiếu hình nữ thủ tướng có mái tóc bạc. Xương gôn viên cứ lặp

lại lời của phát ngôn viên chính phủ là sáng nay ngay sau chín giờ, thủ tướng đã bị ám sát tại dinh thủ tướng.

- To chuyện rồi! - Khi ông Numata ngồi xuống bên bàn ăn, ông Kiguchi cũng ngồi theo, thở dài. Ông Numata gật đầu:

- Coi chừng du khách kẹt lại cả đám. Cậu Enami và những người Nhật khác ngày mai định trở lại đây nhưng không biết máy bay trong nước có bay không. Dám có giới nghiêm lắm.

Mitsuko nói thêm:

- Anh Enami chắc chắn sẽ liên lạc. Cho tới lúc đó, chúng ta cứ bình tĩnh.

Vợ chồng Sanjou từ hôm qua tới giờ chẳng thấy đâu, bây giờ mặt mũi tươi tỉnh đi xuống phòng ăn. Anh chàng Sanjou vẫn đeo lưng lủng lẳng chiếc máy chụp hình yêu quý.

- Xin chào quý vị. Hôm nay trời đẹp quá. Ô, có chuyện gì không vậy?

- Thủ tướng của nước này mới bị ám sát sáng nay.

- Vậy hả? Hèn chi mọi người tụ tập ở đây. Nhưng tôi thấy chẳng liên can gì tới chúng ta cả.

- Anh đùa chắc! Không khéo lại bị kẹt ở đây. - Ông Numata vốn hiền lành như thế cũng phải phẫn nộ.

Nghe thế, khuôn mặt non nớt của cô vợ Sanjou nhăn lại:

- Thôi chết, mình phải làm gì bây giờ đây? Em đã nói là chúng mình nên đi Âu châu mà lại!

- Thì bù lại, em không nghĩ đây là một cơ hội tốt cho anh chụp ảnh sao? Trong ngành nhiếp ảnh rồi cuộc chỉ có đề tài là quan trọng. Chụp được cái mà không ai chụp được, thế là ăn tiền. - Anh chàng Sanjou hăng hái phân bua.

Có tiếng điện thoại kêu lộng óc nơi quầy tiếp tân. Như một dấu hiệu, tất cả nhân viên mắt đang dán chặt vào màn ảnh ti vi đều tản ra.

- Cô Na, Ru, Se. Điện thoại!

Mitsuko đang cúi đầu giờ tắm thực đơn xem đồ ăn sáng, đứng dậy vì biết đó là điện thoại của anh Enami. Như dự đoán, giọng nói gấp gáp của anh vang lên trong điện thoại:

- Cô có biết sáng nay xảy ra biến cố gì chưa?

- Biết rồi, chúng tôi xem ti vi. Thế bây giờ anh đang ở đâu vậy?

- Ở Patna. Ở đây vẫn còn yên tĩnh nhưng ở Delhi dường như đã thấy có quân đội xuất hiện. Tuy nhiên tôi cũng chưa nắm rõ được tình hình. Bên ấy có sao không? Chúng tôi ngày mai thế nào cũng trở lại Vārānasī. Xin xem chừng tình hình và hành xử sao cho khôn khéo. Biến cố sáng nay hình như là do những tín đồ Sikh bất mãn mà ra. Có lẽ sẽ có đột phá trong thành phố, khi đi ra phố xin quý vị cẩn thận.

- Tôi hiểu.

- Thế ông Kiguchi khỏe rồi chứ?

- Sáng nay ông ấy có xuống phòng ăn với chúng tôi. Khi Mitsuko ngưng điện thoại, cô thấy ông Isobe mặt mũi hốc hác đi xuống phòng ăn.

- Đêm qua tôi thật bận quá. Xin mọi người thứ lỗi cho!

- Không sao đâu.

Nghe tin ám sát, ông Isobe nhìn đăm đăm vào ti vi như vừa tỉnh lại sau hai ngày say sưa li bì.

Thế rồi trên màn ảnh lại hiện lên cảnh quân đội và xe tăng đang canh giữ dinh thủ tướng, và cảnh khói bốc lên đó đây trong phố xá New Delhi. Những nhân viên lại tụ tập ở phòng ăn. Sáu người Nhật cố gắng nghe cái tiếng Anh nặng giọng Ấn và hiểu ra rằng nữ thủ tướng khi đang trên con đường nhỏ từ tư dinh tới dinh thủ tướng để xuất hiện trước một chương trình ti vi, thì bị cận vệ người Sikh bắn chết.

- Người Sikh là người gì vậy? - Sanjou vừa ăn món điểm tâm người phục vụ cuối cùng cũng mang tới vừa hỏi.

Nhóm người không có anh Enami không thể hiểu được một chút gì về mối quan hệ đối nghịch giữa tín đồ Ấn giáo và tín đồ đạo Sikh. Ông Numata chán nản trả lời:

- Trong cuốn cẩm nang du lịch tôi đọc có ghi là người Sikh là người bịt khăn và đeo dao găm.

Mitsuko vừa đề nghị:

- Thì anh cũng đợi xem tình hình ra sao cái đã, rồi hãy đi.

Sanjou liền nói luôn:

- Ồ, không sao đâu mà! Có tắc xi vẫn đậu đằng ngoài vườn thì chắc tình hình cũng đã êm rồi. - Sanjou nâng chiếc máy ảnh lên, xuýt xoa. - Chà tiếc quá! Giá ở New Delhi dám tôi đã chụp được những bức ảnh đoạt giải Pulitzer chứ chẳng chơi!

Ông Kiguchi mới lành bệnh mà cũng lớn tiếng không ngờ:

- Cái anh này thật không biết gì cả! Một mình anh thì không nói làm gì nhưng còn tất cả những người khác. Anh chớ có tạo rắc rối cho họ.

Mọi người quyết định chờ đợi trong phòng riêng hoặc trong phòng ăn cho đến chiều. Mặc dầu ở New Delhi đã có lệnh giới nghiêm, bạo động nổ ra giữa tín đồ Ấn giáo và tín đồ đạo Sikh, những đám cháy đã bốc lên đó đây trong thủ đô, nhưng ở thành phố này như vẫn chưa có chuyện gì xảy ra; trời vẫn nóng và ngoài vườn tiếng chim riu rít vui vầy. Sanjou hỏi người đàn ông ở quây tiếp tân:

- Tôi đi ra ngoài được không?

- *No problem!*

Sanjou nói với ông Numata đang xem tivi:

- Tôi đi ra phố. Ở đây có thể kiếm được những tấm thảm đẹp lộng lẫy, với giá rẻ. Gia đình đằng vợ tôi có nhờ mua. Không thể để chuyện không đâu làm phí đi chuyến du lịch giá trị này. Vợ tôi thì chán cái chuyện đi xem các di tích này nọ lắm, nhưng lại thích mua sắm các loại hàng lụa và thảm.

Trong căn phòng màn buông rủ chắn ánh nắng chiều, ông Isobe rót chút rượu còn lại vào ly và lai rai uống. Ông cảm thấy như đâu đây có tiếng rao bán khoai nướng ngày hôm đó: “*Khoai nướng đây! Khoai nướng đây!*”

Căn phòng trống vắng như cõi lòng ông. Tia nắng trắng lọt qua kẽ màn. Có con gián đang bò lấp ló trong tấm thảm rách.

- Mình có biết không, - ông phân bua, - vì mình mà tôi đã đi tìm khắp nơi, nhưng tôi nào có gặp mình!

Và ông nhớ tới trò chơi cút bắt thường chơi với em gái những ngày ấu thơ.

- Anh đã đi kiếm mình.

- Em đây.

- Anh chỉ còn biết dựa vào mỗi lão thầy bói lều láo đó.

Ông cứ đổ rượu cay xé vào họng để không phải nghe thấy tiếng vợ. Biến cố bất ngờ xảy ra ở New Delhi hôm nay đã làm ông sáng mắt ra. Nếu không, có lẽ bây giờ ông đã đi hỏi lão thầy bói mặc áo đại cán kiểu giống như Nehru rồi. Bữa đó cái quạt trần cũ kỹ kêu cọt kẹt. Lão ta ra cái vẻ đường bệ lấy quyển sách trông dễ nể, giống như cuốn tự điển đặt trên bàn. Ngón tay đeo chiếc nhẫn có gắn đá quý lớn. Cũng cái ngón tay đó dám đã lừa tiền lừa bạc của các nữ du khách từ Mỹ, từ Âu châu.

“Bà ấy cũng hảo chuyện bói toán lắm!” Đột nhiên ông nhớ lại những lần ông đi lễ chùa với vợ ngày đầu năm, vợ ông cứ đòi xin xăm cho

bằng được. Và khi người đàn ông phụ trách đọc thăm xem số thẻ, chỉ cho thấy chữ “Cát” trên thăm, bà cười mỉm một mình. Cử chỉ đó của vợ, hồi đó ông chẳng hề nghĩ tới, bây giờ, trong cái thành phố ở một đất nước nóng nực, xa thăm này, lại hiện lên trong tâm tưởng ông.

Cơn say cứ luẩn quẩn trong cơ thể; ông đắm đắm nhìn ánh nắng chiều chảy lai láng trên giường. Nắng ban chiều xứ Ấn.

Mitsuko ngồi trên chiếc xô pha màu cam trong phòng mình cũng đang ngắm ánh nắng như thế. Máy lạnh cũ chẳng mà tiếng nghe rì rì trong căn phòng. Khó khăn lắm mới đến Ấn Độ được, thế mà cả một ngày hôm nay trôi qua một cách vô vị. Mình đến Ấn Độ để làm gì vậy? Không, tại sao mình cứ ở lại thành phố này chẳng đi thăm viếng các thánh địa hay Phật tích như những người khác? Cô chẳng thấy có chút gì hứng thú khi đi xem Taj Mahal và các buổi trình diễn nhạc dân tộc. Những gì còn hằn sâu trong tâm khảm cô chính là sông Hằng và hình ảnh của nữ thần Chàmunda mà anh Enami đã giải thích: thân xác bệnh tật đeo đẳng, bị rắn độc cắn, gầy còm, thế mà vẫn cố cho con mình bú sữa từ đôi vú teo xệ. Ta thấy nơi bà hình ảnh của một bà mẹ Á châu rên xiết vì những đắng cay cuộc đời; khác hẳn với một Đức Mẹ châu Âu cao vồng thanh nhã.

Ánh nắng chiếu qua cửa sổ đột nhiên làm cô nhớ tới Kultur Heim sau giờ tan lớp. Ngày hôm đó cô, lòng đầy tà ý, chờ Ootsu ở đó. Ở dưới lầu, tiếng chuông trang trọng của chiếc đồng hồ lớn ngân vang và trước mắt cô cuốn Kinh Thánh long bì ai đó đã mở sẵn:

*... Ngài không duyên dáng, không oai vệ;
Ngài bị khinh khi, và là đồ phế bỏ của người đời,
con người đón đau và những ốm o xọ bại,
như một kẻ có gập chúng tôi thì lo giấu mặt,
bị khinh khi, và chúng tôi đã chẳng thêm đếm xỉa.*

*Trái lại, chính các bệnh tật của chúng tôi, Ngài đã mang,
chính các đau khổ của chúng tôi, Ngài đã vác.*

“Tại sao mình lại cứ đi kiếm con người đó?” Mitsuko băn khoăn.

Hình ảnh của nữ thần Chàmunda chùng lên Con Người ấy, và trên Con Người ấy, bóng dáng của Ootsu ở Lyon, nhìn từ phía sau thật tội nghiệp, lại phủ lên. Khi nghĩ lại cô thấy như cô đang theo sau Ootsu, truy tìm một cái gì đó mà không hay. Người đàn ông có biệt danh tên hèn Pierrot “không duyên dáng, không oai vệ” mà cô đã ruồng rẫy, một kẻ cô đã sử dụng như một món đồ chơi nhằm thỏa mãn cái tính tự tôn của mình, nhưng rồi bây giờ, chính người ấy đang làm tổn thương lòng tự tôn ấy.

Có tiếng gõ cửa, tiếng ông Numata cắt đi dòng trầm tư:

- Thành phố xem ra yên ổn. Vợ chồng Sanjou và ông Isobe đã đi ra ngoài cả rồi. Tôi cũng tính ra phố ngoạn cảnh một chút. Cô có muốn đi với tôi không?

Chiếc quạt trần khô dầu cứ xoay lét két như hôm qua, giá sách quanh tường với những cuốn sách đóng bìa da, để tạo cho mình cái vẻ uy nghiêm con nhà, và lão thầy bói mặc áo có cổ cao kiểu thủ tướng Nehru ngồi sau chiếc bàn lớn kê phía trước giá sách, nói:

- *No problem!*

Thế rồi lão lấy chiếc bút Parker lớn mạ bạc hí hoáy viết gì đó rồi đưa bàn tay có ngón đeo nhẫn ra: lão trao cho ông Isobe một cái địa chỉ. Ông Isobe chăm chú nhìn và thấy lão ta cười nụ, động lại như một thoáng

hơi nước r ồi tan đi ngay. Trong giây lát, ông chợt hiểu ra nhưng cảm giác lớn lên trong lòng ông là cam chịu chứ không phải giận dữ. Lão thầy bói nói ngay:

- Một trăm rupi!

Bên ngoài tuy trời đã bảng lảng màu chì ầu nhưng cái oi bức vẫn còn bao trùm những con đường chẳng có lấy một ngọn gió. Anh tài xế vẫn chịu khó chờ ông trong cái nóng bức bối ấy. Lũ trẻ vẫn leo đèo theo ông, đưa tay ra xin tiền như lão thầy bói trong kia.

Ông Isobe nhìn một cô bé khoảng năm sáu tuổi đang làm hiệu là mình đói lắm, và ông chợt sợ hãi: biết đâu con nhỏ ấy lại là người vợ tái sinh của ông thì sao? Ý nghĩ đó như một ngọn dao đâm xuyên suốt ngực ông. Ông hốt hoảng cho con nhỏ một mớ tiền lẻ, r ồi lao vào tắc xi.

Người tài xế nhìn vào miếng giấy có ghi địa chỉ, gật đầu và nhấn ga. Xe lam ầm ầm chạy ngang trước mặt; những con bò ngáy liu riu trước xe bán nước mía. Ông Isobe lơ đãng nhìn quang cảnh ấy như đang trong mộng. Tuy đưa cho anh tài xế cái địa chỉ nhưng trong thâm tâm ông chẳng tin là ở đó có người vợ đã tái sinh. Ông gắng chịu đựng sự trống rỗng giống như người bị ung thư giai đoạn cuối, tuy bác sĩ đã báo cho ngày chết mà vẫn còn níu vào một chút hy vọng. “Nốt l ần này r ồi sẽ buông xuôi!” Ông tự nói với mình. “Nốt l ần này r ồi sẽ buông xuôi!”

Đôi chiếc xe lôi đang chờ khách cạnh một khoảnh đất nhỏ có những hàng quán lụp xụp bao quanh. Trong một tiệm sửa xe đạp và xe lôi, mấy anh thợ đang lúi húi lắp ráp, bên vệ đường có một quán xép bày bán các bức tượng thần Shiva màu sắc sặc sỡ và một chị đàn bà bày hoa quả ngay trên mặt đất.

Người tài xế dừng xe nói:

- Tới rồi.

- Nhưng mà ở đâu, nhà nào mới được chứ!

Nghे ông Isobe hỏi, người tài xế chỉ lắc đầu và trả lại miếng giấy địa chỉ của lão thầy bói viết: trên mảnh giấy thô chỉ có tên đường mà chẳng có số nhà. Biết là sự thế đã ra như vậy nhưng ông vẫn cảm thấy tiếc xót chưa yên.

Dù vậy ông vẫn xuống xe đi vào trong tiệm sửa xe.

- Anh có biết cô bé nào tên là Rajini không?

- Rajini!?

- Rajini. Cô bé.

Những người trong tiệm ngõ ngang nhìn mặt ông Isobe rồi xì lồ xì là gì đó với nhau bằng tiếng Hindi. Thế rồi một ông già móm răng chỉ tay hút vào cuối đường, nói bằng giọng mũi nghèn nghẹt:

- Ra, ji, ni!

Cuối cùng thì cái mát mẻ cũng đã len lõi vào được không khí oi bức chập tối, nhưng khi Mitsuko và ông Numata đi vào phố, mùi của thành phố Varanasi trộn lẫn mùi đất và mùi mồ hôi người mà hai người đã quen, vẫn còn nồng nặc lắm.

- Tiệm bán chim. Tiệm bán chim. - Ông Numata lẩm bẩm.

- Ông nói gì thế!?

- Trên đường mình ghé vào tiệm bán chim một chút có được không?

- Được chứ. Ông đã vì tôi mà tốn mất nhiều thời giờ. Mà ông mua gì ở tiệm bán chim vậy?

- Mua một con nh ềng.

- Tôi tưởng ở Tokyo cũng có bán nh ềng?

- Ở đó người ta toàn bán thứ nh ềng đã cắt đuôi. Tôi thì tôi lại muốn kiếm một con nh ềng hoang.

Mitsuko nhìn ông Numata dò hỏi nhưng không nói gì thêm. Cô cũng vậy và người nào cũng vậy, đều có những nỗi lòng thầm kín chẳng muốn tỏ cùng ai. Cái thời cô làm việc thiện nguyện, có những bệnh nhân cứ muốn tâm sự với cô - đa số là những người đàn bà đã qua tuổi trung niên - nhưng khi họ sắp nói, cô đã quay lưng đi vờ như không nghe. Bằng cái lưng ấy, cô tỏ thái độ rõ ràng là dù có nghe những đi ều tâm sự ấy, cô cũng không làm gì được. “Bà y tá trưởng cấm những người làm việc thiện nguyện xen vào những chuyện cá nhân.” Cô luôn luôn nói như thế.

Ông Numata lại cảm thấy không được vui khi không thấy Mitsuko hỏi han lý do ông mua con nh ềng, nhưng khi cô chỉ vào một quán trông như một cái chòi, nói: “Dám đó là tiệm bán chim lắm!”, ông Numata vội quay người sang phía đó.

Khí cột vào cọc. Cả lũ chim kết trong những chiếc lồng giống như lồng đèn quang quác kêu. Gà què lao xao đi đi lại lại trong chuồng.

- Ở đây có bán con *great hill myna* không? - Ông Numata đứng ở cửa hỏi.

Mitsuko không biết tên tiếng Anh của con nhồng, và cô hiểu là không phải bỗng nhiên ông Numata mới nghĩ tới, xem ra ông đã dự tính kiếm cho được con chim này từ trước khi đi du lịch. Nói với ông chủ tiệm thêm một lúc, ông Numata cho biết tên mình và tên khách sạn, rồi trở lại bên Mitsuko.

- Ông ta sẽ mang con chim đến khách sạn cho tôi.

- Ông tính sẽ đưa con nhồng về Nhật?

Ông Numata cười đầy ý vị:

- Ô, trái lại là đằng khác... Ngày xưa tôi đã được nhồng cứu mạng! Bây giờ tôi muốn trả lại cho nó. Nghĩ thì có vẻ là một hành động ủy mị đấy nhưng...

Cứ nhìn bên ngoài thì căn nhà đó không khác những căn nhà chung quanh với bức tường loang lổ như bị cam tàu mã ăn. Một trong những căn nhà đó là nhà thổ mà ông Numata đã hỏi được người phụ trách tiếp tân khách sạn.

- Dù nơi anh bạn của cô hay lui tới không phải là nhà này thì... có lẽ sẽ kiếm được manh mối.

- Thật cảm ơn ông đã làm cả chuyện này vì tôi. - Mitsuko nói.

- Không sao, tôi cũng cảm thấy thích thú khi đi kiểm kho tàng với cô như thế này, nhưng có đi đâu vì sao cô lại cứ đi tìm cái ông linh mục ấy cho bằng được vậy?

Nghe ông Numata hỏi một câu thiếu tế nhị như thế, Mitsuko quạt lại:

- Thì cũng giống như ông cứ cố mua cho được con nh ờng vậy thôi!

- Chà, vậy đấy!

Miệng thì nói “vậy đấy” nhưng ánh chừng ông Numata chẳng hiểu lý do làm cho Mitsuko bộp chát như thế.

- Sao đây, để tôi một mình đi vào hỏi xem sao nhé?

- Không được đâu! Ông để cho tôi đi với. Đàn bà con gái một thân một mình đứng trước cái nhà này kỳ lắm!

- Ủ, cô nói đúng đó!

Khi hai người định bước lên bậc thang dơ dáy, loang lổ, gã đàn ông đang đứng ngoài đường thấy họ, la lên:

- *No lady, no!*

- *No problem!* - Ông Numata xua tay, đáp lại.

Trên cầu thang nước dơ lam nham. Quần áo giặt phơi giăng trong sân giữa trông giống như một bãi phế thải. Vừa leo lên hết bậc thang, có cánh cửa gỗ. Một lỗ cửa tò vò, tựa như mắt quái vật, trợn trừng nhìn ra. Khi họ bấm chuông, có ai đó nhìn qua lỗ tò vò.

- *You're welcome!*

Có tiếng chìa khóa mở lách cách và một gã đàn ông chỉ còn hai chiếc răng cửa lộ mặt ra cười cười, nhưng vừa thấy Mitsuko, hắn la lên ngay: “*No lady!*” như người đàn ông đứng ngoài đường lúc nãy. Ông Numata hỏi:

- Chúng tôi đang đi kiếm một người đàn ông Nhật, anh có thấy anh ta đến đây không?

- *No.*

Hắn ta định đóng cửa, nhưng khi ông Numata rút túi đưa một đồng đô la ra, hắn để nguyên cánh cửa hé hé. Qua khoảng cửa hé, Mitsuko thoáng thấy có tấm song sắt trông giống như chuồng thú. Những người đàn bà vận *sari* giống như những mảnh vải tám tạp nham, từ sau song sắt nhìn ra với ánh mắt sáng dị thường. Ánh mắt mèo hoang. Trong số họ, có một cô gái, hay nói đúng ra, một cô bé, đang ng ã vắt ngang trên chiếc giường ọp ẹp.

Khi ông bỏ vào tay gã đàn ông thêm một đô la nữa, hắn nở nụ cười ti tiện, kiêu cưỡi của kẻ phản bội đã bị mua chuộc.

- Ông ta vẫn chưa đến.

- Thế thì khi nào mới tới?

- Tui không biết. - Câu trả lời yếu xìu thoát ra giữa khoảng trống trên hàm răng.

- Anh ta ở đâu?

- Làm sao tui biết được!

- Khi nào anh ấy đến đây, bảo anh ấy gọi điện thoại cho tôi ở số này.

Nói thế rồi, ông Numata lại thí thêm một đô la, hắn ta lại cười cười nhưng vừa nghe tiếng bước chân ở cầu thang bỗng xua tay như đuổi chó, ra dấu bảo hai người đi đi. Gã trẻ tuổi áo quần bảnh bao như người thanh niên ba hoa trong đám cưới hôm qua, thấy Mitsuko thì dừng lại, chần chừ không vào trong.

Mitsuko theo sau ông Numata, bám vào bức tường loang lỗ, bước từng bước một trên những vũng nước đọng dơ dáy.

- Sao, bây giờ sao đây? - Ông Numata hỏi.

- Thì đành chịu thôi. Tôi đã làm phiền ông quá nhiều rồi!

Sương chiều bao phủ thành phố, đột nhiên cô cảm thấy cuộc đời mình chẳng có cái gì ra cái gì cả. Chẳng phải chuyển đi Ấn này mà thôi, cả chuyện học hành, chuyện hôn nhân ngăn ngại, chuyện làm việc thiện nguyện "thương vờ" thì cũng y như thế. Và bây giờ, lại cả việc luân quân đi kiếm anh chàng Ootsu giữa thành phố lần đầu đến thăm này nữa. Có đi đâu là trong những hành vi ngớ ngẩn đó, cô mơ hồ cảm thấy cô đang ước ao cái gì đó. Một ẩn số x bổ túc cho bản thân cô. Nhưng ẩn số x ấy là gì, tới bây giờ cô cũng chưa biết được.

Bỗng nhiên có tiếng nhạc nổi ra ầm ầm như hôm qua. Nghe như đang từ xa tiến lại đây.

- Lại đám cưới à. - Ông Numata dừng gót, đưa mắt nhìn về phía có tiếng nhạc vang. Có tiếng trống lớn và đoàn người nối hàng, bước theo nhịp trống.

- Biểu tình!

Nhưng đoàn nhạc lại đang tấu hành khúc “Chiêu hồn tử sĩ” thể lương. Những người đàn ông vừa bước theo tiếng nhạc vừa giương biểu ngữ trắng với những khẩu hiệu viết bằng chữ Hindi và tiếng Anh màu đen: “Chúng ta sẽ không quên Indira!” “Indira, Mẹ của chúng ta!” Và sau hàng biểu ngữ, những tín đồ Ấn giáo thuộc giai cấp thượng lưu, quần áo bảnh bao như những khách dự tiệc cưới hôm qua trùng trùng bước đi, rồi cả lũ trẻ ăn mày và những người đàn ông đàn bà dân nghèo xác xơ theo sau. “Indira, Mẹ của chúng ta!” Bọn họ cứ hô lên như thế. Đám cảnh sát đầu đội nón bảo vệ, đi kèm theo hai bên, xăng xái giữ gìn trật tự.

- “Indira, Mẹ của chúng ta!” - Ông Numata đọc lớn. - “Mẹ đã chết!” “Mẹ đã chết!”

- Cô Na, Ru, Se. - Đột nhiên có ai đó kêu tên cô bằng tiếng Nhật. Giọng nói nghe quen quen. Giọng nói cô đã nghe thời đại học. Cái lối gọi “Cô Na, Ru, Se” nghe rất đặc biệt. Mitsuko quay lại, thấy Ootsu người mặc áo *achkan* dài tay và chiếc quần jean đã sờn.

- Tôi nghe nói là cô... kiểm tôi phải không? *Namastè*.

- *Namastè*. - Mitsuko cảm thấy giọng mình có vẻ nghèn nghẹn. Cô mỉm cười. - Tôi đã cố công đi tìm anh. Đến cả nhà thờ mà hỏi.

- Xin lỗi. - Cái tật hay xin lỗi của Ootsu tới nay vẫn chưa hết. - Tôi không còn ở nhà thờ nữa đâu cô. Các *sadhu* đã nhặt tôi đưa về ở chung với

họ ở *ashram*.

- Ashram?

- Vâng, nó cũng giống như một tu viện.

- Thế anh đã thành tín đồ Ấn giáo?

- Không... Tôi thì vẫn giống như ngày xưa. Đã trở thành linh mục nữa đấy nhưng các *sadhu* vẫn ân cần đón nhận tôi.

- Chúng ta kiếm chỗ nào đó nói chuyện được không? Hay là anh đến khách sạn tôi đang ở?

- Áo xống như thế này tôi e khách sạn họ không ưa.

- Thế thì chúng ta gặp nhau ở ngoài vườn khách sạn. Vườn đẹp và có cả ghế.

- Vâng, Hotel de Paris có phải không?

- Sao anh rành quá vậy?

- Vâng, tại vì người bạn tôi thuộc giai cấp tiện dân làm công việc giặt giũ ở đó. Khách sạn có khu vườn đẹp nổi tiếng.

Mitsuko giới thiệu ông Numata đang nhìn hai người với đôi mắt hiếu kỳ.

- Thành thật cảm ơn ông. Bây giờ tôi và bạn sẽ trở lại khách sạn.

“Indira, Mẹ của chúng ta! Chúng ta sẽ không quên Indira!” Hàng người vừa tiếp tục hô khẩu hiệu vừa đi qua trước mặt hai người. “Mẹ đã

chết! Mẹ đã chết!”@ c

CHƯƠNG MƯỜI

Trường hợp Ootsu

Ông Numata biết ý, để cho hai người đi tắc xi, nói là sẽ ghé qua tiệm bán chim, rồi biến mất dạng trong đoàn biểu tình. Ngồi im trong xe một lúc, Ootsu mới ngập ngừng lên tiếng:

- Cô đến Ấn Độ nhằm lúc xảy ra biến động lớn nhỉ.
- Vâng, nhưng tôi chẳng rõ tình hình ra làm sao.
- Ở New Delhi bạo động đã nổ ra đó đây.
- Còn ở đây sao lại yên tĩnh bất ngờ.
- Yên tĩnh là vì... người Ấn vốn coi đất này là đất thánh.
- Di hài của thủ tướng Indira cũng được thả trên sông Hằng à?
- Vâng. Có lẽ di hài của bà cũng sẽ được thả trên sông Hằng như những tiện dân. Đám tang sẽ được cử hành vào ngày ba tháng Mười một.

Ở Vārāṇasī, khi một ngày dài vừa chấm dứt, khí trời bỗng trở nên mát mẻ. Côn trùng đủ loại kêu trong vườn như vừa mới sống lại. Chiếc đu, mặc dầu không có ai ngồi, cứ ken két đu đưa. Ootsu từng như e dè, ngồi khép hai chân trên ghế băng. Cái dáng dấp rụt rè đó làm cô nhớ thuở còn đi học, anh ta cứ ngồi co ro như thế trên chiếc ghế băng trong khuôn viên đại học, chịu đựng những lời chọc ghẹo của cô.

- Anh dùng sandwich nhé! Và anh uống gì? - Cô nói y như những ngày xưa. - Vậy là, anh sống chung với những tín đồ Ấn giáo thật hả?

- Ở nước này, những tín đồ Ấn giáo đã già, họ giao nhà cửa lại cho con cái và ra đi sống đời tu hành lang thang. Những người như thế gọi là *sadhu*. Chính họ đã nhặt tôi về.

- Như nhặt một con chó hoang?

- Vâng, lúc ấy tôi quả thật giống như một con chó hoang. - Ootsu nói, giọng nghèn nghẹt như đang bị viêm mũi. - Độ ấy tôi thật không biết phải làm sao nữa.

- Sống với những tín đồ Ấn giáo như thế, anh có bị bên Giáo hội quở trách không?

- Tôi lúc nào mà chẳng bị Giáo hội quở trách.

- Chuyện của anh, tôi chưa hiểu rõ lắm. - Sau khi yên lặng một lúc, Mitsuko lại lên tiếng. - Thế anh vẫn còn là linh mục chứ?

- Vâng, vẫn còn nhưng là một linh mục rồi đạo.

Anh b ấi bụng sandwich và trà tối, thấy Ootsu, anh chàng tỏ vẻ khinh thường ra mặt.

- Tôi hay bị nh ầm là tiện dân. Áo xống như vậy tôi mới vác xác người chết được. Mặc áo dòng thừa sai thì không thể vác được. Tín đồ Ấn giáo tuyệt đối cấm những người khác tôn giáo đi vào bãi hỏa táng của họ.

Mitsuko tỏ vẻ kinh ngạc:

- Tôi có nghe nói là anh có lai vãng trong khu vực bãi hỏa táng, nhưng anh lại vác xác người thật à!?

- Vâng, tôi có vác. Có rất nhiều người tìm đường đến sông Hằng và gục chết ngay trong thành phố này. Ngày nào cũng có xe vận tải thành phố rảo một vòng để lượm nhưng vẫn còn sót lại một số.

- Tôi đã thấy r ấi.

- Người nào còn thoi thóp, tôi cũng đến một cơ sở bên sông Hằng. Những người đã trút hơi thở cuối tôi vác đến bãi hỏa táng gần bến sông.

Trong trí cô hiện lên hình ảnh ngọn lửa cháy phừng phực ở bến sông Manikarnikà cô đã nhìn thấy hôm kia. Xác một bà già liệm trong lớp vải tám màu đen và đỏ đang nằm trên cáng, trông giống như một cái xác ướp. Nếu lột tấm vải liệm ra, có lẽ sẽ hiện ra một nữ thần Chàmunda ốm o xo bại. Trên mỗi hình hài vẫn còn lưu lại những khổ đau trong đời và những dấu tích nước mắt.

- Anh vác họ đến bãi hỏa táng của Ấn giáo?

- Vâng. Kẻ có tiền thì được gia đình khiêng bằng cáng. Nhưng ít người khiêng những tiện dân bần hàn, cô quả. Nhưng họ cũng đã cố lê gót tới thành phố này để được thả cho trôi theo sông Hằng.

- Mặc dầu anh chẳng phải là đạo sĩ Bà la môn...

- Bà la môn hay không thì quan trọng đến thế sao? Giả sử Người ấy bây giờ mà ở trong thành phố này...

- Người ấy? À, tôi hiểu rồi. Anh muốn nói đến Cử Hành chứ gì?

- Đúng vậy. Nếu Cử Hành ghé vào thành phố này, tôi tin là Ngài cũng sẽ công những người gục chết đó đến bãi hỏa táng, giống như Ngài đã từng vác thập tự giá trên lưng khi còn sống.

- Nhưng anh làm như thế, chắc cái giáo hội của Cử Hành chẳng ưa gì phải không. - Tự dưng cô lại trở giọng châm chích như những ngày còn đi học, tuy nhiên cô cảm thấy ngay những lời suồng sã cô vừa buột miệng đó, thật bậy.

- Tôi... thì chẳng có nơi nào người ta ưa. Thời học đại học, thời trong thần học viện và cả thời gian ở trong tu viện... và rồi mới đây, trong nhà thờ ở thành phố này. Nhưng không quan trọng nữa rồi.

- Thì cũng tại vì anh...

- Vâng, tôi biết tôi là như thế. Nhưng dẫu sao đi nữa, Cử Hành không phải chỉ hiện hữu trong Kitô giáo Tây phương, mà còn hiện hữu cả trong Ấn giáo, Phật giáo. Và không phải chỉ tin mà thôi, tôi đã chọn một lối sống chứng minh cho niềm tin đó.

Nghe có tiếng buổi trình diễn nhạc dân gian Ấn Độ dành cho đám du khách Mỹ mới đến hôm nay, lọt qua khung cửa sổ. Nhạc trình tấu bằng một loại nhạc cụ tên là harmonium tựa như đàn *arcordéon* tuôn ra từng chặp.

- Nhưng vậy là anh đã bỏ phí đời anh.

- Tôi chẳng có chút gì ân hận.

- Như vậy những tín đồ Ấn giáo, họ có biết anh là linh mục Công giáo không?

- Cô muốn nói là những người đã ngã gục? Dĩ nhiên là họ chẳng biết. Và ở bên dòng sông, khi ngọn lửa bao phủ những người chết rũ, tôi dâng lên Cử Hành lời nguyện: “Con xin trao người này cho Ngài. Xin Ngài hãy đón nhận lấy và ôm vào lòng.”

- Như vậy thành ra anh tin vào cái đi ầu mà Phật giáo và Ấn Độ giáo gọi là tái sinh còn gì, dẫu gì anh cũng là một linh mục Công giáo cơ mà.

Vẫn còn một chút tự tôn trong lòng và cảm giác mình bị thừa cơ khi trực diện với lối sống của Ootsu khiến cô phải hỏi như thế. Ootsu nhìn chằm xuống đất, nói nhỏ như đang thầm thì với chính mình:

- Phải tới khi Cử Hành bị giết, cái Tình Yêu đến độ thí mạng sống đó, các môn đệ còn sống sót mới hiểu ra được. Vì họ đã bỏ Ngài trốn mất tích không sót một người nào nên mới sống sót. Dẫu bị phản bội, Ngài vẫn mãi yêu các môn đệ, vì thế hình ảnh của Ngài trở thành một nỗi ray rứt trong cái lòng đầy ngượng ngùng của các vị môn đệ. Các vị đó không thể nào quên đi được sự hiện hữu đó, và đã ra đi, đến tận những đất nước xa xăm để kể lại cho muôn dân nghe cuộc đời của Cử Hành.

Ootsu thì thậ̀m như đang mở truyện tranh đọc cho những em bé nghèo hèn Ấn Độ nghe.

- Kể từ đó, Củ Hành vẫn tiếp tục sống trong lòng các vị. Củ Hành tuy có chết nhưng đã tái sinh trong cõi lòng môn đệ của mình.

Mitsuko xậ̃ng giọng:

- Tôi chẳng hiểu gì nhiệ̀u. Tôi có cảm tưởng như anh đang nói về một thế giới khác.

- Không phải tôi đang nói về một thế giới khác đâu! Vì bây giờ Củ Hành đang sống trong lòng tôi, người đang ở trước mặt cô đây.

Đúng là ngôn từ của Ootsu bộc bạch cuộc đời đậ̀y khổ ải của anh, khác hẳn lời lẽ đậ̀u môi chót lưỡi, đậ̀y liến láu, nhạt như rượu *punch* của anh chàng tuổi trẻ trong đám cưới hôm nọ. Vườn đã lên đèn. Ánh điện chiếu thẳng vào khuôn mặt nghiêng lở lói của Ootsu. Anh nói tiếp.

- Mỗi lần nhìn dòng sông Hằng tôi lại nghĩ đến Củ Hành. Dù là người đàn bà đưa bàn tay đã rụng hết ngón ra ăn xin, hay bà thủ tướng Indira Gandhi bị ám sát, ai cũng như ai, dòng sông đón cả vào lòng mang đi, chẳng hề ruồng rẫy. Dòng sông Tình Yêu, Củ Hành của tôi cũng vậy, sẽ đón nhận tất cả mọi người và đưa đi, dù là người xấu xa, như bản như thế nào đi nữa.

Mitsuko không chống đối nữa, nhưng cô thấy có một khoảng cách biệt giữa mình và Ootsu. Cả lối sống và câu chuyện vừa rặ́i của anh là một thế giới khác với thế giới của cô, theo nghĩa đen. Cô chẳng hiểu chút gì về Củ Hành, nhưng cô biết rõ một điệ̀u là Củ Hành đã hoàn toàn tước đoạt Ootsu khỏi tay cô.

- Anh Ootsu, mặt mũi của anh sao lở lói ra cả thế kia?

- Vâng, thì cũng tại cứ vào ra nhà các người đàn bà bán dâm mà ra cả.

- Khó tin quá!... Thế anh có ôm ấp các chị em ta ở đó không vậy?

- Vâng, tôi đã ôm nhưng là ôm xác chết trông như đông giẻ rách của những người đàn bà tội nghiệp đó, rũ chết sau gần như suốt một đời phải hầu hạ các đấng đàn ông.

Đây là lần đầu tiên cô nghe Ootsu nói đùa. Chứng tỏ anh đã có được sự bình an trong tâm hồn.

Buổi trình diễn nhạc Ấn Độ vừa xong. Tiếng cười nói của đám du khách nghe tựa tiếng muối, như một dấu hiệu nhắc nhở Ootsu. Anh đứng dậy khỏi ghế.

- Thôi, tôi phải về Ngày mai còn phải dậy sớm. - Anh vừa nói vừa cười buồn. - Có lẽ tôi sẽ chẳng còn gặp được cô Naruse trong cõi đời này nữa.

- Sao anh lại nói như thế? Vậy ngày mai anh sẽ đi đâu?

- Tôi cũng không biết rõ lắm. Ngày nào cũng có những người đi hành hương gục chết trong thành phố này. Có kẻ gục chết ở cửa sau một ngôi nhà nào đó, có người là những người đàn bà bán dâm vướng phải bệnh bị ném ra nền đất lạnh lẽo nước dơ. Cho nên, khi bình minh tới, lúc người ta bắt đầu nổi lửa ở bãi hỏa táng sông Hằng, tôi thường quanh quẩn ở bến sông Manikarnikà.

Ông Isobe đi tìm quán rượu. Ông thấy cần phải uống như hôm qua. Ông không còn tức lão thầy bói có vẻ mặt giáo sư đại học nữa. Khi đến cái đất nước này, tận mắt chứng kiến sự nghèo đói của bao người, ông đã thấy họ không chỉ ăn mày thuần túy mà còn sử dụng chân tay bệnh hoạn, thân thể tật nguyền để kiếm ăn. Ông hiểu rằng lão thầy bói cũng là một trong số đó, lợi dụng *sự huyền bí không thể giải thích của Ấn Độ*, vì lão cũng phải ăn. Tuy nhiên, ông Isobe vẫn cảm thấy có cái gì đó ray rứt đang lớn dần trong lòng, không thể thốt thành lời.

Ông muốn dùng rượu để khóa lấp đi cảm giác ray rứt đó. Lang thang qua những ngõ ngách dơ dáy đúng như dự cảm, ông gặp được mấy bé gái có tên là Rajini, nhưng chúng đều đưa mắt nhìn ông vẻ sợ hãi, giơ tay xin tiền: “*Babuji, bakshish!*: Ông ời, cho con vài đồng ăn cơm!”

Ông Isobe cứ lang thang vô định, cuối cùng mới kiếm được một quán rượu, loại quán cóc không thấy ở các đường phố lớn. Ở cái quán bày bán các loại ngũ cốc, các thứ đồ hộp bám đầy bụi, không rõ nguồn gốc này, khi ông Isobe hỏi xem có rượu “whiskey” không, lão chủ quán lắc đầu, nhưng thay vào đó, lại đưa ra một chai bảo là rượu Ấn Độ. Ông ta lấy tay chỉ bình rượu và cho biết tên rượu: “Chan, Chan.”

Ông Isobe đưa chai rượu lên miệng nốc, rồi lững thững đi bất kể phương hướng. Ông chỉ hy vọng cơn say sẽ làm đầu óc đỡ dần và nỗi ray rứt sẽ biến mất.

Người Ấn la hét om sòm ngoài đường. Có mấy người đàn ông xông vào một nhà, lôi ra một người đàn ông vào lứa tuổi tráng niên và đánh

đập ông ta học cả máu mũi, máu miệng. Nạn nhân lớn tiếng cầu cứu. Cuối cùng cảnh sát đến, đám người hành hung chuồn ngay.

Một anh thanh niên, dù ông Isobe không hỏi, cũng giải thích cho ông nghe với giọng phân trần:

- Tên đó là tên càn đầu đám người Sikh ở đây. Ông có biết là sáng nay bọn người Sikh đã ám sát thủ tướng không?

Nói thế rồi anh ta lấy tay bụm mặt lại ra chiều đau đớn lắm.

- Bọn người Sikh không có lý gì mà lại đi giết thủ tướng Indira Gandhi vì chính bà đã chọn Zail Singh, một người Sikh làm tổng thống Ấn Độ.

Để khỏi phải nghe những lời phân bua của anh chàng, ông Isobe giả vờ là mình không hiểu tiếng Anh cho lắm, nhưng khi ông Isobe định đi, anh ta đã cảnh báo:

- Ông nên sớm trở lại khách sạn. Đã có lệnh giới nghiêm vào ban đêm trong một số thành phố. Nếu thành phố này nổ ra bạo động như ở Delhi, sẽ rất nguy hiểm cho người ngoại quốc.

Ông Isobe lúc này chẳng quan tâm gì đến những tranh chấp tôn giáo như thế. Là người Nhật Bản, ông hoàn toàn chẳng hay biết gì bối cảnh cũng như tình hình tranh chấp của tín đồ Ấn giáo và tín đồ Sikh. Thế đấy, đến cả giữa các tôn giáo vẫn còn có chống báng, thù ghét và giết lẫn nhau. Ông không thể đặt niềm tin vào những thứ đó. Và giờ đây ông nghĩ trong cuộc đời này chỉ có những mảnh nhớ về vợ mình là có giá trị hơn hết. Và ông cảm thấy chỉ khi vợ qua đời, ông mới nhận ra bà thật có giá trị, thật có ý nghĩa cho đời ông. Như những người đàn ông khác, ông từng sống với

suy nghĩ công thành danh toại là tất cả. Nhưng nào có phải như vậy. Ông cảm thấy mình ích kỷ thế nào và tự thâm tâm thấy thật có lỗi với vợ mình.

Hơi men chệnh choáng. Phương hướng đảo điên. Ông vẫn cứ đưa chân đi cho rã rời thân xác. Một mối lăm r ề, ông muốn được gục xuống. “*Sir, Sir!*” Mấy anh phu xe kêu ời ới bên phải bên trái. Thấy các hàng quán bán hoa, bán đồ đồ và bình hũ đang chuẩn bị đóng cửa, ông nhận ra mình đã ra đến bờ sông.

Một vài người ăn xin vẫn còn nằm ngủ trên những bậc thang dẫn lên bến sông. Vừa thấy ông, bọn họ li ền lên tiếng kêu xin. Ông ném cho họ một nắm tiền các và lao lên những bậc thang r ề giấu mình sau những mảnh quần áo giặt phơi bên sông.

Trước mắt mênh mông một dòng sông. Mặt nước lấp lánh ánh trắng như bạc ròng. Không có người đến tắm, cũng không có tiếng ồn ào của ban ngày. Không có một chiếc thuyền nào rời bến.

Ông ng ẫ xuống phiến đá dùng để nện đồ giặt, ngắm dòng sông bây giờ đã ánh màu thiếc đang lặng lẽ trôi từ Nam sang Bắc. Đôi lúc có những vật màu đen trôi dạt nhấp nhô trên sông. Sông hồ hững với tất cả, vẫn trôi xuôi mang theo những vật phù du.

Ông ném chai rượu trong tay xuống mặt sông. Những tín đồ Ấn giáo tin rằng dòng chảy lớn như thế sẽ gột rửa và nối kết họ với một hậu kiếp tốt đẹp hơn.

“Mình ời,” ông hét lớn, “mình đã ra đi phương trời nào vậy mình?”

Lúc bà còn sống, ông chẳng bao giờ gọi bà một cách tha thiết như vậy. Cho tới trước khi vợ mất, ông cũng như bao nhiêu người đàn ông

khác, cứ ham công tiếc việc và chẳng mấy khi ngó ngang đến gia đình. Không phải vì ông không yêu vợ. Mà vì ông cho rằng cuộc sống trước hết là công việc, là làm việc quẩn quật, và người vợ sẽ vui khi có một ông chồng như thế. Ông chẳng hề bận tâm liệu vợ mình trong lòng yêu thương mình đến mức nào. Đồng thời, ông cũng không hề ý thức rằng, trong cuộc sống yên ổn đó, hai người đã trở nên khăng khít với nhau tới mức nào.

Nhưng mãi tới khi nghe lời trối trăng mê sảng của vợ, ông mới nhận ra, với con người, thế nào là sự gấn bó không gì có thể thay thế được.

Tiếng từ phố thị ồn ào dội lại từng chập. Xem ra tín đồ Ấn giáo vẫn còn đang tấn công tín đồ đạo Sikh. Phe nào cũng vỗ ngực cho mình là đúng và ghét phe khác với mình.

Thù hận ganh ghét không phải chỉ trong chính trị mới có, mà cả trong tôn giáo cũng thế. Trên đời này, hễ có đoàn có nhóm, đương nhiên chống báng, tranh chấp sẽ nảy sinh và người ta bày ra mưu sâu kế độc để hại nhau. Ông đã từng sống ở Nhật Bản trong và sau thời kỳ chiến tranh, ông đã thấy, đến độ chán ngấy, không biết bao nhiêu nhân vật, đảng phái như thế mà kẻ. Ông đã nghe nhầm cả tai cái danh từ “chính nghĩa” này nọ. Và không biết từ lúc nào, cái cảm tưởng không thể đặt niềm tin vào bất cứ cái gì cứ đọng lại dưới đáy lòng. Vì vậy, ông sống hòa hợp với mọi người trong công ty nhưng ông không thể tin ai được. Nhờ những kinh nghiệm ở trong trường đời, ông mới vỡ lẽ rằng loài người tự bản chất là một giống ích kỷ, và để che cái đuôi ích kỷ đó, cứ tỏ ra là mình rộng lượng, thiện ý. Biết như thế, cho nên ông đã sống một cuộc sống không sống giố.

Nhưng, khi chỉ còn lại một mình như bây giờ, ông mới ngộ ra rằng có sự khác biệt căn bản giữa hai chữ “cuộc sống” và “cuộc đời”. Và ông buộc phải thừa nhận rằng người ông phải giao tiếp trong cuộc sống thì

nhieu nhưng chỉ có hai người thực sự thân thiết trong cuộc đời của ông, đó chính là mẹ ông và vợ ông.

“Mình ơi, mình đã ra đi phương nào vậy mình?” Ông lại hét lên với dòng sông.

Sông mang theo tiếng hét, lặng lẽ trôi đi. Nhưng nơi vùng thềm lặng kim nhũ kia hiện hữu một sức mạnh không tên. Dòng sông, giống như bấy lâu nay vẫn ôm ấp bao người chết chở đi đến thế giới bên kia, cũng mang tiếng hét của một đời người từ một người đàn ông đang ng ẩ trên phiến đá ven sông.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Chính các bệnh tật của chúng tôi Ngài đã mang

Có hai ba con chó đang lùng sục đồng rác trong sân giữa, thấy Ootsu trở về, chúng chỉ lóe mắt nhìn nhưng không vồ lại cắn. Bóng tối dày đặc trong căn nhà đá hơi hám. Năm cụ *sadhu* sống trong *ashram* phải dậy sớm nên bây giờ đã đi ngủ. Trong một góc ở tầng trệt - nếu có thể gọi đây là một căn phòng - là chỗ ngủ dành cho Ootsu. Anh mở cánh cửa đã lỏng bản lề, đi vào giữa hơi mờ mờ và sức nóng ban ngày tới bây giờ vẫn còn và bật bóng điện trở trọi lên. Ánh điện chiếu trên mấy cuốn sách vứt trên mặt giường lồi lõm: cuốn phụng các giờ kinh, cuốn *Áo nghĩa thư* và cuốn sách của Mẹ Teresa là tác giả. Muối bay vo ve. Sau khi đã đốt vành nhang đuổi muỗi gởi từ Nhật xong, Ootsu cởi chiếc áo cánh *achkan* và cởi đôi dép *chappal* (dép xỏ ngón kiểu Nhật), rồi nhúng một miếng vải bố trong chậu nước, kỹ lưỡng lau mình.

Ootsu quỳ gối cầu nguyện một chặp, đoạn lấy cuốn *Góp nhặt tư tưởng* của Mahatma Gandhi, rồi nằm vắt qua chiếc giường còn dâm dấp mờ mờ đêm qua, nhìn vào những đoạn mà anh đã đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần trong khi chờ giấc ngủ tới.

“Tôi, với tư cách là một tín đồ Ấn giáo, tự bản năng tin rằng, tôn giáo nào cũng đều chứa đựng ít nhiều Sự Thật. Mọi tôn giáo đều có cội nguồn từ một Chúa. Không có tôn giáo nào là toàn hảo, bởi vì các tôn giáo đều được truyền đạt lại bởi những con người bất toàn.”

Mấy con chuột nhắt cứ chạy loắt choắt trên giường trông như những viên bi. Nhưng ở trong nhà, chuyện một con chuột lớn trèo lên giường chạy cắt ngang căn phòng cũng không phải là hiếm.

“Có nhiều tôn giáo nhưng đó chỉ là những con đường khác nhau, cuối cùng hội tụ tại một điểm. Chẳng phải chỉ cần đến cùng một đích thì người ta có thể đi theo những đường khác nhau hay sao?”

Những lời Ootsu rất tâm đắc, bởi lẽ, cả trước khi biết được những “tư tưởng góp nhặt” này anh cũng đã ôm ấp trong lòng những suy nghĩ giống như vậy, vì thế mà bị các cha bề trên trong thần học viện cũng như trong nhà tập phải cau mày, các thầy cùng khóa người Pháp khinh dễ, ghét nhor. Một thầy khóa trên đã mắng anh:

- Đã như vậy thì thầy còn ở trong thế giới của chúng tôi mà làm gì. Một khi đã ghét cái châu Âu này như thế thì thiết tưởng thầy nên bỏ Giáo hội đi là vừa. Bởi vì chúng tôi đang bảo vệ Giáo hội Kitô giáo, nằm trong thế giới Kitô giáo.

- Tôi không thể bỏ đạo được. - Ootsu nói như khóc. - Đức Giêsu đã chiếm hữu tôi.

Cuốn *Góp nhặt tư tưởng* từ những ngón tay dơ bẩn của anh rơi xuống giường. Ootsu vừa ngáy vừa mơ. Cả trong giấc mơ cũng xuất hiện

khuôn mặt trắng trẻo của thầy Jacques Monge, một thiên tài lớp trên, người đã luôn khiển trách anh ở Lyon:

- Chúa đã lớn lên trong thế giới của chúng tôi. Trong thế giới châu Âu mà thầy không ưa gì đấy.

- Tôi không nghĩ như vậy, vì, sau khi bị xử hình ở Jerusalem, Ngài đã đi tới các nước. Thời nay cũng vậy, Ngài cũng đang rảo qua các quốc gia như Ấn Độ, Việt Nam, Đại Hàn, Trung Hoa và Đài Loan.

- Thôi đủ rồi! Các cha giáo mà biết thầy đã rồi đạo đến mức này thì...

- Tôi... rồi đạo sao? Đối với Đức Giêsu, cũng có tôn giáo mang tính chất rồi đạo sao, trong khi chính Ngài đã chấp nhận và thương yêu người Xamaritanô vốn tin vào một tôn giáo khác?

Chỉ trong mơ Ootsu mới nêu những ý kiến trái ngược, chống lại ý kiến của các cha bề trên và thầy Jacques Monge, nhưng trong thực tế anh chỉ biết rơm rớm nước mắt yên lặng. Tất một lời, anh chỉ là một kẻ thua cuộc, thậm chí là một thằng hèn. Chỉ chiến đấu bằng ba tấc lưỡi mà cũng không xong.

Ba giờ rưỡi sáng, cái mát mẻ mới mơ hồ len vào được cái bầu không khí còn hâm hấp nóng. Bóng đêm còn lằng đằng ngoài sân giữa, một con bò lạc đang lim dim ngủ. Ba cụ *sadhu* kéo nước giếng đổ vào chậu lau người.

Bốn giờ. Ootsu thức dậy, cũng dùng nước giếng lau mình, rửa mặt, rồi một mình dâng thánh lễ trong phòng của mình. Sau khi đọc câu chúc vãn lễ "*Ite missa est: Lễ xong, chúc anh chị em về bình an*", Ootsu vẫn tiếp

tục quỳ gối. H ồi còn ở trong tu viện cũng thế, chỉ có những lúc trò chuyện với Ngài là lòng anh mới lấy lại được sự bình yên khôn xiết. Ngoài những giây phút đó ra, lúc nào anh cũng băn khoăn không biết mình có làm ai đau lòng, có khiến ai phải phần nộ không?

Trời đã rạng ngoài kia. Khi anh đóng cửa bước ra ngoài sân, con bò g ầy gò đã tỉnh ngủ, đưa đôi mắt vô cảm nhìn, r ồi trỗi dậy, đứng đỉnh bỏ đi. Những con đường mà ban ngày đầy tiếng xướng kinh vang vang từ các tháp kinh đ ền thờ H ồi giáo, tiếng xe lôi và người đi nườm nượp, bây giờ vẫn còn vắng hoe. Quán xá cửa tróc sơn vẫn còn đóng im ỉm, giống như một thị trấn không người trong các phim trường. Có chăng chỉ có bầy chó hoang và những con bò đang lừ đừ trỗi dậy giữa đường. Hơi mát vẫn còn lẫn khuất m ờ h ờ trong không khí. Ootsu đi trên những con đường mà lát nữa đây sẽ ngập ánh nắng chói chang, rẽ phải, rẽ trái trên mặt đất ẩm ướt, bẩn thỉu. Anh đi kiếm những người gục ngã chờ chết, co ro như một đồng giẻ rách ở một xó xỉnh nào đó ven đường. Họ là những con người đã trót mang lấy hình người nhưng trọn đời nào có được sống cho ra người, mong mỗi cuối đời được chết bên sông Hằng và vì thế đã lần mò sao cho tới được thành phố này.

Giống như đi tìm chỗ trốn của loài gián, Ootsu có cái trực giác biết được chốn nào có người ngã gục. Đó là những ngõ hẻm chật hẹp, khuất lánh, nơi chỉ có những tia sáng hiếm hoi lọt qua giữa hai khe tường.

Con người tìm đến ánh sáng như một nường tựa cuối cùng trước giờ nhắm mắt.

Ootsu giẫm đôi chân đi dép *chappal* trên con đường trải đá nhóp nhép cứt chó và nước dơ, r ồi bỗng dừng ngay lại. Có một bà già đang tựa lưng vào vách ngay trước bàn chân của anh, ngược lên nhìn anh đăm đăm.

Bà lão nhìn anh với đôi mắt vô cảm như mắt của mấy con bò vừa đứng đĩnh đi vừa nhìn anh lúc này. Hơi thơ thoi thóp. Ootsu ng ẫ xồm xuống và từ trong chiếc bị đeo trên vai, lôi ra một cái ly bằng nhôm và một chai nước.

- *Pàni. Pàni*: Nước. Nước. - Ootsu nói khẽ với bà già. - *Àp meri dost hain*: Cháu là bạn của cụ.

Anh đưa ly nước lên cái miệng nhỏ xíu của bà cụ dốc từng ngụm nhỏ, nhưng nước cứ trào ra cả cằm và làm dơ thêm cái đồng giẻ rách đang quấn trên người, r ẫ bà cụ lẩm bẩm yếu ớt:

- *Gangà*: Sông Hằng... - Khi đã thốt ra được tiếng *Gangd* trong mắt bà hiện rõ ánh van xin, và nước mắt bà ứa ra.

- *Tabiyat kharab hai?*: Cụ yếu lắm r ẫ phải không? - Ootsu cất tiếng hỏi, r ẫ gật đầu. - *Koi bàt nahi*: Cụ đừng lo.

Ootsu lôi từ trong bị ra một túi lưới đan theo kiểu Ấn, bọc lấy tấm thân g ầy sọp của cụ r ẫ xốc lên vai.

- *Gangà*. - Bà lão, đã nằm gọn trên vai Ootsu, nói như sắp khóc.

- *Pàni chahiye?*: Bà có muốn uống nước nữa không? - Ootsu hỏi thêm r ẫ cất bước đi.

Nắng mai đã bắt đầu rạng trên thành phố, như thể cuối cùng Chúa cũng nhận ra những nỗi thống khổ của con người. Quán xá mở cửa. Bò, dê chuông cồ leng keng đi băng qua đường. Khác với ở Nhật, ở đây không có ai trở mặt lạ lùng nhìn Ootsu đang vác bà già cả.

Tấm lưng này đã vác không biết bao nhiêu người, vác không biết bao nhiêu buồn thương trên vai đến sông Hằng. Ootsu nghỉ lấy sức, đưa miếng vải bố lau mồ hôi. Chỉ có duyên gặp gỡ ngắn ngủi với họ nên anh không biết gì về quá khứ của họ. Anh chỉ biết họ thuộc giai cấp tiện dân, những kẻ bị đời xua đuổi ở đất nước này.

Ánh nắng chiều gay gắt trên đầu, trên lưng giúp anh hiểu mặt trời đã lên cao đến mức nào.

Ootsu thầm thì cầu nguyện: “Ngài đã vác thập tự giá leo lên núi Sọ. Ngày hôm đây con cũng đang dõi theo bước Ngài.” Lửa đã cháy phừng phực trong bãi hỏa táng nơi bên sông Manikarnikà. “Ngài đã vác những đau thương của muôn người lên đỉnh Golgotha, bây giờ con cũng đang bắt chước Ngài, Ngài ời!”

CHƯƠNG MƯỜI HAI

Tái sinh

Dù trời vẫn còn tối, đã nghe có tiếng chim ngoài vườn. Dưới phòng tiếp tân rất ồn ào: khoảng ba mươi người Mỹ mới từ Calcutta đến hôm qua đang tụ tập để đi xem cảnh tắm sáng ở sông Hằng.

Mitsuko sẽ đi chung xe buýt với ông Kiguchi, đang bất đắc dĩ phải tiếp chuyện một người đàn bà Mỹ to lớn, tươi tắn, miệng lau chau, ngẩng ghê bên cạnh.

- Cách đây ba năm tui có đi qua Nhật. Lúc đó nhằm vào mùa hạ. Trời nóng quá xá. Tui có đến tắm suối nước nóng Beppu, nhưng khăn tắm ở khách sạn Nhật gì mà nhỏ xíu, làm tui lúng túng hết sức.

(Chắc bà ta lộn khăn tắm với khăn rửa mặt.)

- Bà đến Calcutta từ bao giờ vậy? - Mitsuko hỏi cho phải phép.

Bà người Mỹ vừa cười hờn nhiên, vừa nói:

- Hôm qua. Ở đó cũng giống như ở bên Nhật, người gì mà đông quá xá, và trời thì nóng quá chừng.

- Tình hình ở đó có gì nguy hiểm không thưa bà?

- Thực ra chẳng có gì nguy hiểm lắm. Lính tráng và chiến xa chiếm giữ các yếu điểm, tuy vậy chẳng có biến động gì khác thường.

Như thế có lẽ tối nay anh Enami và nhóm du khách Nhật sẽ an toàn trở lại thành phố này. Vắng hai ngày mà cứ ngỡ như họ đã đi lâu lắm vậy.

- *Ladies and gentlemen!*: Thưa quý bà, quý ông! - Người tiếp tân nói với đám du khách ồn ào bằng cái giọng điệu đà, lú lo như tiếng chim ngoài vườn. - *Now, we shall start*. Bây giờ chúng ta khởi hành.

Xe buýt đón họ đã tới.

Mitsuko và ông Kiguchi kiếm chỗ ngồi ở phía sau những người Mỹ. Thấy đám người Mỹ đang cười nói vui vẻ, ông lẩm bẩm một mình:

- Thật không thể tưởng tượng được cách đây ba bốn chục năm người Nhật và cái dân Mỹ này còn đang giết nhau. Tưởng như mới hôm qua. Có đi đâu tôi thì lại chiến đấu chống quân Anh-Ấn.

Không phải chỉ có các quốc gia, giữa các tôn giáo với nhau, cho tới nay, chống đối và thù hận vẫn tiếp diễn. Chính sự khác biệt giữa các tôn giáo đã gây nên cái chết của nữ thủ tướng ngày hôm qua. Con người được gắn kết với nhau nhờ thù hận hơn là nhờ tình thương; và chính kẻ thù chung chứ không phải tình yêu đã tạo nên sự đoàn kết giữa người với người. Bất kỳ quốc gia nào, bất kỳ tôn giáo nào cũng tồn tại theo cách đó trong suốt chiều dài lịch sử. Sống giữa một thế giới như thế, hèn chi chú hề Pierrot như Ootsu, một kẻ sống theo gương Cử Hành, rốt cuộc sẽ bị ruồng bỏ.

- Cô Naruse, tính cả lần này nữa thì cô đến sông Hằng mấy lần? - Ông Kiguchi hỏi.

- Thưa ông, hai lần rồi ạ.

- Như thế cô đi Ấn cũng không đến nổi vô bờ. Tôi vốn muốn đến dòng sông đó hoặc một ngôi chùa nào đó làm lễ cầu siêu cho các chiến sĩ trận vong, nhưng tôi lại không biết ở Ấn, tín đồ Phật giáo lại ít đến như thế. Mặc dầu nước này là nơi Đức Thích Ca đã sinh ra, thế mà bây giờ là một quốc gia theo Ấn giáo.

- Nhưng chỉ có dòng sông này, - Mitsuko vừa nhìn phong cảnh đã bắt đầu sáng lên, vừa giải bày cảm tưởng của mình, - làm cho người ta cảm thấy nó không chỉ là của tín đồ Ấn giáo, mà còn là dòng sông sâu thẳm cho tất cả mọi người.

Đường sá ngủ say, quán xá chưa mở. Chưa có bóng người nào, chỉ có lũ bò đang đi vất vơ.

Xe buýt dừng trước bến sông Dashash Vamedha. Mitsuko và ông Kiguchi đi chung với đám du khách đang cười nói hớn hở trên con đường nhộn nhúa. Đám ăn mày bu lại như ruồi, đưa tay ra xin.

Mitsuko leo lên bến sông, sau người đàn bà Mỹ tốt bụng hồi nãy đã cho đám trẻ ăn xin tiền cắc. Cô ngạc nhiên thấy đàn ông lẫn đàn bà Ấn, nhiều hơn cô tưởng, đã bắt đầu tắm rồi. Có tiếng hướng dẫn viên giải thích lọt ra từ trong nhóm du khách người Mỹ đang đứng thành vòng tròn:

- Hằng năm có tới cả triệu tín đồ Ấn giáo đến sông Hằng cầu nguyện.

- Một triệu người!?! - Có ai đó ngạc nhiên lớn tiếng thốt lên.

- Vâng, một triệu. Các tín đồ Ấn giáo tin rằng một khi vào được sông Hằng thì mọi tội lỗi sẽ được sông rửa sạch và sẽ được tái sinh trong một cảnh ngộ tốt đẹp hơn ở kiếp sau.

- Trời đất, lại tái sinh trong cái thế giới này hả? Tui thì tui quá chán rồi! - Bà người Mỹ vừa nháy mắt với Mitsuko vừa cười. - Cô theo đạo Phật phải không cô?

Mitsuko trả lời:

- Tôi chẳng theo đạo nào cả.

- Ái chà, cái cô này lại là một người thuộc thế hệ nổi loạn. Còn tui, tui tin vào Chúa. - Bà nói đùa với Mitsuko. - Coi chừng trễ ghe à nghe! - Bà chỉ chiếc ghe ngoạn cảnh người trong nhóm của bà đang leo xuống.

Du khách được chia thành các nhóm. Họ xem những đám hỏa táng từ trên sông, chỗ gần bãi hỏa táng, trên những chiếc ghe có ba bốn tay chèo người Ấn.

- Cảm ơn bà đã nhắc, nhưng chúng tôi thích tản bộ trên bờ hơn.

- Ô kê. - Người đàn bà Mỹ lại nháy mắt với cô. - Tối nay mời cô uống với tôi một ly bia ở khách sạn.

Dưới cầu tàu còn chưa hừng sáng, sóng vỗ lép nhép như chó đang liếm nước.

Thuyền du khách từ từ trôi theo dòng. Ông Kiguchi và Mitsuko đi về phía bên sông Manikarnikà đang lở nhõ người. Ở đó nhà cửa đa số là

đền thờ và nhà trọ rẻ tiền cho khách hành hương. Những con đường chật hẹp, phân dê, cắt chó vung vãi. Mitsuko cứ mỗi bước đi lại loạng choạng muốn té.

- Ông Kiguchi, ông đi được không?

- Cô đừng lo cho tôi. So với con đường chúng tôi tháo lui ngày xưa thì đây nhảm nhò gì. - Ông Kiguchi lại lặp lại chuyện cũ, như thể đó là một kinh nghiệm đắt giá của cuộc đời ông. - Con đường đó không như thế này đâu: ngoài sinh lầy dơ dáy còn có những xác lính tráng thối rữa đã gục ngã trước đó.

Mitsuko gạt mạnh đầu. Trong cõi lòng của người đàn ông mang dáng dấp một ông chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ đó, hẳn là mang nặng một quá khứ khiến ông phải đến dòng sông này. Mỗi người đến sông Hằng, đều mang theo mình một quá khứ bị bọ cạp chích, rắn cắn của nữ thần Chàmunda.

Hai người rảo qua một vài bến sông, thấy chỗ nào cũng có những người đàn ông đàn bà đã tắm xong và đang vuốt cho ráo những tấm vải bố dùng làm đồ tắm, *sari* hoặc khố đang vện trên mình, và lau mình, rồi bận y phục vào. Dưới bóng một chiếc dù lớn có một ông đạo sĩ Bà la môn áo vàng đang giơ một tay lên đánh dấu lên trán những tín đồ tới xin ban phúc. Cũng có những hành giả mặt bôi bùn trắng. Trong Ấn giáo có những người khi đã tuổi già bóng xế, họ bỏ gia đình đi hành hương thánh địa, làm hành giả lang thang tới tận lúc chết. Mitsuko thuật lại cho ông Kiguchi nghe những gì anh Enami đã kể cho cô về các cụ “đi giang hồ” như thế.

Ông Kiguchi có vẻ mệt mỏi, bèn ngồi xuống bậc thang, và vừa dõi mắt nhìn cảnh trí chung quanh vừa nói:

- Thế thì chuyến đi Ấn này, đối với tôi cũng là chuyến “hành hương” vậy! Đã bao năm qua tôi vốn ước ao trong lòng làm sao đi Miến Điện hoặc Ấn Độ một lần để cúng các bạn đồng đội, nhưng rồi cô có biết không, cứ bận bịu chuyện làm ăn, cuối cùng năm ngoái mới kiếm được thì giờ, vậy mà khi đến được đây lại vướng phải bệnh...

- Thì có mắc bệnh mới có kỷ niệm của chuyến “đi hành hương” này.

- Nay cô Naruse, trong lúc lên cơn sốt mê sảng, hình như tôi có kêu: “Gaston! Gaston!” thì phải.

- Tôi cũng quên rồi. Tôi cũng không để ý.

- Không, cô Naruse, không phải tôi nói vì thấy ngượng đâu. Gaston là tên của một thanh niên người Tây ngày trước tôi có dịp được biết. Cậu ấy là người đã chăm sóc người bạn chí thân của tôi bị bệnh, cho tới lúc bạn tôi qua đời.

Trời dần dần ửng hồng. Khi mặt trời vừa nhô lên hẳn, dòng sông lập tức vàng rực lên, và bên phải bên trái bến sông, mọi người cùng reo lên. Đám đàn ông chỉ quấn khăn đến ngang thắt lưng, xếp thành hàng và đồng loạt phóng mình xuống sông, làm bụi nước tung tóe.

- Anh bạn lính của tôi đã ăn thịt người trong rừng già Miến Điện đó để có sức cứu tôi lúc đó đã gục vì trúng sốt rét ác tính.

Đột nhiên ông Kiguchi như không còn ghìm được cảm xúc dâng lên trong lòng.

- Cô đã có lúc nào bị đói chưa? Không, cô không thể tưởng tượng được cái đói nó như thế nào. Lúc ấy trúng vào mùa mưa Miền Điện. Lính tráng Nhật Bản chúng tôi vớt hết súng ống; chẳng có gì để ăn, mà mưa thì như thác lũ; lại còn phải trốn chui trốn nhủi. Bốn bề là rừng, suốt dọc đường giữa cây cối cùng những chòm lá dương xỉ vang lên tiếng rên rỉ, tiếng kêu khóc của những binh sĩ bị bệnh chỉ còn thoi thóp. Nhưng rồi chẳng ai giúp được ai. Nghe sau lưng có tiếng van xin “Cứu tôi với!” “Dìu tôi đi với, anh ơi!”, nhưng chúng tôi lúc ấy ai nấy lo kéo lê cái thân tàn ma dại của mình... và não lòng nhất là lúc nghe những người lính trẻ kêu “Mẹ ơi! Mẹ ơi!”, và đòi cứ bò ra cả miệng vết thương. Trong tình huống như thế, bạn tôi đã cứu tôi.

Phía dưới sông kia, hàng hàng đàn ông đàn bà thân trần nhuộm ánh bình minh, miệng ngậm nước sông Hằng và chấp tay cầu nguyện. Những con người ấy ai cũng có một cuộc đời với những nỗi lòng thầm kín không tỏ cùng ai, nhưng rồi cũng phải mang trên đôi vai nặng trĩu đi qua cho hết cuộc nhân sinh. Ai cũng có cái gì đó cần phải gột rửa trong dòng sông này.

- Không còn cách gì khác. Trong tình huống như thế đành phải ăn thịt người, cô ơi!

- Không ít thì nhiều chúng ta sống trên đời này đều có ăn thịt người khác.

- Ấy, ấy, đâu có phải như vậy! Cô nói như thế không đúng đâu. Ông bạn của tôi suốt đời phải đau khổ vì chuyện đó. Sau khi giải ngũ, anh ấy... anh ấy có gặp cô vợ và đưa con của anh lính mà anh ấy đã ăn thịt. Đôi mắt thơ ngây, không biết gì của cháu bé... nó xói qua tim anh và làm cho anh ấy đau đớn cả đời. Bạn tôi đã một mình chịu đựng ánh mắt ấy. Tôi là bạn thân mà anh cũng không nói... cứ uống rượu tìm quên. Hậu quả là cứ ới ra máu

không biết bao nhiêu lần. Anh phải vào bệnh viện và nhân đó gặp anh thanh niên người Tây đang làm việc thiện nguyện ở đó.

Mitsuko đưa mắt nhìn về phía bên sông Manikarnikà nghe những lời tưởng như độc thoại của ông Kiguchi. Có những dịp và cũng có những chỗ làm người ta phải thổ lộ những điếu thần kín còn chất chứa trong lòng. Đối với ông Kiguchi thì chính là lúc này đây và ngay bên dòng sông Hằng này. Đàng bên sông Manikarnikà khói trắng tuôn trên mặt nước; khói trắng của ngọn lửa đã thiêu đốt những kẻ đã kết thúc cuộc đời.

- Chính cậu Gaston tôi kêu tên trong cơn mê sáng đó khi nghe bạn tôi tâm sự, đã nói thế này. Có một chiếc máy bay đã rớt xuống giữa vùng núi Andes; và những người sống sót ăn thịt của những người đã chết để sống.

- Ồ!

- Nghe họ nói là trong thời gian chờ đợi cứu hộ đến, giữa vùng núi tuyết đó, và tới lúc hành khách không còn gì để ăn thì chính những người bị thương đã yêu cầu là sau khi chết hành khách còn sống hãy ăn thịt của họ... Anh bạn lính của tôi vừa nghe kể vừa khóc. Nhờ nghe chuyện đó anh có bớt đau khổ phần nào chăng. Khi anh ấy trút hơi thở cuối cùng, trông vẻ mặt anh bình an lạ thường.

- Sao khi không ông lại kể chuyện đó cho tôi vậy?

- Xin lỗi cô. Thật sự tôi không hiểu tại sao bây giờ tôi lại thổ lộ điếu không thể nói ra đó.

- Có lẽ vì sông Hằng đã thôi thúc ông. Dòng sông ôm ấp bất cứ điếu gì của con người... Sông làm cho ta cảm thấy như thế...

Chính Mitsuko cũng bắt đầu thực sự cảm thấy như vậy. Không nơi nào ở Nhật giống cái thành phố Vārāṇasī này. Nơi này cũng khác với Paris và Lyon, những nơi cô có biết qua. Đây là dòng sông mà người ta từ những nơi xa xôi cũng lặn lội tới, mong sau khi chết hình hài được thả trôi sông. Đây là thành phố khách thập phương đến hành hương hầu được nhắm mắt xuôi tay. Và dòng sông sâu ôm ấp xác thể của họ, lặng lẽ đưa đi.

Ông Kiguchi đưa bàn tay nhăn nheo xoa xoa lên khuôn mặt đã có những vết đốm của tuổi già như để chiếc váy rơi khỏi mắt.

- Từ đó về sau, cô có biết không, tôi bắt đầu suy nghĩ đủ thứ. Dù không hiểu được gì, tôi bắt đầu đọc sách Phật.

- Cái anh Gaston đó có còn ở Nhật nữa không?

- Tôi cũng không biết nữa. Nghe nói, sau khi anh bạn lính của tôi mất, người ấy cũng biến mất khỏi bệnh viện. Tôi thậm chí có cảm giác là, vì bạn tôi mà người ấy xuất hiện, và sau khi bạn tôi mất, người ấy liền bỏ đi. Bạn tôi đã phạm phải một điều thật kinh khủng mà với tư cách một con người, anh không được phép làm, nhưng vào lúc hấp hối trong tuyệt vọng, người ấy đã đến bên cạnh anh và... đã trở thành bạn đồng hành với người bạn chiến đấu của tôi trong một chặng hành hương.

Khi nghe như thế, Mitsuko liên tưởng tới Ootsu, nhưng ông Kiguchi lại thì thầm những điều khác hẳn với những gì cô đang nghĩ:

- Tôi đang nghĩ là... theo như điều mà trong Phật giáo gọi là Thiện Ác bất nhị, thì người ta không thể cho là tuyệt đối đúng những sở nghiệp mà mình đã làm, và trái lại trong bất cứ ác hành nào, tức bất cứ việc làm xấu nào cũng đều có cứu chữa, là hạt giống cứu rỗi. Bất cứ ở đâu, Tốt

Xấu cũng đầu chung lưng đấu cật với nhau, không thể tách rời chúng ra, không thể dùng dao mà cắt được. Bọn tôi vì đói quá đã dút vào miệng miếng thịt người. Việc làm đó đã làm đời anh tan nát, nhưng anh thanh niên Gaston đã nói là người ta có thể tìm thấy được Tình Yêu của Chúa trong chốn địa ngục như thế. Tôi nói những đi đâu có vẻ cao xa, nhưng từ khi bạn chết đến giờ, tôi cứ sống và nghĩ đến ngắm những đi đâu ấy mãi.

Cạnh hai người có một cô bé trông có vẻ con gái nhà giàu, vận *sari* màu da cam dễ thương, tròn xoe đôi mắt đen lớn, nghe hai người nói chuyện với nhau bằng tiếng Nhật, với cái vẻ lạ lùng. Trên mặt sông nhuộm hồng, đầu người nhấp nhô trông giống như những chiếc đèn cúng vong thả trên nước bây giờ đã tắt.

- Này cô, tôi nghe nói là ở Ấn người ta tin rằng một khi được dìm mình trong sông Hằng, người ta sẽ được tái sinh vào một cảnh giới tốt đẹp hơn ở đời sau.

- Vâng, thì người Ấn họ còn gọi sông này là Sông Tái Sinh mà ông.

- Tái sinh? Thực ra, trong cái đêm mê sảng đó, tôi đã mơ và còn nhớ một giấc mơ như thế này này: Tôi thấy anh bạn lính hiện ra trước mặt tôi, trông có vẻ đau khổ, và anh thanh niên Gaston đang ôm anh ấy trong lòng. Tôi cảm thấy hai người chung lưng không thể tách rời. Để có sức cứu tôi, bạn tôi đã ăn thịt người. Trong mơ tôi nghe anh chàng trẻ tuổi Gaston đó nói rằng ăn thịt người là một đi đâu ghê tởm, nhưng vì xuất phát từ tình cảm từ bi, thì hành vi ấy sẽ được khoan thứ.

-

- Như vậy cũng là một hình thức tái sinh, không phải sao?

Một người đàn ông có dáng dấp của một chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ mà ở Tokyo chỗ nào cũng có, lại có một cuộc đời vượt ngoài tầm hiểu biết của Mitsuko. Những người đang chấp tay cầu nguyện dưới sông, mỗi người đều mang bi kịch trong lòng. Và trong cả những tử thi được người ta khiêng đến đây cũng thế. Dòng sông ôm lấy tất cả, dòng sông mà Ootsu đã gọi là Dòng Sông Tình Yêu của Củ Hành. Ông Kiguchi cười rút tay nải mang theo, lôi ra một cuốn kinh.

- Xin lỗi cô, tôi xin mạn phép tụng kinh cầu cho anh bạn chiến đấu của tôi và cho các chiến sĩ trận vong.

- Xin mời ông. Tôi cũng đi lòng vòng một chút.

Vừa nhìn dòng sông ông vừa tụng một đoạn kinh A Di Đà ông đã thuộc.

Sông Hằng uốn cong mềm mại trôi xuôi về Bắc.

Khuôn mặt của những binh sĩ vong mạng, kẻ sắp người ngã trên Đường Tử Thần thấp thoáng trong đáy mắt ông Kiguchi.

*Bỉ quốc thường hữu
Chủng chủng kỳ diêu
Tạp sắc chi điểu:
Bạch hạc, khổng tước,
Anh vũ, xá-lợi,
Ca-lăng-tân-già,
Cộng mạng chi điểu.
Thị chư chúng điểu
Trú dạ lục thì
Xuất hòa nhĩ âm.*

*Nước kia thường có
Loài loài chim lạ
Muôn sắc muôn màu:
Thiên nga, chim sẻ,
Xá lợi cùng vẹt
Ca-lăng-tân-già
Đều mang một mệnh.
Các giống chim này
Cả đêm lẫn ngày
Êm êm lú lo.*

Cô gái nhỏ bên cạnh ng ồi im, tròn xoe đôi mắt đen tròn nhìn ông tụng kinh. Mỗi lần tụng kinh A Di Đà thì y như rằng ông lại cứ nhớ tới tiếng vô số chim nhỏ ríu rít bên tai ông trong rừng già xứ Miến.

*Bỉ Phật quốc thế
Vi phong xuy động,
Chư bảo hàng thụ
Cập bảo la võng
Xuất vi diệu âm.*

*Đất nước Phật kia,
Nhẹ làn gió thổi
Cây cành châu báu
Chạm dây leo ngọc
Tuyệt vời vang ngân.*

Mưa suốt cả ngày, chỉ tạnh đôi lúc. Những lúc như thế, không biết chim chóc lúc nãy trốn đi đâu, lại đột nhiên ríu rít vui vẻ giữa rừng già. Bất chấp tiếng kêu rên, tiếng khóc của lính tráng nằm ngổn ngang trên mặt đất, chim chóc chẳng chút quan tâm, vẫn rộn rã gọi đàn. Thế r ồi, tiếng máy bay địch tìm kiếm dấu vết của lính Nhật từ xa vọng lại. Những ngày thê thảm đó, muôn chim càng trỗi giọng trong sáng tươi vui, tiếng rên xiết của binh sĩ nghe càng đau đớn...

Con đường từ Vārānasī cho đến Allahābād là đường trải đá, có đôi chỗ bị lở, đã thế xe lại thuộc loại quá cũ, nên cứ bị gi ùng mãi. Anh tài xế cứ phải lấy tay giữ cánh cửa xe đã gãy mất tay c ãn. Những khi xe lắc lư như thế, ông Numata lại phải giữ chiếc l ùng chim bên cạnh, vì con nh ùng mà người bán chim vừa giao sáng nay cứ hốt hoảng cả lên. Ông phải vổ v về nó: “Không sao, không sao!”

Người tài xế quay lại, nghe cái miệng đã rụng hết răng ra cười, rồi nói bắt chước câu nói của ông bằng tiếng Nhật: “Không sao, không sao!” và quay trở lại nói tiếng Anh, một thứ tiếng Anh dở tệ:

- Con chim này là của ông?

- Vâng.

- Bộ ông tính ăn thịt nó hả? - Người tài xế hỏi thế rồi đưa một tay làm dấu hiệu ăn.

- No.

- Ông là người Nhật hay người Tàu?

- Người Nhật.

- Ông định đưa con chim này về nước hả?

- No. Tôi sẽ thả nó.

Nhưng người tài xế xem ra không hiểu rõ câu cuối cùng ông vừa nói, im lặng c ãn tay lái.

Cuối cùng con nh ờng cũng bình tĩnh trở lại được. Ông đặt l ờng trên đầu gối ng ắm nó. Nó bám cả hai chân lên thanh đậu, cất tiếng kêu, giọng như thể bị vướng đ ắm, nghe giống tiếng con nh ờng ở bệnh viện độ nọ.

Cả độ lớn lẫn hình dáng đầu không khác gì con ông đã nuôi trong bệnh viện. Trong khi xe đang chạy trên con đường đá, cái dáng nó cứ ngóc đầu lên một chút lại càng giống.

- Mi có nhớ đ ắm hôm đó không? - Ông thì th ầm với con nh ờng.

Người tài xế quay lại, hỏi:

- Ông cần gì à?

- *No*.

Anh ta vặn nút radio, nhạc Ấn, có lẽ là một bài hát đang thịnh hành, vang ra; giọng nữ cao vút hòa với tiếng trống lớn *mridangam*.

Rừng rậm bắt đầu hiện ra hai bên đường. Dừa nước và cây đa mọc kín thành rừng. Rễ đa thông xuống quẩn xà nẹo như nam nữ giao tình. Ông Numata thò đầu ra khỏi cửa sổ xem có bảng đ ề “Wildlife Sanctuary”: Khu Bảo T ần Thú Hoang, nào không. Chim chóc và muông thú được bảo vệ trong những khu như thế. Sasharka và Bharatpur gần Agra cũng có những khu bảo t ần rộng và nổi tiếng, nhưng anh Enami đã nói cho ông biết là ở Allahàbàd cũng có khu bảo t ần, tuy nhỏ, và ở đó người ta cấm săn bắn.

Ông trải tấm bản đồ ra tìm địa điểm, anh tài xế xem ra đã được người phụ trách qu ầy tiếp tân ở khách sạn dặn trước, liền nói:

- *I know I know. No problem*: Tôi biết. Không sao.

Xe bây giờ vòng vào con đường rải sỏi. Xe giồng mạnh. Con nhồng trong lồng sợ hãi đập cánh một lúc, và cuối cùng xe ngừng lại.

- Đây rồi.

- Anh cứ ở đây chờ tôi. - Ông Numata nói, đưa đồng hồ ra chỉ thời gian khoảng ba mươi phút sau.

Văn phòng đơn sơ vắng hoe. Ông gọi hai ba lần mà chẳng có ai đáp. Có tiếng các loài chim kêu, tựa như thảo cầm viên sau giờ đóng cửa. Trong rừng được sửa sang thật chu đáo; cây cối được tỉa bớt. Có cả những chiếc hồ nhân tạo đó đây cho chim thú uống nước.

Ông ngồi cạnh một cái hồ và đặt lồng xuống.

- Mi có nhớ đêm đó không?

Ông nói chuyện với con nhồng, và ngay lúc đó ký ức về cái đêm sâu ấy sống lại làm đau nhói tim ông. Sau gần hai năm nằm nhà thương và sau hai lần mổ thất bại, ông đã mỏi mòn lắm rồi, chỉ có thể thổ lộ niềm riêng với con nhồng. Đêm sâu, bệnh viện ngủ yên. Bật đèn trên chiếc bàn ngủ nhỏ, ông bộc lộ hết cho nó những bất an và lo lắng không thể nói với ai, bởi không muốn làm cho vợ khổ thêm, như thế ông đang nói một mình. Con nhồng có bộ lông màu đen mượt như màu tóc đàn bà. Nó bám chặt vào thanh đậu bằng những chiếc móng như đinh móc, đầu ngóc, kêu: “Ha, ha, ha, ha!” Nghe như vừa nhạo cười cái tính nhút nhát, chẳng chút gì khí khái của ông, lại như vừa an ủi ông.

- Tôi sẽ chết mất.

- Ha, ha, ha, ha!

- Tớ phải làm sao đây nh ờng?

- Ha, ha, ha, ha!

Thế r ấ vào một ngày tháng Hai tuyết trắng, cuộc phẫu thuật lần thứ ba được tiến hành. Vào lúc ông bị xuất huyết do màng phổi bị dính, sóng đồ thị trên máy đo nhịp tim không còn nhấp nhô trên màn ảnh nữa, con nh ờng đã chết thay ông.

Ông Numata mở miếng gỗ chắn cửa chu ờng ra. L ờng đan sơ sài bằng tre và dây kẽm. Ông lấy ngón tay gõ nhẹ vào mặt ngoài l ờng:

- Thôi, đi ra đi.

Con nh ờng lững thững đi ra, chạy qua bãi cỏ cao, đập cánh, nhún người nhảy lên một chút, r ấ đột nhiên phóng mình chạy trên mặt đất. Khi nhìn cái dáng phía sau tức cười của nó, ông cảm thấy như đã cất được gánh nặng đè trên lưng bao năm tháng. Ông nghĩ đã đến ơn đáp nghĩa được con nh ờng từng thế mạng cho ông trong ngày đông tuyết giá hôm nào.

Ông thấy nóng như thiêu như đốt trên mặt, trên cổ, nhưng khi vào dưới bóng râm của những cây cau lớn, ông lại nghe tiếng muôn chim riu rít gần xa trong rừng. Chim chóc đủ màu đủ cỡ, chuy ền cành nhẹ nhàng, vui v ầy. Con nh ờng không biết đã đi đâu.

Lá b ồ đề xào xạc. Tiếng côn trùng bay bên tai. Tiếng xào xạc càng làm cho yên ắng thêm yên ắng. Có con gì đó đang thoăn thoắt chuy ền trong vạt dừa, ông ngược mắt nhìn lên, thì ra là khỉ đuôi dài. Ông nhắm mắt lại, hít vào cái mùi hăng hăng của trái cây ương pha hơi men n ờng toát ra từ

mặt đất và cây cỏ. Mùi hương trậ̀n trụi của cuộc đời. Trong ngàn cây, trong tiếng chim ríu rít và trong làn gió nhẹ lay muôn lá, sự sống giao nhau.

Bỗng nhiên ông lại nghĩ tới cái ngu muội của mình. Những gì bây giờ ông cảm thấy, trong cái cõi đời này, chẳng có ích cho đi đâu chi cả. Ông đã dư biết như thế, vậy mà cứ ngu ngốc phó mình cho chúng. Cái thành phố Và̀ranasì nặng mùi sự chết. Không phải chỉ thành phố này mới nặng mùi, thủ đô Tokyo cũng thế. Dầu vậy, tiếng chim vẫn líu lo vui vầy. Và để trốn chạy khỏi những mâu thuẫn đó, ông đã tạo ra thế giới đậ̀ng thoại, có lẽ sau khi về nước ông cũng sẽ lại viết những câu chuyện có chim chóc và muông thú là nhân vật chính.

CHƯƠNG MƯỜI BA

Ngài không duyên dáng, không oai vệ

Truyền hình cứ chiếu đi chiếu lại thông tin nữ thủ tướng Ấn Độ vừa bị ám sát.

Cứ theo tin tức thông báo trên ti vi thì ngày hôm đó lúc chín giờ mười lăm sáng, thủ tướng như thường lệ ra khỏi tư dinh đi đến dinh thủ tướng cách đó một trăm tám mươi mét. Diễn viên người Anh, ông Peter Ustinov, đang chờ thủ tướng đến dinh để phỏng vấn. Ngay lúc đó, ông nghe có tiếng như tiếng pháo nổ ngoài cửa sổ, rồi có tiếng người kêu la. Cận vệ của thủ tướng, viên thanh tra cảnh sát Beant Singh và một nhân viên an ninh khác, Satwant Singh, đã xả súng tiểu liên vào bà thủ tướng. Bà bị bắn gục tại chỗ, người ta tức tốc chở bà đến bệnh viện nhưng tới đó thì bà đã chết. Năm mươi vết đạn xuyên qua thân bà.

Ảnh gương mặt diễn viên Ustinov cũng xuất hiện trên màn ảnh, đồng thời phát tiếng ông nói:

- Đoàn chúng tôi đã chuẩn bị đầu vào đó. Khi trà được rót vào tách, thì đột nhiên tôi nghe ba phát súng nổ. Có ai đó nói đó chắc chắn là tiếng pháo.

Trong khi những nhân viên khách sạn và ông Isobe đang chăm chú xem ti vi, Sanjou vai mang túi du lịch xuất hiện.

- Xin chào! Ông ở đây một mình hả? Còn mấy người kia đâu? -
Sanjou cao giọng.

Ông Isobe không thèm nhìn anh ta:

- Những người kia họ cùng đi chung xe buýt với đoàn du lịch Mỹ, ngoạn cảnh sông Hằng rồi.

- Hả, xem sông Hằng!? Giá tôi cũng được đi với họ. Đêm qua tôi với vợ tôi đi nhảy đầm ở khách sạn Taj Ganges tới khuya, nên ngủ quên mất. Cái khách sạn đó thật sang. Tại sao cái anh Enami lại cho chúng ta ngủ trong cái khách sạn hạng hai này nhỉ? Tại thành phố này cũng có những khách sạn tầm cỡ như loại Okura ở Tokyo.

- Vợ anh đâu rồi?

- Vợ tôi đang ngủ. Cô thật rầy rà; thật y như con nít, chẳng hiểu cái chí của chồng muốn trở thành một nhiếp ảnh gia nổi tiếng.

- Anh đang mang cái máy ảnh trong túi đó phải không?

- Ông đoán sao hay quá vậy? Vì vợ tôi ngủ mãi tới trưa mới dậy, nên uống cà phê rồi sáng nay tôi sẽ xuống sông Hằng.

- Có lẽ anh cũng đã nghe anh Enami nói là ở bãi hỏa táng người ta tuyệt đối cấm chụp ảnh, nhất là từ hôm qua đến nay tin đồn Ấn giáo đang tức sôi máu. Hôm qua tôi đã thấy họ đánh một người đạo Sikh máu me đầm đìa. Tôi nghĩ là hôm nay anh không nên mang máy ảnh đi.

- Nhiếp ảnh gia Robert Capa đã nói một nhiếp ảnh gia mà không mạo hiểm thì không thể nào chụp được những bức ảnh kiệt tác... Như người Ấn Độ vẫn hay nói “*No problem!*”, không sao, ông đừng lo. Tôi sẽ không chụp bãi hỏa táng đâu.

Nhấp cà phê xong, Sanjou nhờ người phụ trách tiếp tân kêu tắc xi, rồi quay trở lên phòng mình. Cô vợ mặc áo ngủ màu thanh thiên đang rải tay ngủ, cuộn mình như tổ kén. Khi Sanjou chạm vào cánh tay trắng nõn của vợ, cô ta lơ mơ hé mắt:

- Để cho em ngủ!

- Anh phải đi ra ngoài. Công việc mà. Nếu không, chuyến đi này chỉ vô ích. Em có muốn dùng gì không, anh gọi họ mang lên.

- Em không cần gì cả.

- Chà, bà thủ tướng mới bị ám sát mà vẫn ngủ được cơ đấy.

- Đâu có mắc mớ gì đến chúng mình. Em xin anh để cho em ngủ mà...

Dĩ nhiên như thế thì quá tiện cho Sanjou. Thật ra Sanjou cũng chẳng biết phải làm gì với vợ. Những khi thấy khách sạn sang trọng và các cửa hiệu bán lụa Ấn và khăn choàng *cashmere* thì mắt cứ sáng lên, vậy mà ở Delhi cũng như ở đây cứ luôn miệng rên: “Đơ quá!” “Thật em chịu hết nổi!” “Đáng lẽ giờ này chúng mình đang đi trên Tuyến đường truyện cổ tích.”

Khi thấy Sanjou vội vàng leo lên tắc xi ra đi một mình, ông Isobe bỗng cảm thấy nỗi lo lắng ập tới. Công ty nào cũng có thể hệ coi bộ dễ

mến nhưng cứ gây phiền toái không ít cho những người khác. Nhờ kinh nghiệm, Ông Isobe biết Sanjou không phải người xấu nhưng là một thanh niên thiếu nhạy cảm.

- Chở tôi đến bến Dashashwamedh! - Sanjou ra chỉ âu đặc ý nói với anh tài.

- *Yes, sir!* - Người tài xế lễ phép trả lời, đáp lại cái giọng trịch thượng của Sanjou. Sanjou vuốt ve cái máy ảnh trong túi. Cái cục cứng cứng này là lẽ sống, là bạn đời của anh ta!

Xe vừa ngừng, những người ăn mày bu quanh anh ta như đám châu chấu. “*No!*” Sanjou lớn giọng la như la chó “*No!*” với người đàn bà bàn tay đã rụng hết ngón, với những đứa bé ra dấu là mình đói, lòng thương cảm không còn dấy lên trong lòng như lúc đầu nữa. Nếu cho một người dù chỉ một ít bạc cắc, bọn họ sẽ bầu lại không biết bao nhiêu mà kể.

Ở góc ngã tư, nơi có những hàng quán bày bán hoa và bình để đựng nước sông thiêng, thấy có bóng dáng hai người lính, có lẽ do vụ thủ tướng bị ám sát. Nếu họ có thấy thứ bên trong túi, có lẽ sẽ tra hỏi Sanjou.

Sanjou vừa đi dọc theo con đường hẻm khúc khuỷu dọc sông, vừa huýt sáo bản “*Starlight Blues*”, và xem ra đặc ý lắm:

- Đâu vô đó rồi. Tất cả là nhờ khôn khéo!

Sau khi tốt nghiệp đại học tư về khoa nghệ thuật, anh ta đã trở thành trợ lý cho một nhiếp ảnh gia nổi tiếng, khéo léo xoay xở mọi chuyện. Lấy vợ thì lựa ngay con gái một gia đình có thể bảo đảm được cuộc sống của mình. Qua chỗ đài thiên văn một chút, anh đụng phải hai ba hàng người đang khiêng xác chết liệm trong các loại vải đủ màu. Đó là thi hài của

những khách hành hương đã trút hơi thở cuối cùng trong các nhà trọ ven sông. Đàn bà được liệm trong vải tám màu đỏ hoặc màu cam - trong cẩm nang du lịch có viết như thế.

Sanjou chạm vào máy ảnh từ mặt trên của túi xách.

Cấm thì cấm, anh ta vẫn cứ muốn chụp. Tuy chỉ mới chân ướt chân ráo vào nghề nhưng Sanjou cũng dư sức biết là chưa có một nhiếp ảnh gia Nhật Bản nào chụp được những cảnh này. Nếu anh chụp được, biết đâu bức ảnh cùng tên của mình sẽ được đăng tải trên tạp chí nhiếp ảnh lớn.

Chụp ảnh ăn tiền ở đề tài chứ không phải ở mặt tư tưởng. Do đó, anh ta đã chọn Ấn Độ làm nơi hưởng tuần trăng mật. Nếu không có cái bối cảnh đầy bi tráng là chiến trường, thì chắc gì Robert Capa đã nổi danh.

Có mấy người đàn ông đang khiêng một thi hài trên cái cáng dài chừng ba mét, đang đi qua một con ngõ hẹp.

Nhóm đầu vừa đi qua, nhanh như chớp, Sanjou liền kéo cái xẹt khóa kéo chiếc túi, lôi chiếc máy ảnh bừa bới ra, nhưng khi anh vừa đưa máy lên ngắm, một người đàn ông đang khiêng cáng đòn sau bỗng quay lại, la to, rõ ràng bằng tiếng Nhật:

- Đứng! Ở đây cấm chụp ảnh!

Sanjou quên cả bấm máy, ngó người nhìn người đàn ông.

Nhớ ra rồi! Cách đây vài ngày, khi anh Enami đưa đến đây xem sông, đã gặp anh này ở bãi hỏa táng. Anh Enami có hỏi chuyện, nhưng anh ta có vẻ thẹn vì quần áo lôi thôi hay sao đó, nên chỉ trả lời cho qua với anh Enami, rồi lẫn vào đám đông người Ấn.

Vừa đi theo sau thi hài và các phu đòn, Sanjou vừa nghĩ có khi gặp cái anh đồng hương này lại hay.

“Khôn khéo, khôn khéo!” Sanjou có cái tật là cứ nghĩ mọi chuyện theo hướng tốt đẹp. “Mình sẽ thử nói chuyện với cái anh người Nhật này, rồi nhờ hắn ta lên chụp giùm mình. Dĩ nhiên nếu đưa tiền thì hắn chẳng từ chối đâu!” Khi tới gần bãi hỏa táng, mùi tử khí có một không hai cứ xông vào mũi. Thân quyến người chết bó gối ngồi bệt trên mặt đất, chờ cáng được nâng lên đóng cũi, chôn lửa.

Hận thù lan rộng khắp mọi nơi, máu chảy khắp mọi nơi, chém giết ở khắp mọi nơi. Mitsuko ngồi xuống bậc thang bên tấm và nhìn lướt tờ *Indian Times* đang trải trên đầu gối, mà cô mua cùng với mấy tấm bưu thiếp trong một cái quán kê ra khá thơm tất. Chẳng có tin tức gì nói về Nhật Bản, ngoại trừ tin thủ tướng Nakasone cùng với nguyên thủ các nước sẽ tham dự tang cố thủ tướng Indira Gandhi tổ chức vào ngày mốt. Hận thù âm ỉ và máu chảy không chỉ ở Ấn Độ. Iran và Iraq cũng đang sa lầy trong chiến tranh; và cuộc chiến vẫn còn kéo dài ở Afghanistan. Trong một thế giới như thế, cái tình yêu của Củ Hành, mà Ootsu đang dốc lòng tin, sao mà thảm hại, bất lực đến thế. Cô nghĩ là, giả sử Củ Hành sống trong thế giới ngày nay, thì cũng chỉ đành bó tay.

*... Ngài không duyên dáng, không oai vệ;
Ngài bị khinh khi, và là đồ phê bỏ của người đời,
con người đón đau và những ốm o xo bại,
như một kẻ có gặp chúng tôi thì lo giấu mặt,
bị khinh khi, và chúng tôi đã chẳng đếm xỉa.
Trái lại, chính các bệnh tật chúng tôi, Ngài đã mang,
chính các đau khổ của chúng tôi, Ngài đã vác...*

Thật buồn cười cái anh Ootsu! Thật buồn cười cho Củ Hành! Mitsuko tìm bóng dáng của Ootsu trong đám người bận đồ trắng đang qua lại ở bãi hỏa táng. Dù chế giễu Ootsu nhưng lòng cô sao cứ vương vất, sao cứ phải đi kiếm anh chàng cho được. Có một số người mặc đồ trắng, ngoài ra còn có cả bầy chó vàng đang rình rập những mảnh thịt người còn sót lại sau khi thiêu. Kềnh kềnh cũng luân quần quanh đồng củi cao như núi, dang cánh, chờ co hội. Trong làn mi khép của Mitsuko chập chờn bóng dáng nữ thần Chàmunda, bà cứ phải cẩn rằng chịu đựng dù bị bạo cạo chích, rấn hồ cấn. Và khi cô sực tỉnh, một con bò gầy gò ở bậc đá bên cạnh cũng lim dim nhìn cảnh sông như cô.

- Ông Kiguchi! - Mitsuko kêu.

Ông Kiguchi đang tụng kinh, thoát đầu không nhận ra Mitsuko. Ông ngơ ngợ nhìn rồi mới buột miệng kêu lên:

- Ủa, cô đó hả? Trông cô khác quá. Tại cô mặc *sari* đấy.

- Tôi “tậu” được ở trong hẻm kia kìa. Chủ tiệm đã chỉ tôi cách mặc.

- Thế bộ đồ cô mặc lúc này đâu?

- Quán họ giữ gìn rồi, đặc biệt cho những người ngoại quốc tắm sông.

- Cô định tắm à?

Ông Kiguchi dõi theo Mitsuko mình vận *sari* đang chầm chậm đi xuống bậc thang. Cô chấm một bàn chân xuống mép nước màu trà sữa.

Nước ấm hâm hâm. Một người đàn ông Ấn Độ to con dưới sông khua tay hăng hái nói cái gì đó. Khi Mitsuko hỏi: “Ông nói gì?” người đàn ông la lớn: “Mời cô cứ xuống đây. Nước sông dễ chịu lắm.”

Mitsuko gật đầu thò một chân rồi cuối cùng nhúng hẳn cả hai chân xuống. Giống như cái chết, trước đó thì còn ngần ngại nhưng khi ngập cả người xuống, cái cảm giác ghê ghê biến đi đâu mất.

Các tín đồ Ấn giáo bên phải hai người, bên trái bốn người cả nam lẫn nữ đang rửa mặt, ngậm nước trong miệng và chấp tay. Chẳng có một ai nhìn cô với vẻ lạ lùng cả. Quan sát kỹ, cô thấy chỗ tắm của nam và chỗ tắm của nữ đã tách riêng nhau một cách tự nhiên.

Mitsuko lội lồm bồm đến phía những người phụ nữ bận *sari*. Các bà đang đặt những cánh hoa mua ở hàng quán trên bến sông lên lá cây, rồi thả trôi dòng. Dưới chiếc dù căng trên bậc thang đá, ông đạo sĩ Bà la môn mặc áo vàng đang chúc phước cho đôi vợ chồng mới cưới, ở phía Nam xa xa, ba người đàn ông áo trắng đang dùng xẻng xúc tro người chết thả xuống sông. Dù nước ngậm tro người chết cứ thế trôi về phía này nhưng chẳng ai coi đó là chuyện khác thường, khó chịu cả. Ở trong dòng sông này, chết sống cùng chen vai thích cánh với nhau.

Bông vàng và hoa sắc hồng đã được chúc phước trôi tới, chạm vào rồi tự lại bên vật gì đó như một khúc củi trắng, nhìn kỹ, thì ra là xác một con chó con. Tuy nhiên chẳng ai bận tâm; người ta vẫn cứ lội qua lội lại, ngập lặn và cầu nguyện. Mitsuko đảo mắt tìm khắp bãi hỏa táng. Người ta vừa mới đặt một xác liềm vải nâu vàng lên đồng củi, phu đòn lại khiêng xác người khác tới. Chẳng thấy bóng dáng Ootsu đâu cả.

Mitsuko quay mặt về phía dòng sông đang trôi. Cảm thấy xấu hổ với chính mình, cô tự bào chữa: “Mình nào có thật tâm cầu nguyện gì đâu. Giả vờ cầu nguyện thôi mà! Cũng giống như ngày xưa mình vờ thương, vờ yêu vậy thôi!” Vời mắt trông theo sông, sông êm đềm uốn khúc, lấp lánh nắng và nơi xa xăm kia huy hoàng chấp chới. “Nhưng mình biết rằng có một dòng sông nhân gian. Tuy nhiên, bên kia dòng sông nhân gian đó có gì thì mình chưa biết được. Nhưng mình cũng có cảm giác, đi qua nhiều sai lầm trong quá khứ, cuối cùng mình đã biết được ít nhiều mình muốn gì.”

Mitsuko, bóp mạnh tay, tìm bóng dáng Ootsu phía bãi hỏa táng. “Đi đâu mà mình tin tưởng được chính là cái cảnh mỗi người, gánh sầu thương nặng trĩu đôi vai, đang cầu nguyện trong dòng sông sâu thẳm này.” Tiếng lòng không biết đã biến ra tiếng cầu nguyện từ lúc nào. “Là dòng sông ôm ấp những con người như thế và đưa đi. Dòng sông nhân gian. Nỗi buồn của dòng sông nhân gian sâu thẳm. Mình cũng đang hòa mình vào sông.”

Lời cầu nguyện giả bộ đó, cô cũng không rõ đang hướng về ai. Có thể là hướng về Cử Hành, người Ootsu đang theo đuổi, hay là về một cái gì đó Vô Thủy Vô Chung, Cao Vời Khôn Ví?

Ngay lúc ấy có tiếng la hét ở chỗ gần bậc thang đi xuống bãi hỏa táng. Đám tín đồ Ấn giáo đang ngổn ngang hôm bỗng nhất loạt đứng dậy, rồi vừa chạy vừa la lối cái gì đó. Một người Á châu đang chạy thục mạng. Sanjou. Anh chàng Sanjou chứ ai vào đó. Bỗng từ trong đám phu đòn đang ngổn ngang, có một người lao ra, đứng trước thân thích người chết toan lựa lời nói với họ. Nhưng vì đã bị kích động sẵn, họ liền bao quanh người ấy và xông vào đánh đá túi bụi. Trong khi đó Sanjou chạy lẫn vào trong những

con đường chẳng chịt nằm sau bờ sông. Tín đồ Ấn giáo còn cầm chùy thủ tướng của họ bị ám sát, nên đã trút cơn giận vào cái người toan ngăn cản họ. Người đó lăn tròn xuống bậc thang như một kiện hàng từ xe tải ném xuống, bất động.

Những người đi tắm bầu quanh người đàn ông bị lăn xuống. Qua khoảng trống giữa những tấm thân ướt sũng, Mitsuko thấy thân thể đàn đũa máu của Ootsu, cô thét lên:

- Anh Ootsu!!

Nghe tiếng thét, những người đàn ông đóng khố *dohti* và những người đàn bà vận *sari* còn tong tòng nước quay lại nhìn và tránh lối cho cô.

- Không phải anh ấy. - Mitsuko ng ẩ xồm xuống bên cạnh. - Anh ấy chẳng làm gì nên tội cả.

Ootsu hé mắt ra cười gượng nhưng đầu ngoẹo qua bên phải như một nhánh bonsai.

- Cái cổ của tôi... - Ootsu th ầu thào, - gãy r ối hay sao đó... gay thật...

- Anh cố lên một chút. Tôi sẽ gọi xe cứu thương.

- Tôi đã nói đừng có chụp người chết... thế mà anh ta vẫn... cứ...

- Cái anh đó là một người trong nhóm du khách Nhật chúng tôi. Để tôi đi gọi xe cứu thương.

- Các bạn tiện dân... sẽ khiêng tôi. - Ootsu cười mỉu xệch. - Họ sẽ khiêng tôi đang còn sống trên chiếc cáng dành cho người chết! - Anh có vẻ

như muốn chọc cười Mitsuko.

Cô vẫn ng ẫ xồm, lấy chiếc khăn mang theo lau máu đọng lại trên cằm trên má anh. Khuôn mặt tròn trĩnh loang máu bây giờ trông y như khuôn mặt anh hềPierrot. Như Ootsu đã nói lúc nãy, những người phu đòn đã mang một chiếc cáng tre dùng để khiêng người chết lại. Thấy thế đám người nãy giờ bâu lại nhìn, tản ra như chạy trốn. Khi người ta đỡ lên cáng, anh kêu lên đau đớn, như tiếng dê kêu.

- Các ông tính khiêng anh ta đi đâu? - Mitsuko hỏi bọn đàn ông khiêng cáng. Ai nấy đều yên lặng. Cô hỏi mãi, một người mới chịu trả lời:

- Nhà thương.

- Nhà thương nào? Xin các ông đưa anh ta đến nhà thương của trường đại học.

Từ trên cáng Ootsu quay mặt nhìn Mitsuko, thì thào như nhủ lòng với riêng mình:

- Xin vĩnh biệt! Như thế... là diễm phúc lắm r ẫ. Cuộc đời tôi như thế này là diễm phúc lắm r ẫ.

- Anh là một thằng khùng, một thằng ngốc, anh có biết không?! - Mitsuko vừa nhìn theo cái cáng vừa hét lớn. - Có khùng, có ngốc mới phí cả một đời cho cái ông Cử Hành ấy. Anh dõi theo bước chân Cử Hành nhưng cái thế giới đầy rẫy ích kỷ và thù hận này nào có thay đổi được gì đâu? Anh bị khắp nơi xua đuổi, cuối cùng thì gãy cổ, bị khiêng đi trên cáng người chết. Cuối cùng anh cũng bất lực, không phải vậy sao?

Cô ng ẫ ch ồm hồm, vô vọng dấm xuống bọc thang đá.

Người đông kinh khủng. Trời nóng nung người. Đám tài xế tắc xi tranh khách inh ỏi. Cái tiếng Anh nặng giọng Ấn của họ nghe như đang giận dữ lắm. Anh Enami dặn dò:

- Xin quý vị coi chừng hành lý. Ở Calcutta này, hễ sơ hở là có bàn tay nhám nhúa cuỗm ngay.

Trong khi đoàn du khách Nhật tụ tập lại một chỗ và để ý trông chừng hành lý, anh Enami đi dò tin tức về chuyến xe buýt đi sân bay. Một lúc sau anh trở lại, thất vọng trông thấy:

- Tôi đã nói đến thế rồi mà xe vẫn chưa tới. Người Ấn Độ kiêu đó nên đến là khổ.

- Thế chúng ta có kịp chuyến bay về nước không anh?

- Kịp chứ, còn tới ba tiếng nữa mà.

- Chao ơi, đây thật giống như trong nhà tắm hơi.Ồn ào điếc cả tai.

- Calcutta mà! Dù gì dân người ta có tới cả chín triệu người, lẫn lộn sắc dân các nước, chứ ít đâu! - Anh không quên giải thích theo quy củ của một hướng dẫn viên. Quen mất rồi.

- Cô Naruse, thành thật xin lỗi cô. Đã vất công đến Ấn Độ mà cô chẳng đi viếng được một Phật tích nào.

- Không sao đâu anh. Thay vì đi viếng các Phật tích, tôi đã thăm được dòng sông.

- Khi về nước tôi sẽ nói với công ty bớt cho cô một số phí tổn chuyển đi.

Trong phòng chờ có ti vi còn lộn xộn hơn tất cả những nơi khác. Vì đang có truyền hình trực tiếp lễ tang nữ thủ tướng. Thi hài của bà được phủ bằng hoa và được chở trên một giá sừng đại bác đến bãi hỏa thiêu bên sông Yamuna. Dọc theo các đường đám tang đi qua và những trọng điểm đều có lính canh gác. Đám đông đứng chật hai bên đường, có người vẫy quốc kỳ. Có cả phụ nữ đưa vạt *sari* lên quệt nước mắt.

- Bà ấy đã nỗ lực rất nhiều. - Anh Enami nhìn vào màn hình nhỏ và nói một mình.

Ông Numata hỏi:

- Sao người ta lại giết bà ấy vậy? Có phải do hận thù tôn giáo của tín đồ đạo Sikh?

- Lý do trực tiếp là như vậy, nhưng nói cho cùng là vì những mâu thuẫn trong một đất nước với bảy trăm triệu người khác tôn giáo, khác ngôn ngữ, và cái nghèo đói mà quý vị đã thấy. Và cả chế độ đẳng cấp. Bà đã cố gắng đi đầu hòa nhưng cuối cùng cũng chẳng đi tới đâu cả.

Đám người Nhật gật gù nghe lời nói như tiếng thờ dài của anh Enami nhưng chẳng có ai tập trung nghe. Ngay cả ông Numata là người đặt câu hỏi, cũng đang nhớ tới bầu trời Allahàbàd, gió rì rào, ngàn lá lấp lánh và cả con nhện ông đã thả. Các bà lại thì thầm với nhau xem còn mua được gì ở phi trường nữa không. Ông Kiguchi thì đang gói lại bức tượng Phật nhỏ mãi mới mua được ở Vārānasī.

- Có cái người kia đang phều phọt ông ời! - Một người đàn bà huých tay ông Kiguchi nói.

Có một bà già đang ng ời tựa vào tường, ngược mặt thở dốc, chùi nước bọt màu vàng từ trong miệng ứa ra, nhưng những người Ấn Độ đi ngang qua chỗ bà già chẳng ai tỏ ra hoảng hốt và cứ thế vội vàng đi qua. Người phụ nữ nói cho anh Enami hay:

- Bà ấy sắp chết đến nơi rồi anh ời!

Anh hướng mắt về phía đó, nói:

- Ở Ấn Độ chỗ nào cũng có những người đói rũ như thế. Ở cả Delhi, cả Varanasi bà cũng thấy rồi đấy. Nội ở Calcutta này hằng ngày có cả hàng trăm người chết trên đường.

- Nhưng đây là lần đầu tiên tôi mới thấy cảnh này gần như vậy. Ai đó phải giúp bà ta chứ.

- Giúp đỡ được gì thì quá tốt, - anh Enami nói như giận, - nhưng ở trong nước này không phải chỉ có một người duy nhất bị chết đói như bà già đằng kia đâu!

Anh Enami nói khá lớn; nhóm người Nhật cảm thấy như họ bị trấn áp, bèn quay mặt khỏi chỗ bà già, rồi im lặng nhìn về phía tivi. Di hài của nữ thủ tướng có gắn lá khuynh diệp, mặt phủ một tấm khăn voan hồng, đặt trên giàn thiêu ba tầng chắt bằng gạch. Quân nhạc tấu khúc truy điệu. Con trai bà tiến lại châm lửa vào giàn củi thiêu. Khuôn mặt từng người tham gia lễ tang lần lượt xuất hiện trên màn ảnh: thủ tướng Anh Thatcher, đệ nhất phu nhân Philippines Imelda Marcos, cả khuôn mặt nhìn nghiêng của thủ tướng Nakasone. Lửa bốc cao. Giống như những hình hài liệm trong vải

bố đã biến mất trong ngọn lửa cùng với cuộc đời của mỗi người. Dù vậy, trong cái thế giới của những người sống này, người ta vẫn cứ ghét nhau, đánh nhau. Chiến tranh giữa Iran và Iraq vẫn tiếp tục như trước. Nội chiến bùng nổ ở Lebanon. Ở Brighton, bọn khủng bố gài bom nổ nơi ở của thủ tướng làm ba mươi người chết và bị thương.

- Nóng quá! - Mitsuko lại gần ông Isobe và hỏi. - Ông có cảm thấy mệt không?

- Ồ không, trái lại tôi rất vui vì được đến đất nước này. - Ông Isobe cười ngượng ngùng.

Mitsuko tỏ vẻ thân thiện:

- Ít ra vợ ông cũng đã tái sinh trong cõi lòng ông.

Ông Isobe chớp mắt cú đầi. Lưng ông còng xuống như đang gánh chịu những muộn phi ên bằng cả cơ thể, không, phải nói là bằng cả cuộc đời mình.

- Xe buýt làm quái gì mà chưa tới nhỉ? - Sanjou hỏi anh Enami.

Cô vợ mới cưới ng ẫ trên va li ngáp vật. Sanjou xem ra chẳng bận tâm gì đến cái chuyện anh ta đã gây ra:

- Nóng quá là nóng. Phải chờ cho đến bao giờ vậy kìa!?

- Có sao đâu. Đấy cũng là Ấn Độ mà. - Ông Kiguchi nói góp. - Thì cũng là một kỷ niệm về chuyến đi!

Sanjou bất mãn ra mặt nhưng r ẫ cũng dịu lại, và đưa chiếc máy ảnh đi kiểm cái gì để chụp. Anh ta hướng ống kiếng về phía bà già dựa vào

tường, đang sùi bọt mép vàng khè, và bấm máy mấy lần. Lúc ấy thấy người ta dạt ra hai bên. Có hai người khiêng băng ca và hai nữ tu trẻ, một da trắng và một Ấn Độ, trong áo dòng màu xám, đi lại gần chỗ bà già. Họ nói nhỏ gì đó với bà lão bằng tiếng Hindi rồi lấy khăn ướt lau khuôn mặt hom hem của bà. Anh Enami giải thích:

- Đó là các nữ tu của Mẹ Teresa. Có lẽ quý vị cũng đã biết, họ là những nữ tu đã lập ra “ngôi nhà chờ chết” trong thành phố này. Các dì đi kiểm những người chết rồi như thế rồi đưa đi chăm sóc họ cho tới lúc lâm chung.

Sanjou khinh khỉnh:

- Thế cũng chẳng ý nghĩa gì. Làm thế cũng không bao giờ hết người nghèo đói và cái dân bị gây ở Ấn Độ này được. Chỉ vô ích thôi. Thật nực cười!

Nghे cái tiếng “Nực cười!” Mitsuko đâm nhớ tới cuộc đời đáng thương của Ootsu. Như anh chàng Sanjou vừa nói đó, chuyện Ootsu đưa thân đi cống các lão ông, lão bà đến các nhà trọ miễn phí, hoặc đến bãi hỏa táng thì cũng chẳng ích lợi là bao. Thế mà các nữ tu này cũng như Ootsu vẫn...

Mitsuko thưa chuyện với nữ tu da trắng:

- Tôi là người Nhật Bản. Xin cho tôi được phép hỏi hai chị, thế vì có gì mà các chị lại làm cái công việc này vậy?

- O! - Người nữ tu mở to đôi mắt xanh kinh ngạc nhìn Mitsuko.

- Vì có gì mà các chị lại làm cái công việc này vậy?

Vẻ ngạc nhiên vẫn còn trong mắt, dì chậm rãi trả lời:

- Chúng tôi... chỉ có đi đâu đó là có thể tin tưởng được trong cuộc đời này.

Mitsuko không nghe rõ dì đã nói “chỉ có đi đâu đó hay “chỉ có người đó”. Nếu “chỉ có người đó” thì người nữ tu đang muốn nói về Cử Hành của Ootsu. Cử Hành chết đã từ lâu nhưng cũng đã tái sinh trong lòng người thế. Sau gần cả hai ngàn năm, Cử Hành ấy lại sinh ra trong các nữ tu hôm nay và trong Ootsu. Rồi như Ootsu đã được người ta đưa vào nhà thương, các nữ tu cũng biến mất trong dòng sông nhân gian.

- Này anh Enami. - Mitsuko hồi hải đi lại bên người hướng dẫn viên và hỏi. - Anh có thể liên lạc với các bác sĩ ở bệnh viện đại học ở Vārānasi giúp tôi được không?

Anh Enami giật mình:

- O, có chuyện gì vậy?

- Tại tôi có anh bạn hôm qua bị thương đưa vào bệnh viện. Cái anh người Nhật hôm nọ anh gặp ở bãi hỏa táng đó... Tôi muốn biết bây giờ anh ấy ra sao rồi.

- Tưởng chuyện gì hóa ra chuyện đó. Tôi sẽ liên lạc ngay với bệnh viện. Xe buýt có đến, bảo chờ tôi một lát.

Anh Enami, với vẻ tận tình, đi qua đám người lộn xộn, đông đúc, đến chỗ có điện thoại công cộng. Thấy miệng anh máy động ba bốn phút gì đó, rồi đặt ống nghe xuống, trở lại chỗ người đang mệt mỏi chờ xe buýt, anh nghiêm trang nhìn Mitsuko.

- Người Nhật bị thương đó là bạn của cô à?... - Anh nuốt nước bọt nói. - Họ nói anh ta nguy kịch, cách đây một giờ tình trạng bỗng biến chứng rất nguy ngập.

^[1] *Fumie* hay đập họa: vào thế kỷ 17, 18, chính quyền Nhật đương thời vốn bài Kitô giáo, để phát hiện ra các tín đồ Kitô trong dân, đã bắt những người Nhật bị nghi ngờ theo đạo giẫm lên bức ảnh Giêsu hoặc Đức Mẹ khắc trên đá hoặc gỗ. Những người bị tìm ra sau đó sẽ bị bắt ép cải đạo hoặc xử chết. (BT)

^[2] Lược trích từ Cựu ước, sách Isalad 53:2-4. Theo bản dịch Việt ngữ của linh mục Nguyễn Thế Thuấn. (BT)

^[3] Một loại nghệ thuật cổ xưa của Nhật Bản, tạo một cảnh quan thu nhỏ sắp đặt bằng đá và cát tự nhiên trên khay sơn mài màu đen. (BT)

MỤC LỤC

Bên Dòng Sông Hằng

CHƯƠNG MỘT Trường hợp ông Isobe

CHƯƠNG HAI Buổi họp mặt thông báo

CHƯƠNG BA Trường hợp Mitsuko

CHƯƠNG BỐN Trường hợp ông Numata

CHƯƠNG NĂM Trường hợp ông Kiguchi

CHƯƠNG SÁU Thành phố bên sông

CHƯƠNG BẢY Nữ thần

CHƯƠNG TÁM Tìm điếu đã mất

CHƯƠNG CHÍN Dòng sông

CHƯƠNG MƯỜI Trường hợp Ootsu

CHƯƠNG MƯỜI MỘT Chính các bệnh tật của chúng tôi Ngài đã mang

CHƯƠNG MƯỜI HAI Tái sinh

CHƯƠNG MƯỜI BA Ngài không duyên dáng, không oai vệ